

## **CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ**

Số: 001/2025/752/VVFC-BAN3 ngày 10 tháng 09 năm 2025

Khách hàng đề nghị: **Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội**

Tài sản thẩm định: **Giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội**

**HÀ NỘI – 2025**



## **CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ tư vấn thẩm định giá số 72501/2025/HĐ-VVFC/BAN3 ký ngày 25/07/2025 giữa Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội và Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC;

Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC (sau đây gọi tắt là VVFC) cung cấp Chứng thư thẩm định giá với các nội dung sau đây:

### **1. Khách hàng thẩm định giá:**

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội
- Địa chỉ: Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội
- Điện thoại: 024 3553 6660      Fax: 024 3553 6671
- Mã Số Thuế: 0100774247
- Người đại diện: Ông Nguyễn Chí Hoà
- Chức vụ: Giám đốc

### **2. Thông tin về doanh nghiệp thẩm định giá:**

- Tên doanh nghiệp: Công ty CP Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC
- Địa chỉ: Số 03 đường Thụy Khuê, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243 7282 909 (Số máy lẻ 301)

### **3. Thông tin về tài sản thẩm định giá:**

- Tên tài sản thẩm định giá: Giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội
- Địa điểm của tài sản thẩm định giá: Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội.



### 3.1. Đặc điểm pháp lý của doanh nghiệp cần thẩm định giá

-	Tên doanh nghiệp	:	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội
-	Tên viết tắt	:	VIH
-	Trụ sở chính	:	Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội
-	Điện thoại	:	024 3553 6660 Fax: 024 3553 6671
-	Vốn điều lệ (VĐL)	:	56.000.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ đồng)
-	Vốn góp chủ sở hữu ngày 30/06/2025	:	56.000.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ đồng)
-	Tổng số cổ phần theo VĐL	:	5.600.000 cổ phần
-	Tổng số cổ phần đang lưu hành	:	5.600.000 cổ phần
-	Mệnh giá	:	10.000 đồng
-	Mã cổ phiếu	:	VIH
-	Sàn giao dịch	:	UPCOM

(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: Mã số doanh nghiệp: 0100774247, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và BCTC tại thời điểm 30/06/2025)

### 3.2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của doanh nghiệp cần thẩm định giá:

#### \* Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội tiền thân là Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội.

Tháng 2 năm 1994, Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội khởi công xây dựng lắp đặt thiết bị để sản xuất gạch ốp lát tráng men cao cấp với số vốn đầu tư trên 60 tỷ đồng, công suất 1.000.000 m<sup>2</sup>/năm tại xã Mỹ Trì - Huyện Từ Liêm – Hà Nội.

Lần đầu tiên tại Việt Nam, Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội đã nhập khẩu chuyên giao công nghệ và thiết bị tiên tiến của ITALIA để sản xuất gạch ceramic cao cấp.

Ngày 19/5/1998, Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội được đổi tên thành Công ty gạch ốp lát Hà Nội.

Tháng 9 năm 2002, Công ty tiếp nhận Nhà máy Gạch Hải Dương theo quyết định số 3790/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Đến thời điểm này, Công ty gạch ốp lát Hà Nội có hai Nhà máy: Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội, Nhà máy gạch ốp lát Hải Dương và đầu tư nâng công suất lên 5.500.000 m<sup>2</sup>/năm.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về quy hoạch Đô thị, tháng 2 năm 2006 Công ty di chuyển Nhà máy gạch ốp lát Hà Nội đến khu Công nghiệp Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh.



Ngày 18/4/2008, Bộ xây dựng có quyết định số 558/QĐ-BXD đổi tên Công ty gạch ốp lát Viglacera Hà Nội thành Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội; kể từ ngày 02/5/2008 Công ty gạch ốp lát Viglacera Hà Nội chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội với mức vốn điều lệ 28 tỷ đồng. Năm 2017, nhằm đáp ứng nhu cầu về chất lượng, số lượng ngày càng tăng của thị trường, Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội đã đầu tư thêm Dây chuyền sản xuất gạch bán sử công suất 2,5 triệu m<sup>2</sup>/năm tại Nhà máy Viglacera Yên Phong. Việc đầu tư đã góp phần nâng tổng sản lượng sản xuất của Công ty lên 10 triệu m<sup>2</sup>/năm, đa dạng hơn các mẫu mã chủng loại sản phẩm tăng năng lực cạnh tranh và khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

Tháng 10 năm 2018, nhằm huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ của Công ty từ 28 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng. Trải qua 31 năm sản xuất kinh doanh, Công ty đã từng bước phát triển vững chắc, sản phẩm của công ty đã được khách hàng trong nước và nhiều nước trên thế giới tín nhiệm, ưa chuộng.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: Mã số doanh nghiệp: 0100774247, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 15 Toà nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, Phường Đại Mỗ, TP Hà Nội, với số vốn điều lệ: 56.000.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ đồng).

**\* Ngành nghề kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: Mã số doanh nghiệp: 0100774247, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 05 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và Điều lệ hoạt động thì ngành nghề kinh doanh của VIH gồm:

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm gạch ốp lát cremic và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Hoàn thiện và trang trí các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, thiết kế, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu xây dựng;
- Đầu tư liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, chứng khoán và bất động sản;



- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật;

**\* Lĩnh vực kinh doanh:**

Sản xuất gạch ốp lát ceramic và các loại vật liệu xây dựng khác

**\* Hoạt động kinh doanh chính:**

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác

**\* Cấu trúc doanh nghiệp:**

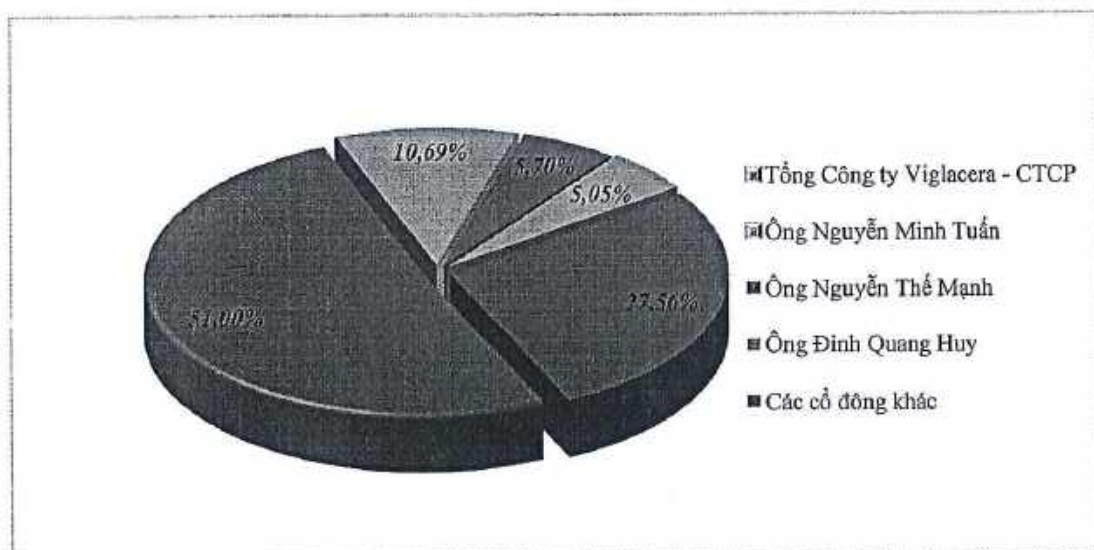
Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội – Nhà máy Viglacera Hải Dương	Số 108, đường Nguyễn Thị Duệ, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	Sản xuất gạch ốp lát ceramic và các vật liệu xây dựng khác
2	Nhà máy Viglacera Yên Phong	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất gạch ốp lát ceramic và các vật liệu xây dựng khác

**\* Cơ cấu cổ đông góp vốn (theo vốn thực góp đến ngày 30/06/2025):**

Cổ đông	Số CP	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	2.856.000	28.560.000.000	51,00%
Ông Nguyễn Minh Tuấn	598.600	5.986.000.000	10,69%
Ông Nguyễn Thế Mạnh	319.268	3.192.680.000	5,70%
Ông Đinh Quang Huy	282.968	2.829.680.000	5,05%
Các cổ đông khác	1.543.164	15.431.640.000	27,56%
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.600.000</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>100%</b>

***Biểu đồ tỷ lệ % cổ phần sở hữu***



(Nguồn: Sổ cổ đông và BCTC tại thời điểm 30/06/2025 do VIH cung cấp)

**\* Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**NĂM 2021, NĂM 2022, NĂM 2023, NĂM 2024 VÀ THỜI ĐIỂM 30/06/2025**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025
<b>TÀI SẢN</b>					
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>200.860.497.276</b>	<b>230.745.351.350</b>	<b>189.551.774.226</b>	<b>174.587.875.519</b>	<b>181.310.913.895</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>36.144.511.880</b>	<b>10.669.202.368</b>	<b>16.196.903.542</b>	<b>13.427.821.556</b>	<b>2.703.188.129</b>
Tiền	26.144.511.880	10.669.202.368	15.596.903.542	12.827.821.556	2.103.188.129
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>2.547.630.137</b>	<b>2.643.290.407</b>	<b>4.282.125.587</b>	<b>4.369.010.755</b>	<b>4.409.066.861</b>
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh (*)	-	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.547.630.137	2.643.290.407	4.282.125.587	4.369.010.755	4.409.066.861
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>18.575.619.132</b>	<b>54.314.293.751</b>	<b>19.002.176.540</b>	<b>20.288.524.076</b>	<b>25.026.983.822</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	33.414.348.038	40.629.465.472	37.895.565.526	39.089.549.271	47.406.741.467
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.716.019.699	16.669.866.847	6.204.225.972	9.530.436.224	6.274.259.576
Phải thu ngắn hạn khác	13.103.188.796	34.224.791.225	11.541.777.654	8.222.180.193	7.836.624.391
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(37.657.937.401)	(37.209.829.793)	(36.639.392.612)	(36.553.641.612)	(36.490.641.612)
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	-	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>136.469.888.533</b>	<b>156.115.204.309</b>	<b>140.999.832.807</b>	<b>126.960.655.739</b>	<b>140.339.381.583</b>
Hàng tồn kho	142.149.663.867	161.129.623.910	144.077.875.799	132.335.493.015	145.699.948.613
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(5.679.775.334)	(5.014.419.601)	(3.078.042.992)	(5.374.837.276)	(5.360.567.030)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>7.122.847.594</b>	<b>7.003.360.515</b>	<b>9.070.735.750</b>	<b>9.541.863.393</b>	<b>8.832.293.500</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	200.840.475
Thuế GTGT được khấu trừ	6.941.334.177	6.873.168.930	8.970.656.637	9.464.266.218	8.502.999.273
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	181.513.417	130.191.585	100.079.113	77.597.175	128.453.752
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>198.345.024.284</b>	<b>181.124.051.293</b>	<b>198.640.191.238</b>	<b>175.890.221.264</b>	<b>165.453.718.813</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>2.685.000.000</b>	<b>3.636.110.000</b>	<b>3.387.110.000</b>	<b>3.257.288.800</b>	<b>3.494.404.761</b>
Phải thu dài hạn khác	2.685.000.000	3.636.110.000	3.387.110.000	3.257.288.800	3.494.404.761
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>182.061.743.752</b>	<b>165.001.650.513</b>	<b>174.486.496.906</b>	<b>160.999.380.295</b>	<b>150.491.210.245</b>
Tài sản cố định hữu hình	75.484.810.215	64.107.764.063	60.200.070.808	61.614.423.160	54.725.543.052
Nguyên giá	380.955.203.549	383.048.635.799	395.253.566.857	415.670.140.758	414.883.375.321
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(305.470.393.334)	(318.940.871.736)	(335.053.496.049)	(354.055.717.598)	(360.157.832.269)
Tài sản cố định thuê tài chính	106.576.933.537	100.893.886.450	114.286.426.098	99.384.957.135	95.765.667.193
Nguyên giá	114.965.154.036	116.855.937.673	135.234.261.403	126.362.397.398	122.033.623.165
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(8.388.220.499)	(15.962.051.223)	(20.947.835.305)	(26.977.440.263)	(26.267.955.972)
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-
Nguyên giá	167.800.000	167.800.000	167.800.000	167.800.000	167.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(167.800.000)	(167.800.000)	(167.800.000)	(167.800.000)	(167.800.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>684.150.494</b>	-	<b>8.623.721.771</b>	-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	684.150.494	-	8.623.721.771	-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9.279.378.210</b>	<b>9.182.435.485</b>	<b>9.185.090.008</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	(720.621.790)	(817.564.515)	(814.909.992)	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.634.751.828</b>	<b>3.303.855.295</b>	<b>2.957.772.553</b>	<b>2.633.552.169</b>	<b>2.468.103.807</b>
Chi phí trả trước dài hạn	3.634.751.828	3.303.855.295	2.957.772.553	2.633.552.169	2.468.103.807
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>399.205.521.560</b>	<b>411.869.402.643</b>	<b>388.191.965.464</b>	<b>350.478.096.783</b>	<b>346.764.632.708</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 – 2024 và BCTC tại thời điểm 30/06/2025 của VIH cung cấp)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**NĂM 2021, NĂM 2022, NĂM 2023, NĂM 2024 VÀ THỜI ĐIỂM 30/06/2025**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025
<b>NGUỒN VỐN</b>					
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>319.273.244.100</b>	<b>331.626.544.018</b>	<b>312.500.133.729</b>	<b>271.288.263.343</b>	<b>268.985.219.228</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>244.644.999.485</b>	<b>264.407.596.552</b>	<b>260.366.161.115</b>	<b>245.052.082.735</b>	<b>246.550.325.685</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	46.161.292.332	46.209.402.922	39.486.930.766	41.714.221.305	40.642.693.010
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.692.389.635	4.507.499	4.507.499	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.540.916.977	3.279.816.742	4.374.423.148	2.484.585.025	1.252.291.169
Phải trả người lao động	9.407.940.074	11.026.918.421	9.085.108.223	12.272.361.688	9.306.103.686
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.180.425.295	1.799.421.727	1.474.396.012	2.815.119.864	2.534.466.531
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.493.955.985	2.934.918.380	2.364.468.475	2.662.014.430	3.185.689.716
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	176.776.015.177	197.419.051.899	203.041.686.907	182.585.700.338	188.645.381.403
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.392.064.010	1.733.558.962	534.640.085	518.080.085	983.700.170
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>74.628.244.615</b>	<b>67.218.947.466</b>	<b>52.133.972.614</b>	<b>26.236.180.608</b>	<b>22.434.893.543</b>
Phải trả dài hạn khác	842.305.500	842.305.500	842.305.500	842.305.500	842.305.500
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	73.785.939.115	66.376.641.966	51.291.667.114	25.393.875.108	21.592.588.043
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>79.932.277.460</b>	<b>80.242.858.625</b>	<b>75.691.831.735</b>	<b>79.189.833.440</b>	<b>77.779.413.480</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>79.932.277.460</b>	<b>80.242.858.625</b>	<b>75.691.831.735</b>	<b>79.189.833.440</b>	<b>77.779.413.480</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	(154.727.273)	(154.727.273)	(154.727.273)	(154.727.273)	(154.727.273)
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	9.827.080.592	10.188.479.805	10.188.479.805	10.224.234.038	11.040.282.325
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.259.924.141	14.209.106.093	9.658.079.203	13.120.326.675	10.893.858.428
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>399.205.521.560</b>	<b>411.869.402.643</b>	<b>388.191.965.464</b>	<b>350.478.096.783</b>	<b>346.764.632.708</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**NĂM 2021, NĂM 2022, NĂM 2023, NĂM 2024 VÀ LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NGÀY 30/06/2025**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến 30/06/2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	535.381.583.510	614.926.132.148	564.348.601.162	566.690.983.513	253.680.381.363
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.400.052.819	2.927.556.358	2.999.573.103	5.219.976.294	2.540.875.749
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	528.981.530.691	611.998.575.790	561.349.028.059	561.471.007.219	251.139.505.614
Giá vốn hàng bán	476.649.569.913	565.272.802.687	519.406.653.560	515.803.425.983	231.765.320.319
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.331.960.778	46.725.773.103	41.942.374.499	45.667.581.236	19.374.185.295
Doanh thu hoạt động tài chính	232.473.256	436.301.806	3.831.784.709	189.696.618	91.034.932
Chi phí tài chính	18.904.741.287	18.573.393.769	24.554.626.946	14.847.929.612	6.942.875.253
- Trong đó: Chi phí lãi vay	17.944.019.618	17.913.944.688	24.193.223.000	13.839.693.913	6.771.469.298
Chi phí bán hàng	5.079.202.763	2.916.127.665	6.352.745.452	6.245.460.924	3.244.557.420
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.773.525.945	14.656.672.668	13.053.371.935	13.451.386.559	5.689.580.132
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.806.964.039	11.015.880.807	1.813.414.875	11.312.500.759	3.588.207.422
Thu nhập khác	598.769.620	146.509.551	2.523.604.170	2.054.068.666	540.974.766
Chi phí khác	7.868.016.435	1.089.288.474	494.771.683	5.674.633.941	195.576.960
Lợi nhuận khác	(7.269.246.815)	(942.778.923)	2.028.832.487	(3.620.565.275)	345.397.806
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.537.717.224	10.073.101.884	3.842.247.362	7.691.935.484	3.933.605.228
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.085.718.053	3.671.920.761	1.992.093.129	2.379.533.779	847.671.770
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.451.999.171	6.401.181.123	1.850.154.233	5.312.401.705	3.085.933.458

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 - 2024 và BCTC tại thời điểm 30/06/2025 của VIH cung cấp)



**Một số chỉ tiêu tài chính theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 - 2024 và BCTC tại thời điểm 30/06/2025:**

**CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP  
NĂM 2021, NĂM 2022, NĂM 2023, NĂM 2024 VÀ THỜI ĐIỂM 30/06/2025**

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	30/06/2025	Đơn vị
<b>1. Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán</b>						
<b>Chỉ tiêu về công nợ</b>						
Hệ số các khoản phải thu	5,33%	14,07%	5,77%	6,72%	8,22%	%
Hệ số các khoản phải trả	79,98%	80,52%	80,50%	77,41%	77,57%	%
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>						
Hệ số thanh toán tổng quát	1,25	1,24	1,24	1,29	1,29	lần
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,82	0,87	0,73	0,71	0,74	lần
Hệ số thanh toán nhanh	0,15	0,04	0,06	0,05	0,01	lần
<b>2. Phân tích kết quả kinh doanh</b>						
Vòng quay tổng tài sản	1,33	1,49	1,45	1,60	0,72	vòng
Vòng quay tài sản cố định	2,91	3,71	3,22	3,49	1,67	vòng
<b>Chỉ tiêu về chi phí</b>						
Hệ số chi phí hoạt động	0,98	0,98	0,99	0,99	0,98	lần
Hệ số GVHB/Doanh thu thuần	90,11%	92,37%	92,53%	91,87%	92,29%	%
Hệ số chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,96%	0,48%	1,13%	1,11%	1,29%	%
Hệ số chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,41%	2,39%	2,33%	2,40%	2,27%	%
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>						
Hệ số LNST / Doanh thu thuần	1,22%	1,05%	0,33%	0,95%	1,23%	%
Hệ số ROA = LNST / Tổng tài sản BQ	1,60%	1,58%	0,46%	1,39%		%
Hệ số ROE = LNST / Vốn chủ sở hữu BQ	8,04%	7,99%	2,37%	6,66%		%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 - 2024 và BCTC tại thời điểm 30/06/2025 của VIH cung cấp)

**\* Tình hình quản lý, sử dụng đất đai:**

Theo các hồ sơ đất đai được cung cấp, tại thời điểm ngày 30/06/2025, Công ty đang quản lý và sử dụng 103.050,40m<sup>2</sup> đất thuê tại tỉnh Hải Dương, và tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể như sau:

- Lô đất Nhà máy Viglacera Yên Phong tại Khu công nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, Yên Phong, Bắc Ninh, sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh; diện tích 43.460,0m<sup>2</sup>; Thuê đất trả tiền hàng năm (thuê hạ tầng khu công nghiệp trả tiền một lần đến ngày 25/05/2032).

- Lô đất Nhà máy Nhà máy Viglacera Hải Dương tại số 108 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh; diện tích 59.590,4 m<sup>2</sup>; Thuê đất trả tiền hàng năm đến ngày 17/10/2033.

Vận dụng theo quy định tại tiết d, khoản 15, Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, khi xác định giá cổ phần phải tính đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền



sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm).

Như vậy, vận dụng theo quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ, VVFC tính giá trị quyền sử dụng đất, quyền thuê đất trả tiền hàng năm vào giá trị doanh nghiệp của Công ty CP Viglacera Hà Nội tại thời điểm thẩm định giá.

**3.3. Hình ảnh tài sản:** Chi tiết như Phụ lục kèm theo.

**4. Thời điểm thẩm định giá:**

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**5. Mục đích thẩm định giá:**

Để Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội làm cơ sở cho việc xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu giữa Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội với Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn.

**6. Cơ sở giá trị thẩm định giá:**

- Cơ sở giá trị hợp lý
- Cơ sở giá trị thị trường

**7. Giả thiết và giả thiết đặc biệt:** Chi tiết tại Báo cáo thẩm định giá

**8. Cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá:**

- Cách tiếp cận từ chi phí, phương pháp tài sản
- Cách tiếp cận từ thị trường, Phương pháp tỷ số bình quân và phương pháp giá giao dịch
- Cách tiếp cận từ thị trường, Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức.

**9. Giá trị tài sản thẩm định giá:**

Trên cơ sở mục đích thẩm định giá, đặc điểm tài sản thẩm định giá, cơ sở giá trị thẩm định giá, hoạt động thực tế và hồ sơ tài liệu do Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội cung cấp; độ tin cậy cũng như mức độ sẵn có của các dữ liệu các thông tin thu thập được; với các cách tiếp cận và phương pháp thẩm định giá được áp dụng trong thực hiện, dựa trên những tính toán, phân tích ưu điểm, hạn chế của từng phương pháp thẩm định giá, chi tiết như bảng sau:

STT	Phương pháp thẩm định giá	Giá cổ phần (đồng/CP)
1	Phương pháp tài sản	75.532
2	Phương pháp tỷ số bình quân	28.670
3	Phương pháp giá giao dịch	15.100
4	Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức	38.392



- Với cách tiếp cận từ chi phí, kết quả tư vấn thẩm định giá theo **phương pháp tài sản**, kết quả theo phương pháp này mới chỉ đánh giá giá trị doanh nghiệp trong trạng thái tĩnh tại thời điểm thẩm định giá, chưa đánh giá đầy đủ doanh nghiệp trong trạng thái động, kết quả kinh doanh và khả năng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. Nhưng đã đánh giá lại giá trị thực tế của toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định giá, bao gồm cả tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tài sản tài chính, tài sản hoạt động và tài sản phi hoạt động theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam và theo quy định của pháp luật quy định tại Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển DNNN và Công ty TNHH MTV do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ thành CTCP; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Do đó, tư vấn lựa chọn phương pháp này là phương pháp thẩm định giá chính.

- Với cách tiếp cận từ thị trường, kết quả tư vấn thẩm định giá theo **phương pháp tỷ số bình quân (P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/EBIT, EV/S)** phần nào đã phản ánh được giá thị trường ở điều kiện bình thường trong mối tương quan với giá thị trường các cổ phiếu tương đồng tại thời điểm thẩm định giá tuy nhiên chưa phản ánh hết được giá trị thực tế toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và chưa phản ánh được khả năng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. Thêm vào đó, phương pháp này còn có những hạn chế nhất định về thông tin so sánh tính tương đồng về quy mô, về khả năng tăng trưởng và hiệu quả hoạt động... giữa VIH và các doanh nghiệp có cùng ngành nghề đã niêm yết trên sàn chứng khoán nên bị hạn chế về tính chính xác. Do đó, tư vấn lựa chọn phương pháp này để kiểm tra, đối chiếu.

- Với cách tiếp cận từ thị trường, kết quả tư vấn thẩm định giá theo **phương pháp giá giao dịch** phần nào đã phản ánh được giá trên thị trường cổ phiếu VIH tại thời điểm thẩm định giá nhưng cũng chưa phản ánh hết được khả năng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. Mặt khác, giá giao dịch trên thị trường được thống kê tại thời điểm thẩm định giá nên kết quả của phương pháp này chưa phản ánh chính xác giá trị thị trường của toàn bộ số cổ phần đang lưu hành của VIH. Do đó, tư vấn lựa chọn phương pháp này để kiểm tra, đối chiếu.

- Với cách tiếp cận từ thu nhập, kết quả tư vấn thẩm định giá theo **phương pháp chiết khấu dòng cổ tức** đã phản ánh được tiềm năng phát triển của VIH trong tương lai, phù hợp với sự quan tâm của các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư lớn, muốn gắn bó lâu dài, cùng đồng hành với sự phát triển của VIH. Tuy nhiên, phương



pháp chiết khấu dòng cổ tức chủ yếu dựa vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế các năm 2020-2024, kế hoạch 05 năm 2025-2029 do VIH xây dựng, xu hướng, triển vọng thị trường, các thông tin liên quan khác để dự báo các tham số tính toán nên kết quả theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức của doanh nghiệp còn có những hạn chế về tính chính xác và những rủi ro nhất định. Do đó, tư vấn lựa chọn phương pháp này để kiểm tra, đối chiếu.

Căn cứ các quy định hiện hành, tình hình thị trường tại thời điểm thẩm định giá; Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn thẩm định giá số 72501/2025/HĐ-VVFC/BAN3 ký ngày 25/7/2025 giữa Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội và Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC, với kết quả xác định giá cổ phần của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội theo từng phương pháp thẩm định giá đã trình bày ở trên, dựa trên những tính toán, phân tích ưu điểm, hạn chế của từng phương pháp thẩm định giá, nhằm xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu giữa Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội với Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn, tư vấn đề xuất mức giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội là theo kết quả tư vấn thẩm định giá *theo phương pháp tài sản*:

- Giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội tại thời điểm ngày 30/06/2025 làm tròn là: **75.532 đồng/cổ phần**.

***Bằng chữ: Bảy mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi hai đồng/cổ phần./***

- Giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội tại thời điểm ngày 30/06/2025 là: **422.979.200.000 đồng**.

***Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng./***

*(Giá trên được tính dựa trên mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, chưa bao gồm thuế và phí theo quy định hiện hành).*

#### **10. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư thẩm định giá:**

Kết quả tư vấn thẩm định giá có hiệu lực trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày phát hành Chứng thư Thẩm định giá.

#### **11. Những điều khoản loại trừ, lưu ý và hạn chế:**

Chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Chúng thư thẩm định giá được phát hành 05 bản chính bằng tiếng Việt tại Công ty CP Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC. Công ty CP Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC giữ 02 bản, khách hàng thẩm định giá giữ 03 bản - có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN**  
**TM. NHÓM THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ**



**Mai Thị Ngọc**  
(Thẻ TĐV số: XIV19.2233)

**TM. NHÓM CHUYÊN VIÊN VIÊN THẨM**  
**ĐỊNH GIÁ**



**Nguyễn Thị Xuân Thu**

Nơi nhận:

- Như trên (3b)
- Lưu: + VT
- + CV: Nguyễn Thị Xuân Thu

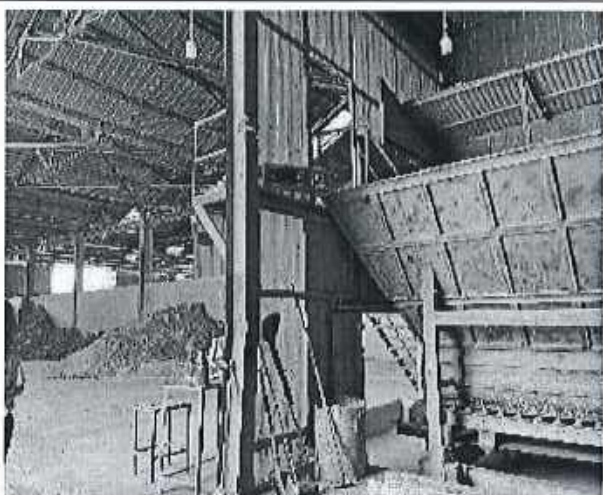
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



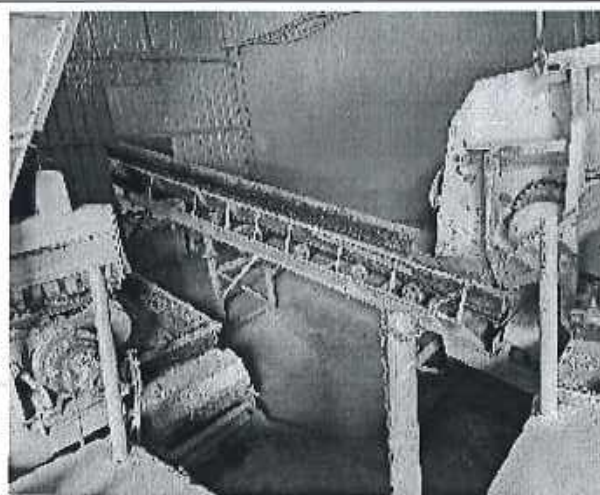
**Trần Quang Khánh**  
(Thẻ TĐV số: V.09245)



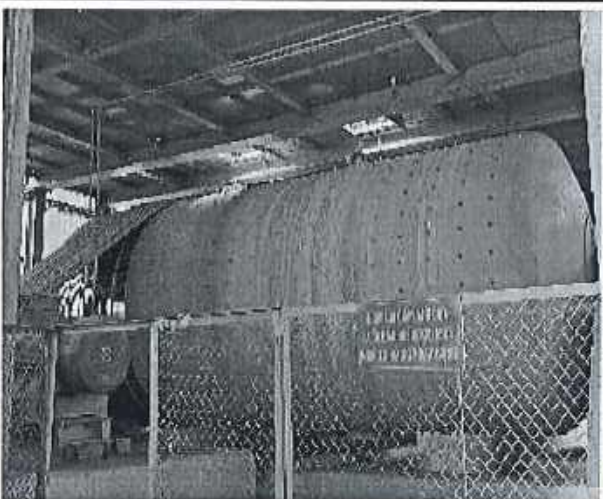
## PHỤ LỤC HÌNH ẢNH TSCĐ- CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Cấp liệu thùng



Hệ thống băng tải cấp liệu DCI



Máy nghiền bi gián đoạn 60 tấn và lớp lót cao su



Máy khuấy cho bể khuấy 200m<sup>3</sup>

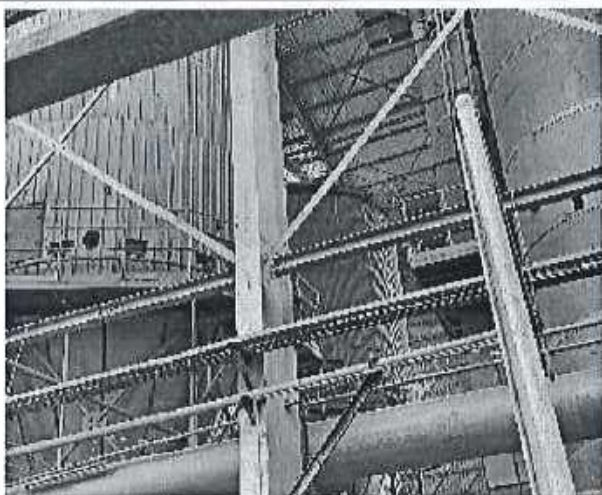


Máy khuấy cho bể khuấy 200m<sup>3</sup>

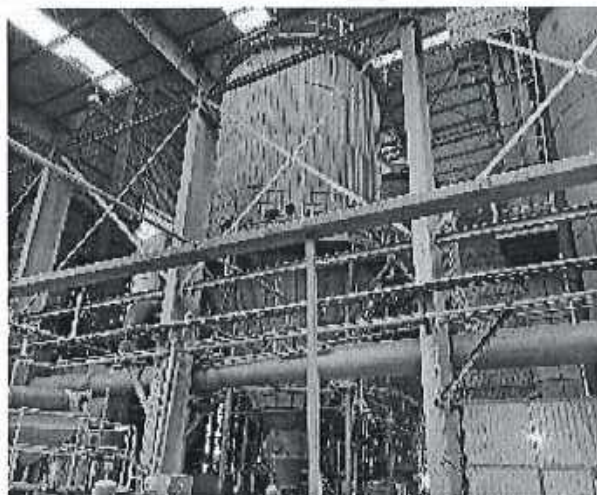


Máy sấy phun 2500l/h DCI





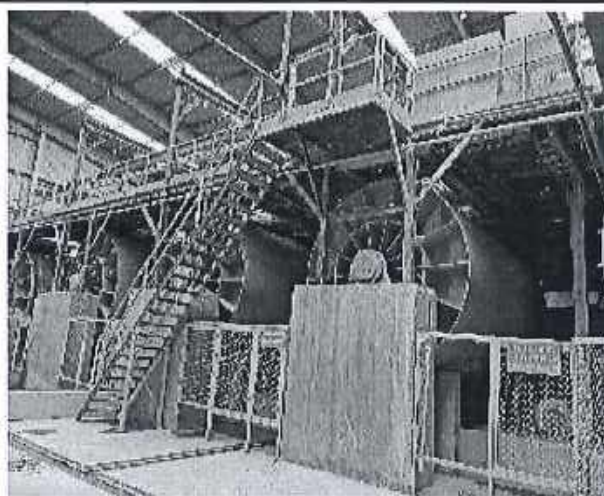
Máy sấy phun SD3600



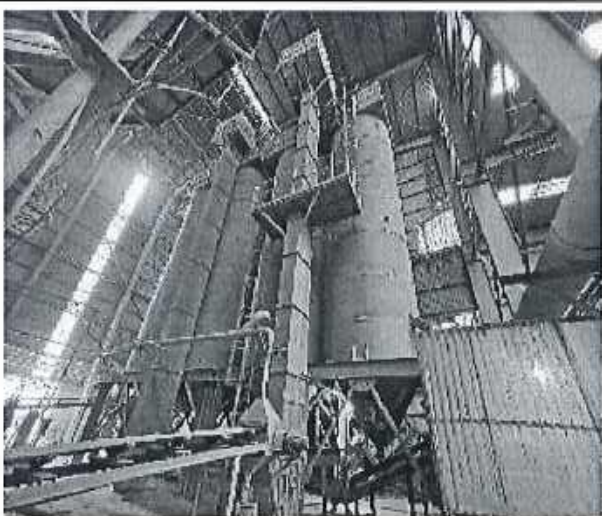
Máy nghiền xương WKo 32.5001



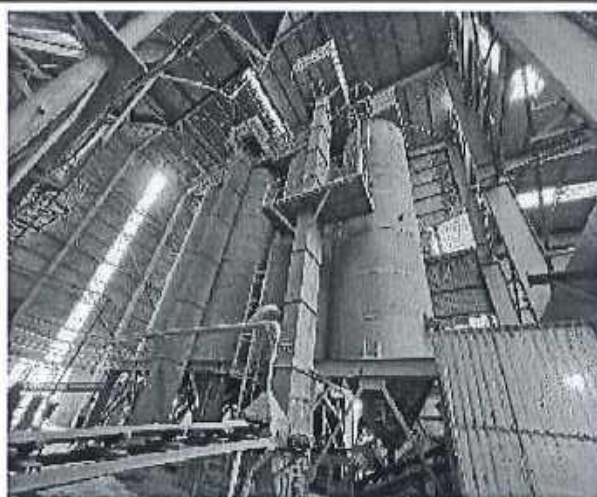
Máy nghiền xương NAST 38.000 lít



Máy nghiền bi 38.000 lít (MOZAIC) 31.12.2010



Silos chứa bột + hệ thống phụ trợ + kết cấu thép



Silos chứa bột + hệ thống phụ trợ + kết cấu thép

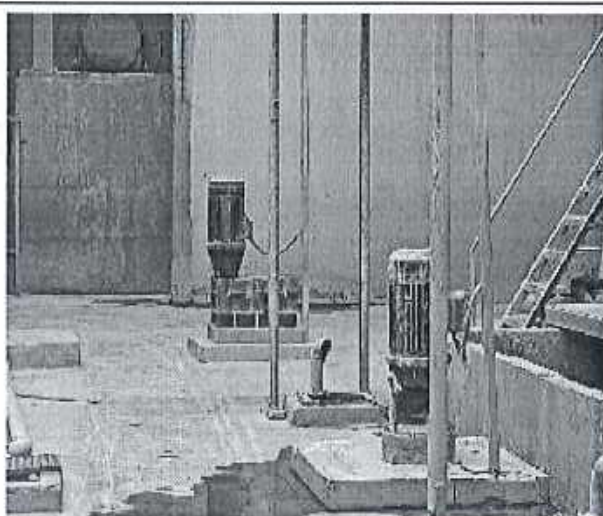




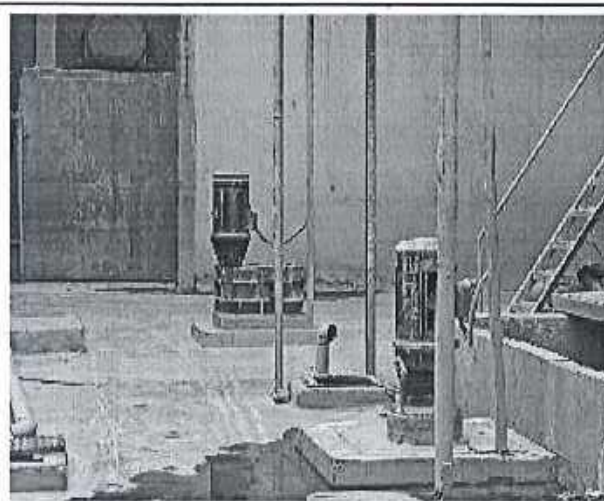
Máy khuấy hồ (Hồ xương:55m<sup>3</sup>; Hồ thu hồi:55m<sup>3</sup>)



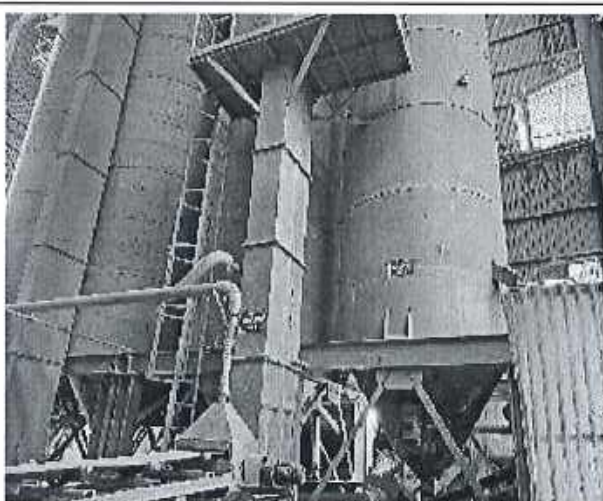
Máy khuấy hồ (Hồ xương:55m<sup>3</sup>; Hồ thu hồi:55m<sup>3</sup>)



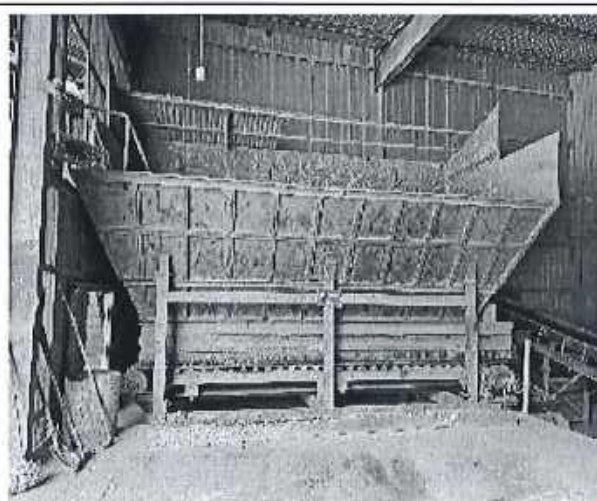
Máy khuấy hồ SS12



Máy khuấy hồ (Thu hồi 55m<sup>3</sup>)

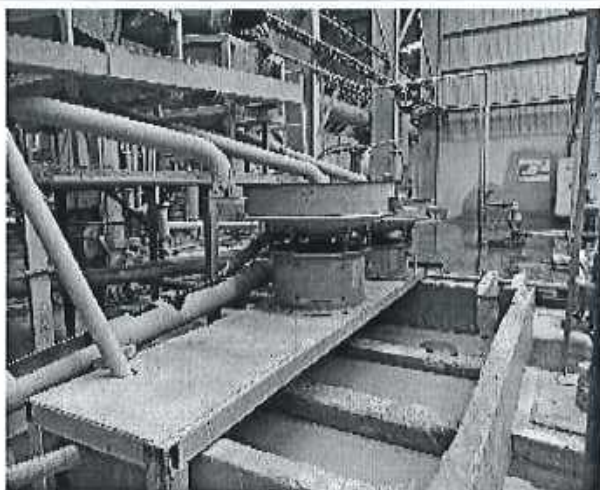


Silos chứa bột + hệ thống phụ trợ + kết cấu thép

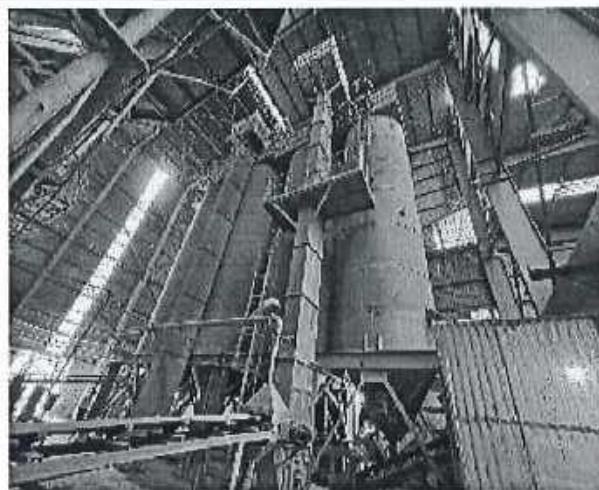


Cân định lượng và hệ thống điều khiển

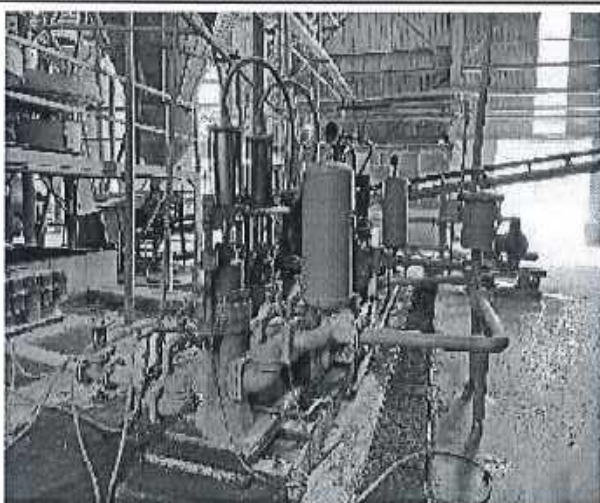




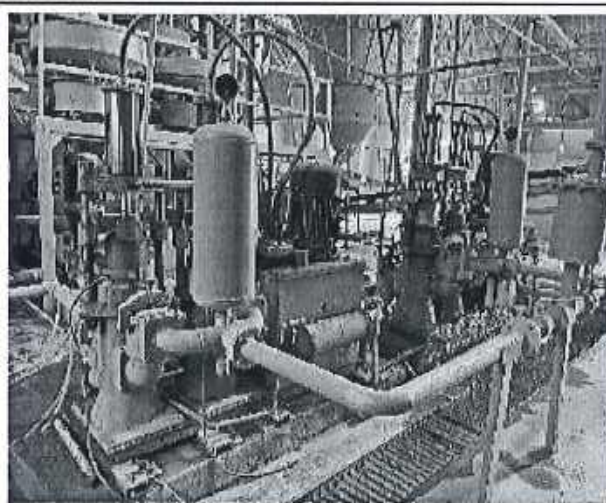
Sàng rung P900



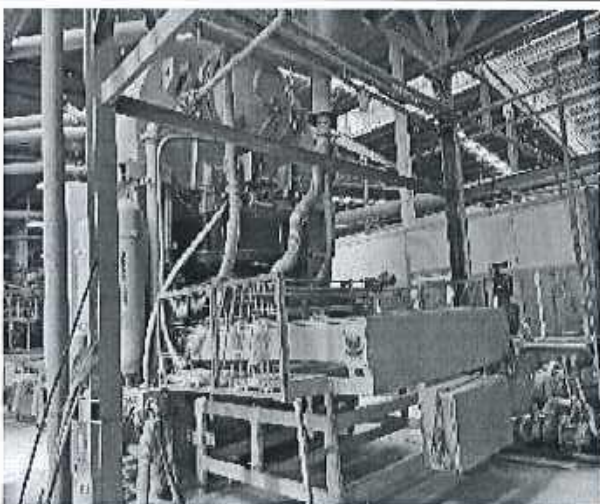
Hệ thống băng tải + gầu nâng cấp bột



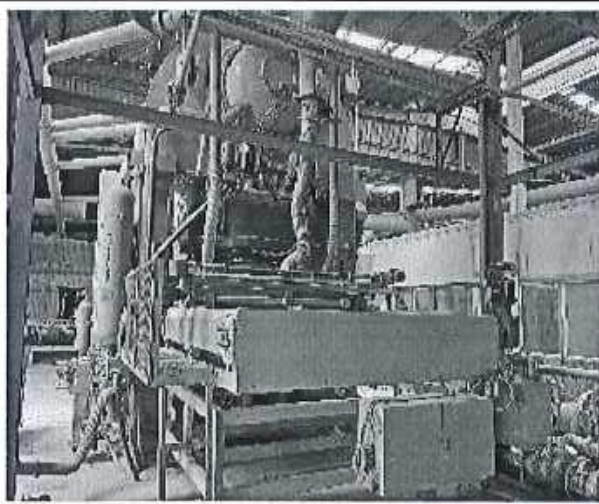
Bơm piston gôm PP9



Bơm piston gôm PP9



Máy ép VIS1500

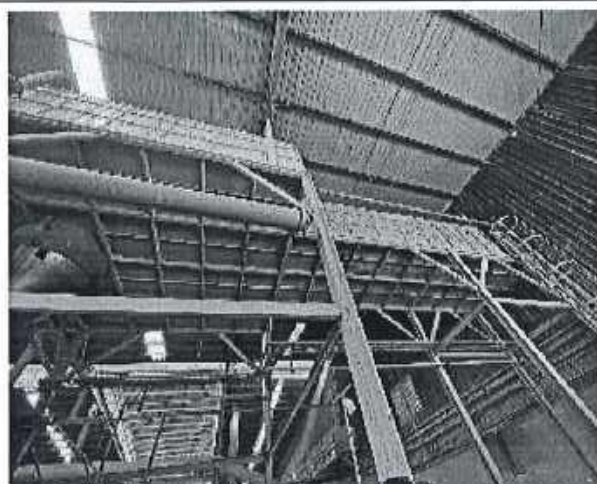


Máy ép VIS1500

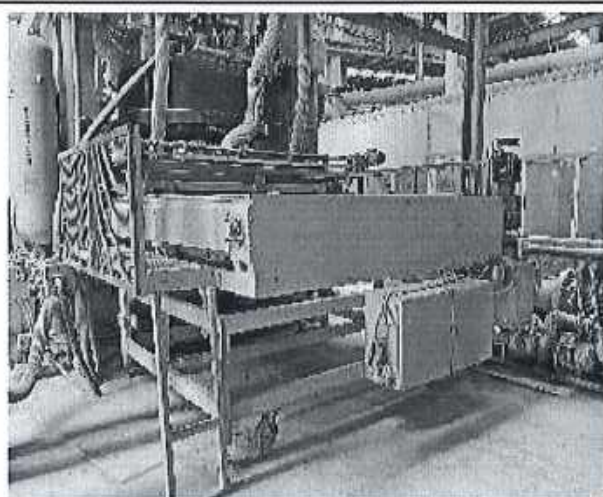




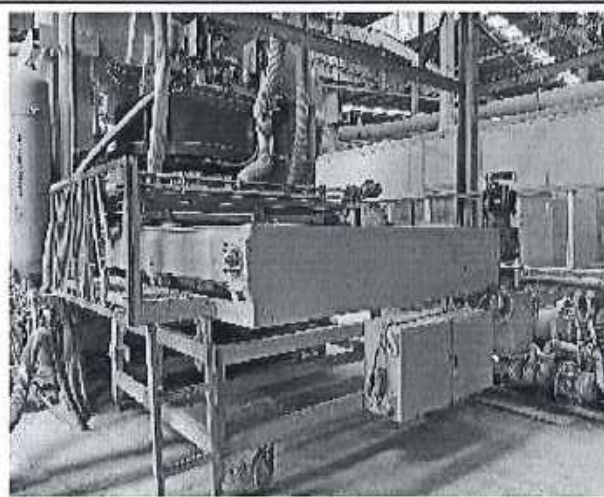
Sàn thao tác máy ép



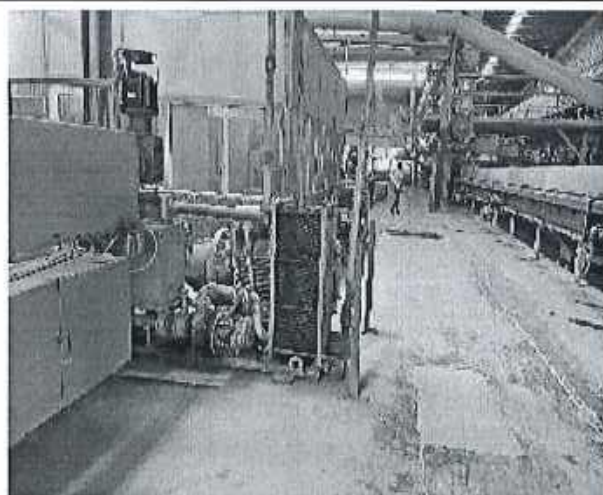
Sàn thao tác máy ép



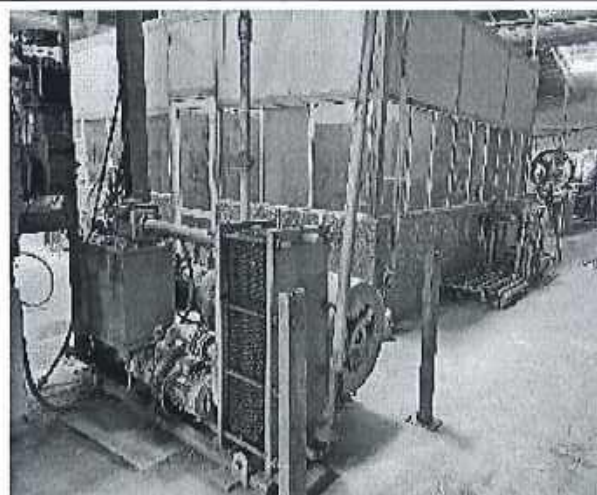
Thiết bị cấp liệu ép



Thiết bị cấp liệu ép

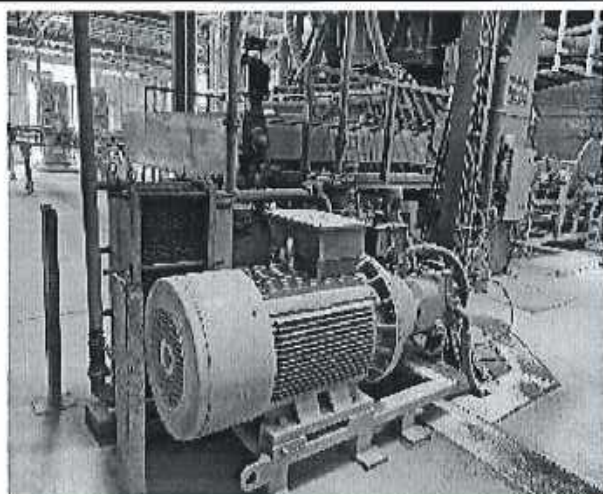


Thiết bị làm lạnh dầu máy ép

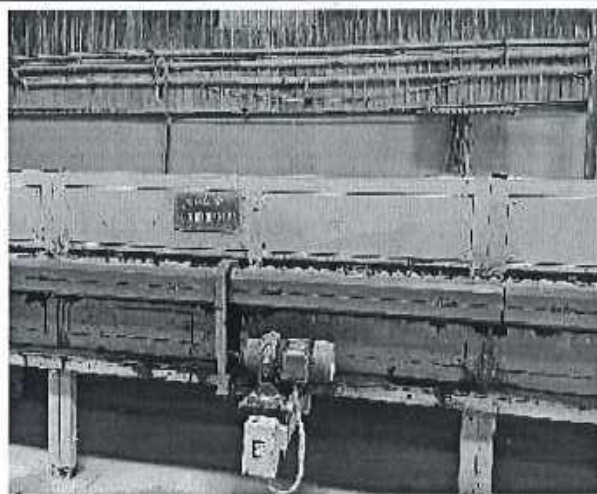


Thiết bị làm lạnh dầu máy ép

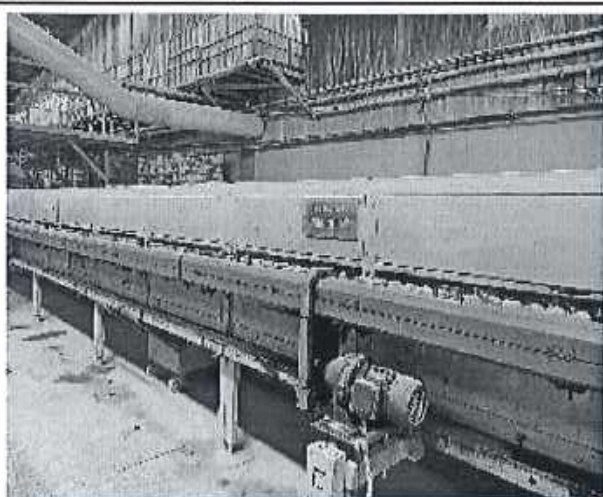




Thiết bị làm lạnh dầu máy ép



Sấy nằm 1 tầng L62930/W2900 và nạp + dỡ tải



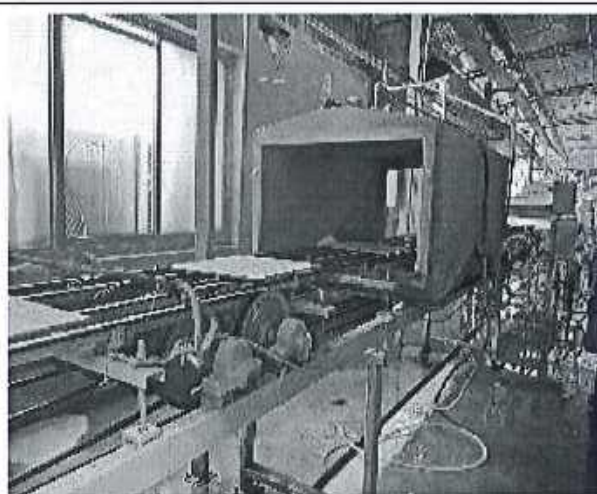
Sấy nằm 1 tầng L62930/W2900 và nạp + dỡ tải



Thiết bị dồn hàng



Thiết bị dồn hàng

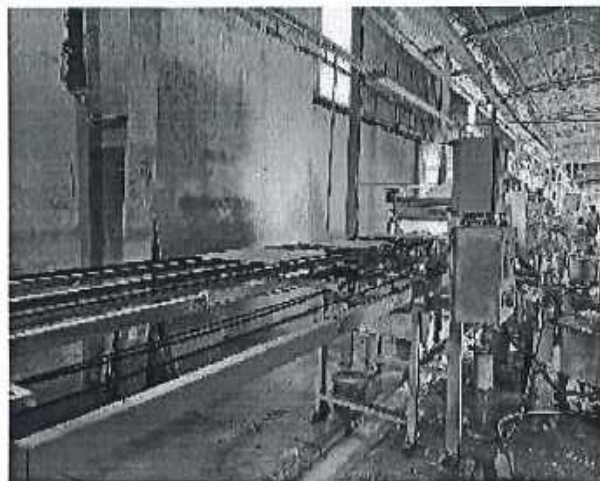


Buồng phun ẩm





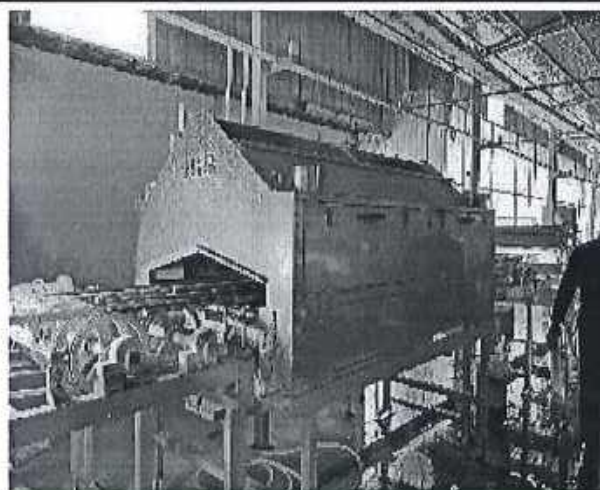
Buồng phun ẩm



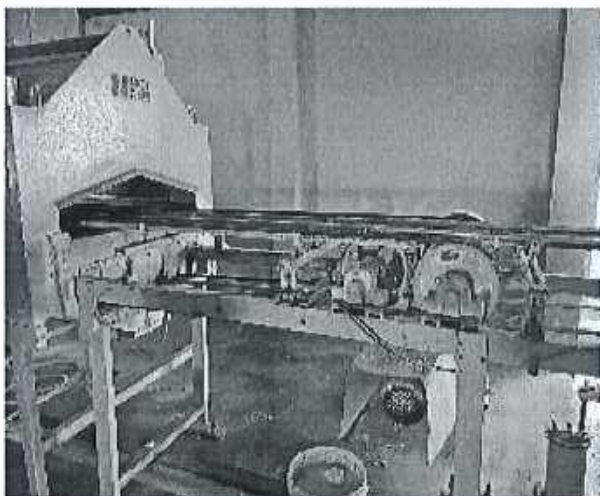
Buồng phun ẩm



Buồng văng men 2 đĩa



Buồng văng men 2 đĩa

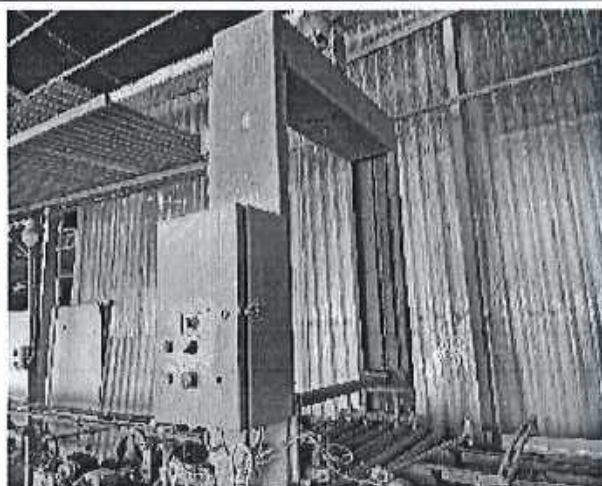


Dây Chuyển trắng men

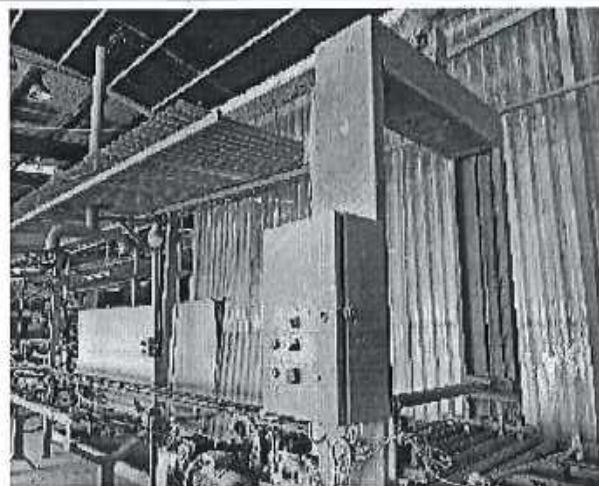


Dây Chuyển trắng men

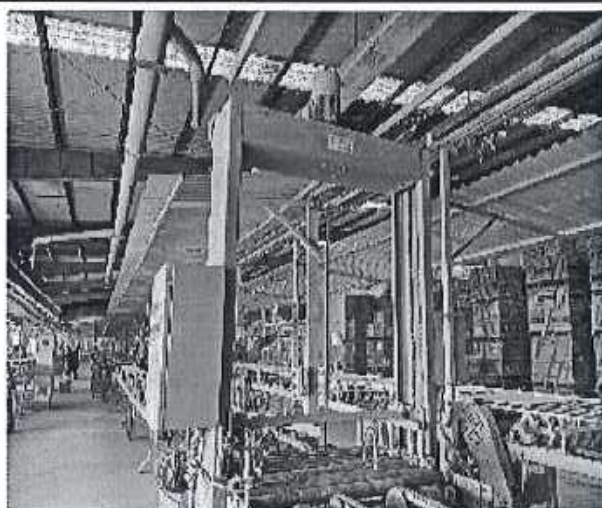




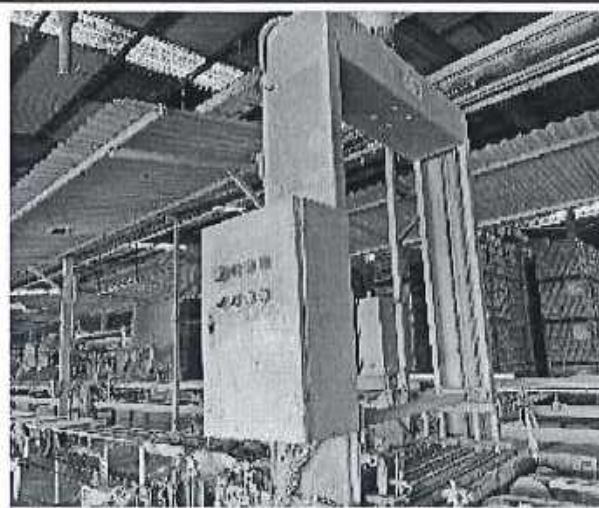
Bù đứng 105/R



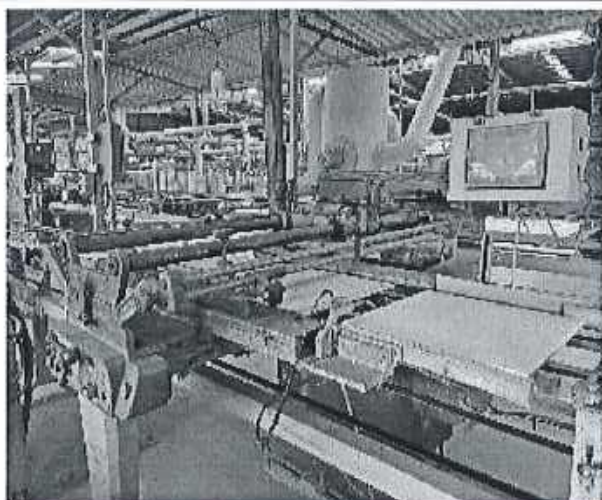
Bù đứng 105/R



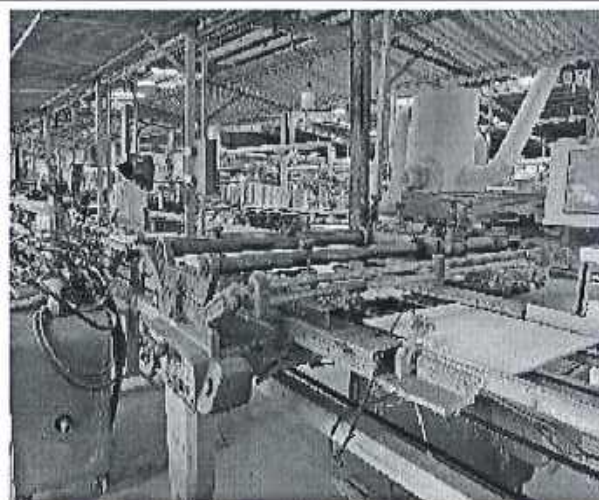
Bù đứng 35/R



Bù đứng 35/R

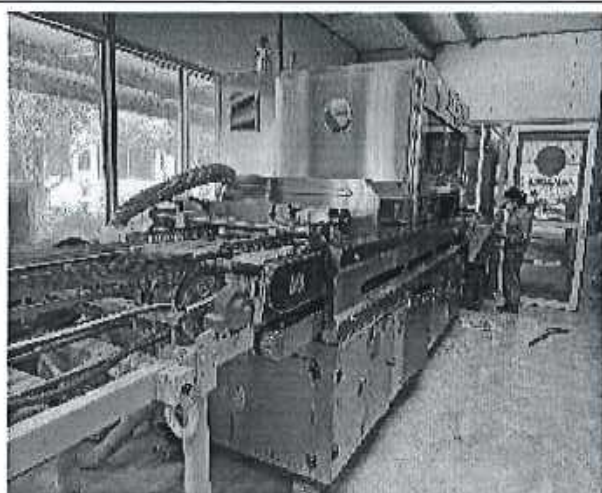


Máy in lưới phẳng SERTAM (Nhận HD  
31/12/2010



Máy in lưới phẳng SERTAM (Nhận HD  
31/12/2010

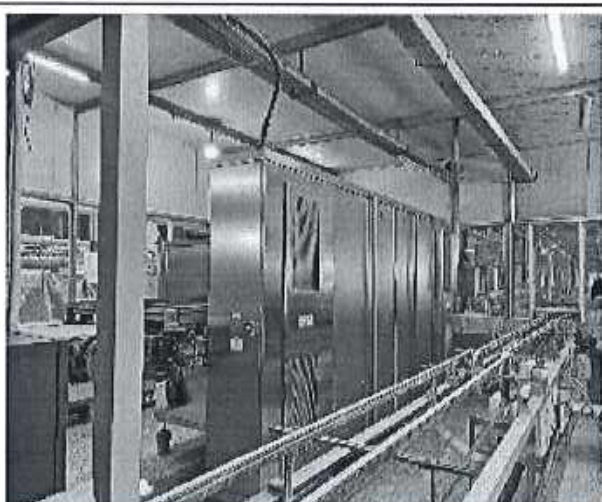




Máy in KTS (T6/2016)



Máy in KTS (T6/2016)



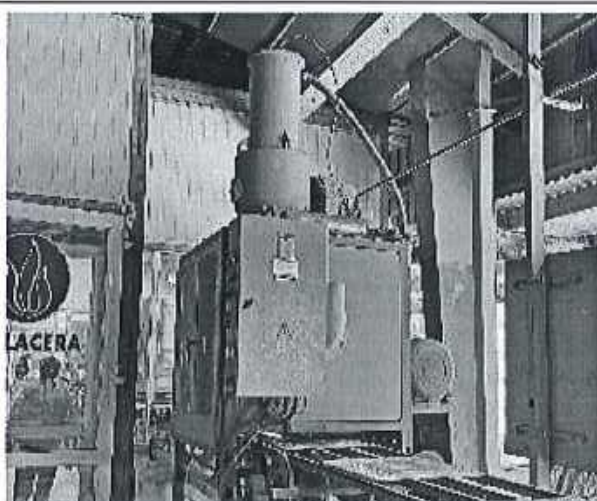
Máy in Creadigit XLE



Cabin xưởng in KTS

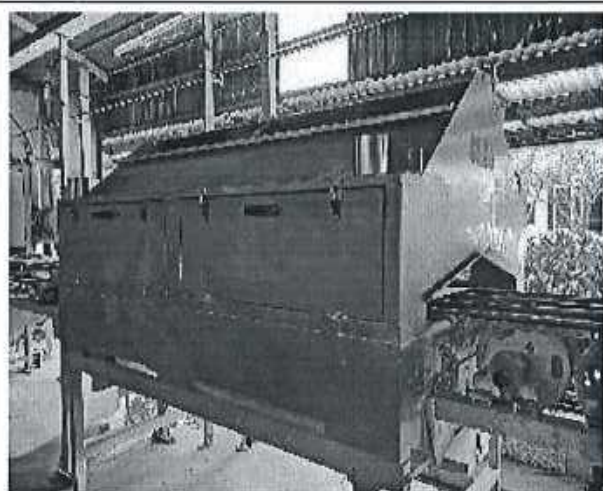


Cabin xưởng in KTS



Máy hút bụi chân không ZC-2X900/5.5

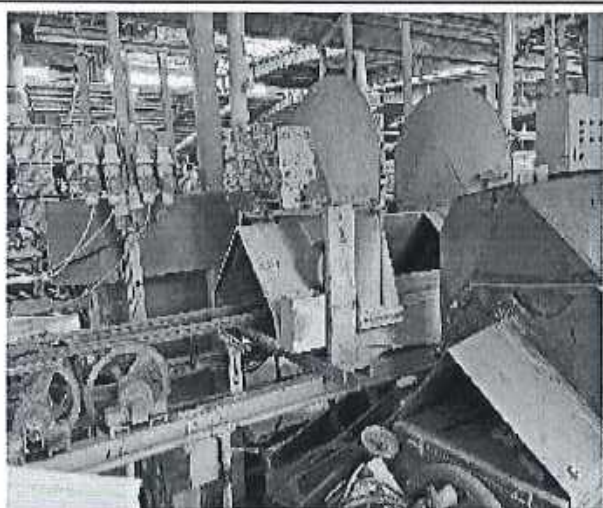




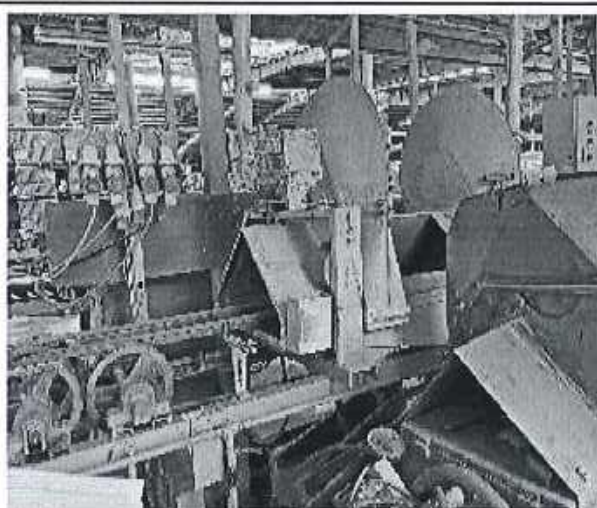
Máy rắc hạt men GL-Z800/-3



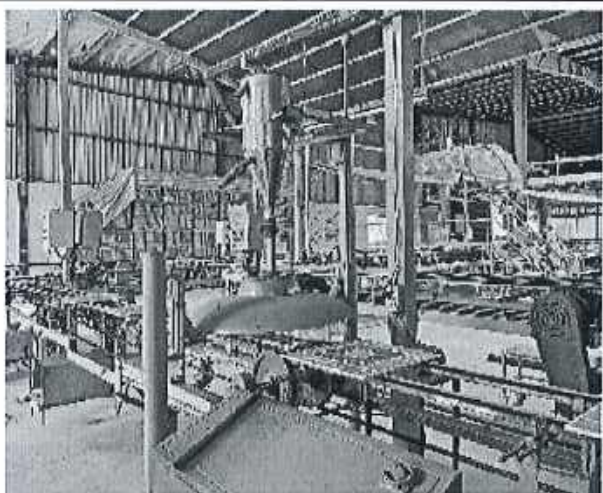
Máy phun men cao cấp GB-3U4/JG900L2Y



Máy phun men cao cấp GB-3U4/JG900L2Y



Máy trắng men ZL-Q1000/JC700

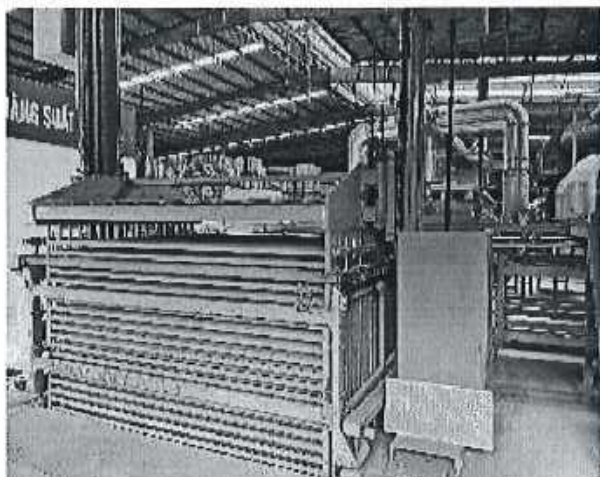


Máy trắng men (ITS1202) T12/2019

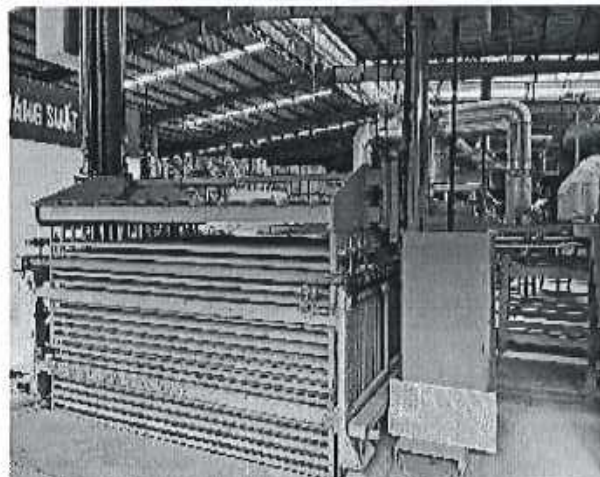


Lò nung W2400/113M

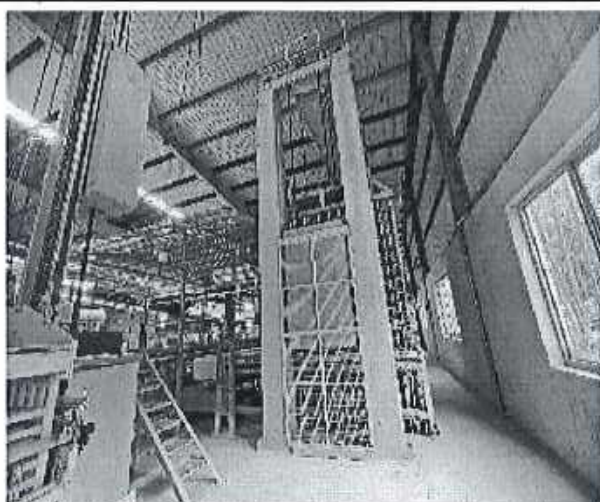




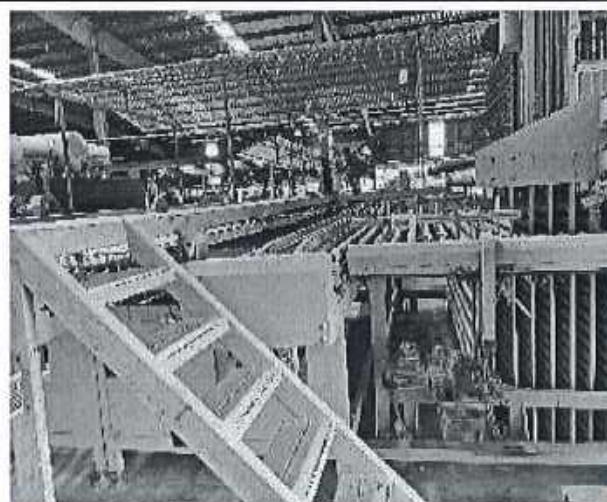
Lò nung W2400/113M



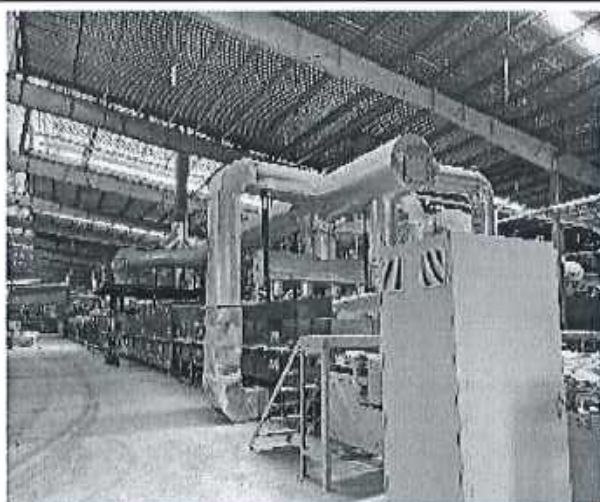
Dây chuyền nổi tới phân loại



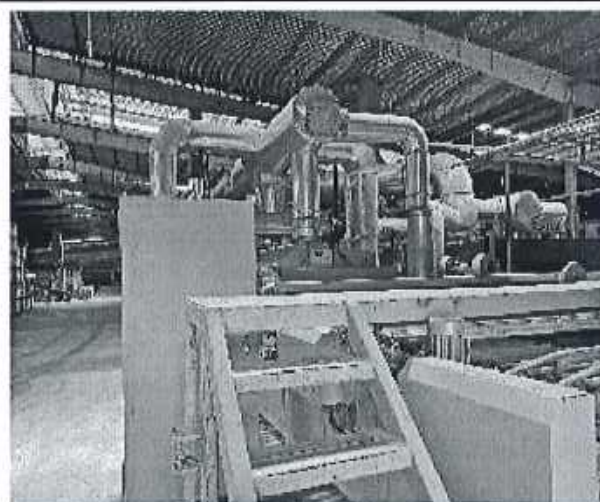
Lò nung thanh lăn W3050/L115,5m



Thiết bị tạo hàng trước khi vào lò



Bù đầu lò 250m2 - W3050mm

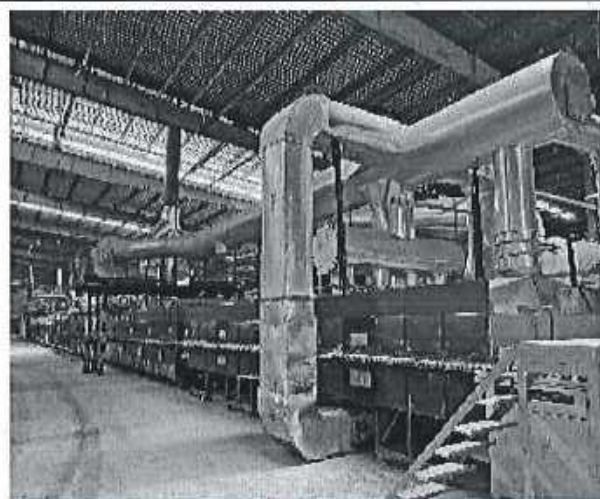


Thiết bị nạp tải lò nung W3050/L9500mm với 2 đầu vào

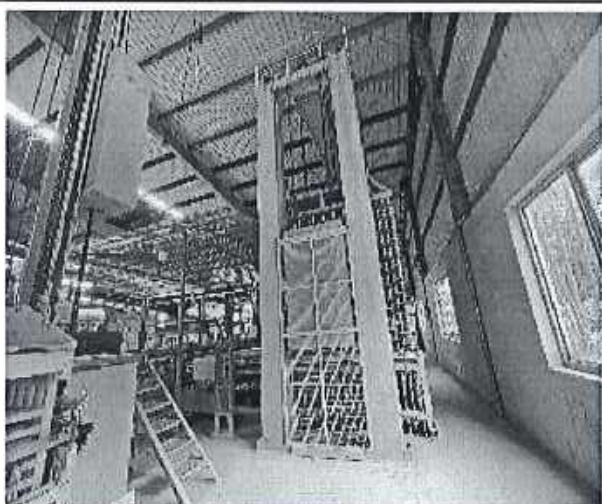




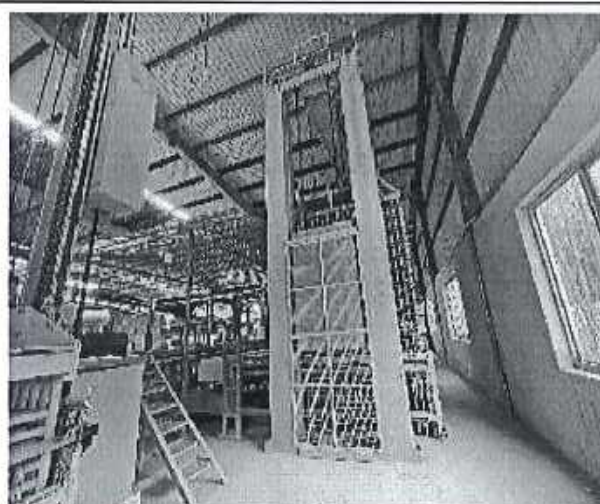
Hệ thống kiểm soát



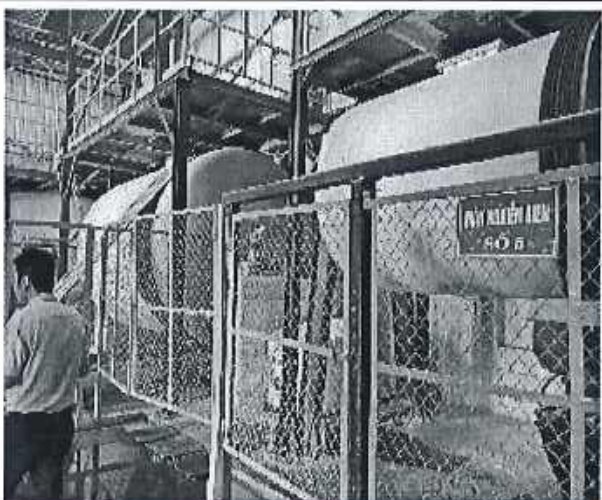
Hệ thống tiết kiệm nhiên liệu SPR



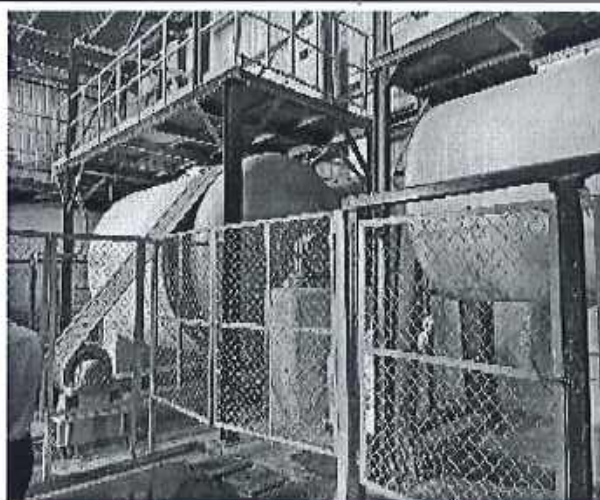
Tấm siêu cách nhiệt Na ô cho vùng nung 2 lớp



Điều hòa cho tủ điều khiển



Máy nghiền BM 10.000 lít



Máy nghiền BM 10.000 lít





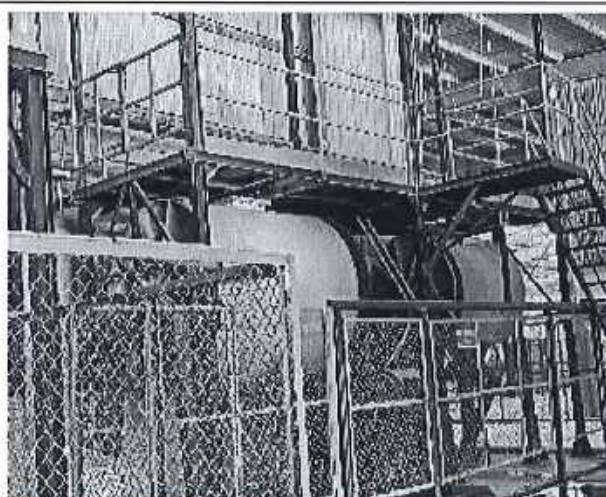
Máy nghiền 5.000lít



Máy nghiền 3.000lít



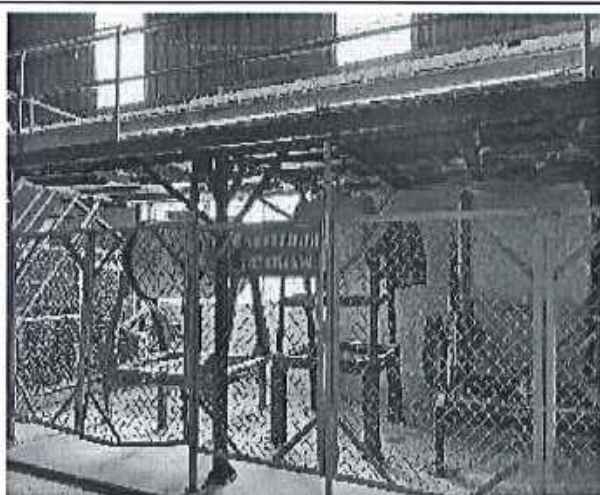
Máy nghiền bi gián đoạn 10 tấn



Máy nghiền bi gián đoạn 10 tấn



Máy nghiền BM 5000

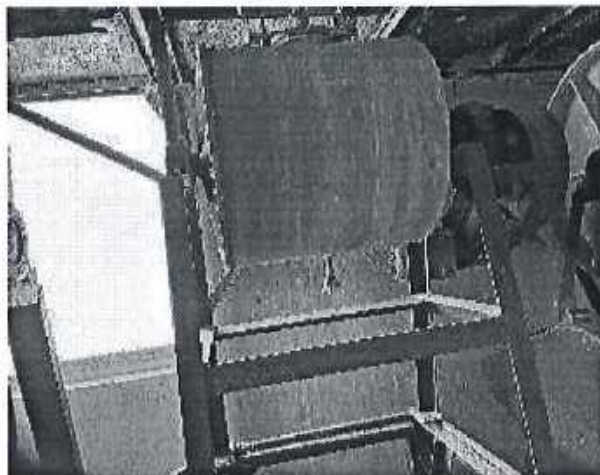


Máy nghiền BM 500





Máy nghiền 210 lít



Máy nghiền 210 lít



Sàng rung GTS600



Sàng rung GTS600

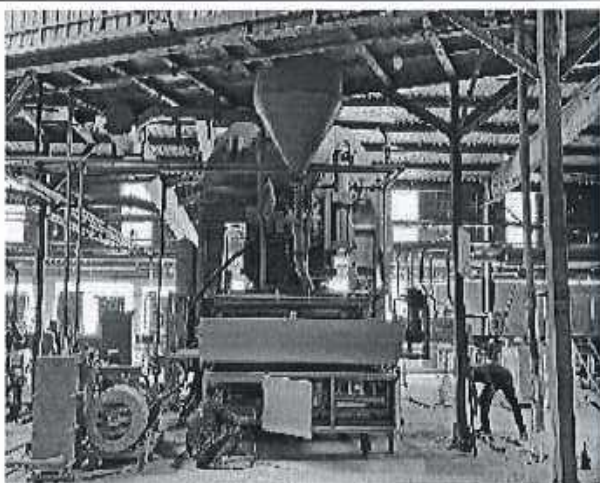


Máy khuấy men SS5

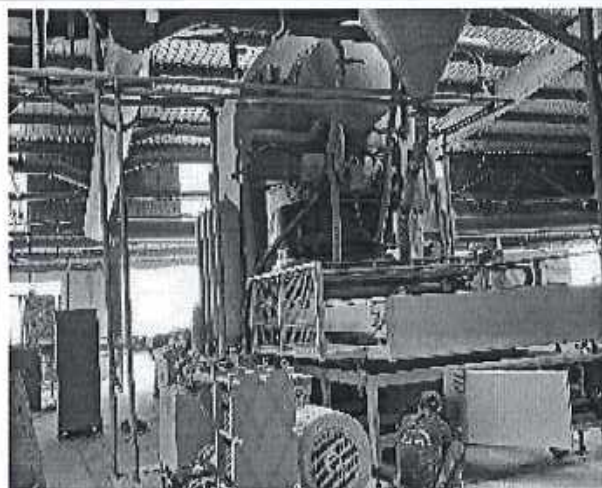


Máy khuấy men

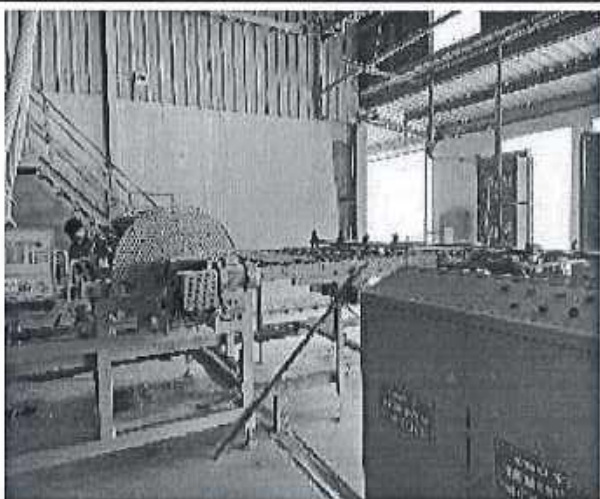




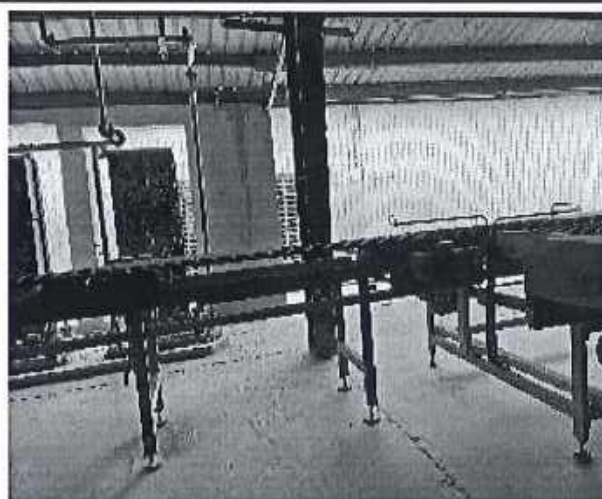
Máy ép YP4009TL



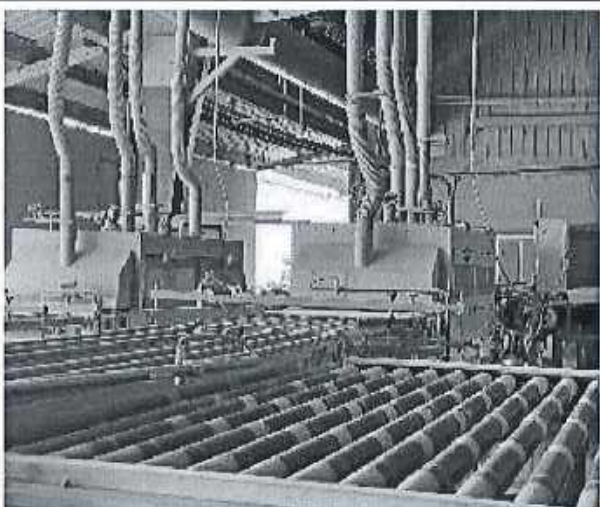
Máy ép YP4009TL



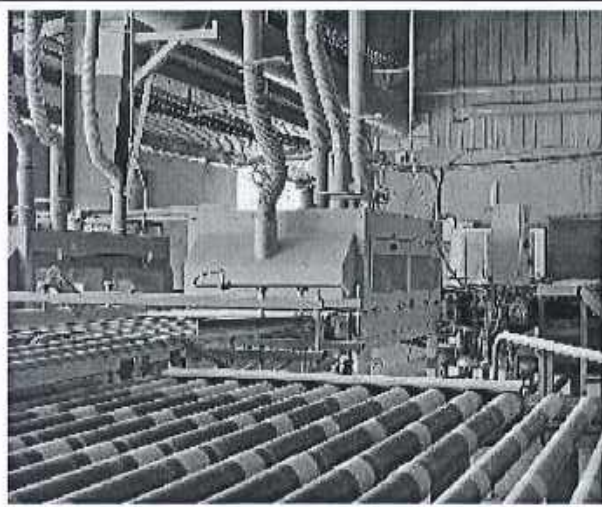
Thiết bị dây chuyền kết nối máy ép



Thiết bị dây chuyền kết nối máy ép

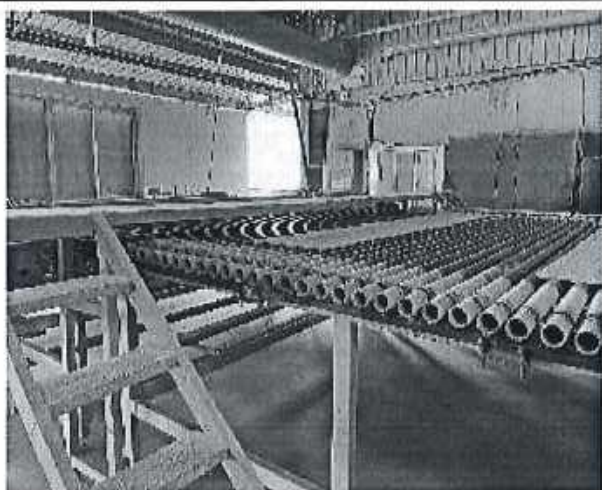


Máy xoa mặt gạch MP -P740/2



Máy xoa mặt gạch MP -P740/2

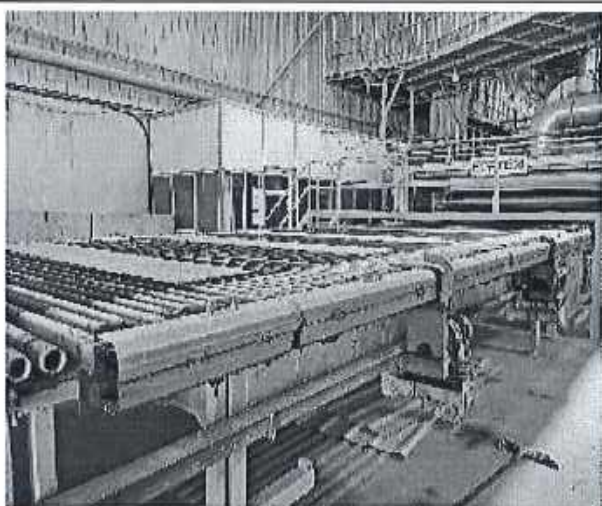




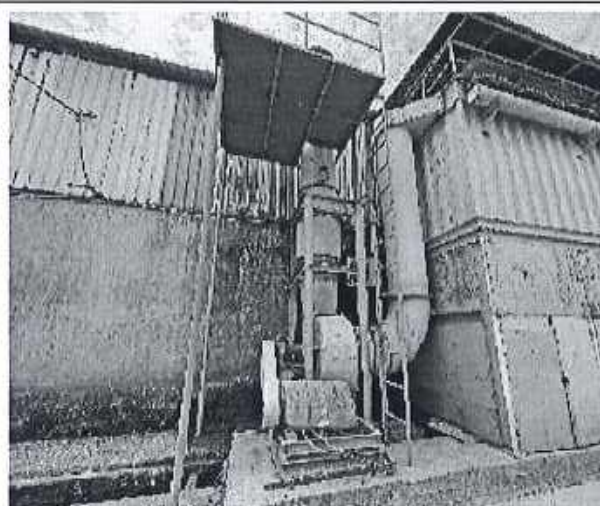
Thiết bị tạo hàng gạch trước khi vào máy nạp tải  
lò



Thiết bị tạo hàng gạch trước khi vào máy nạp tải  
lò



Thiết bị tạo hàng gạch trước khi vào máy nạp tải  
lò



Hệ thống hút bụi - 1K1252 T12/2018



Hệ thống hút bụi - 1K1252 T12/2018



Nhà kho nguyên liệu





Nhà kho nguyên liệu



Nhà kho nguyên liệu



Nhà kho thành phẩm



Nhà kho thành phẩm



Nâng mái khu vực kho thành phẩm



Nền kho nguyên liệu mở rộng





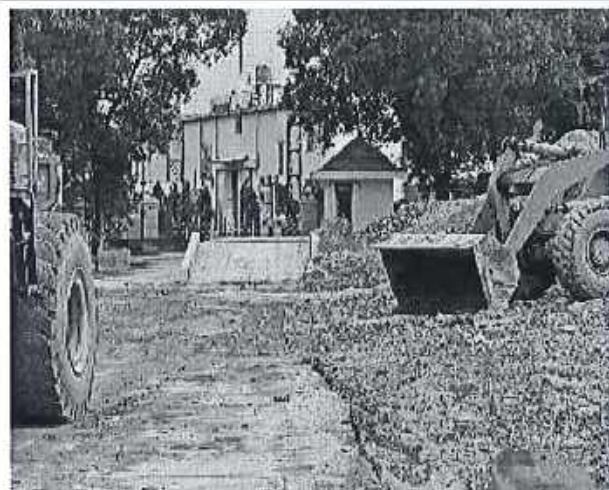
Nền kho nguyên liệu mở rộng



Móng máy nghiền 60 tấn



Móng máy nghiền 60 tấn



Cân điện tử 80 tấn (T3/2015)



Cân điện tử 80 tấn (T3/2015)



Trạm sinh khí than nguội ĐK 3,2m

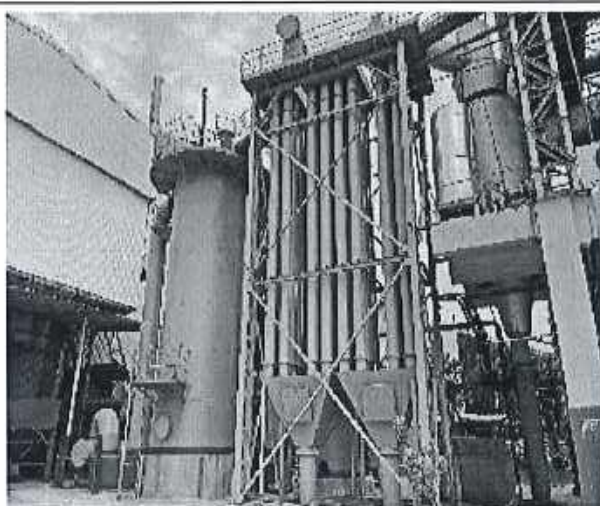




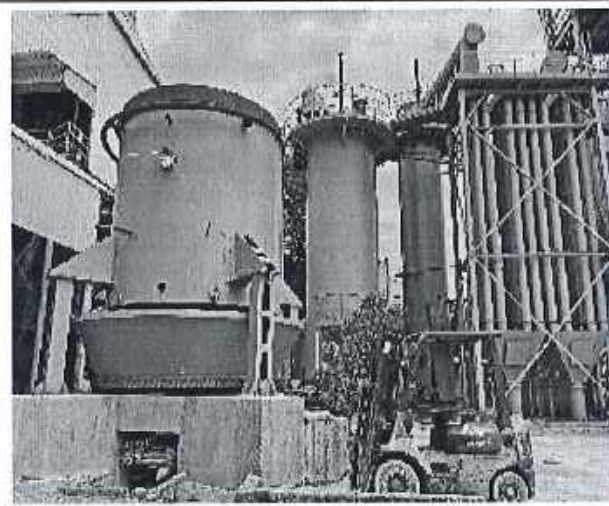
Trạm sinh khí than nguội ĐK 3,2m



Trạm sinh khí than nguội ĐK 3,2m



Trạm sinh khí than nguội ĐK 3,2m



Trạm sinh khí than nguội ĐK 3,2m



Trạm biến áp 2x1600KVA và đường dây cao thế

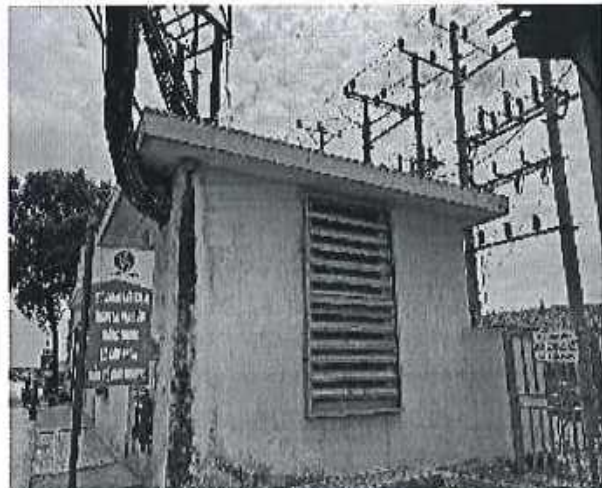


Trạm biến áp 2x1600KVA và đường dây cao thế

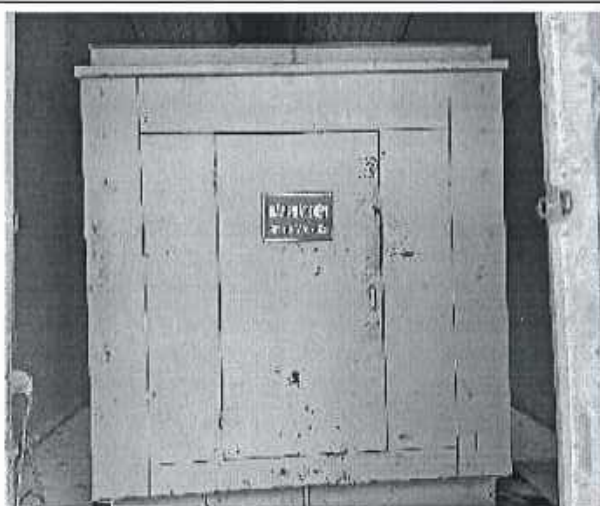




Trạm biến áp 2x1600KVA và đường dây cao thế



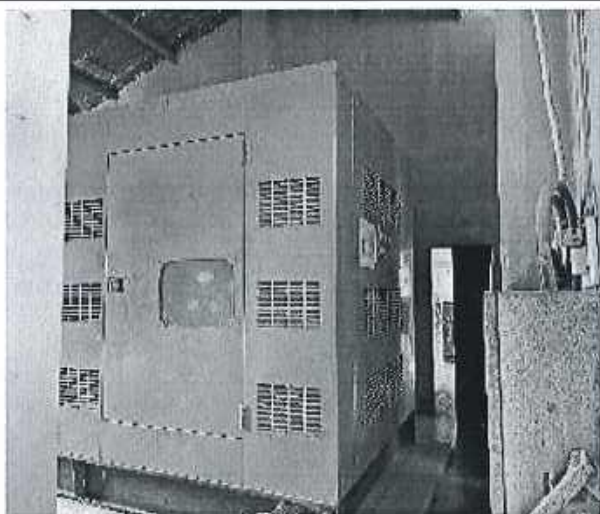
Trạm biến áp 2x1600KVA và đường dây cao thế



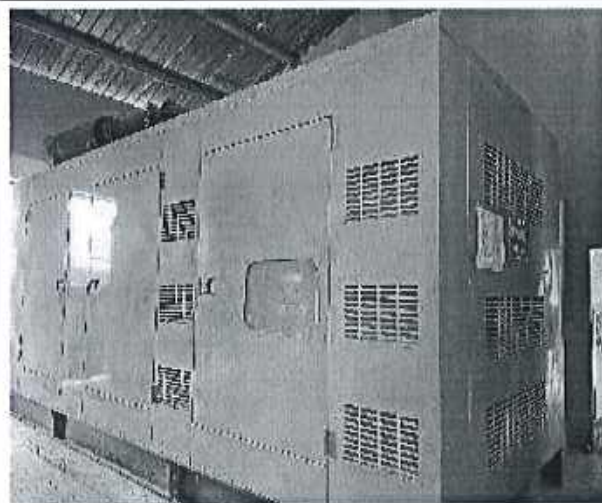
Máy phát điện Mitsubishi (02 cái) 800Kw



Máy phát điện Mitsubishi (02 cái) 800Kw

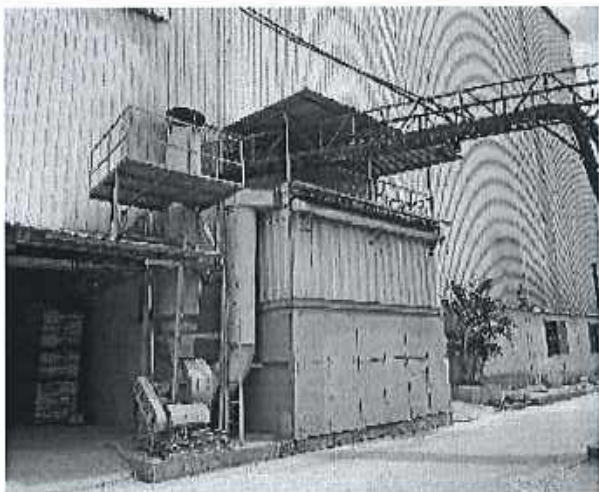


máy phát điện dự phòng 1600 KVA

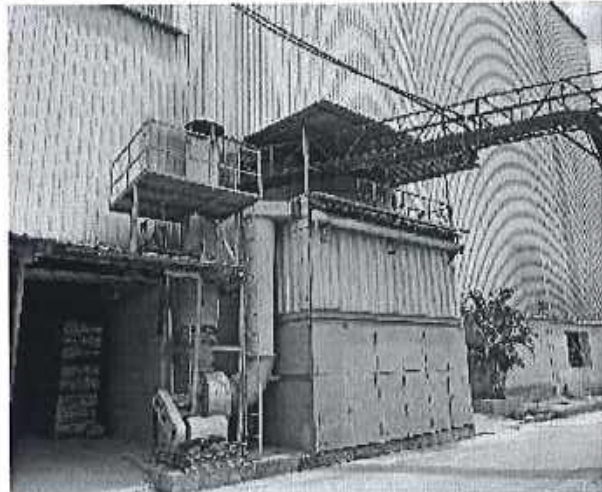


máy phát điện dự phòng 1600 KVA





TB lọc bụi túi 30KW -20.000m<sup>3</sup>/h (1K0516)  
T5,2017



TB lọc bụi túi 30KW -20.000m<sup>3</sup>/h (1K0516)  
T5,2017



Máy nén khí Kaser



Máy nén khí Kaser

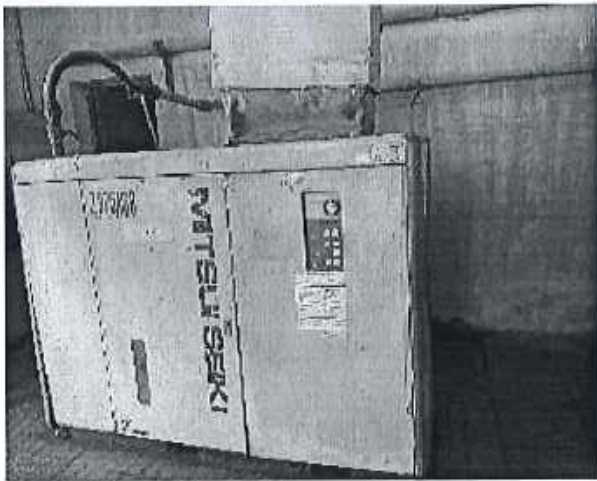


Máy nén khí Kaser

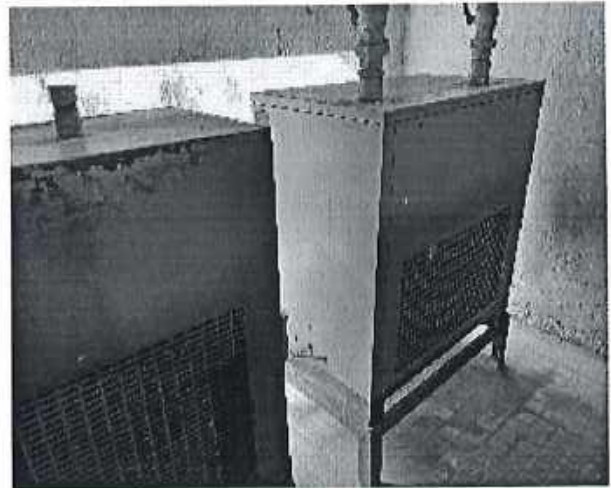


Máy nén khí Mitsuseiki

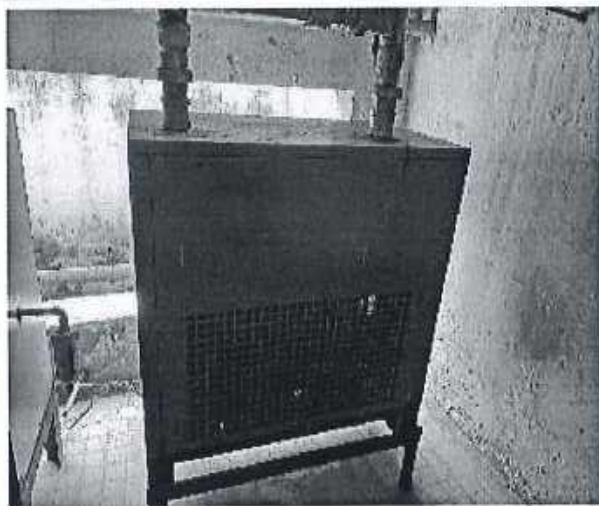




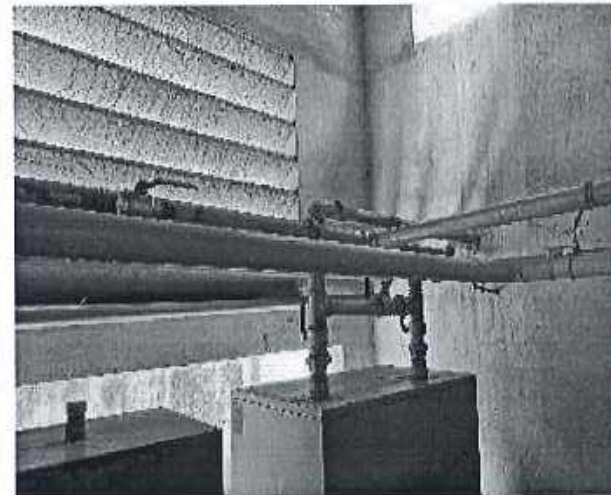
Máy nén khí Mitsuseiki



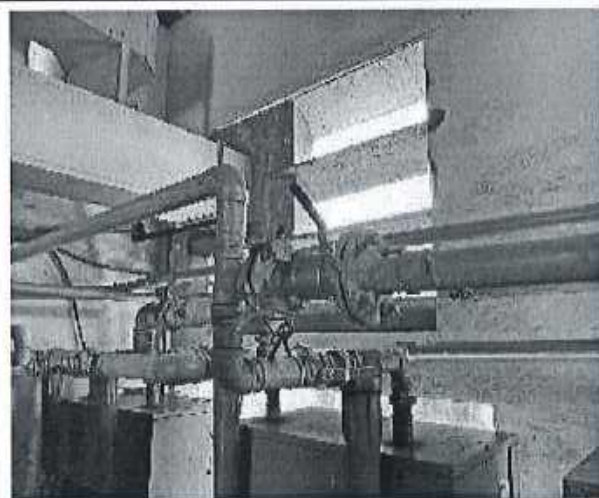
Máy nén khí Kaser 7m<sup>3</sup>/phút



Máy nén khí Kaser 7m<sup>3</sup>/phút



Hệ thống đường ống khí nén



Hệ thống đường ống khí nén



Máy nén khí KH Chicago Model: CPM50-8





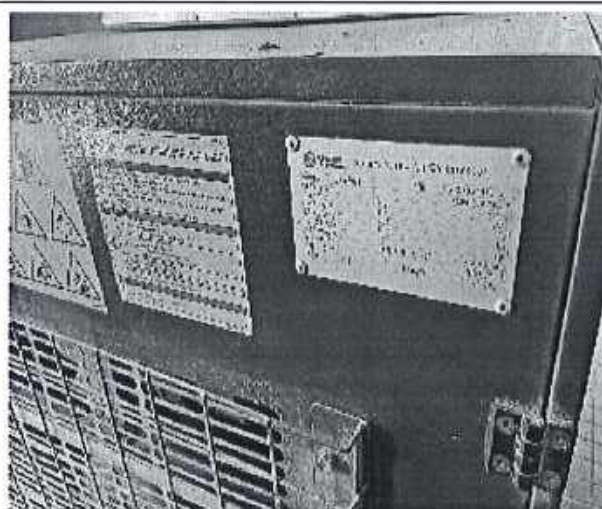
Máy nén khí KH Chicaga Model: CPM50-8



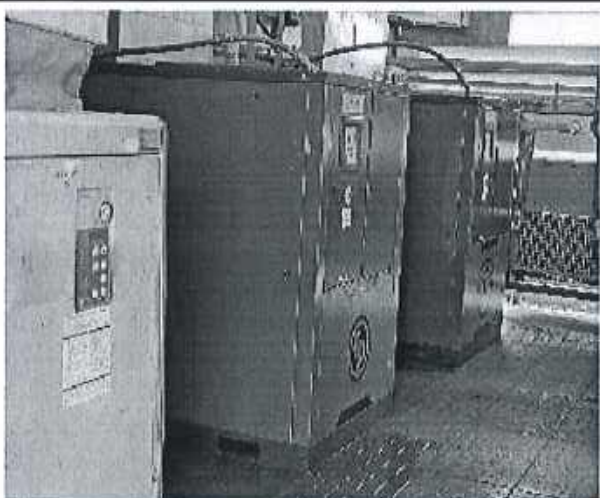
Máy sấy khí



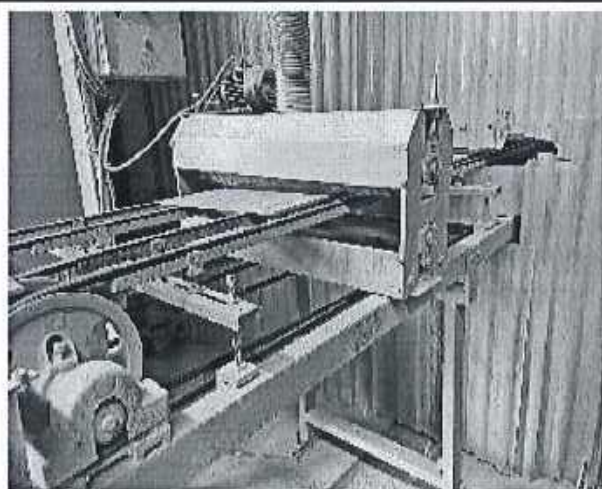
Máy sấy khí



Máy sấy khí

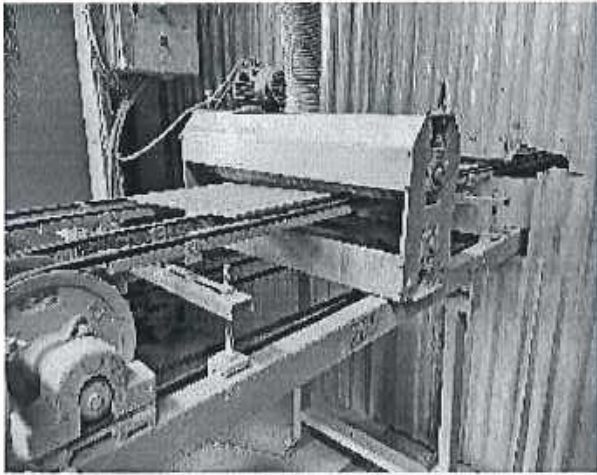


Máy nén khí

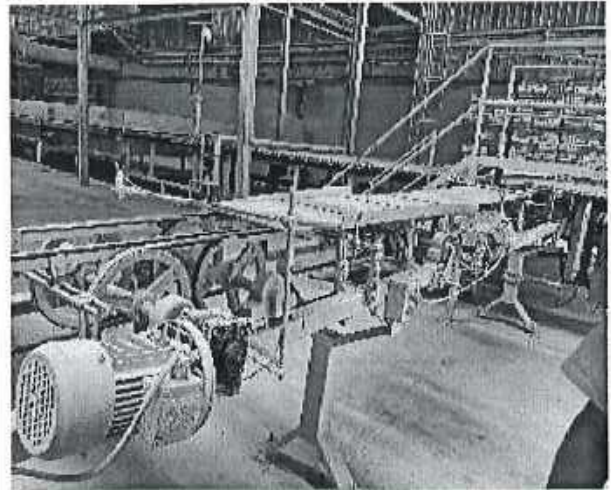


Thiết bị nạo sạch cạnh gạch

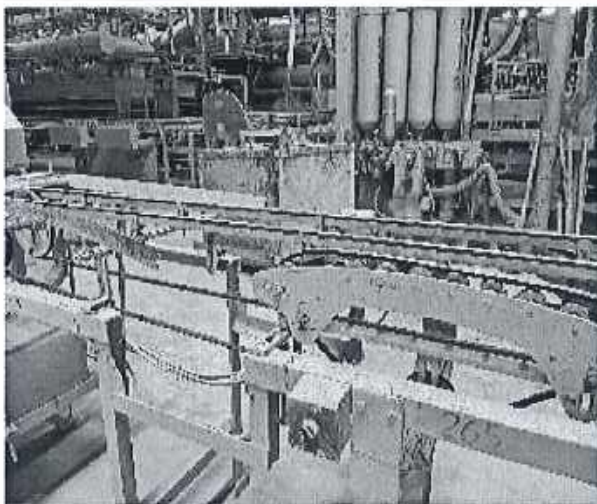




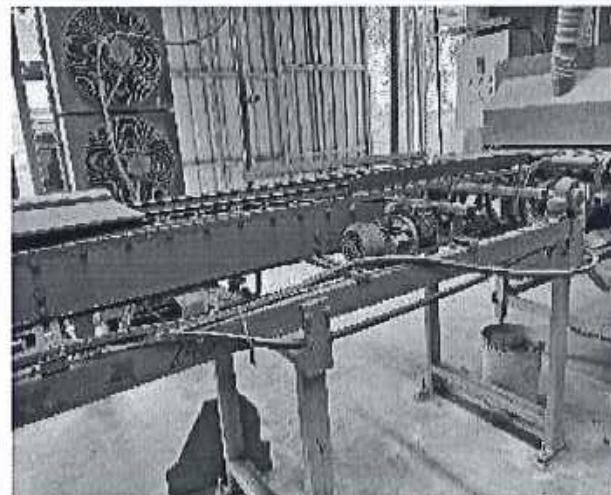
Thiết bị nạo sạch cạnh gạch



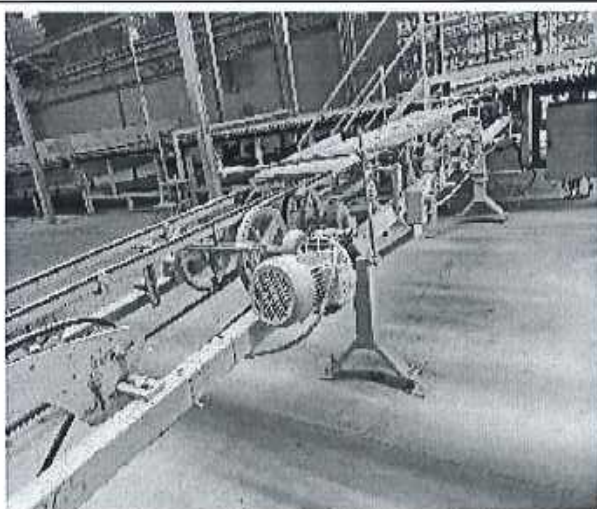
Thiết bị tạo hàng vuông góc N-10.60



Thiết bị tạo hàng vuông góc N-10.60



Thiết bị dồn hàng

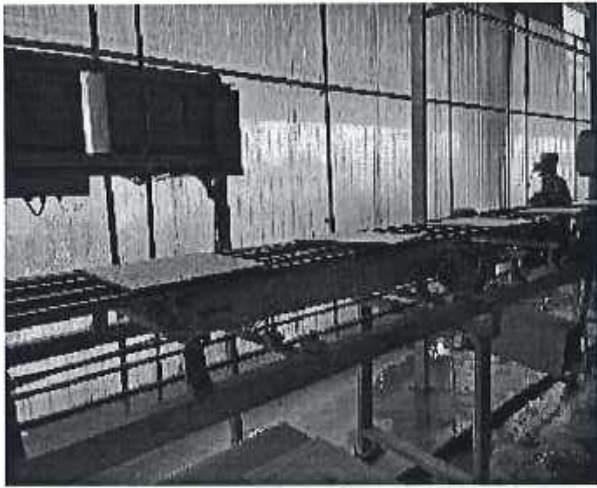


Thiết bị dồn hàng

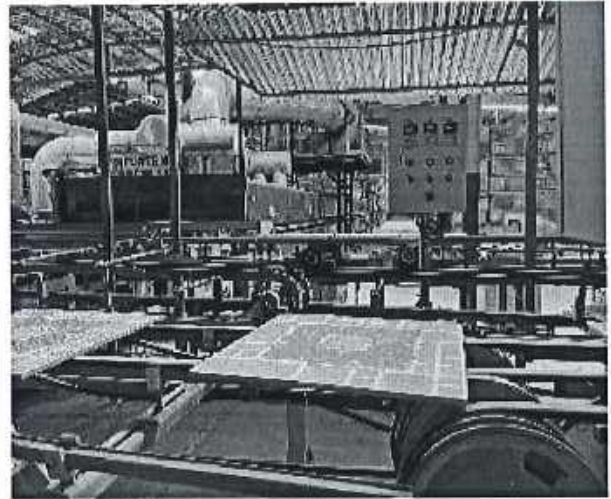


Bàn xoay gạch 90

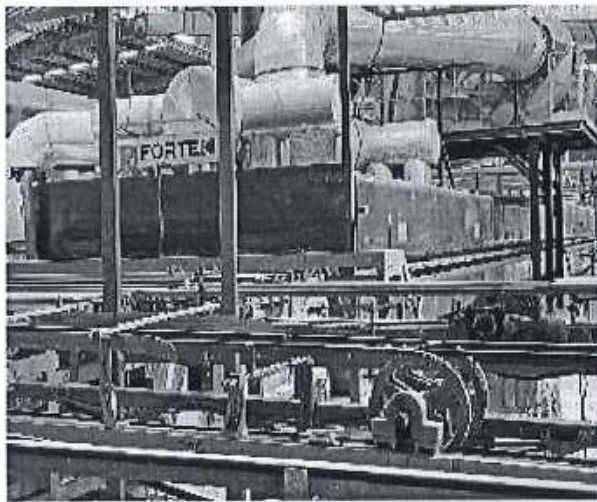




Bàn xoay gạch 90



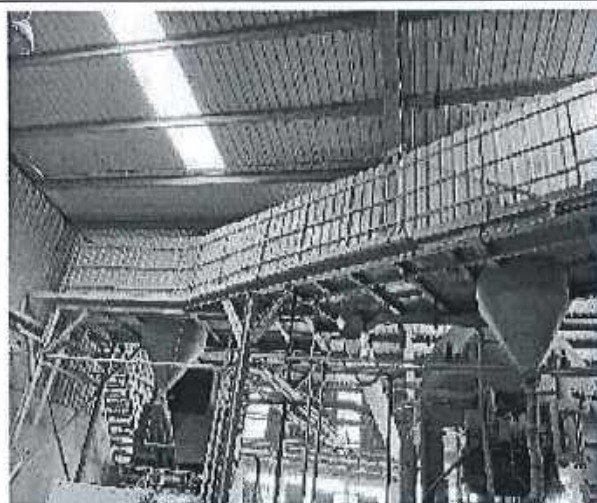
Thiết bị tạo hàng



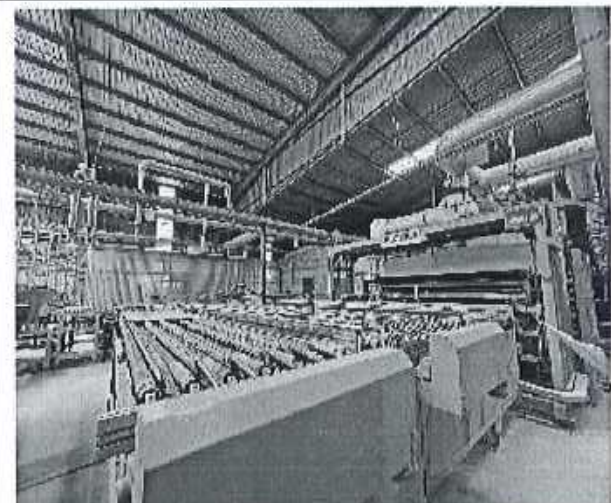
Thiết bị tạo hàng



Sàn thao tác máy ép

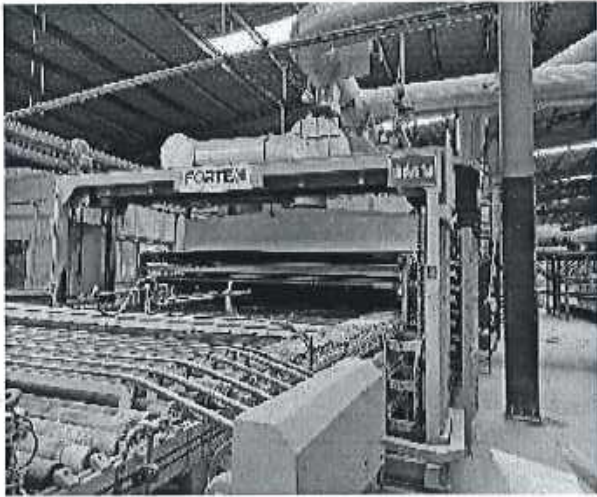


Sàn thao tác máy ép

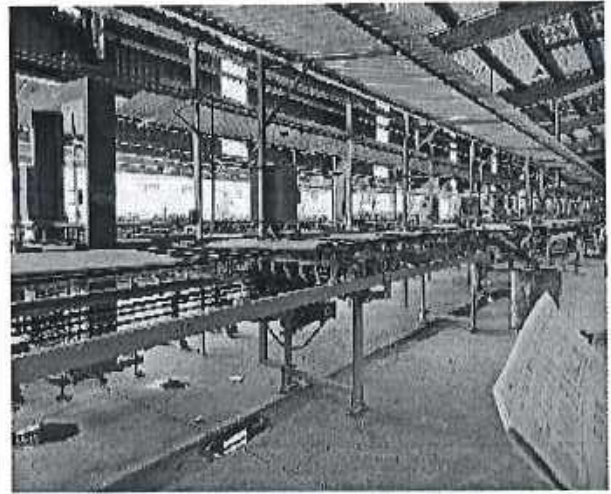


Bộ phận truyền dẫn vào hầm sấy

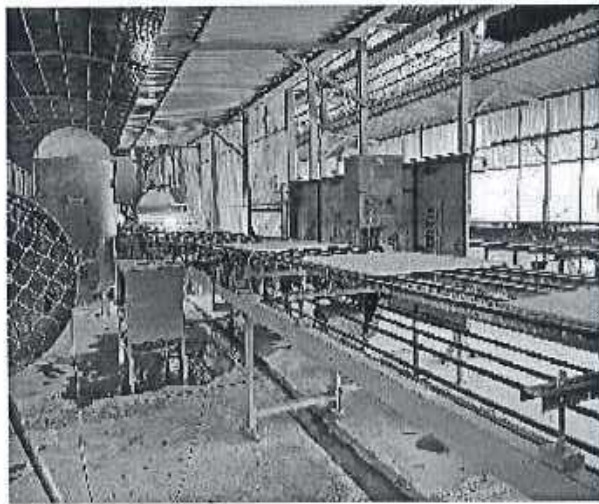




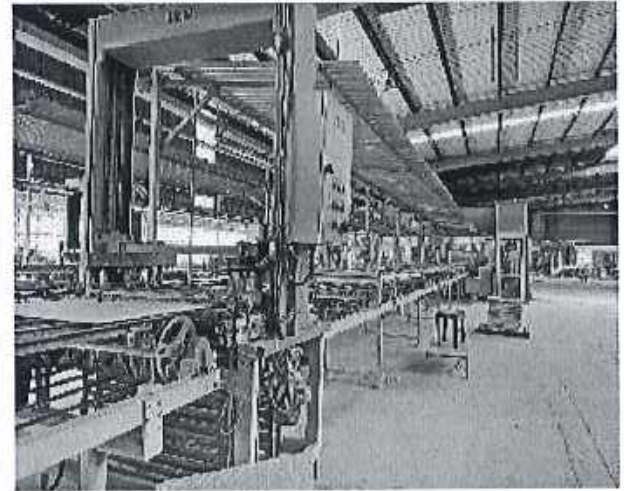
Bộ phận truyền dẫn vào hầm sấy



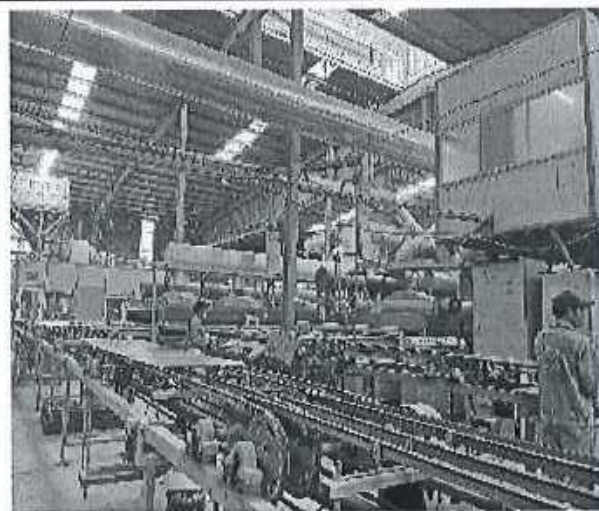
Dây chuyền men W600/110m



Dây chuyền men W600/110m



Bù đứng 120 viên



Thiết bị đỡ tải lò

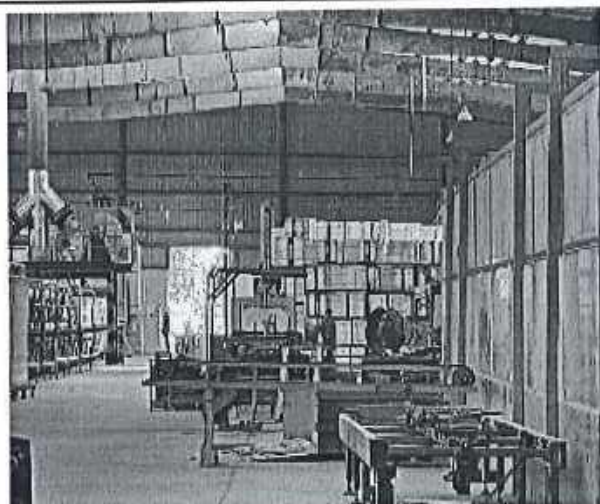


Đường nối đến máy phân loại

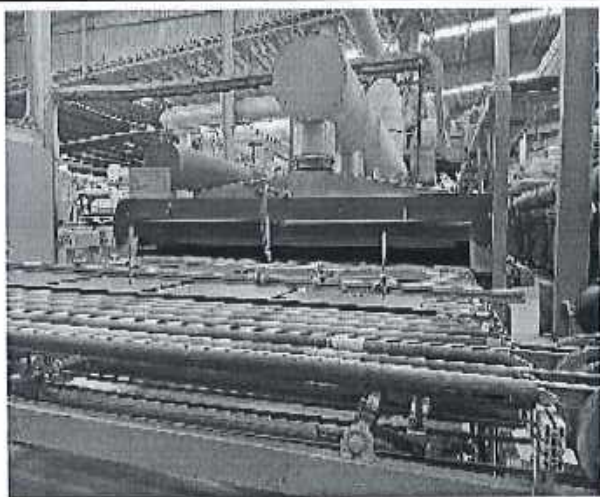




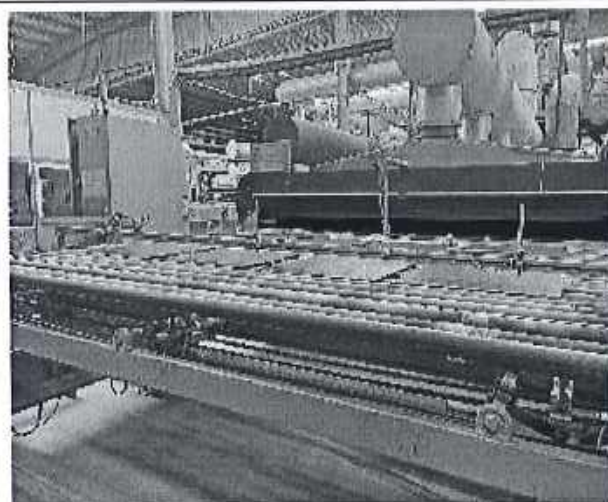
DC phân loại 600x900 Sacmi



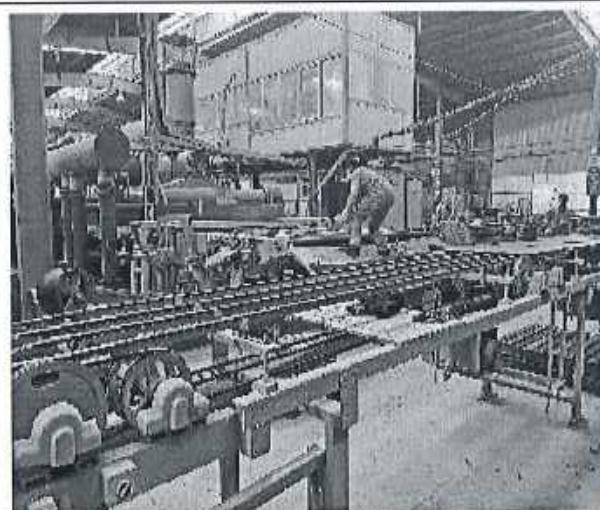
DC phân loại 600x900 Sacmi



Kéo dài lò nung số 1 (31/12/2011)



Kéo dài lò nung số 1 (31/12/2011)

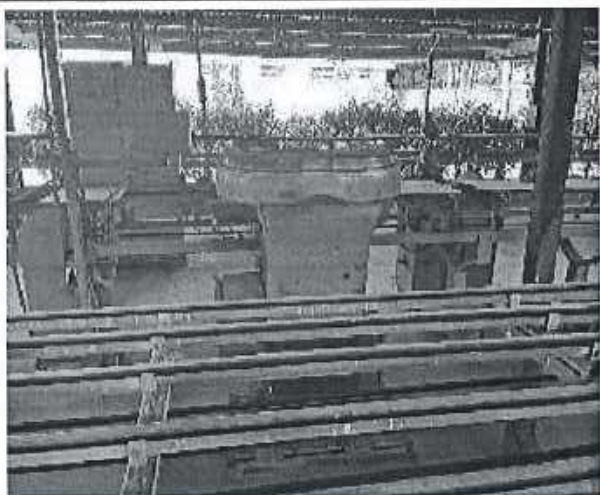


Hệ thống bù dầu lò 120m 01-KSD

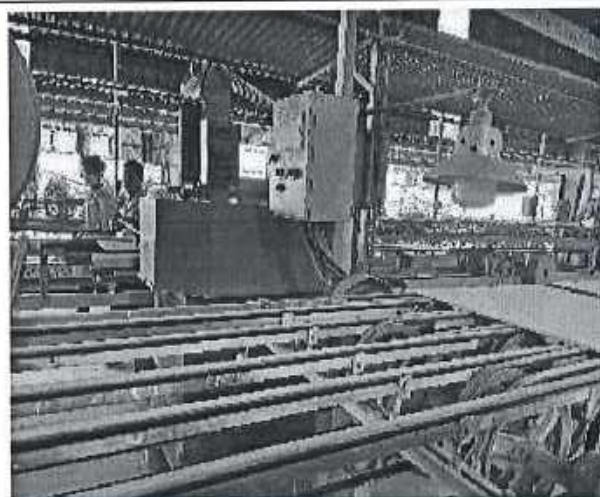


Máy in lưới Italy

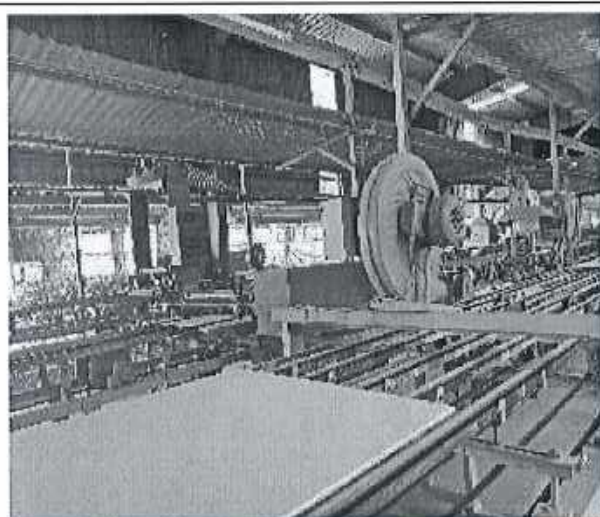




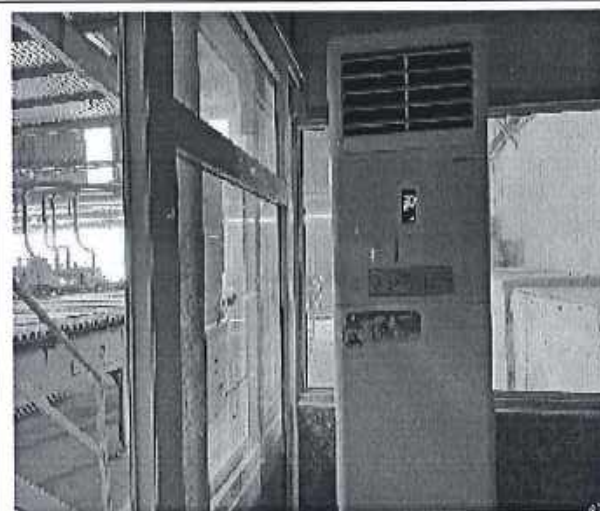
Máy in lưới Italy



Máy in Sincro II



Máy in Sincro II



Điều hòa Sumikura (Nhà ăn YP)

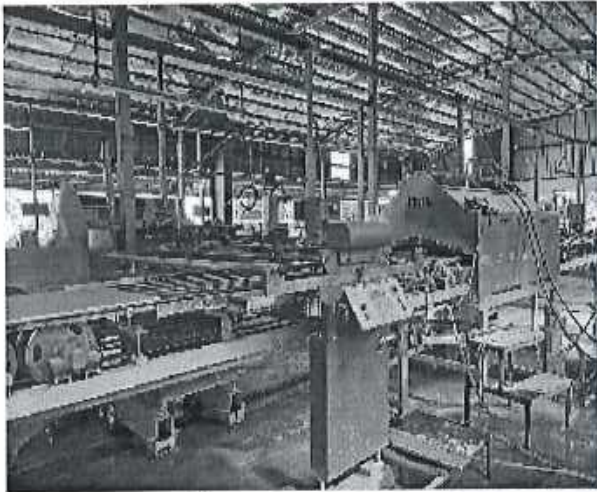


Cân ô tô trong xưởng

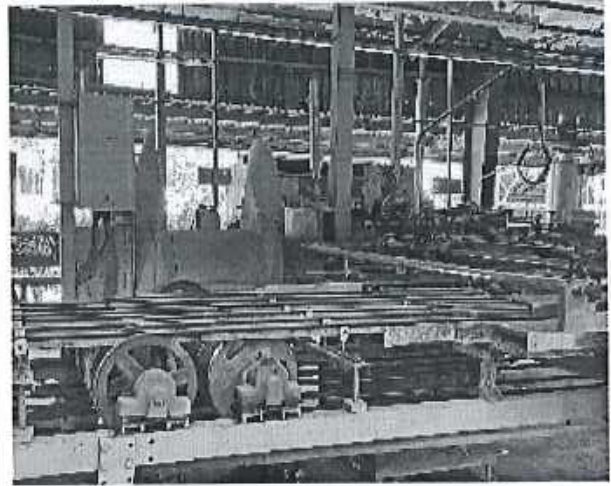


Cân ô tô trong xưởng

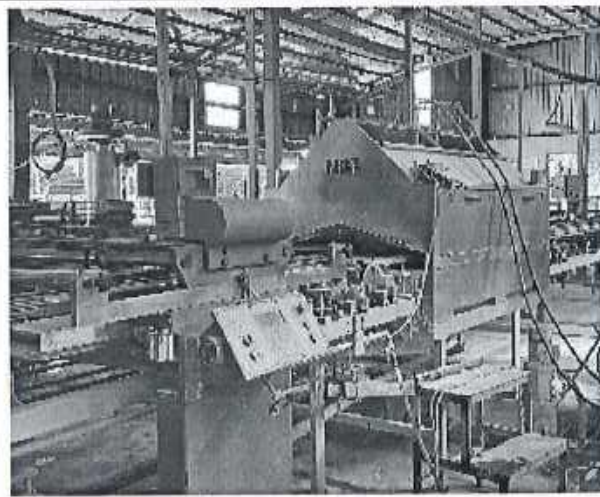




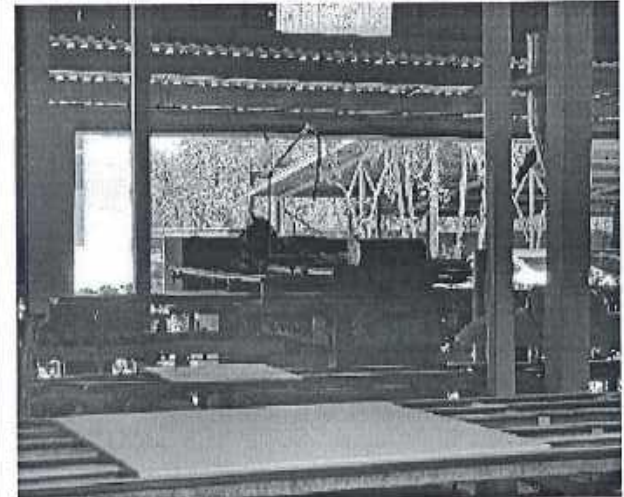
Máy in Sincro II 02



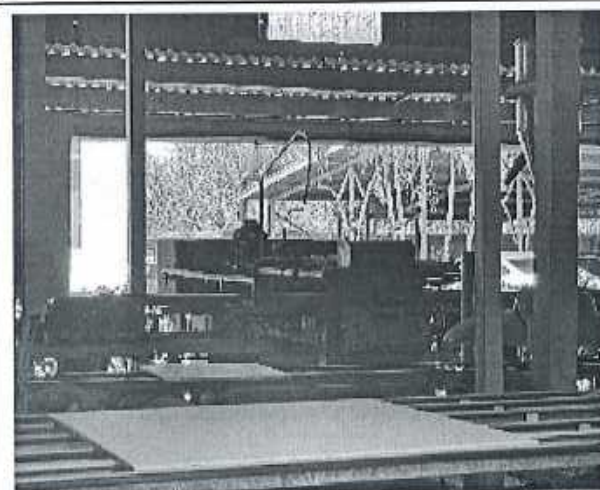
Máy in Sincro II 02



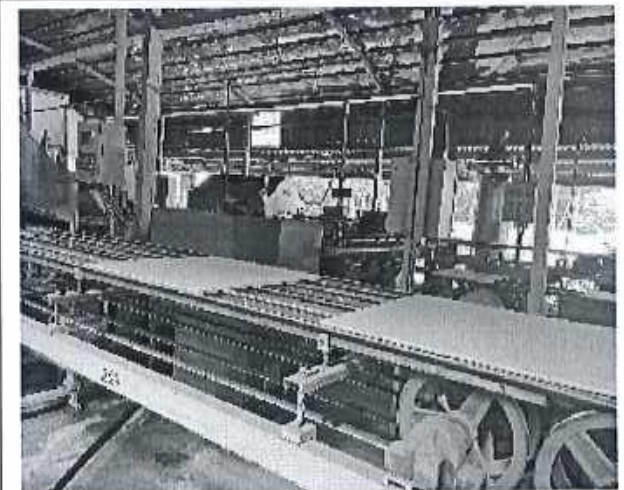
Máy in Sincro II 02



Máy in lưới Mauman (20/7/2007)

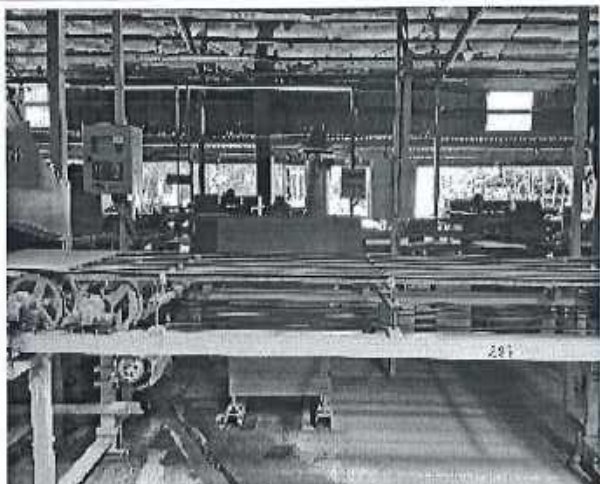


Máy in lưới Mauman (20/7/2007)

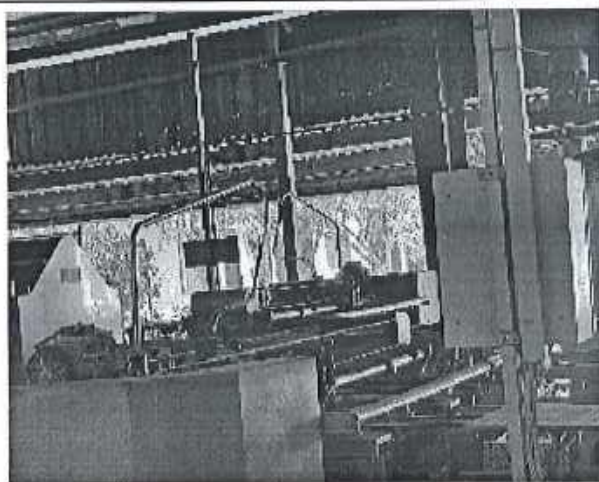


Máy in lưới SIMEC

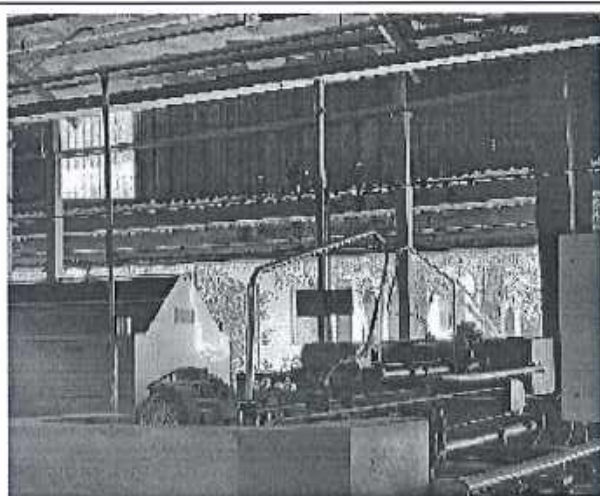




Máy in lưới SIMEC



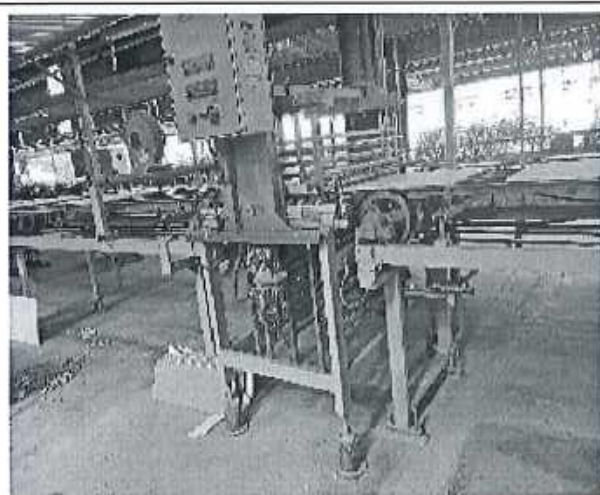
Máy in lưới (Đ/c từ NM G. men TL)



Máy in lưới (Đ/c từ NM G. men TL)



Máy bù đứng F45



Máy bù đứng F45

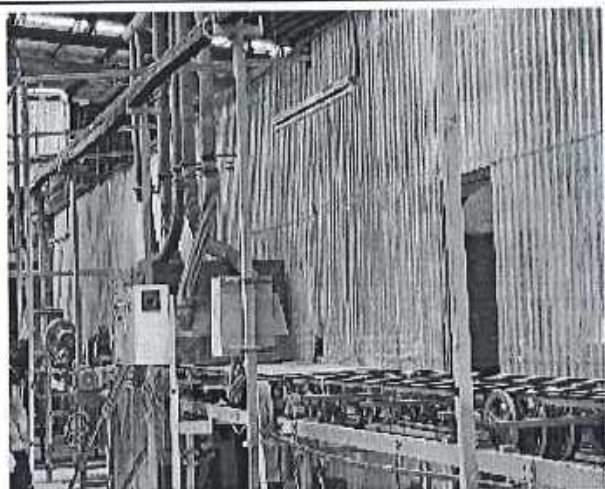


Thiết bị tạo hàng





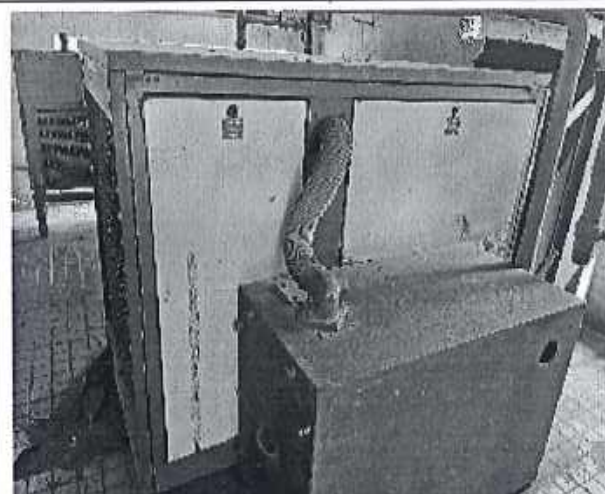
Thiết bị tạo hàng



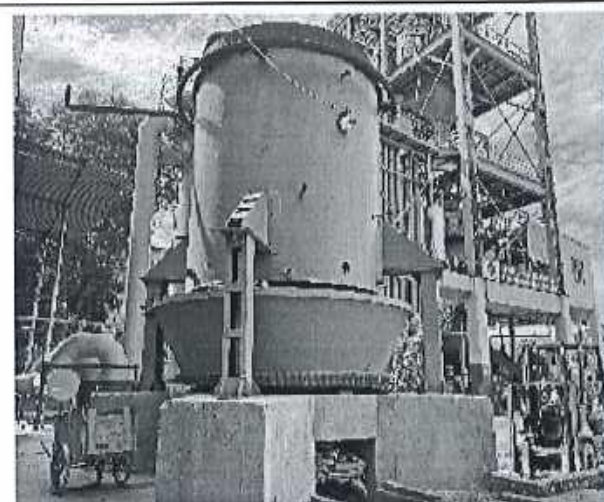
Thiết bị tạo hàng



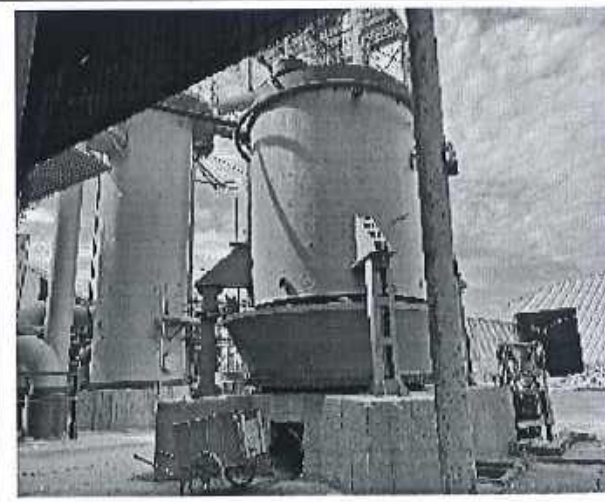
Máy nén khí Leroi W50SS



Máy nén khí Leroi W50SS



Trạm sinh khí than nóng ĐK 3,0m



Trạm sinh khí than nóng ĐK 3,0m





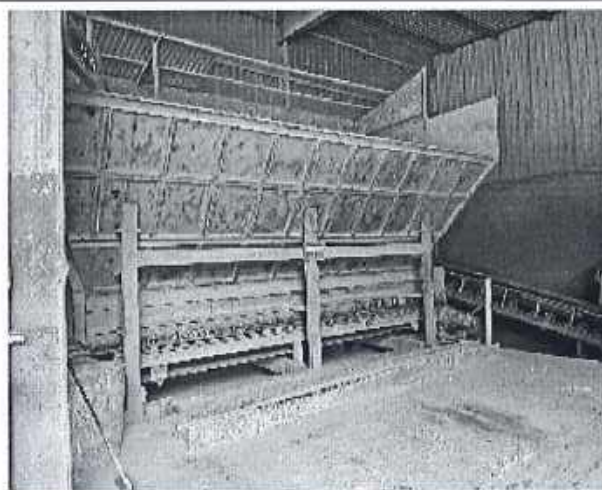
Bộ ghi lò trạm khí hoá than (31/10/07)



Bộ ghi lò trạm khí hoá than (31/10/07)



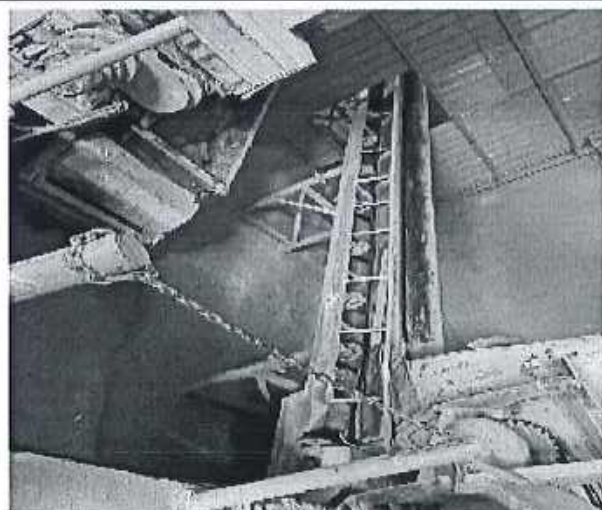
Máy cấp liệu thùng



Máy cấp liệu thùng



Băng tải cấp liệu nghiền



Băng tải cấp liệu nghiền





Kết cấu thép sàn máy nghiền (Tỷ lệ 50%)



Kết cấu thép sàn máy nghiền (Tỷ lệ 50%)



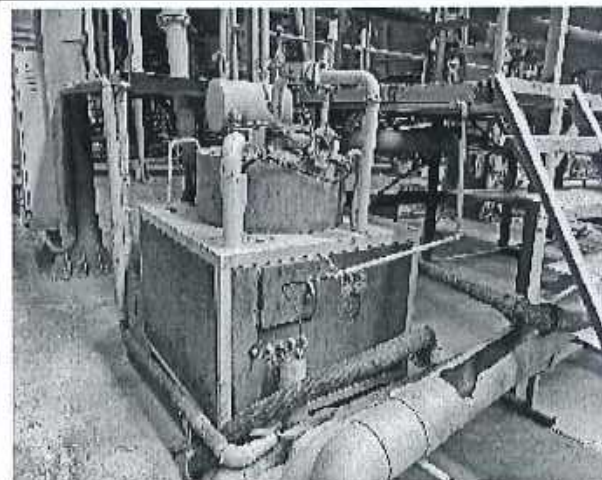
Bơm piston PP9



Bơm piston PP9

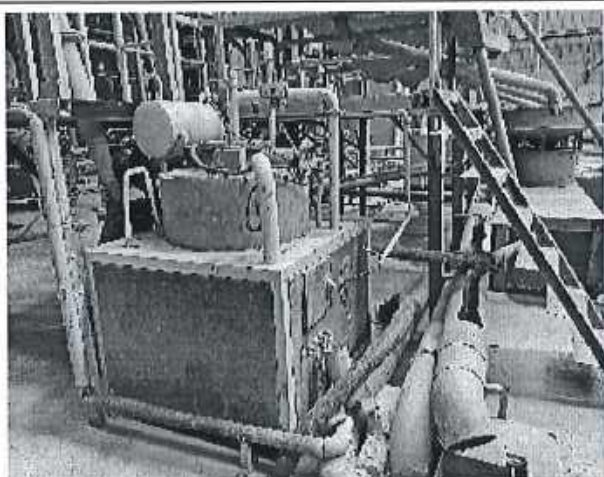


Bơm màng DL 80



Máy lọc sắt 250(ĐC Hải Dương)

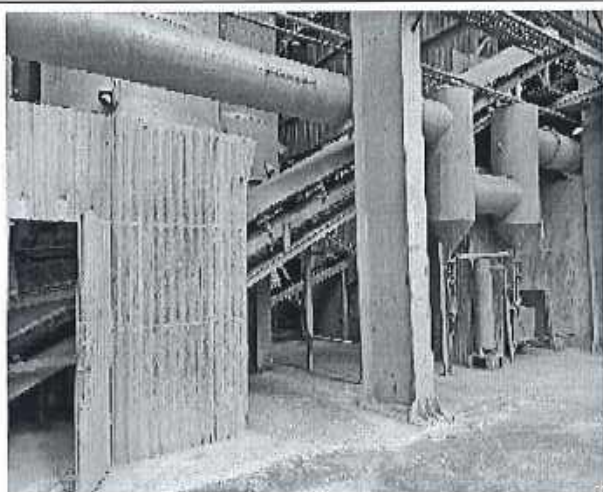




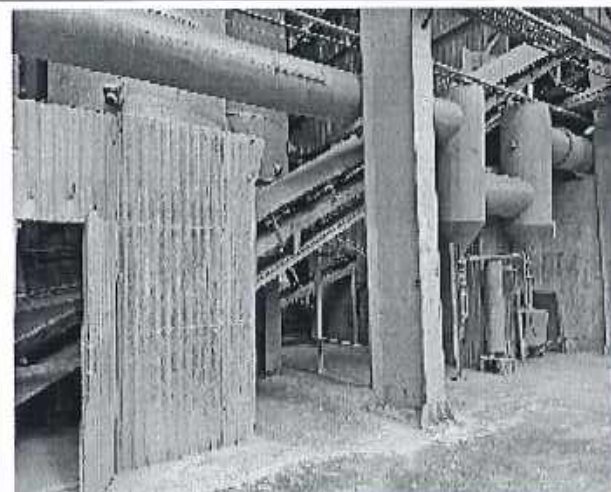
Máy lọc sắt 250(ĐC Hải Dương)



Băng tải cấp bột cho máy ép (Băng tải xả bột Silos: 1; B.tải cấp bột: 4)



Băng tải cấp bột cho máy ép (Băng tải xả bột Silos: 1; B.tải cấp bột: 4)



Kết cấu thép sàn sàng rung và băng tải

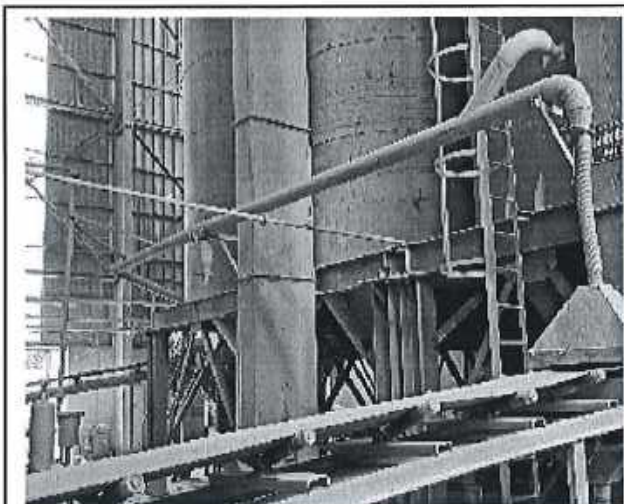


Gầu nâng

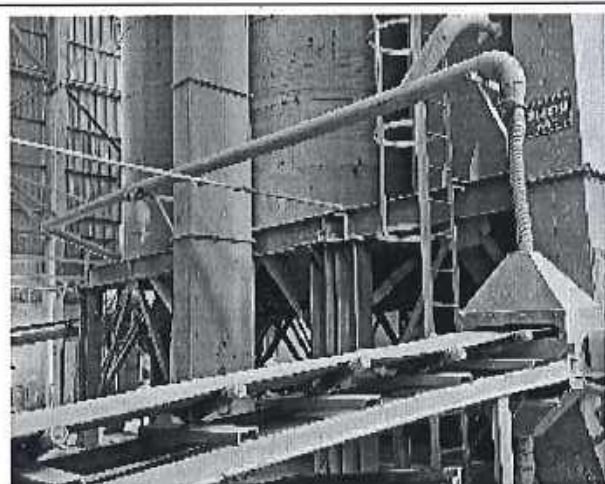


Gầu nâng

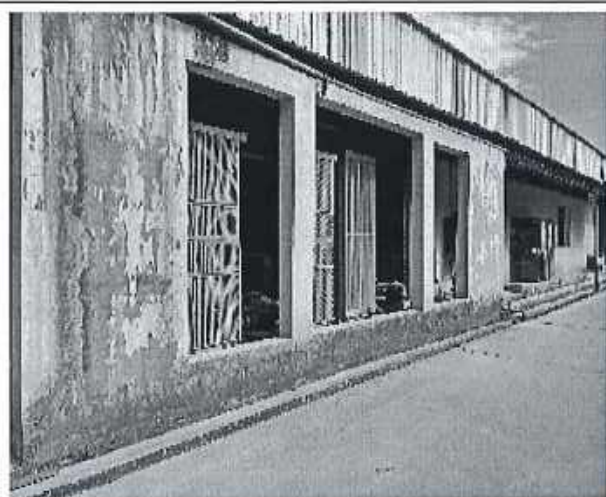




Thiết bị hút bụi; Đường ống khử bụi



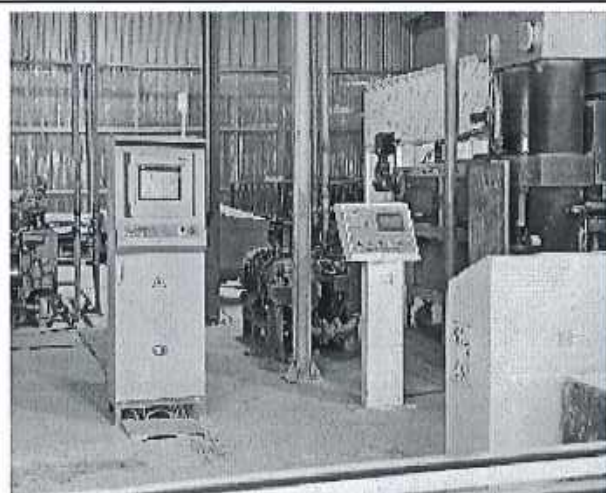
Thiết bị hút bụi; Đường ống khử bụi



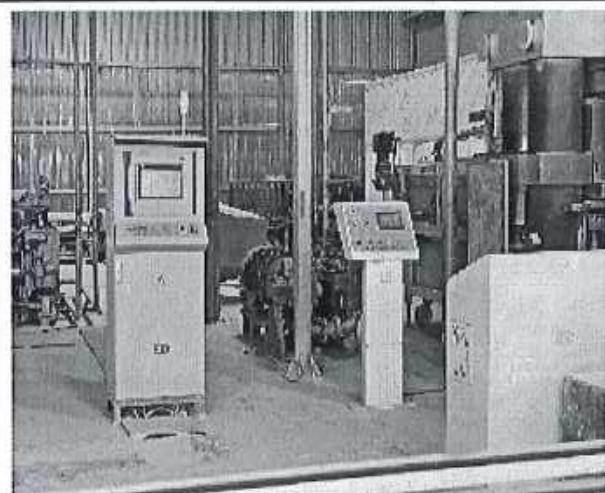
Quạt làm mát dầu NK (T4/2014)



Quạt làm mát dầu NK (T4/2014)



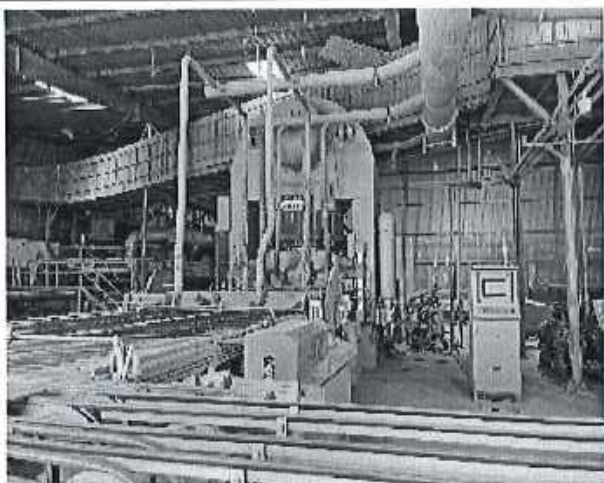
Bơm chính máy ép 5603063 (K0538) T5/2017



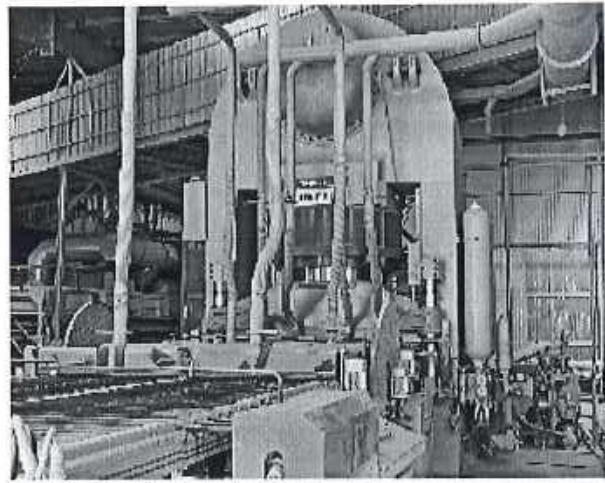
Bơm chính máy ép 5603063 (K0538) T5/2017



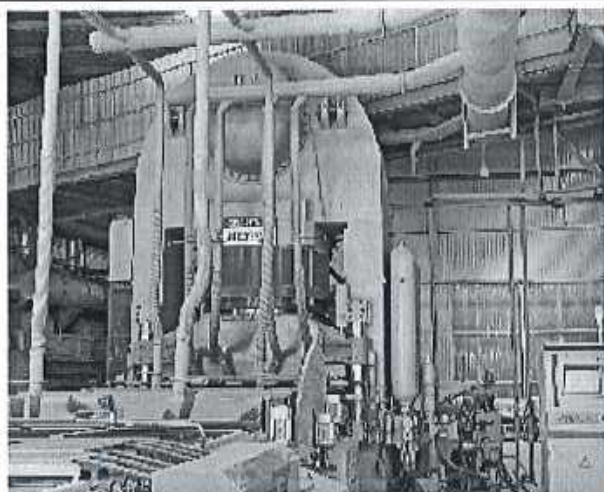




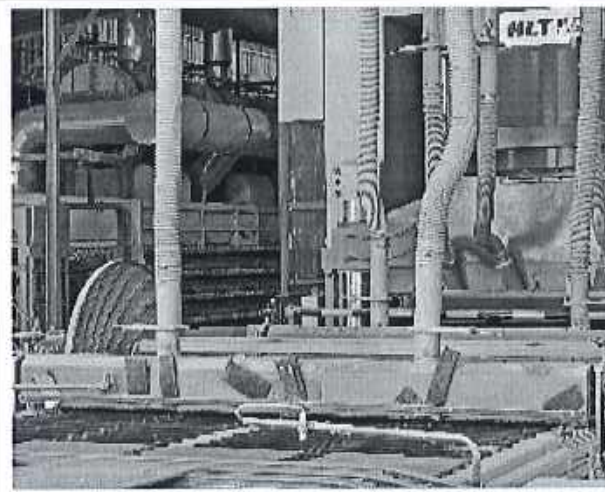
Máy ép



Máy ép



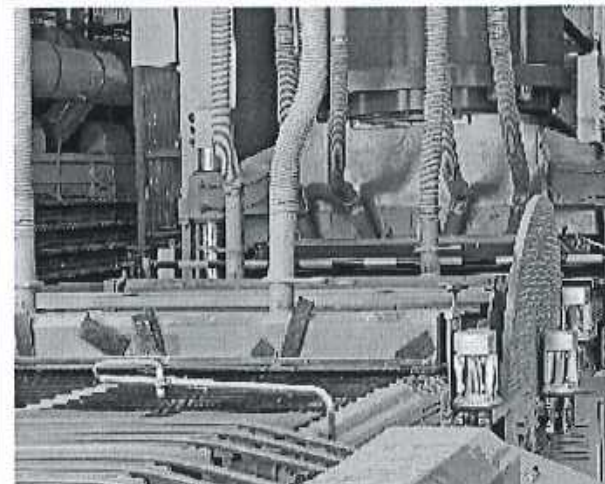
Động cơ biến tần SLZ khởi động xe liệu thẳng



Động cơ biến tần SLZ khởi động xe liệu thẳng

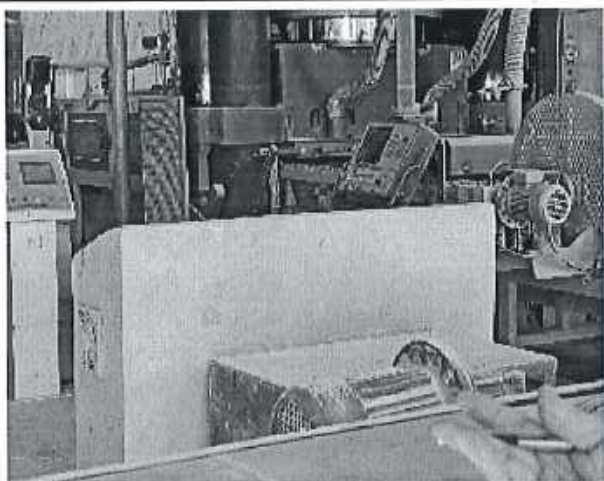


Take off table (Bàn lật gạch)

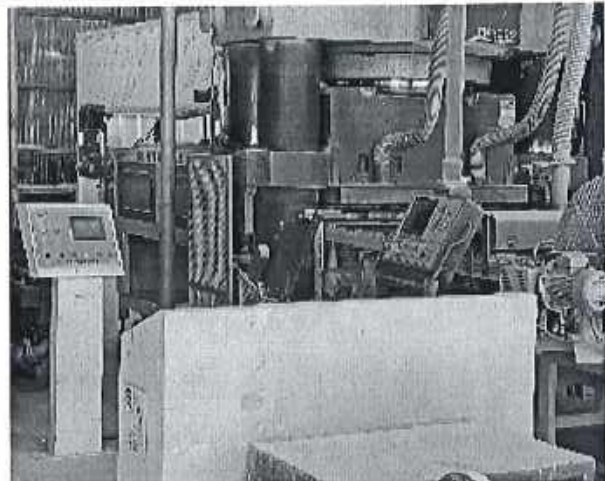


Take off table (Bàn lật gạch)

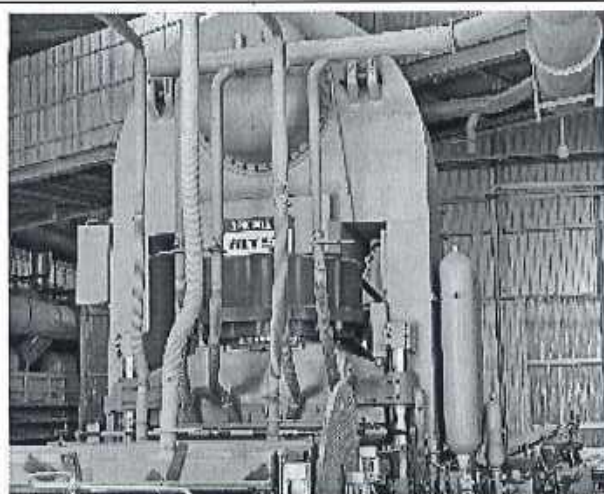




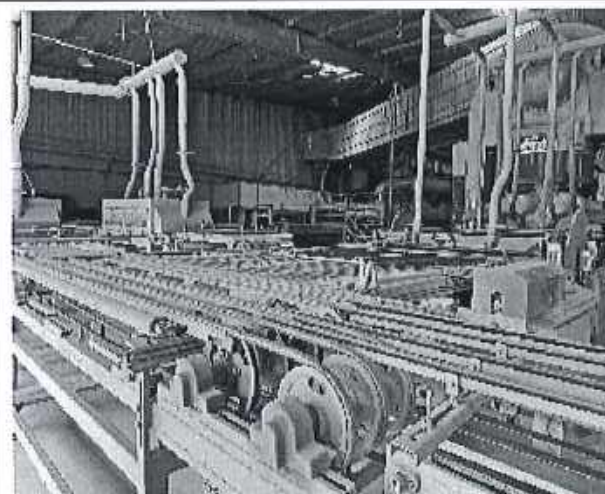
Tủ điều khiển từ



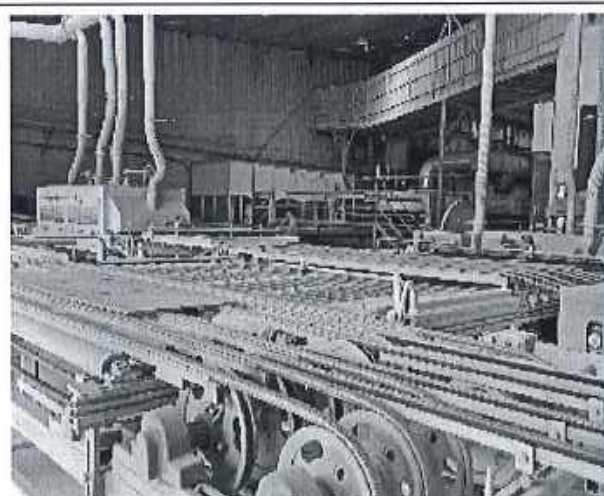
Tủ điều khiển từ



Magenetic platet (Tấm hút từ)



Dây chuyền nối từ bàn lật máy ép đến đầu vào máy sấy



Dây chuyền nối từ bàn lật máy ép đến đầu vào máy sấy

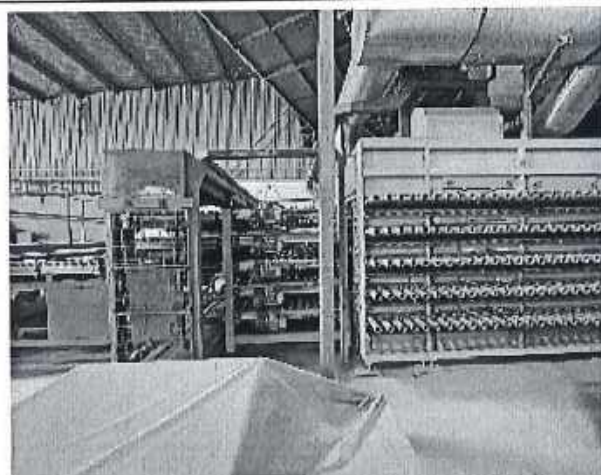


(Tổng khuôn 60x60-2C)

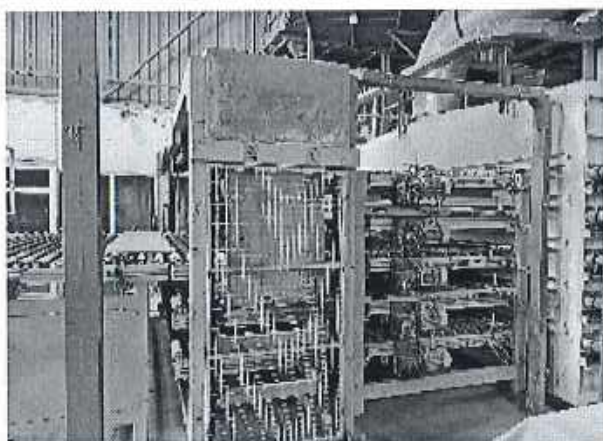




(Tổng khuôn 60x60-2C)



Máy nạp tải sấy 5 tầng



Máy nạp tải sấy 5 tầng



Máy sấy 5 tầng W3200/22400mm đồng bộ

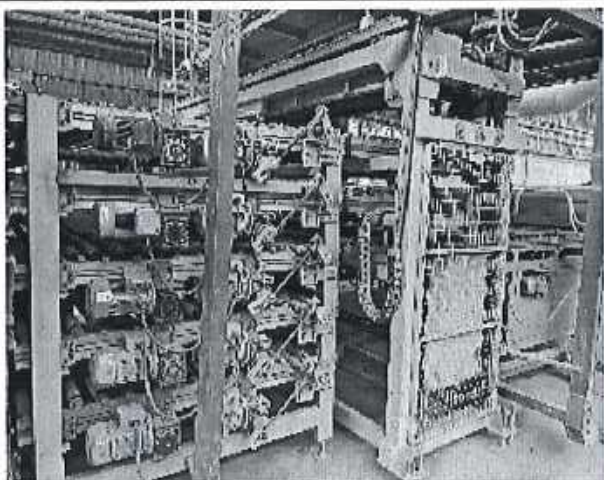


Máy sấy 5 tầng W3200/22400mm đồng bộ

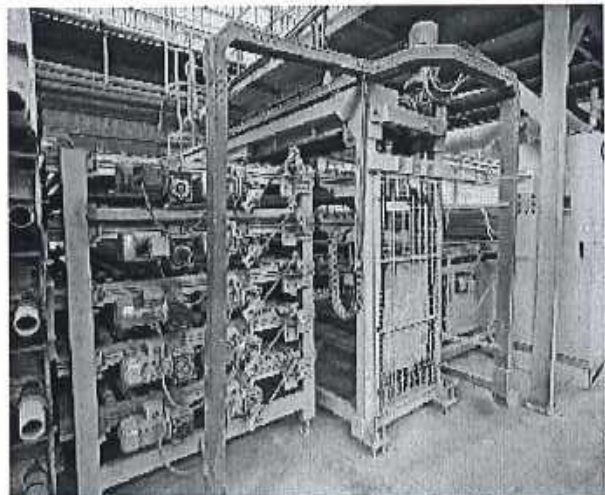


Máy sấy 5 tầng W3200/22400mm đồng bộ





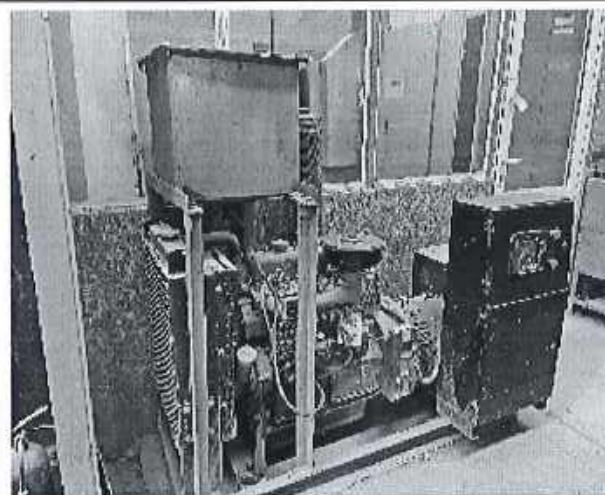
Máy đỡ tải sẩy 5 tầng W3200/6920mm



Máy đỡ tải sẩy 5 tầng W3200/6920mm



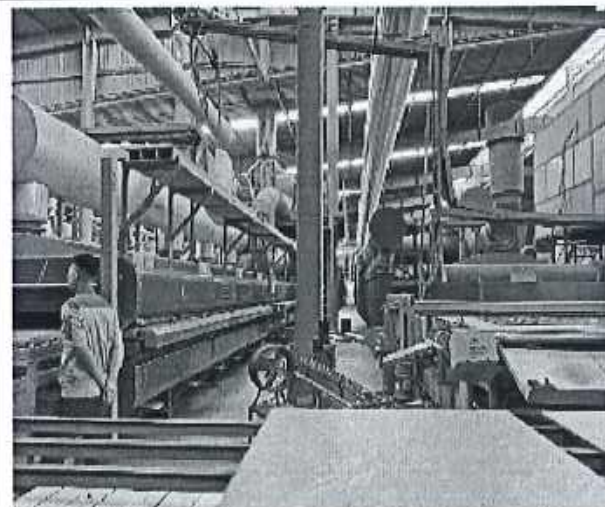
Máy phát điện 30KW dự phòng



Máy phát điện 30KW dự phòng

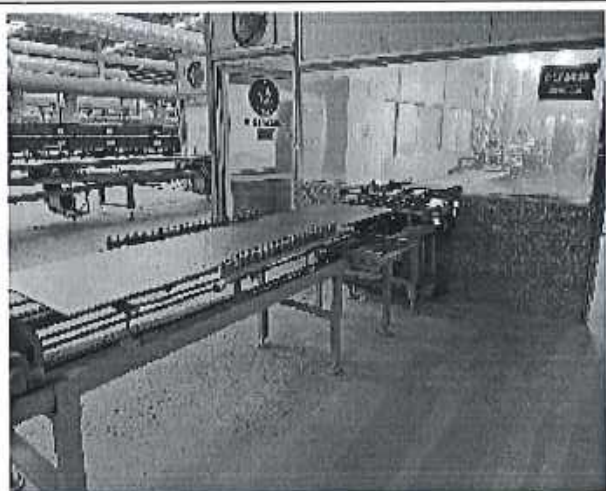


Thiết bị đỡ tải lò W3050/L3250

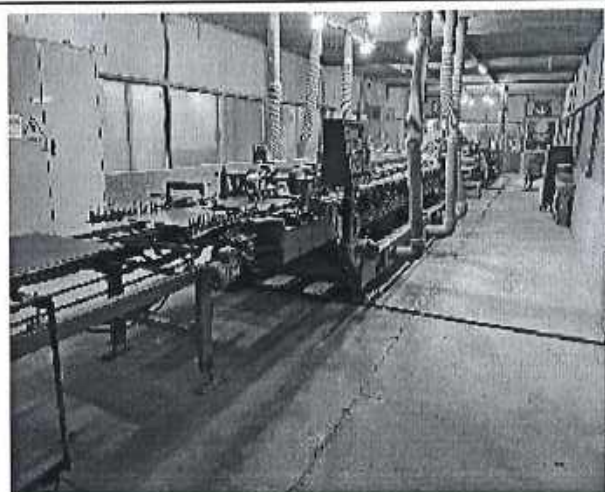


Thiết bị đỡ tải lò W3050/L3250

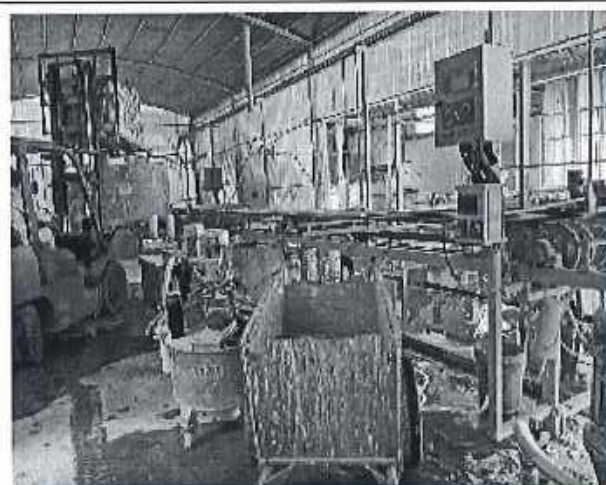




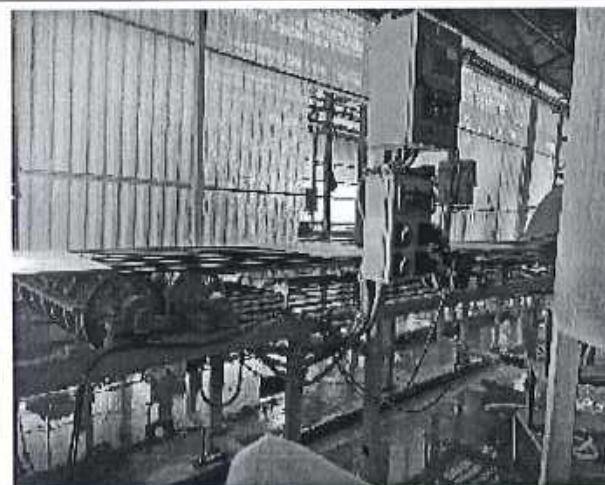
Máy mài cạnh khô



Máy mài cạnh khô



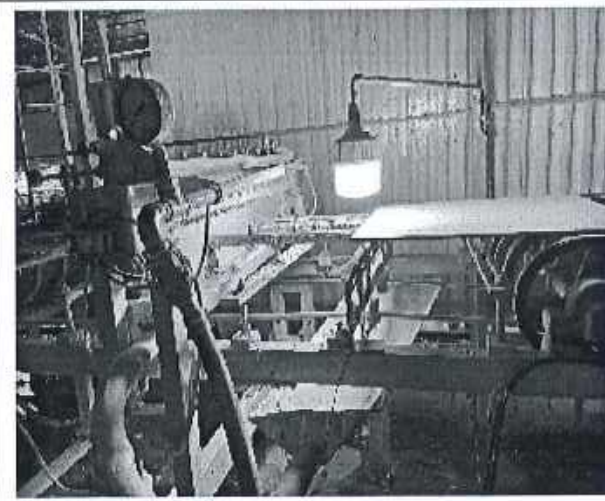
HT dây chuyền vận chuyển, phun ẩm, bơm men



HT dây chuyền vận chuyển, phun ẩm, bơm men

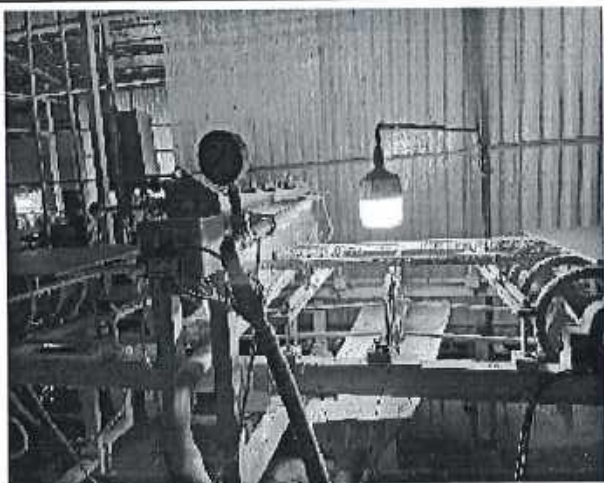


HT dây chuyền vận chuyển, phun ẩm, bơm men



Máy tráng men (Super surface glazing)





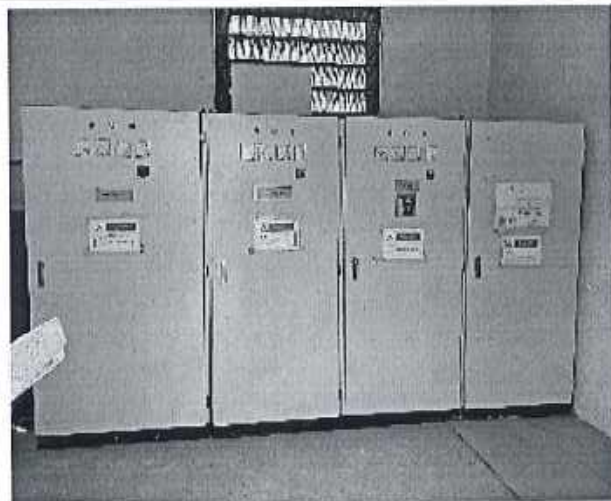
Máy tráng men (Super surface glazing)



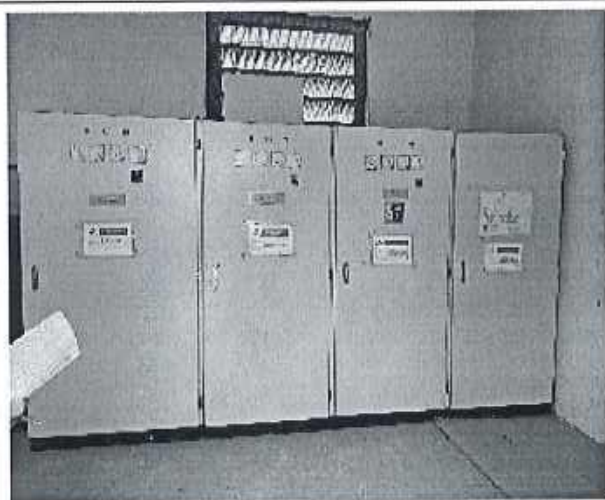
Thiết bị máy in (Inkjet Printer)



Thiết bị máy in (Inkjet Printer)



Máy biến điện áp loại 3 pha 22/0,4 KV - 2000 KVA D



Máy biến điện áp loại 3 pha 22/0,4 KV - 2000 KVA D

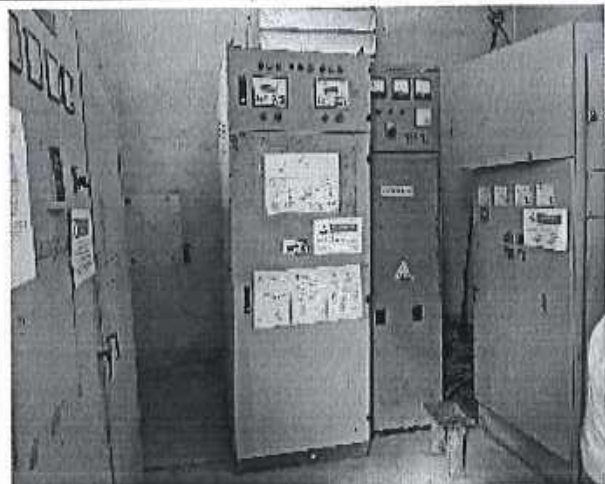


Tủ bù 600 kVAr

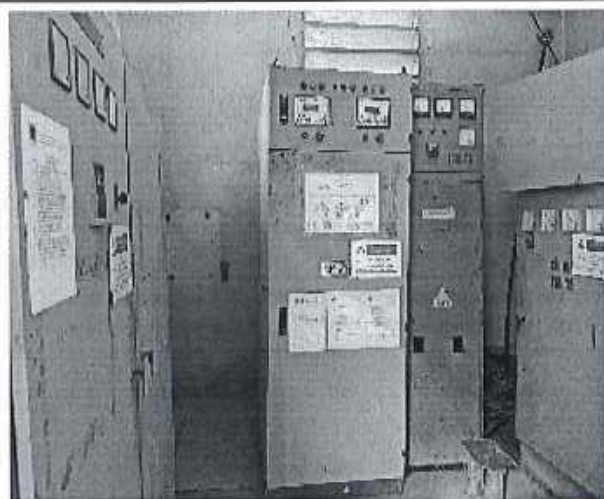




Tủ bù 600 kVar



Hệ thống điện trung thế



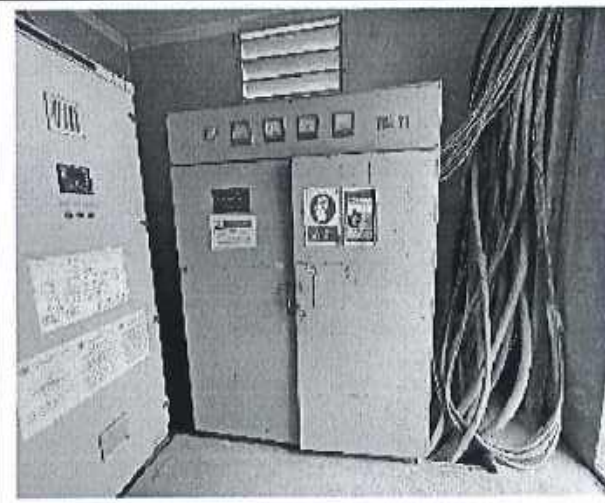
Hệ thống điện trung thế



Tủ điện phân phối: 1600 A



Tủ điện phân phối: 1600 A

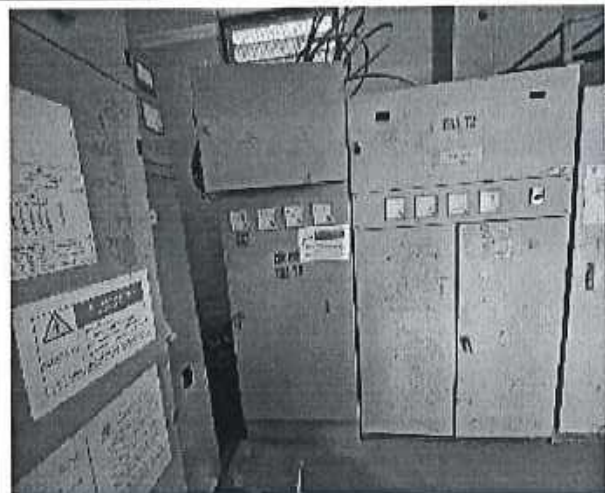


Tủ điện trung gian nghiền xương: 1600 A

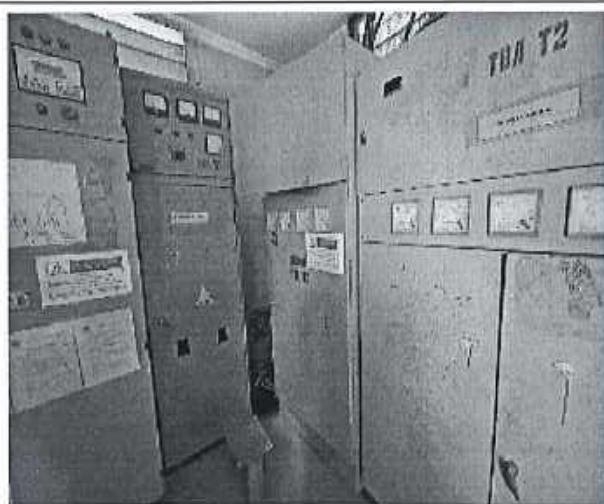




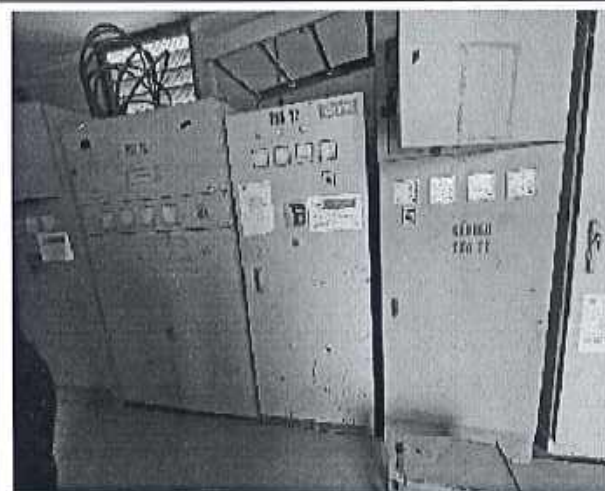
Tủ điện trung gian nghiền xương: 1600 A



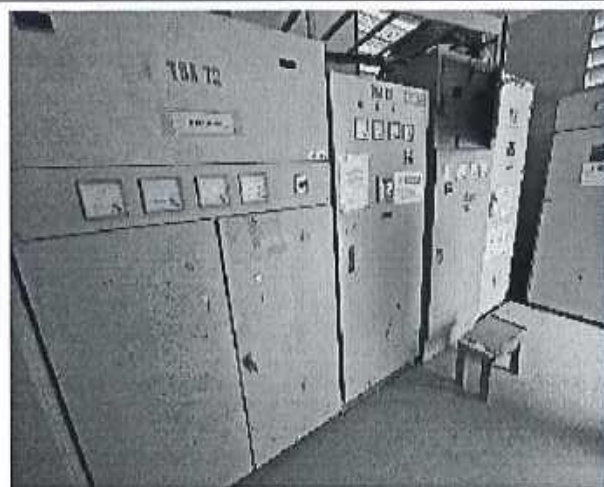
Tủ điện trung gian Lò nung - máy mài



Tủ điện trung gian Lò nung - máy mài



Tủ điện trung gian máy ép - Sấy nằm



Tủ điện trung gian máy ép - Sấy nằm



Hệ thống hút bụi





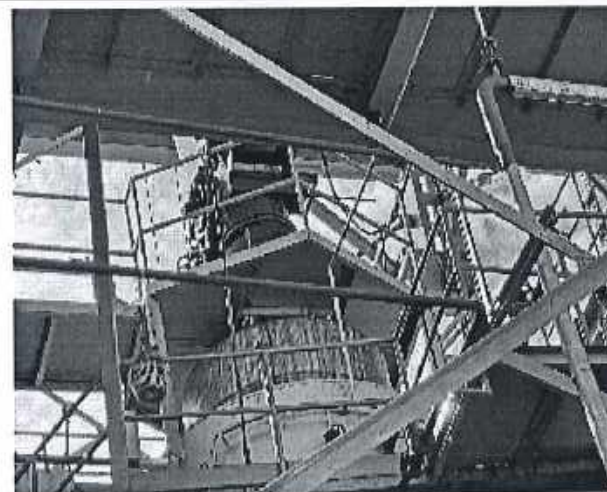
Hệ thống hút bụi



Gầu cấp liệu ép



Máy nạp than tự động (T1/2016)



Máy nạp than tự động (T1/2016)

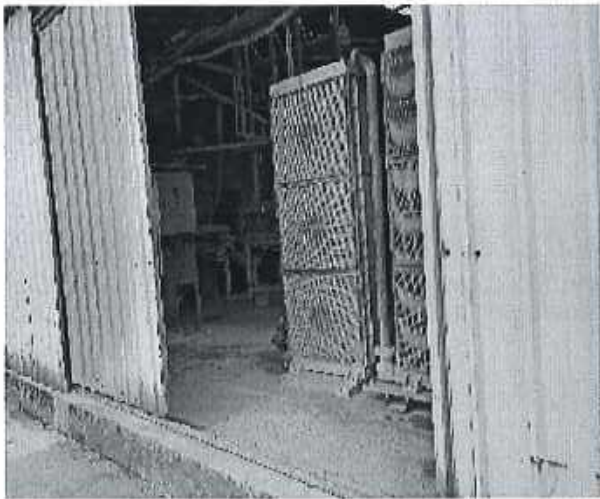


Lò than xích (CP lắp đặt)

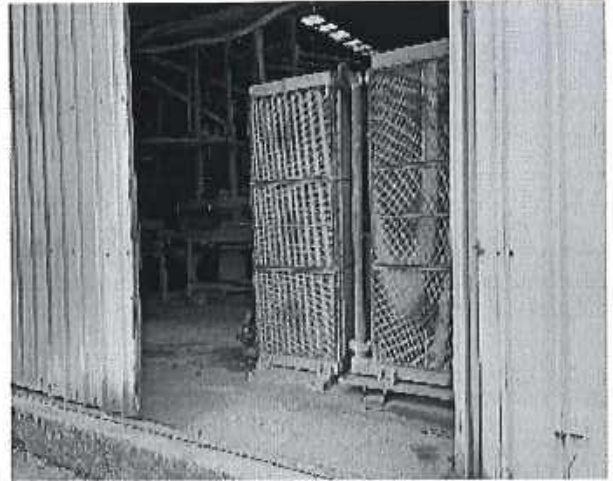


Lò than xích (CP lắp đặt)

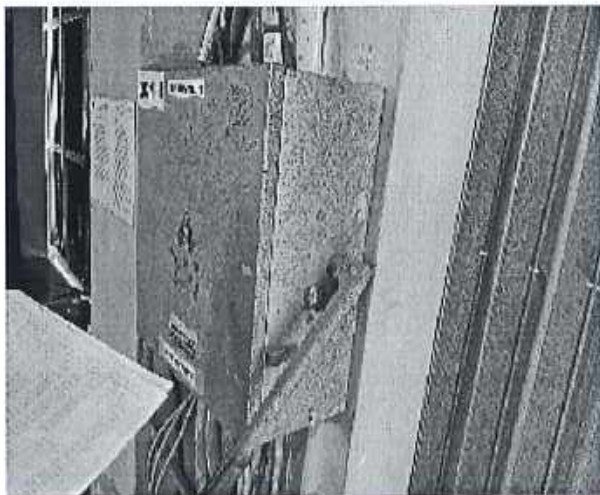




Thiết bị làm mát dầu máy ép (T1/2016)



Thiết bị làm mát dầu máy ép (T1/2016)



Máy cắt tủ động lực ACB METASOL (T2/2014)



Máy cắt tủ động lực ACB METASOL (T2/2014)



Máy tính PKH (T4/2016)



Máy tính PKH (T4/2016)

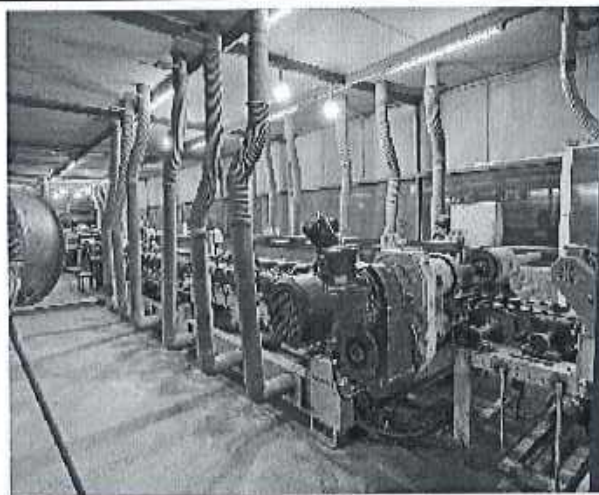




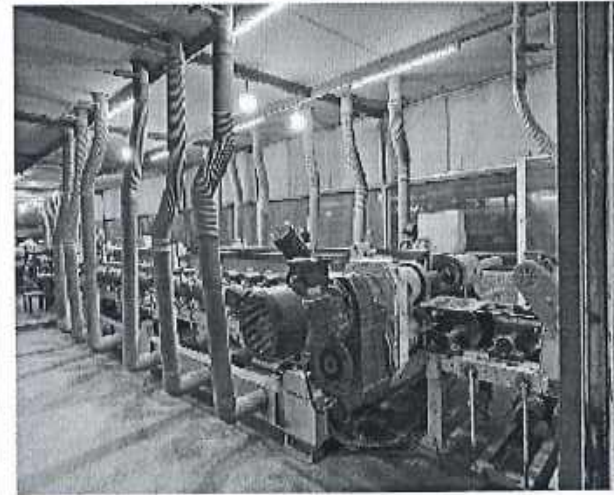
Máy tính phòng kỹ thuật



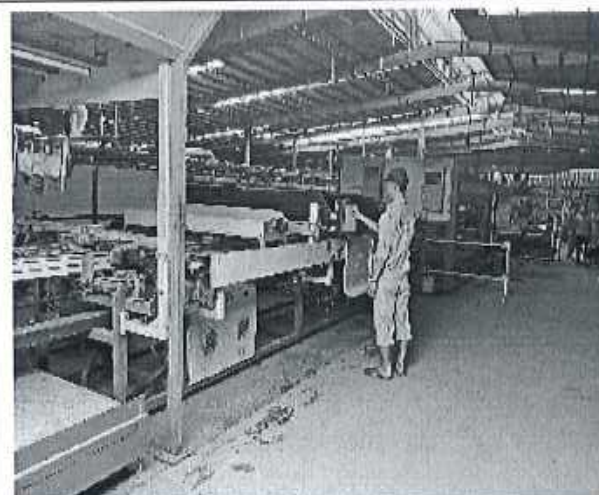
Máy tính phòng kỹ thuật



Máy mài cạnh DC 2 -241B21



Máy mài cạnh DC 2 -241B21



Dây chuyền phân loại, đóng gói và xếp pallet tự động

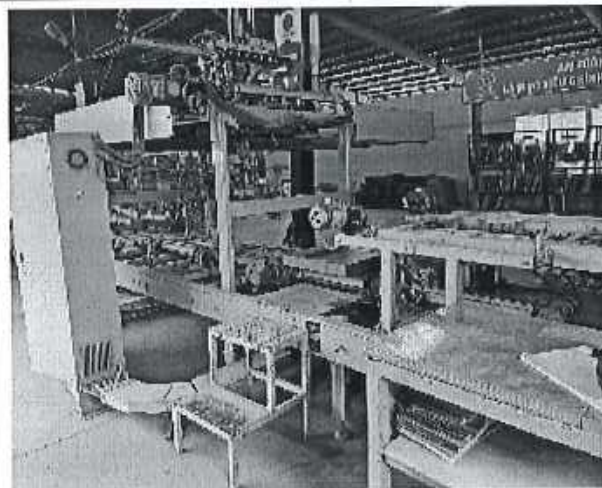


Dây chuyền phân loại, đóng gói và xếp pallet tự động

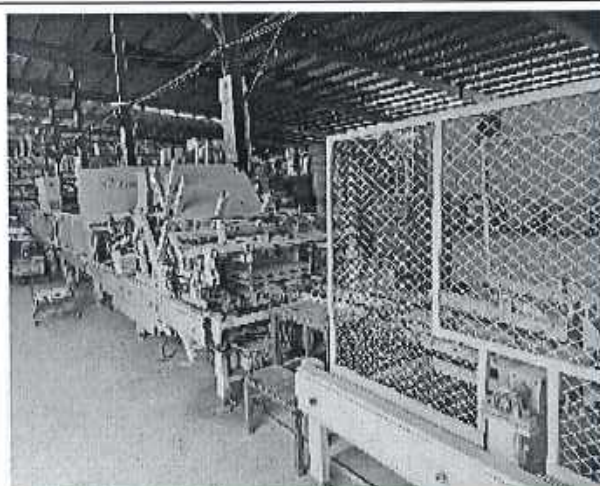




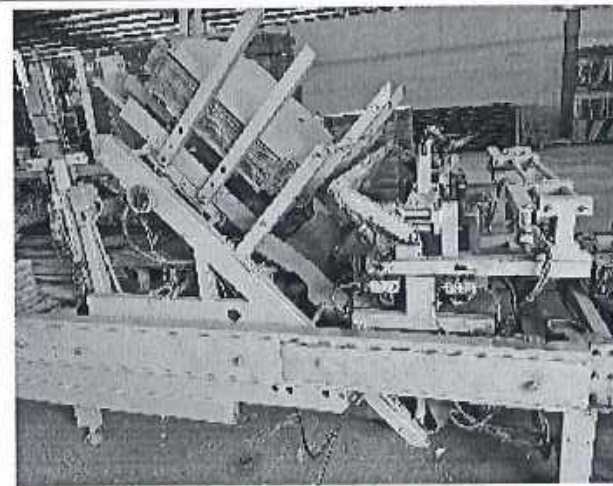
Dây chuyền đóng gói tự động trọn bộ



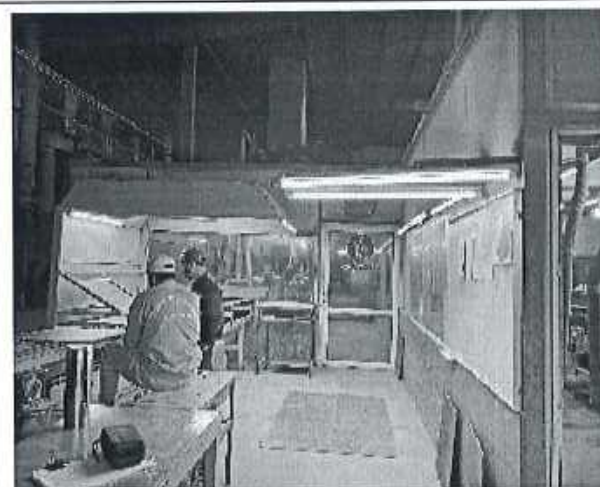
Dây chuyền đóng gói tự động trọn bộ



Dây chuyền đóng gói tự động trọn bộ



Dây chuyền đóng gói tự động trọn bộ

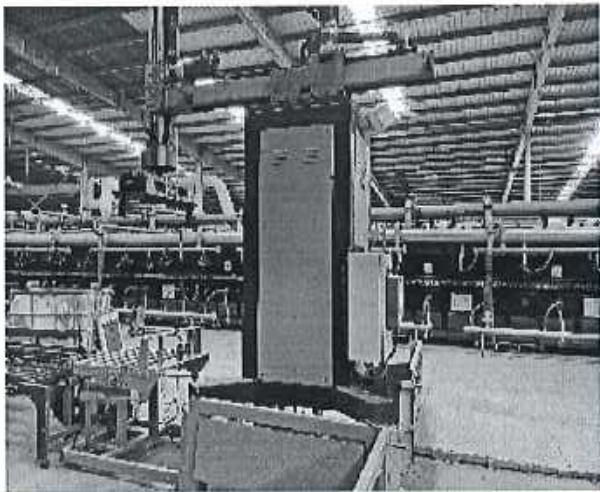


Cabin xưởng máy mài



Cabin xưởng máy mài

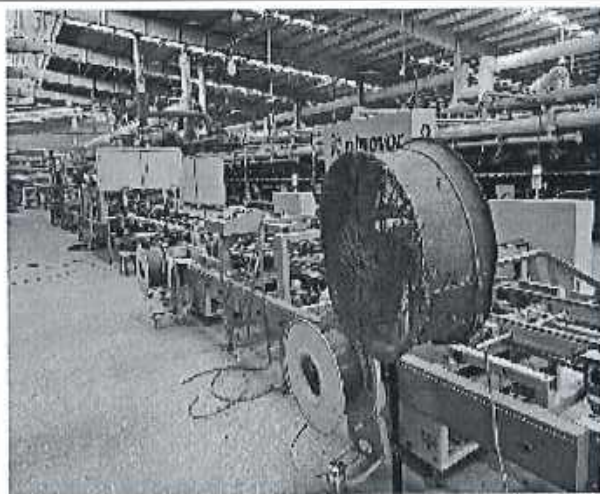




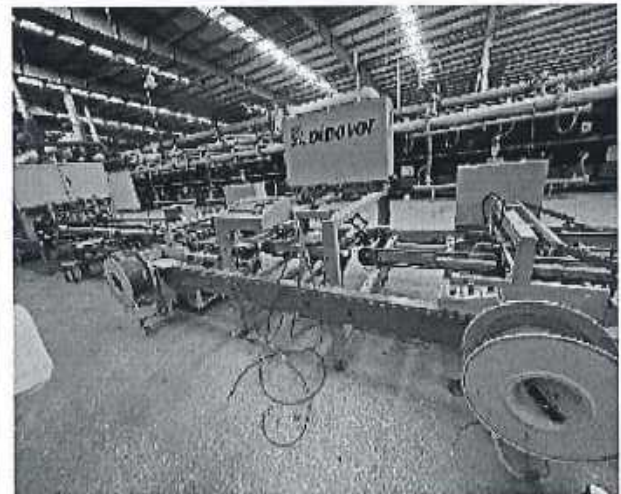
Máy gấp gạch CMD001



Máy gấp gạch CMD001



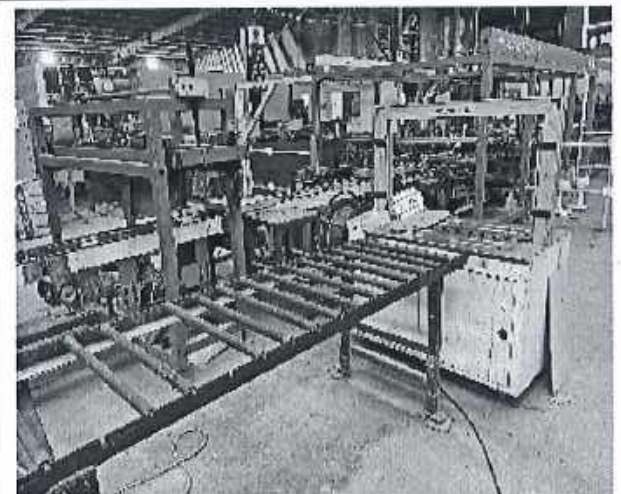
Máy đóng gói model DJ8080-01, công suất 4KW-380v/50HZ



Máy đóng gói model DJ8080-01, công suất 4KW-380v/50HZ

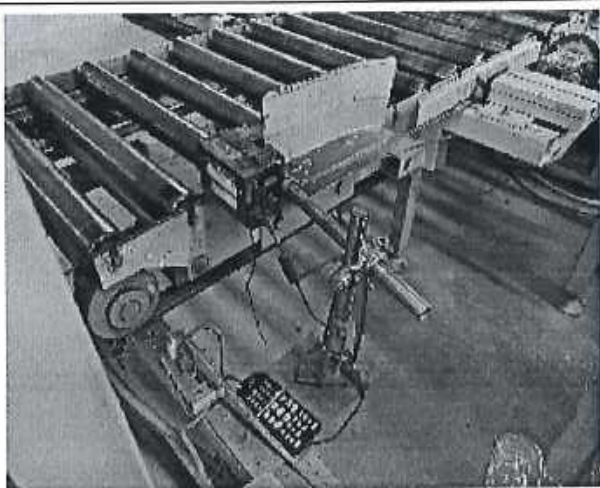


Máy đóng đai Young Sun MH-102A



Máy đóng đai Young Sun MH-102A





Máy in phun Anser U2 Smart



Máy in phun Anser U2 Smart



Silo chứa men



Silo chứa men

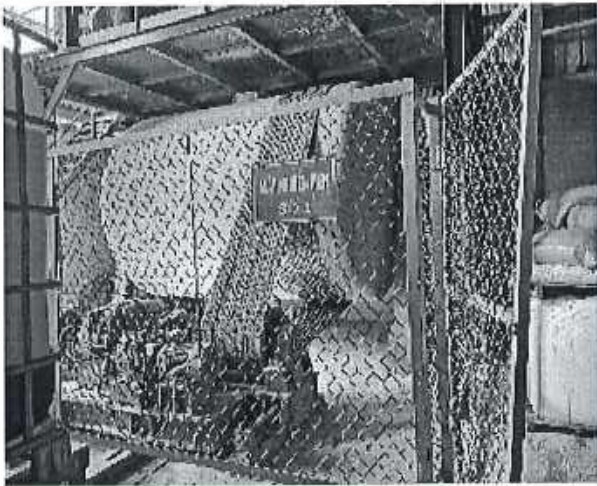


Sàng rung  $\varnothing 1200\text{mm}$



Sàng rung  $\varnothing 1200\text{mm}$

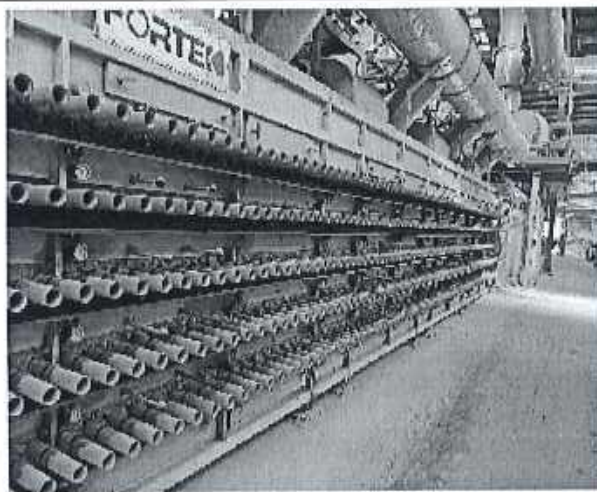




Máy nghiền bi gián đoạn 5 tấn



Cửa sổ trời



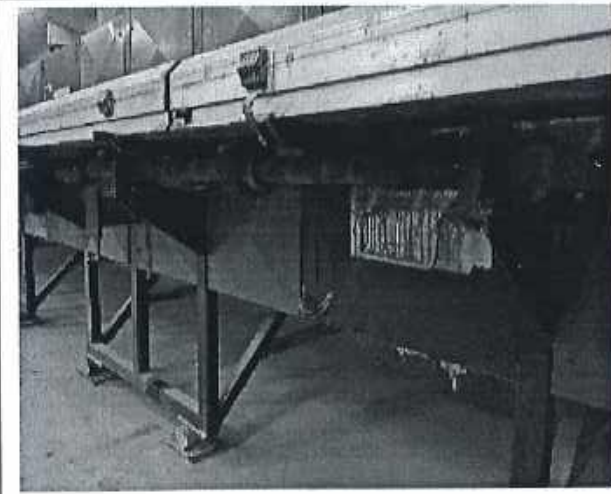
Sấy nằm 5 tầng Yên phong-241B20



Sấy nằm 5 tầng Yên phong-241B20



Dẫn động lò nung số 2 (T8/2014)

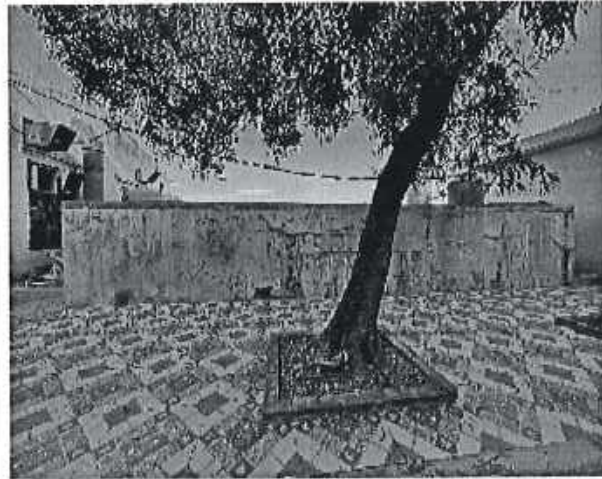


Dẫn động lò nung số 2 (T8/2014)





Trạm cấp nước chung cho SX và SH



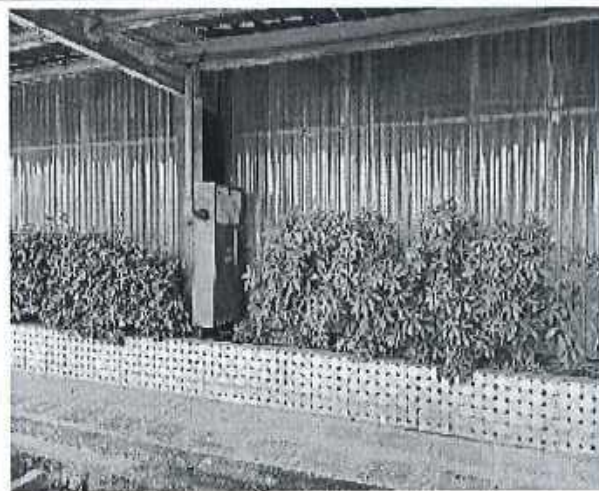
Trạm cấp nước chung cho SX và SH



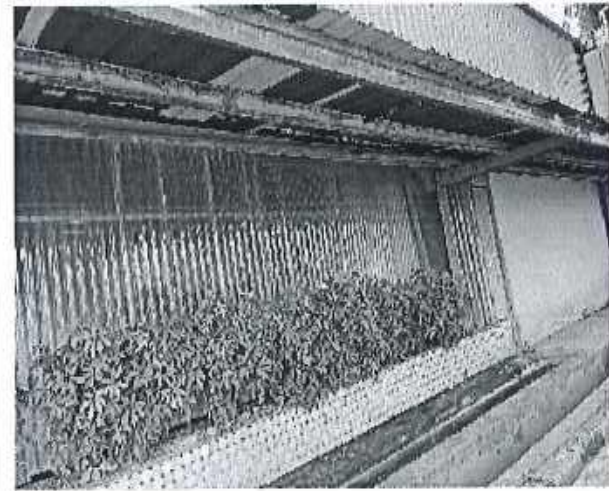
Tủ tụ bù cosP d. lượng 500KVA



Tủ tụ bù cosP d. lượng 300KVA



Thiết bị PCCC



Thiết bị PCCC





Nhà trạm biển áp



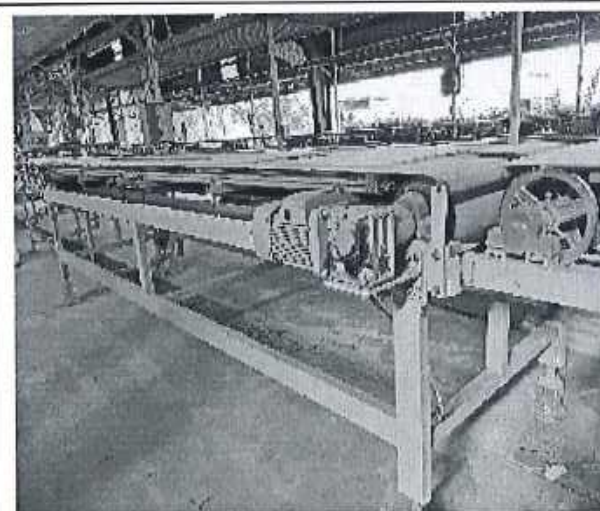
Nhà trạm biển áp



Nền trạm CNG



Máy đảo chiều băng tải model XH-PD800  
(2.2KW-380V)



Máy đảo chiều băng tải model XH-PD800  
(2.2KW-380V)

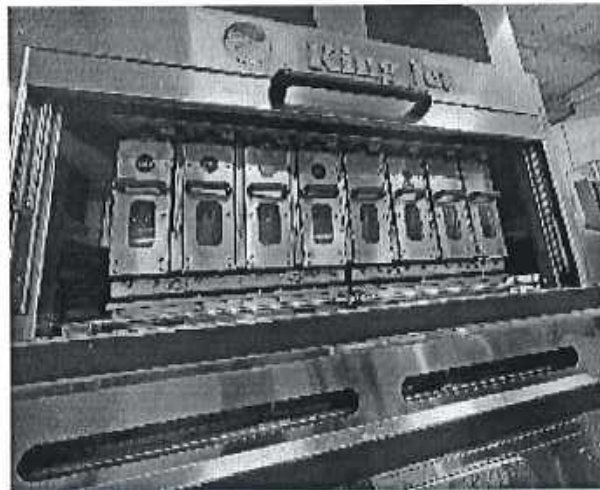


Điều hòa Sumikura phòng máy in KTS

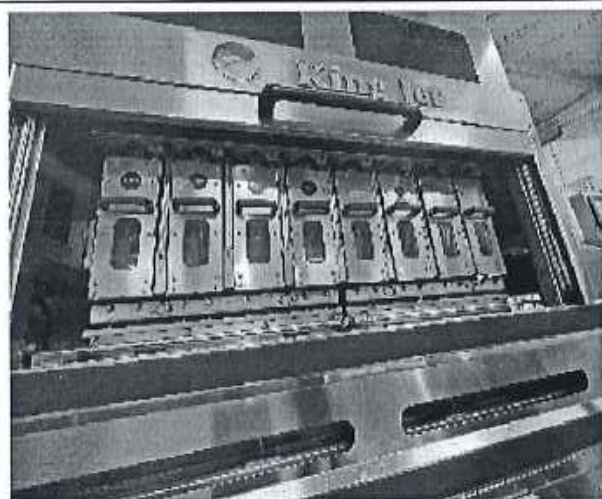




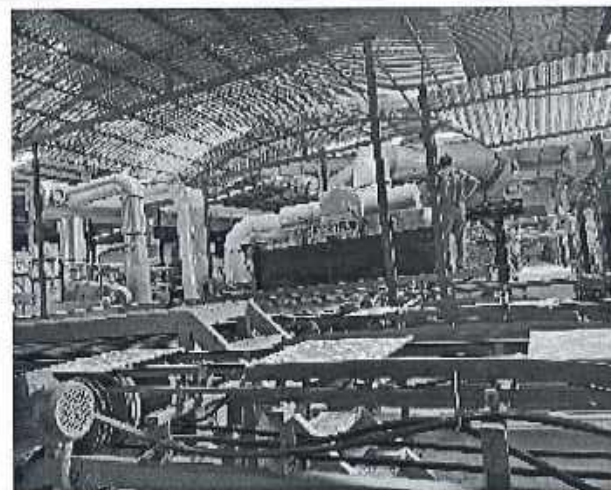
Điều hòa Sumikura phòng máy in KTS



Đầu in KTS NPM700-K1Q10X10M4D 10 đầu



Đầu in KTS NPM700-K1Q10X10M4D 10 đầu



Thiết bị nạp tải lò



Thiết bị nạp tải lò

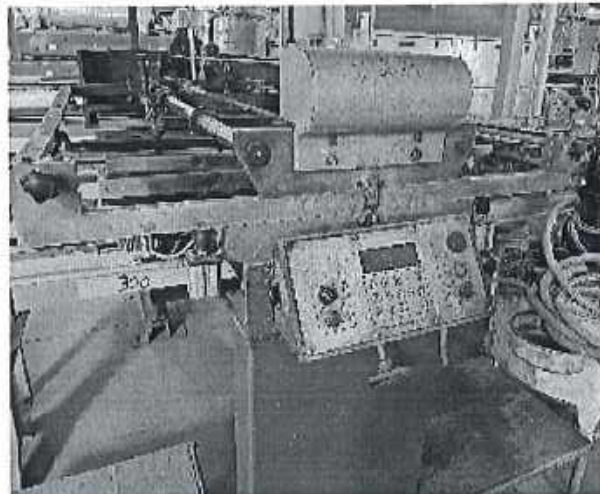


Khung băng dây chuyền

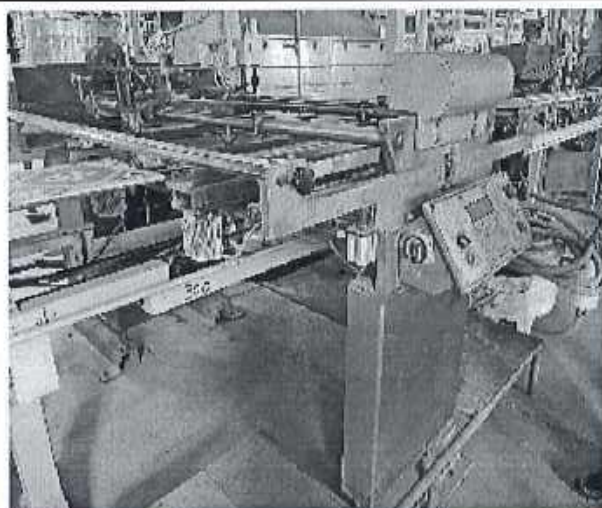




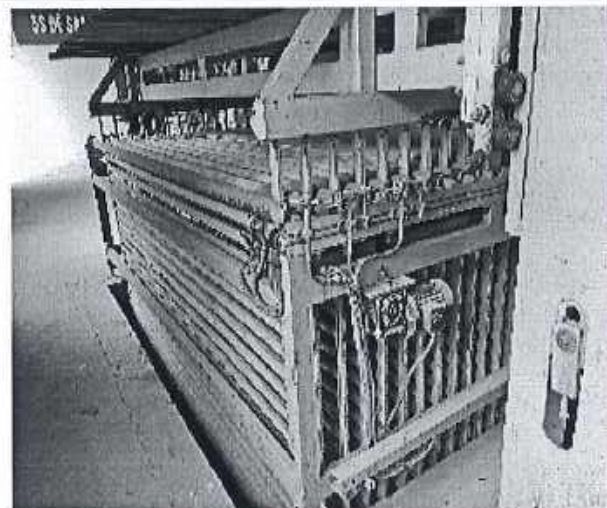
Khung băng dây chuyền



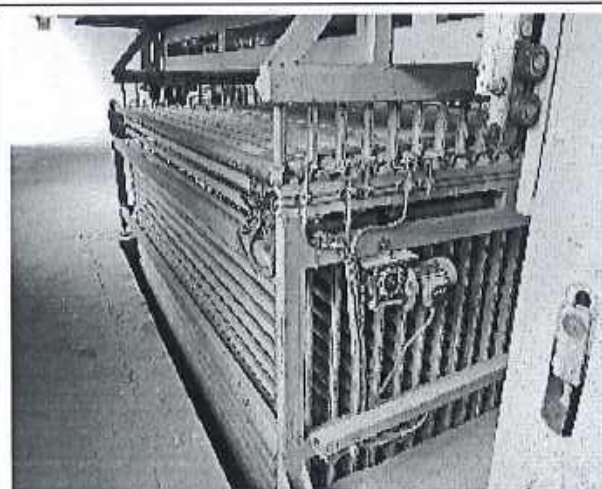
Máy in lưới



Máy in lưới



Móng máy bù đầu lò (13/9/2007)

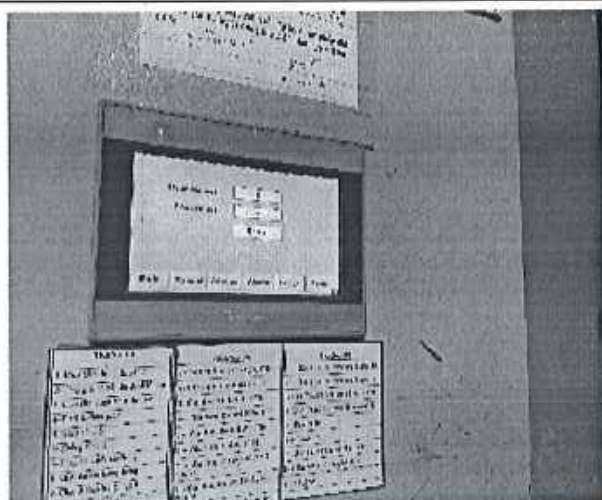


Móng máy bù đầu lò (13/9/2007)



Màn hình máy PL

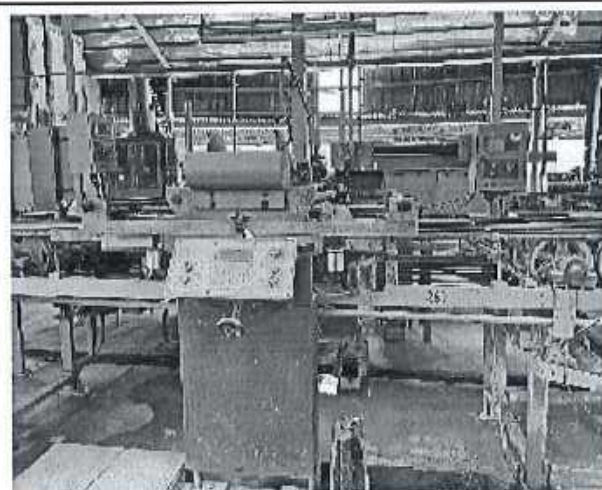




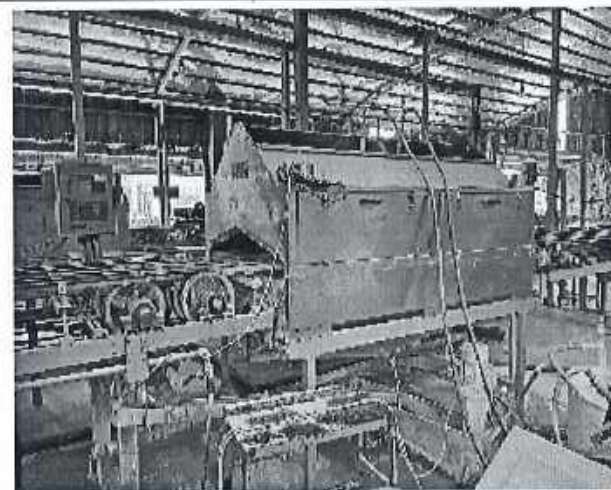
Màn hình máy PL



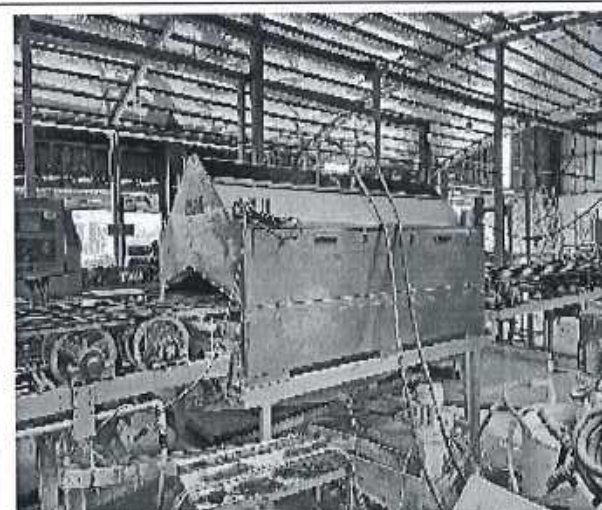
Máy in lưới HOP đồng bộ (4 cái 31/10/2011)



Máy in lưới HOP đồng bộ (4 cái 31/10/2011)



Thiết bị phun men + thùng men (T6/2014)

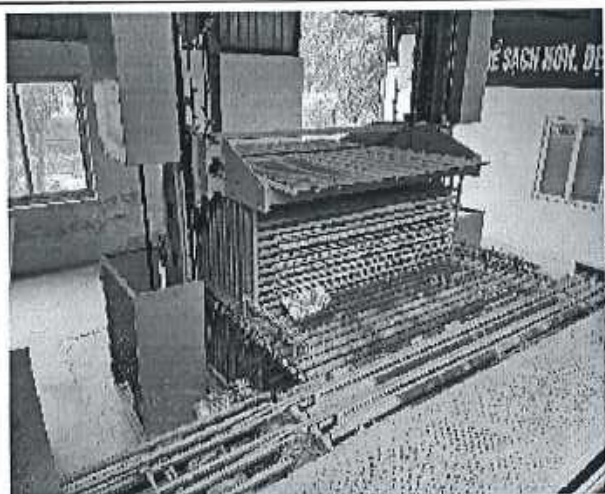


Thiết bị phun men + thùng men (T6/2014)

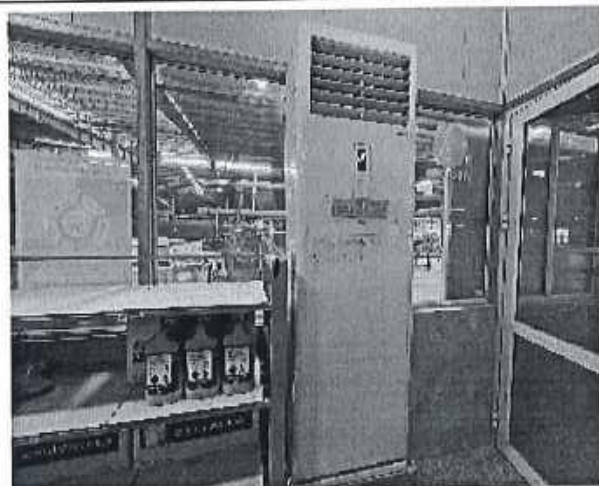


Hệ thống bù đầu lò 120m 02 DC đang SD





Hệ thống bù đầu lò 120m 02 DC đang SD



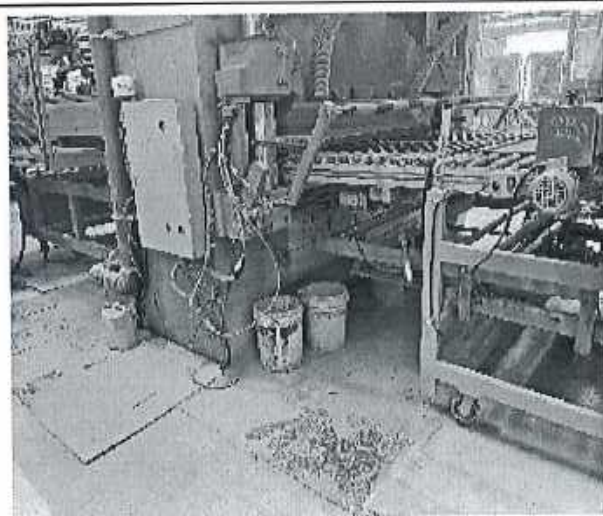
Điều hòa Funiki FC50MM1



Điều hòa Funiki FC50MM1



Móng máy ép



Móng máy ép



Sàng rung men T6/2016

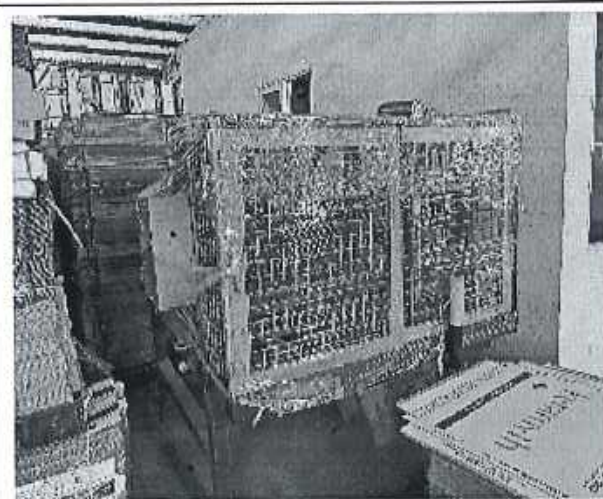




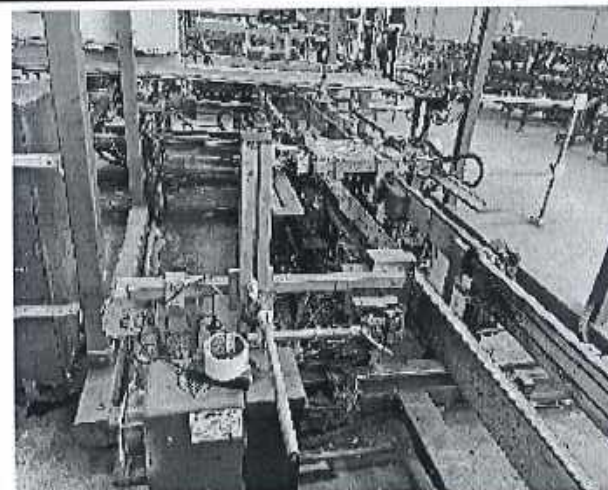
Sàng rung men T6/2016



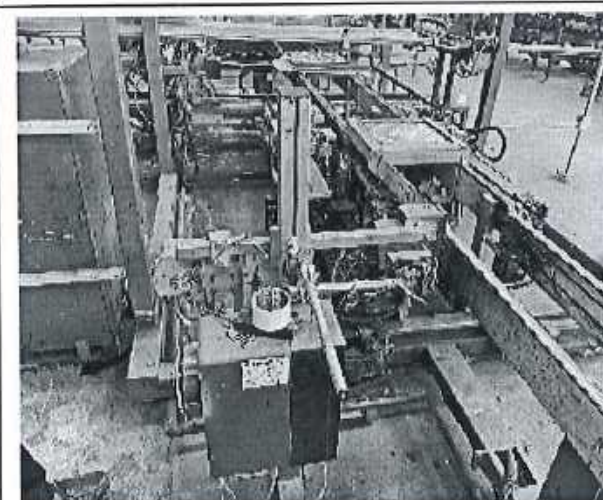
Máy dán vỏ hộp (T12/2017)



Máy dán vỏ hộp (T12/2017)



Máy in trục lăn Model FOX-S60 (2 cái) (Chuyển HN sang)



Máy in trục lăn Model FOX-S60 (2 cái) (Chuyển HN sang)

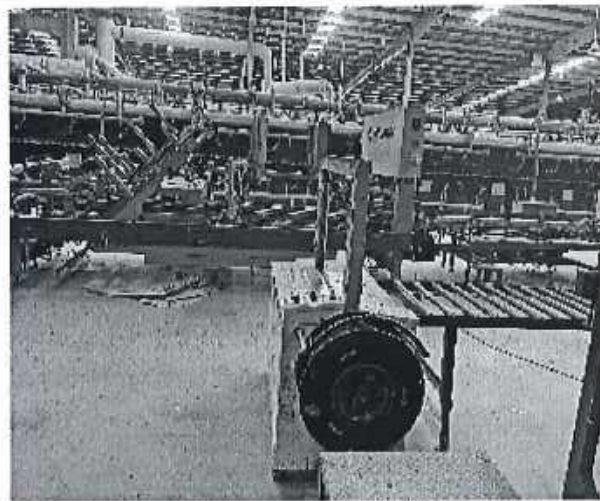


Máy in thùng cattton T9/2018

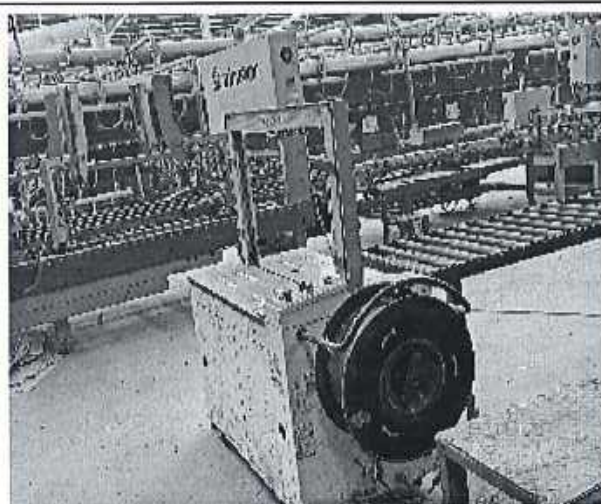




Máy in thùng catton T9/2018



Máy đóng đai HD 1897 =1c



Máy đóng đai HD 1897 =1c



Máy đo độ bóng



Máy đo độ bóng

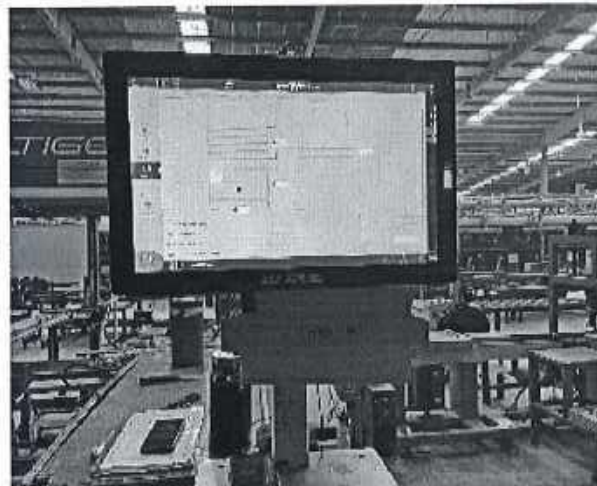


Màn hình máy Phân loại System





Màn hình máy Phân loại System



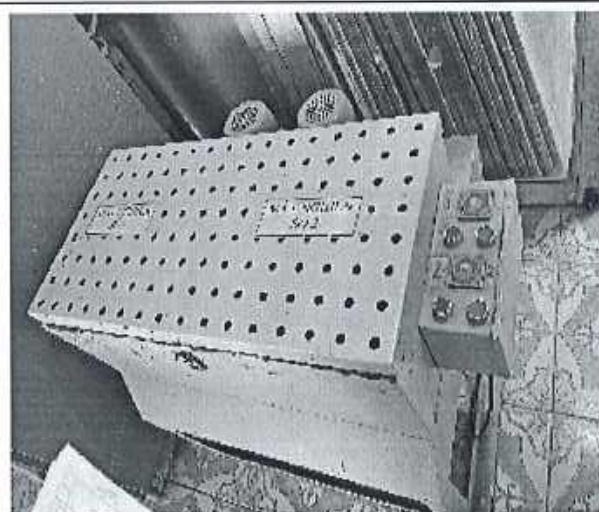
Máy vi tính HP Spectre X360 14



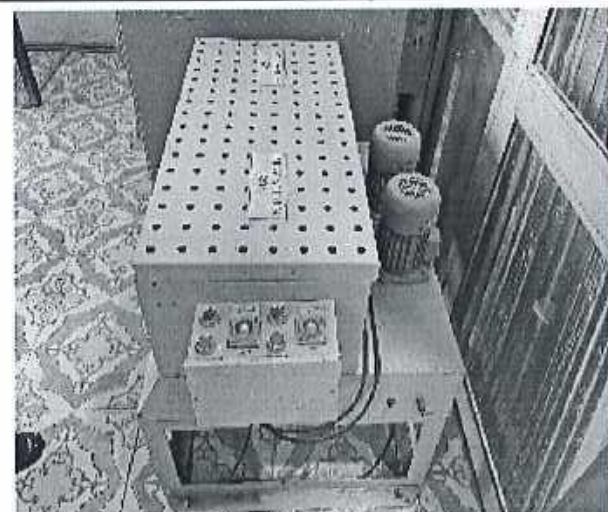
Thiết bị thí nghiệm bổ sung



Thiết bị thí nghiệm bổ sung



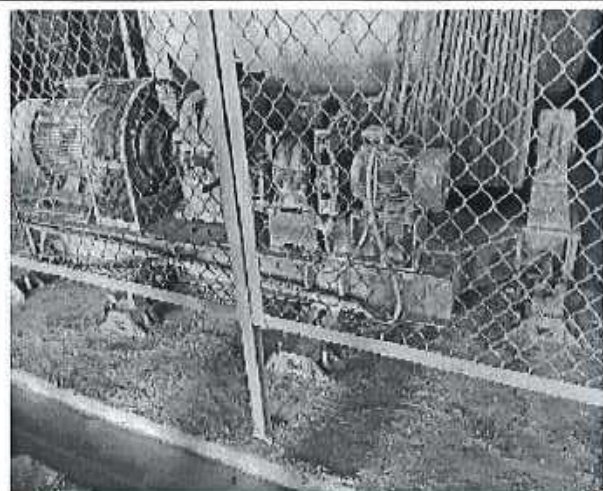
Máy nghiền nhanh Tno



Máy nghiền nhanh Tno



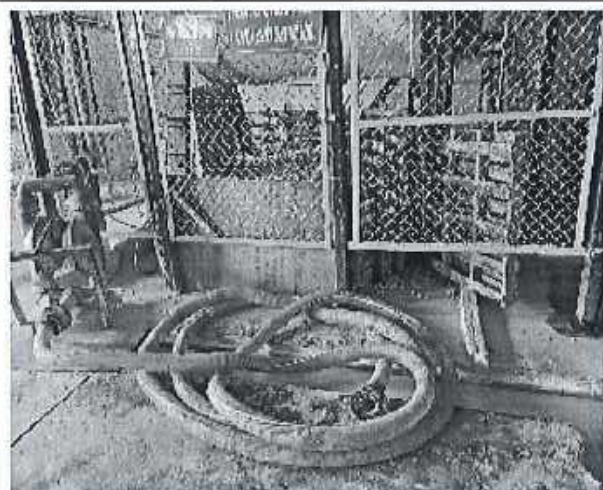
## PHỤ LỤC HÌNH ẢNH TSCĐ- CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Móng máy nghiền 10 tấn



Móng máy nghiền 10 tấn



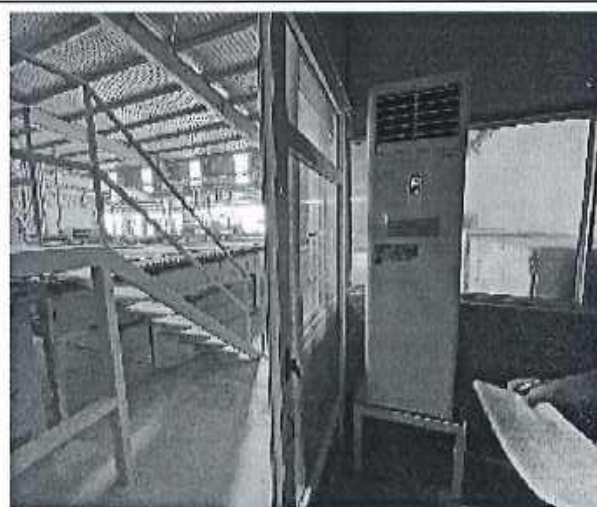
Móng máy nghiền 5 tấn



Khung dầm treo Palang 2000kg

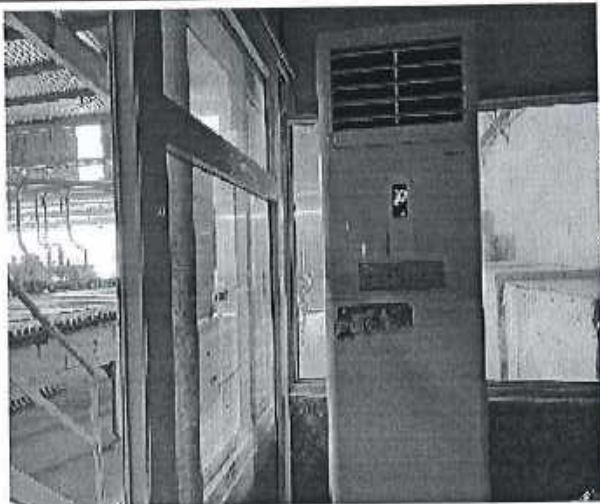


Chuông men D1200



Điều hòa Funiki FC50MMC150





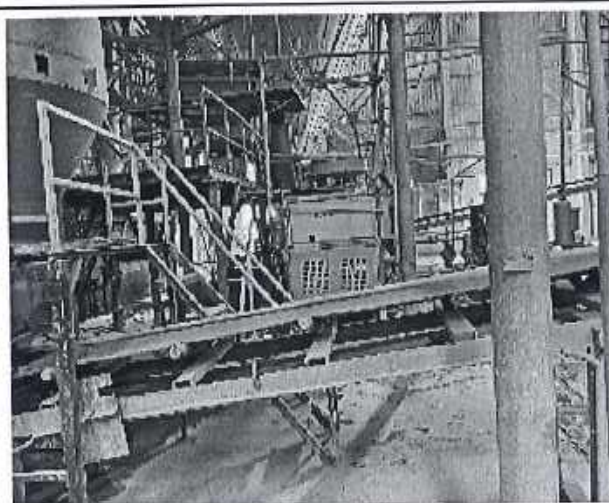
Điều hòa Funiki FC50MMC150



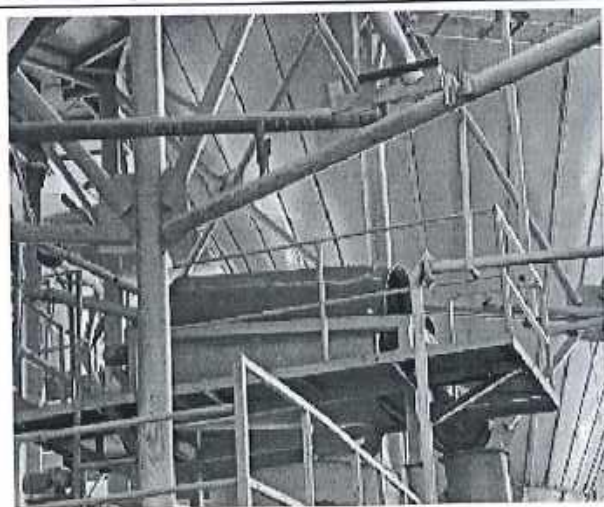
Bơm màng (Diaphragm pump)



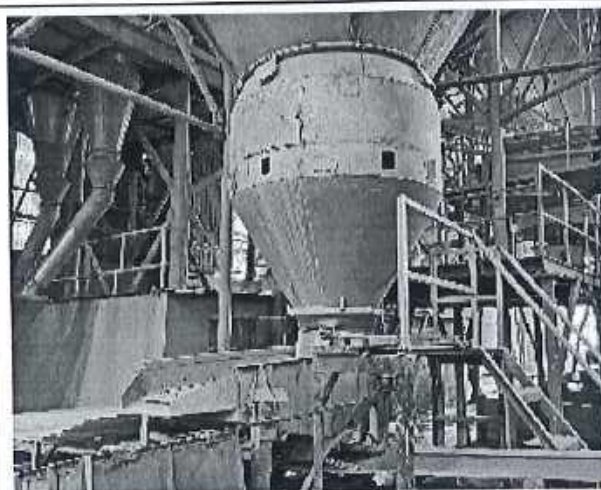
Bơm màng (Diaphragm pump)



Máy lọc sắt (Iron remover)

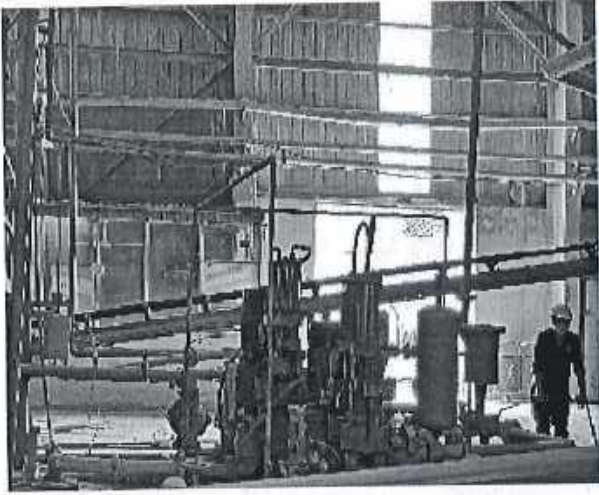


Sàng quay C800x 1500 mm

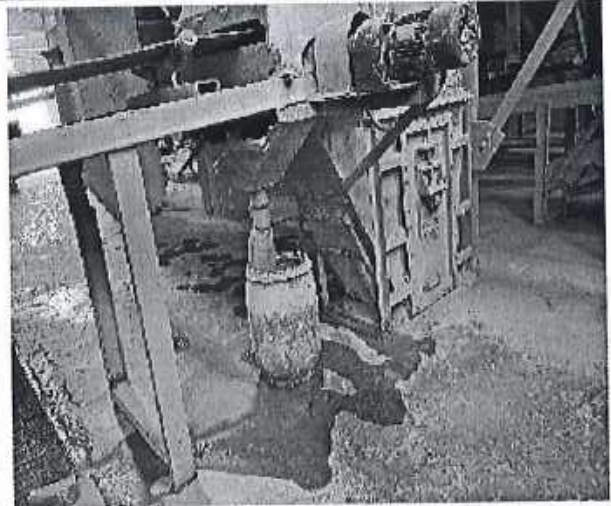


Sàng rung phẳng cho sấy phun





Bơm pittông (Piston pump)



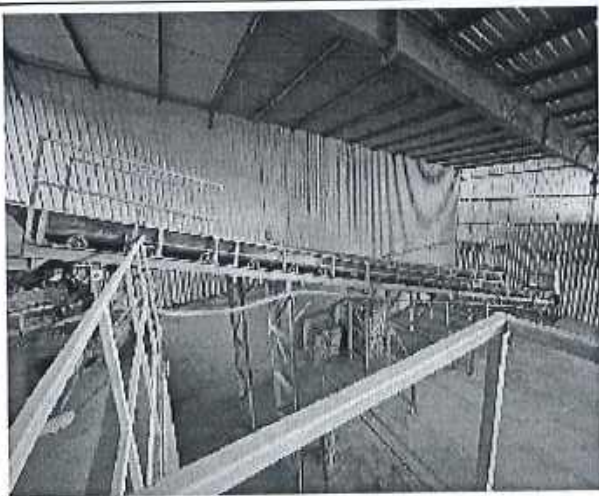
Móng silo



Móng silo



Bể khuấy 200 m<sup>3</sup>



Băng tải B800

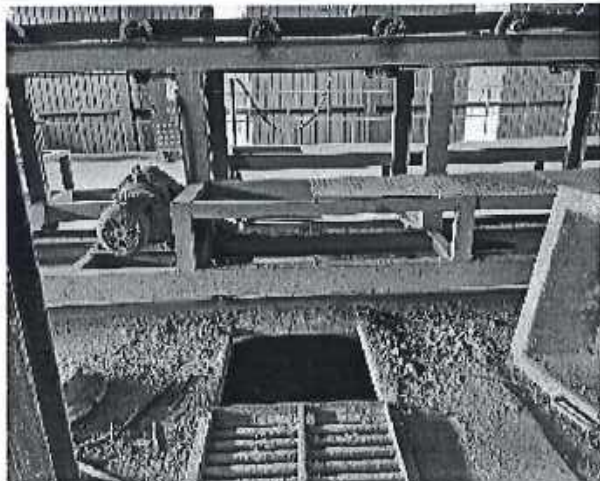


Băng tải B800





Băng tải B800



Khung xe đặt băng tải B103 trên sàn thao tác MN



Khung xe đặt băng tải B103 trên sàn thao tác MN



Sàn thao tác và phễu cấp liệu cho MN xương 60T



Sàn thao tác và phễu cấp liệu cho MN xương 60T

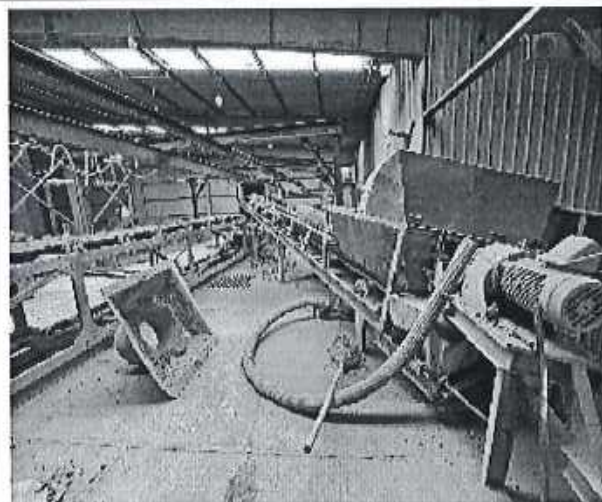


Băng tải liệu B600

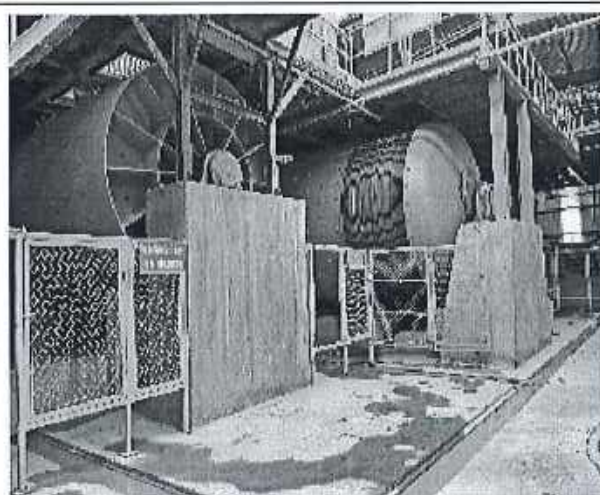




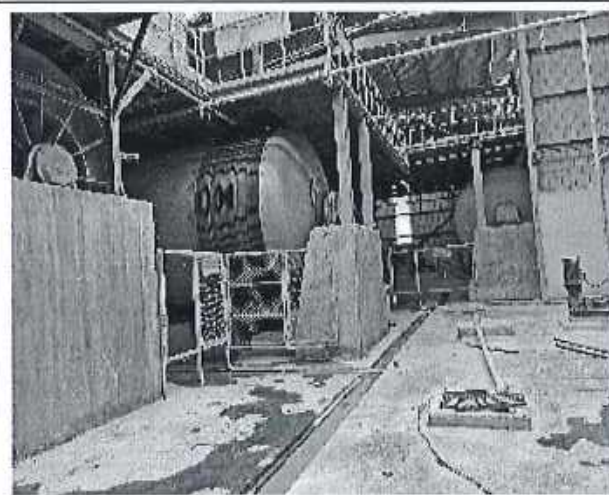
Băng tải liệu B600



Băng tải liệu B600



Máy nghiền XƯƠNG 40 tấn (241B18)



Máy nghiền XƯƠNG 40 tấn (241B18)

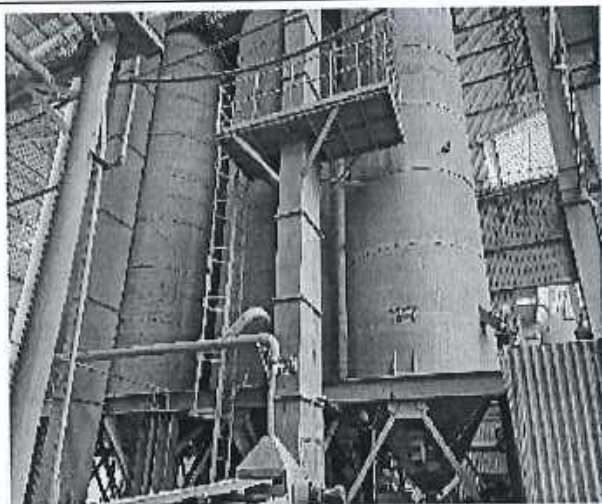


Bộ tách bụi của tháp sấy phun

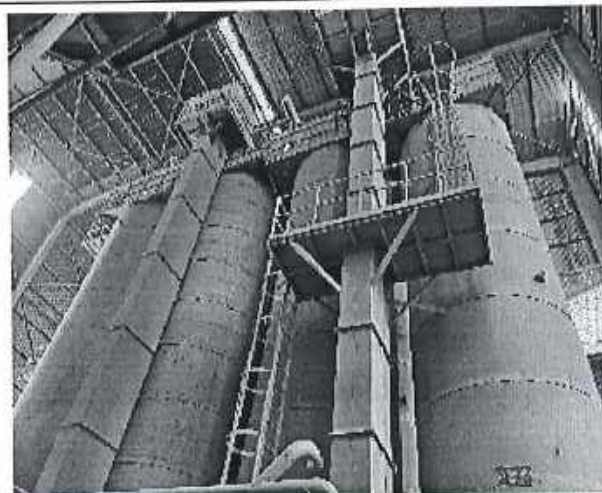


Silô chứa bột 90M3

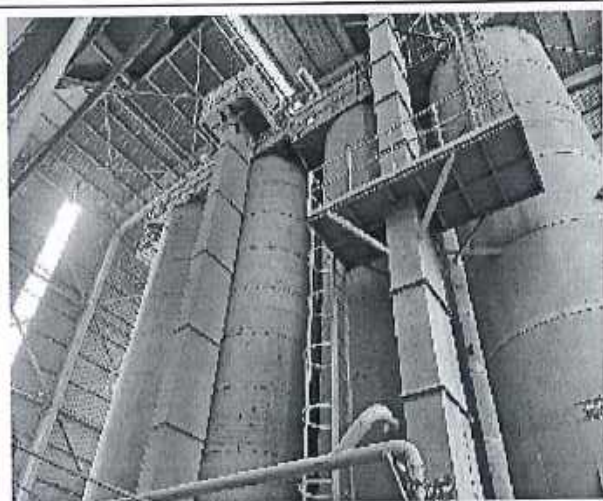




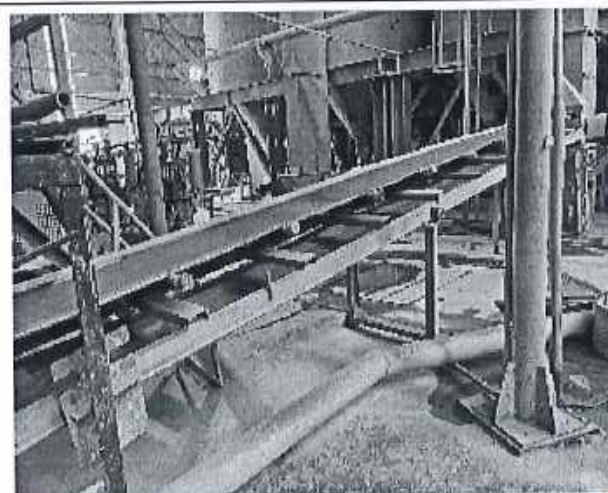
Silo chứa bột 90M3



Gầu cấp liệu Silo 90M3



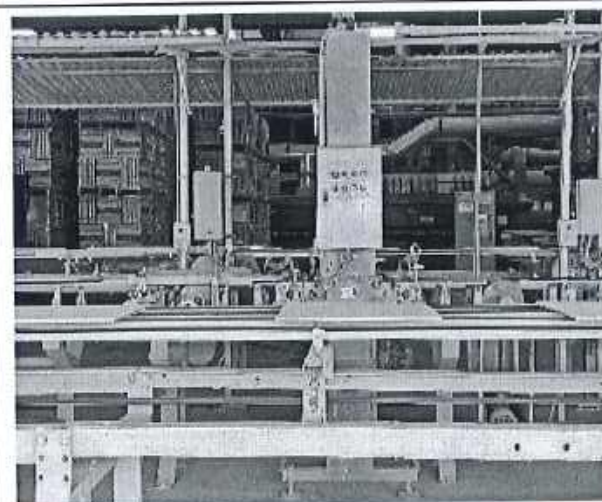
Gầu cấp liệu Silo 90M3



Băng tải liệu B600

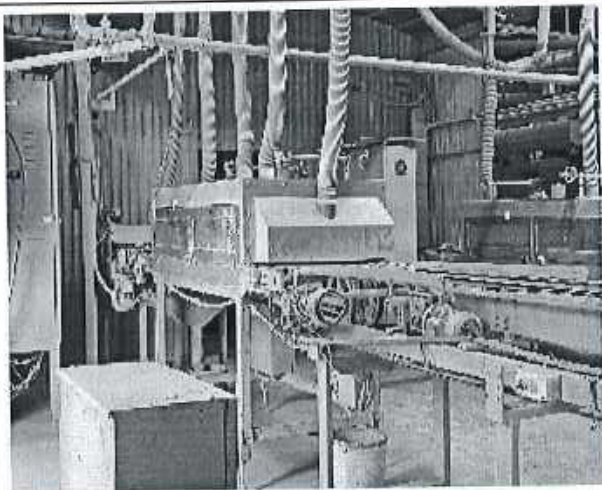


Băng tải liệu B600

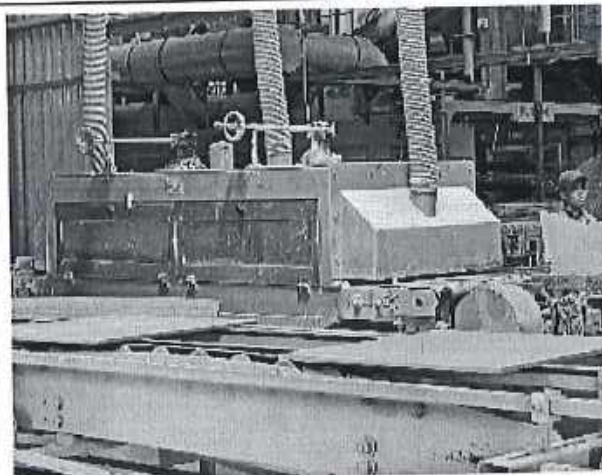


Thiết bị bù đứng 32 viên cho DC mài cạnh

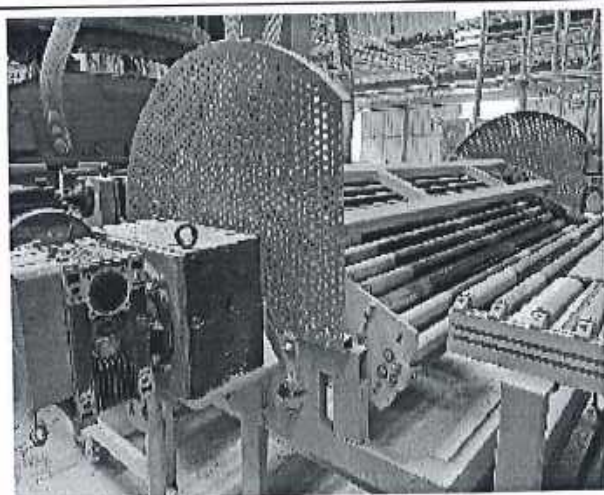




Máy xoa mặt gạch MP -P740/2



Máy xoa mặt gạch sau ép KN-M-2100



Máy lật gạch FPJ-26



Máy kiểm tra xuyên kế-1TS1101



Máy khử từ HD 1163

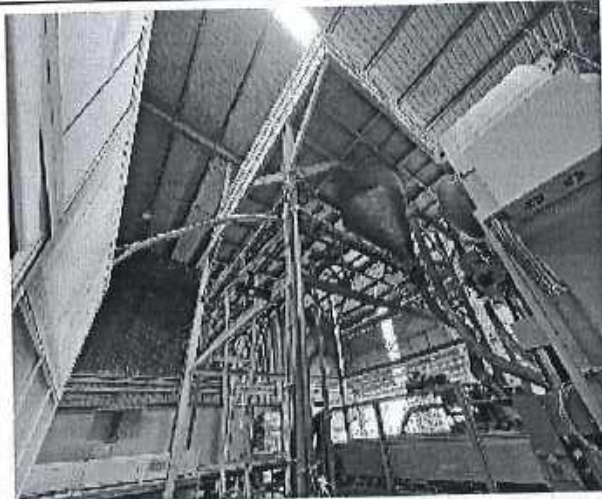


Tủ điện 4KW (Quạt dương áp)

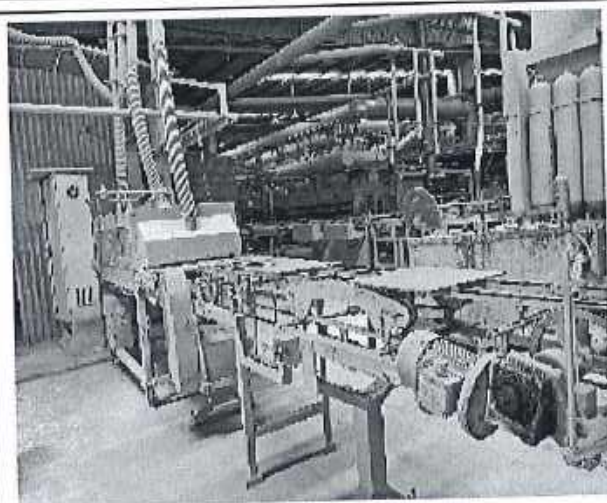




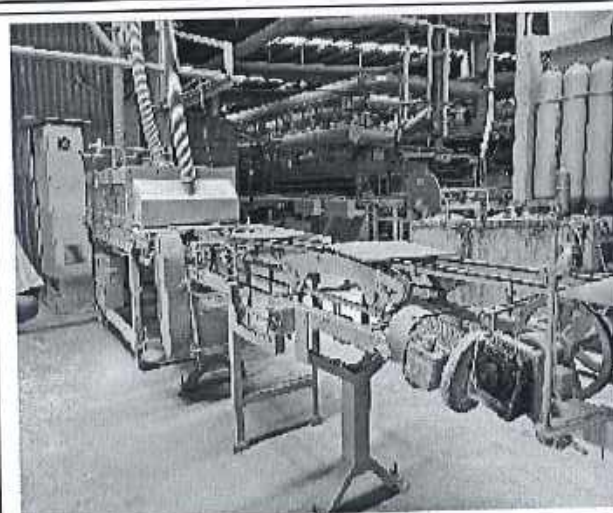
Kết cấu thép sàn sàng rung và băng tải



Kết cấu thép sàn sàng rung và băng tải



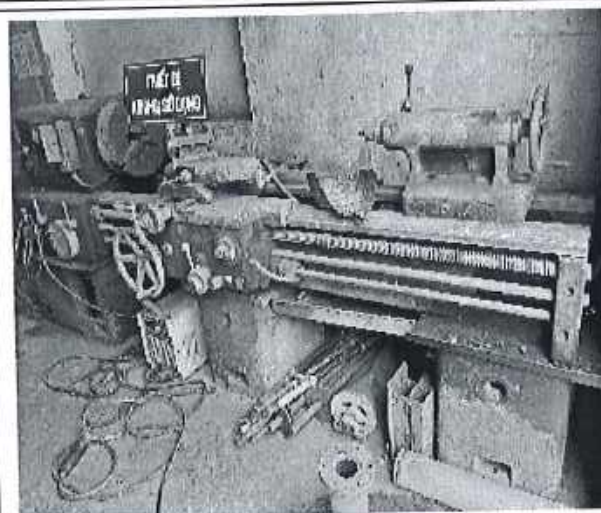
Thiết bị DC MOZAIC (31/12/2010)



Thiết bị DC MOZAIC (31/12/2010)



Máy tiện (20/7/2007)



Máy tiện (20/7/2007)

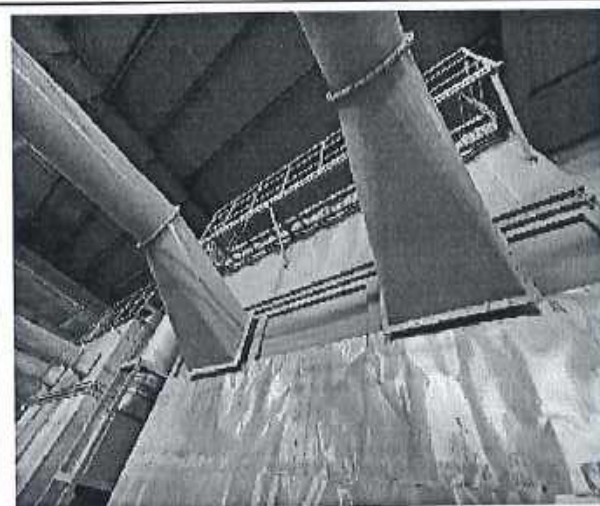




Phễu xả bột



Phễu xả bột



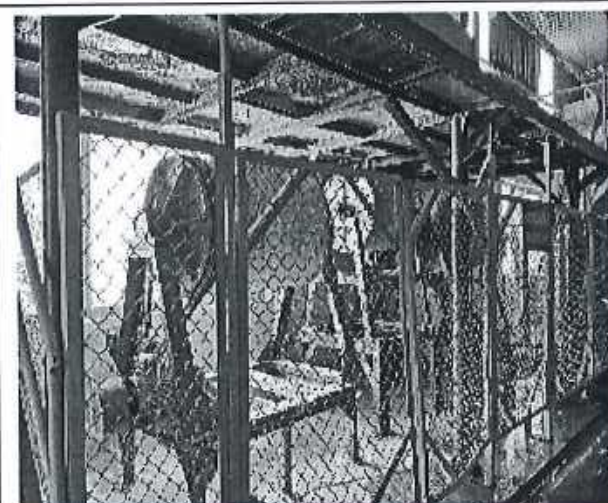
Hệ thống hút bụi



Sàn thao tác và phễu cấp liệu cho máy nghiền men màu 10T và 5T



Sàn thao tác và phễu cấp liệu cho máy nghiền men màu 10T và 5T



Bộ nghiền màu 7.5DH





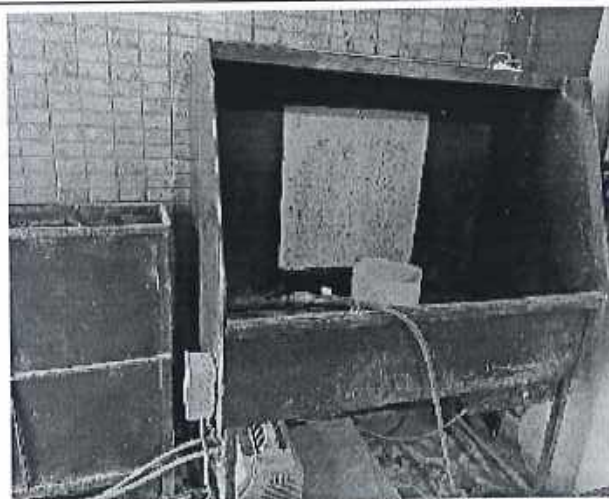
Thiết bị đỡ tải lò



Thiết bị đỡ tải lò



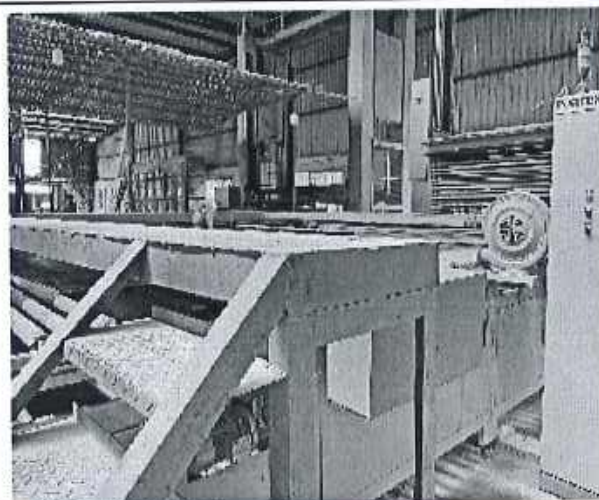
Máy cất nước 2 lần



Máy cất nước 2 lần

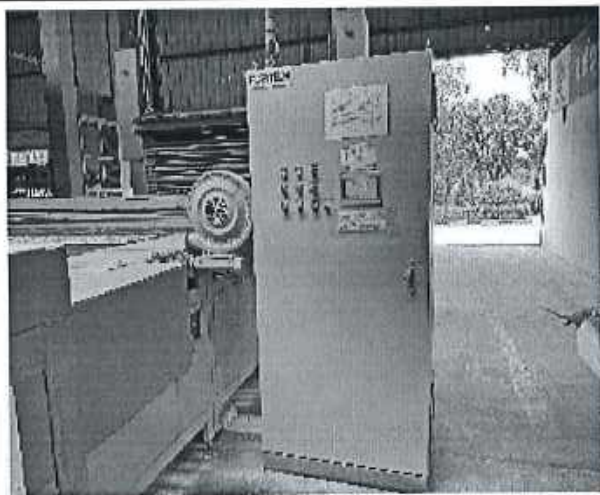


Hệ thống xử lý nước thải

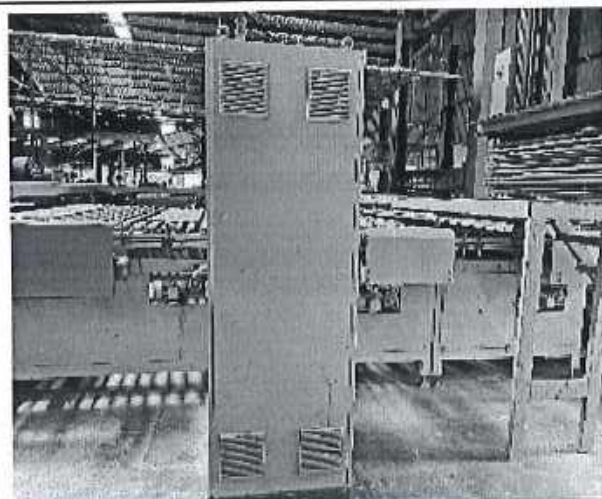


Bàn lăn nạp tải lò nung W3360L6200mm, 2 đầu vào

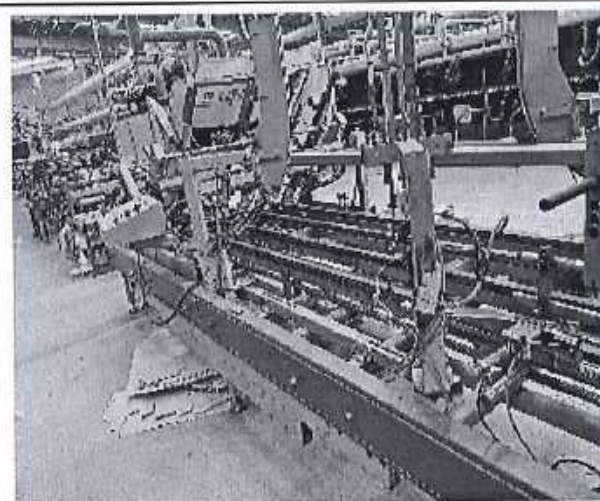




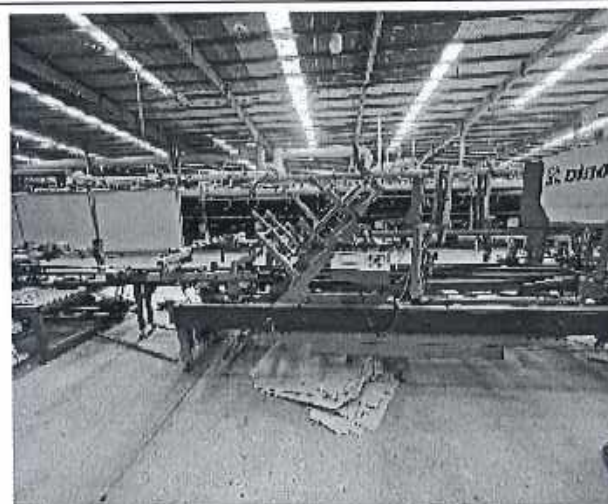
Tủ điện điều khiển nạp tải lò nung + tích hợp thêm phần điều khiển thiết bị bù đầu lò



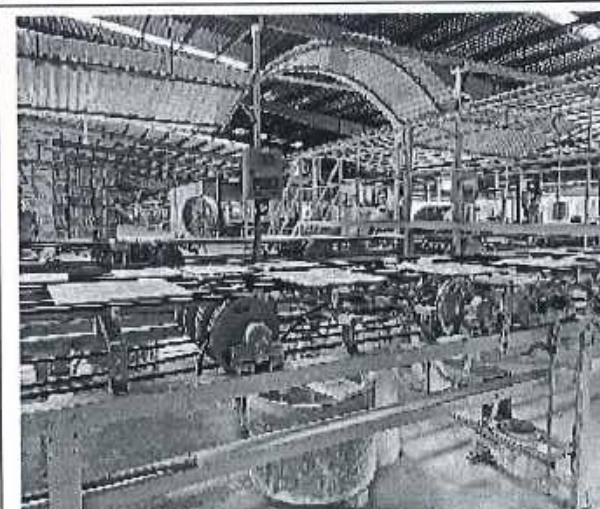
Tủ điện điều khiển nạp tải lò nung + tích hợp thêm phần điều khiển thiết bị bù đầu lò



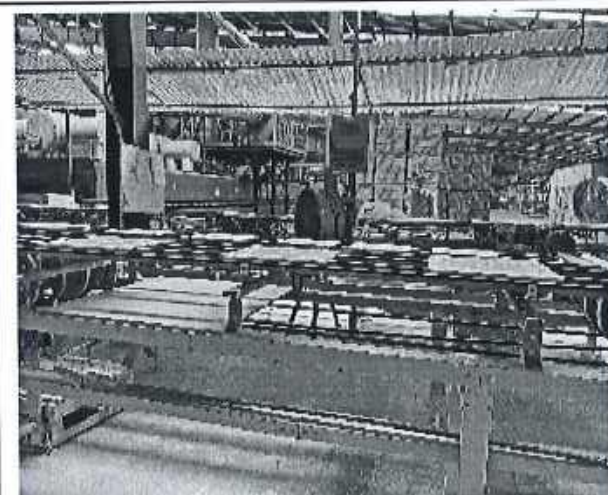
Máy đóng gói PE-PVC



Máy đóng gói PE-PVC



Thiết bị lăn men Engobe



Thiết bị lăn men Engobe





Hệ thống Camera



Hệ thống Camera



## PHỤ LỤC HÌNH ẢNH TSCD (PTVT) – CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Xe ô tô 30E 703.55(T2/2017)



Xe ô tô 30E 703.55(T2/2017)



Xe ô tô 30E 703.55(T2/2017)



Xe ô tô Toyota Hiace 16 chỗ 3193



Xe ô tô Toyota Hiace 16 chỗ 3193



Xe ô tô Toyota Camry 2.4





Xe ô tô Toyota Camry 2.4



Xe Toyota 29L-1778 (HN chuyển 31/12/2010)



Xe Toyota 29L-1778 (HN chuyển 31/12/2010)



Xe nâng TQ (Xe nâng điện)



Xe nâng TQ (Xe nâng điện)



Xe nâng hàng HELI CPCD35-XC5 (T11/2019-1K1113)





Xe nâng hàng HELI CPCD35-XC5 (T11/2019-1K1113)



Xe nâng CPCD35- QC7G3



Xe nâng CPCD35- QC7G3



Xe nâng CPCD35- XC5 (TQ)



Xe nâng CPCD35- XC5 (TQ)



Xe xúc lật T10/2018





Xe xúc lật T10/2018



Xe nâng (T10/2017)



Xe nâng (T10/2017)



Xe ô tô tải 29C-696.71 (T6/2018)



Xe nâng hàng XG535 (T1/2016)



Xe nâng hàng XG535 (T1/2016)





Xe xúc đào T10/2018



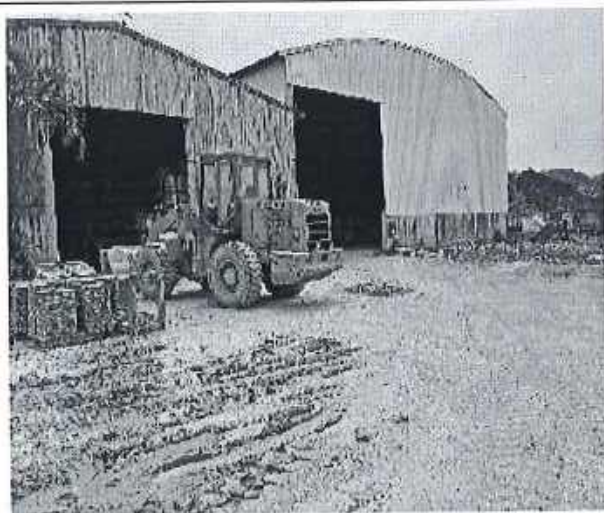
Xe xúc đào T10/2018



Xe ô tô Toyota Innova 29LD-502.60



Xe ô tô Toyota Innova 29LD-502.60



Xe xúc lật XGM



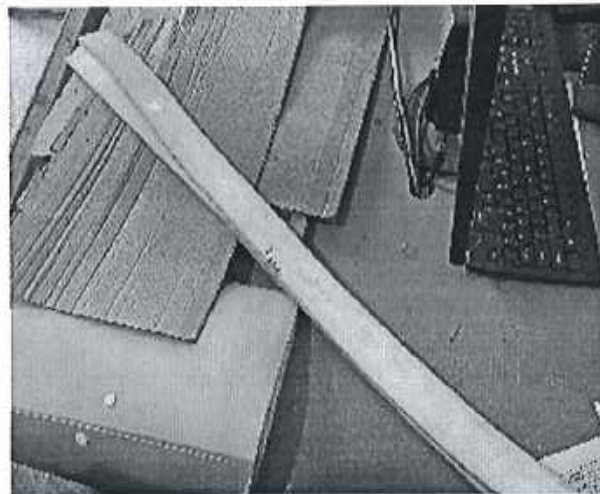
Xe xúc lật XGM



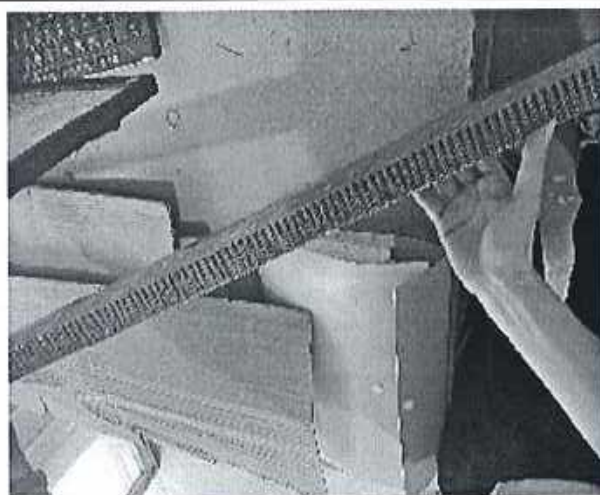
# PHỤ LỤC HÌNH ẢNH CCDC – CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Miếng nệm cao su



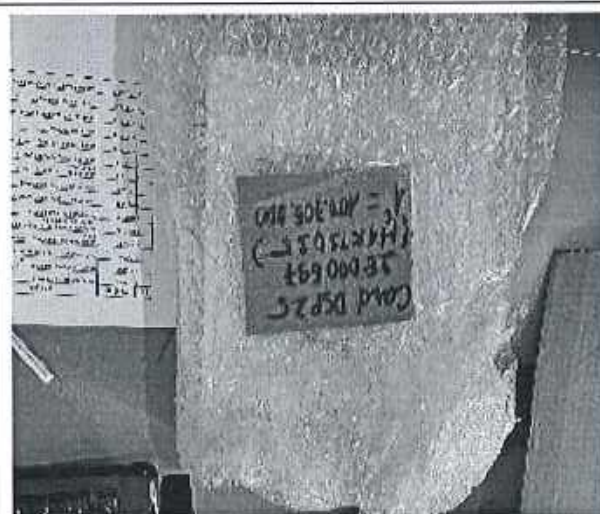
Thanh gạt băng tải



Chổi



Card Firepulse

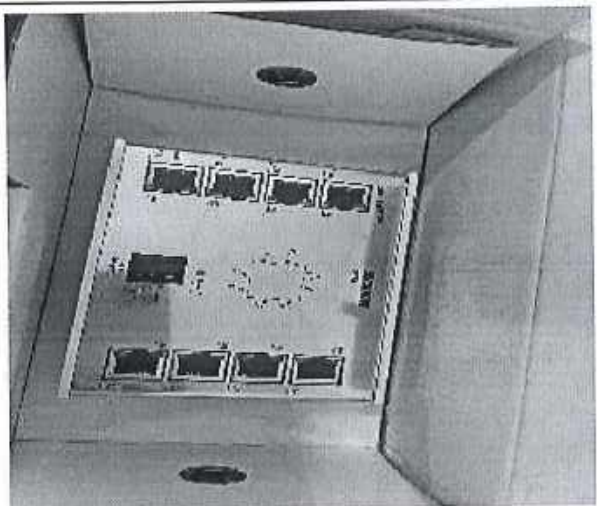


Card DSP 2.5



Đầu in size M





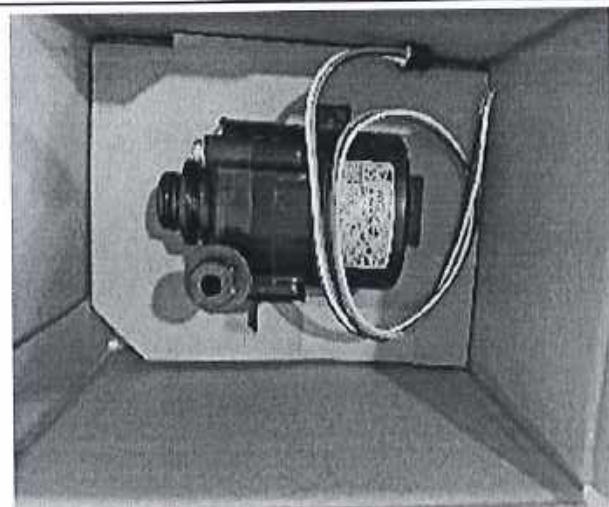
Bộ nguồn cấp điện liên tục 8P24V



Card PLCEL



Card điều khiển



Bơm (Máy in KTS)

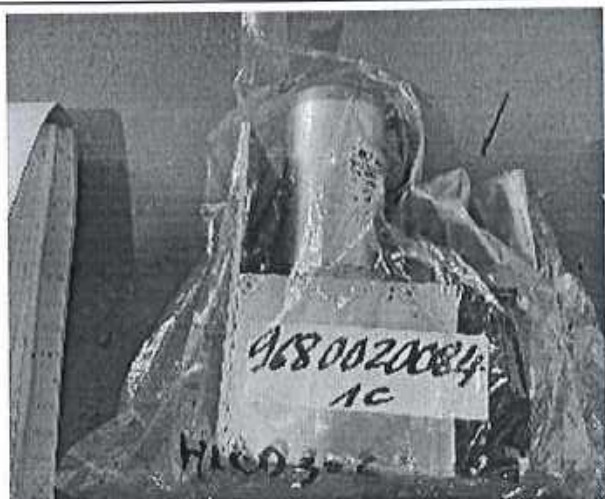


Bơm hút chân không



Bơm tách khí

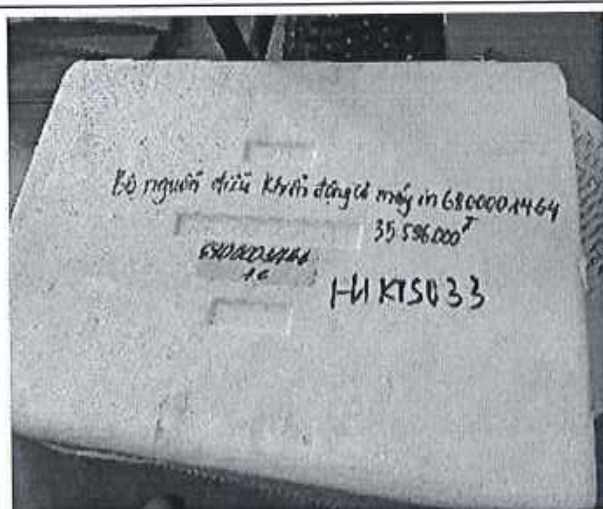




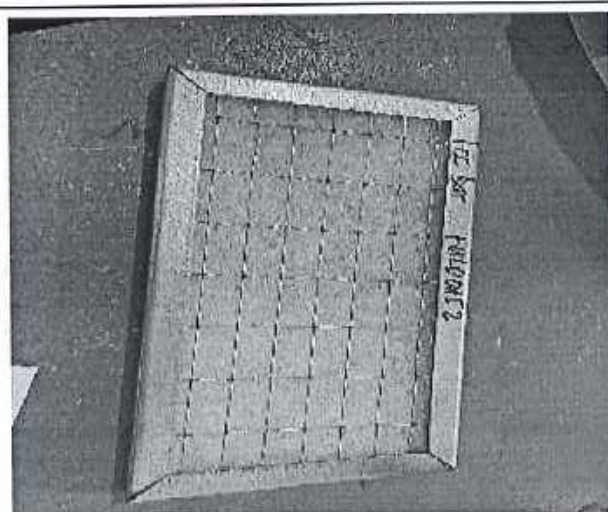
Bơm chân không



Bơm chân không



Bộ nguồn điều khiển động cơ máy in



Lọc Bar



Động cơ gấp gạch



Động cơ liên phanh

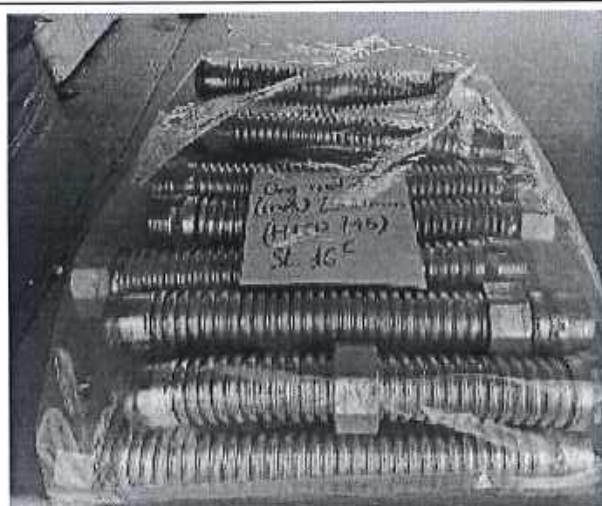




Bộ điều tốc



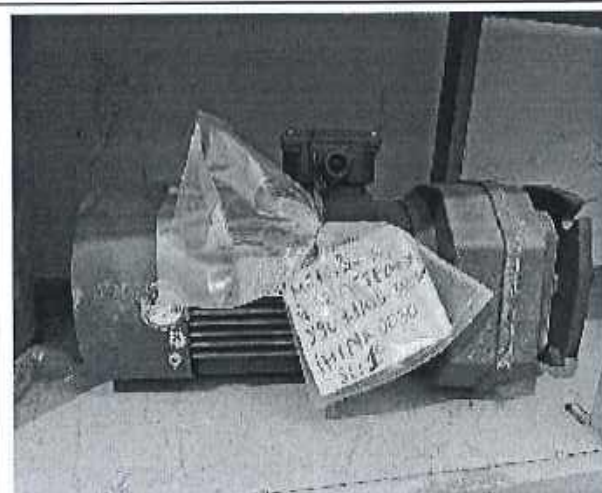
Mực in



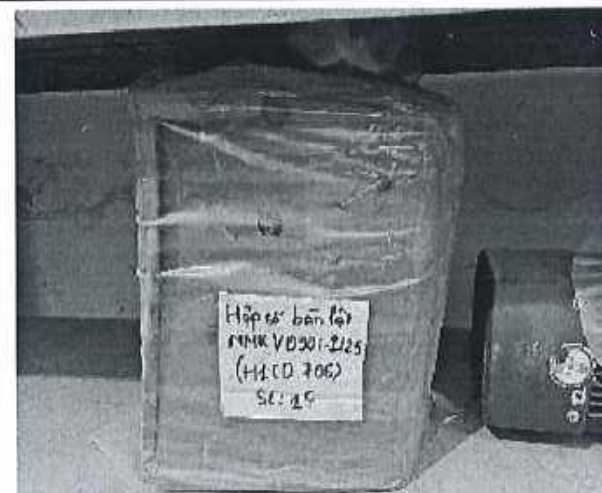
Ống ruột



Nắp cao su đáy bình nghiền



Mô tơ liên hộp



Hộp số bàn lật





Bình nghiền



MRV



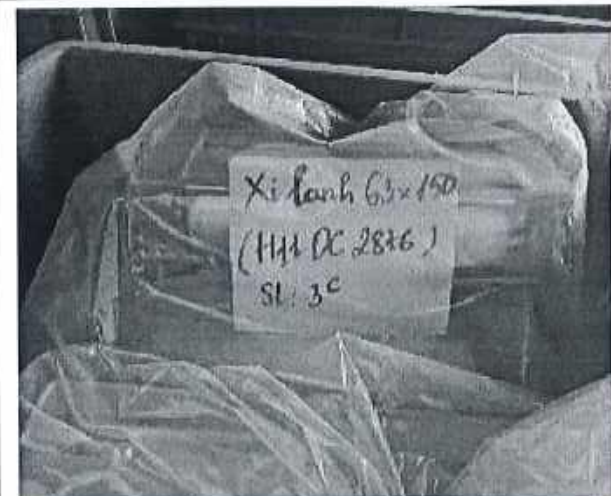
Dầu phan



Ống lót



Vòng bi



Xilanh





Puly bị động



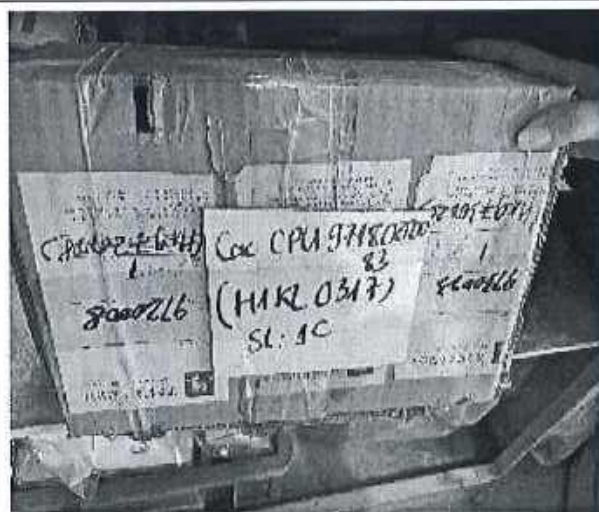
Cảm biến áp suất



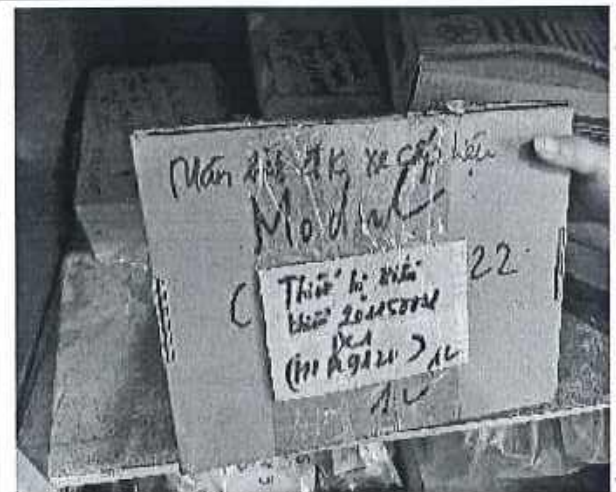
Cảm biến SMC



Màn hình SMC

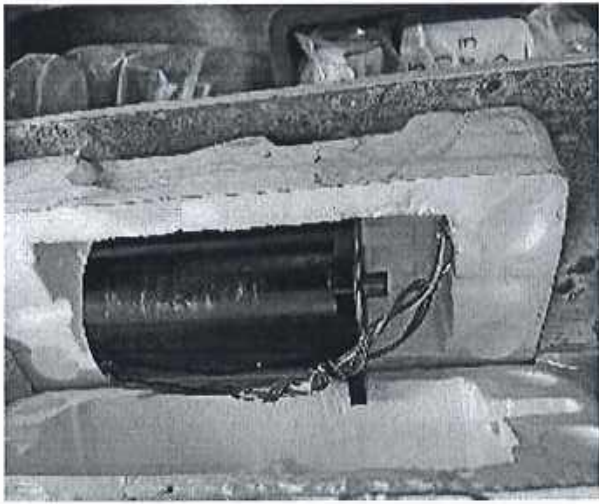


Cac CPU



Thiết bị điều khiển

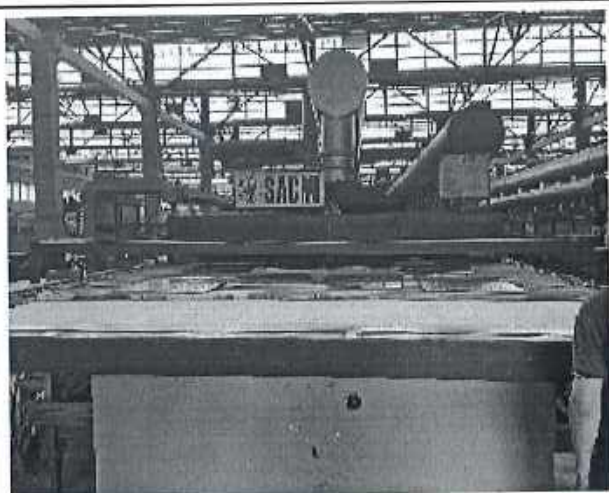




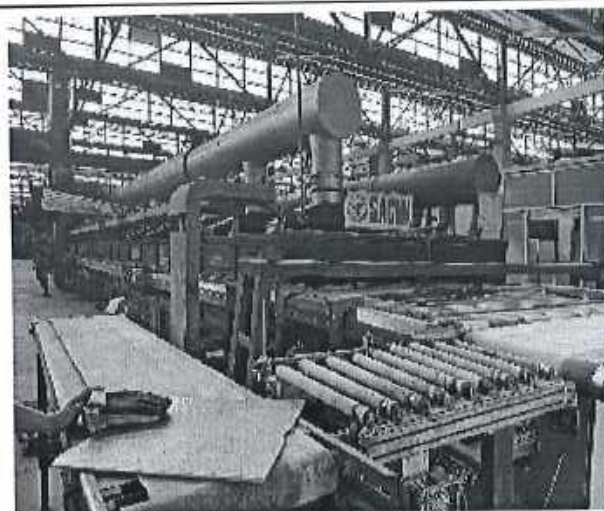
Moto bước máy in



# PHỤ LỤC HÌNH ẢNH TSCĐ- CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Thiết bị đỡ gạch lò nung



Thiết bị đỡ gạch lò nung



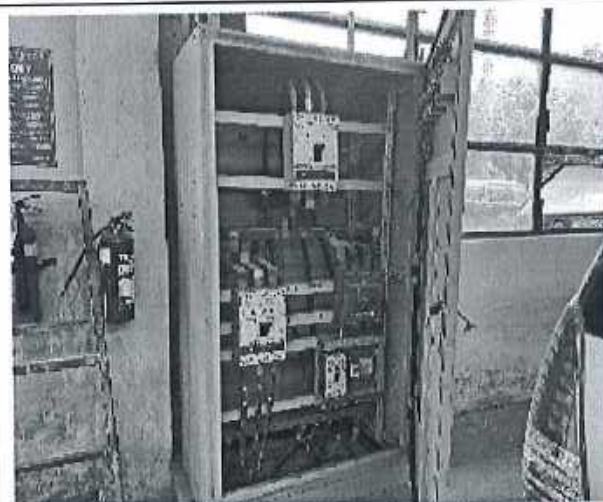
Băng tải đỡ gạch khăn cấp cuối lò



Lò nung 1 lần FMC2500/77,7

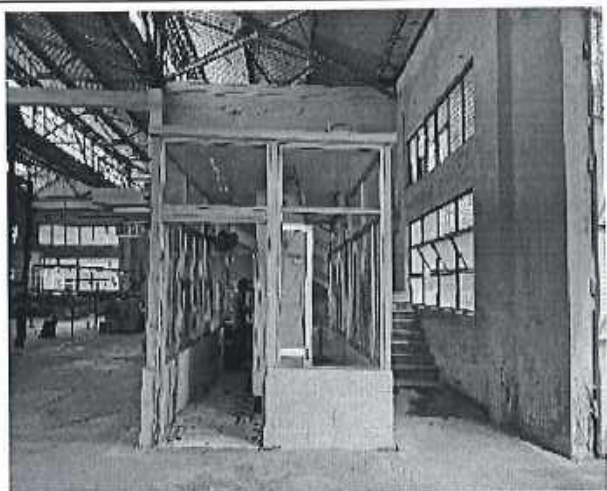


Lò nung 1 lần FMC2500/77,7

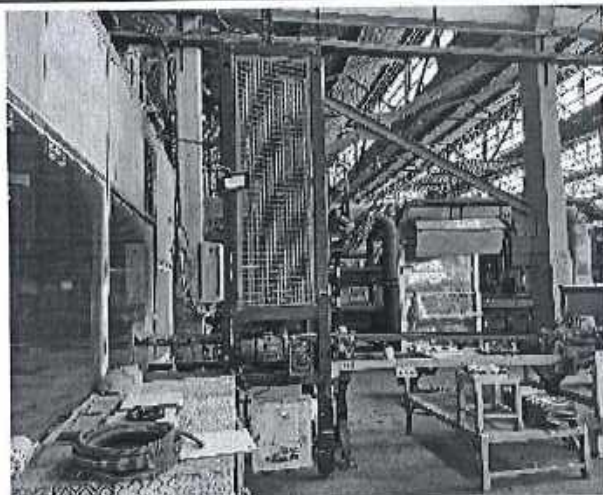


Cáp điện cho lò

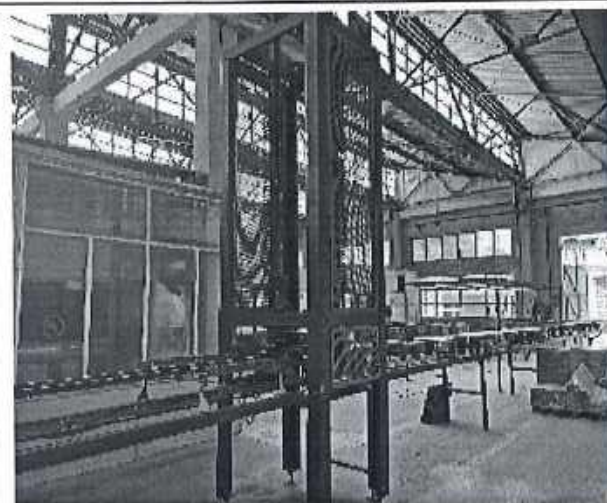




Cáp điện cho lò



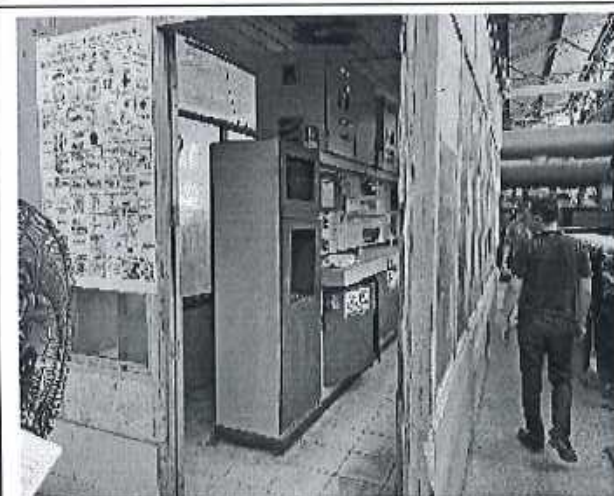
Bù đứng 120 viên



Bù đứng 120 viên



Bù đứng 120 viên

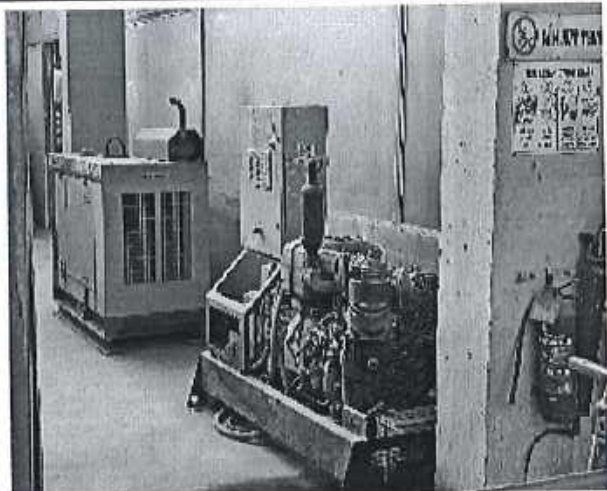


Máy phát điện dự phòng

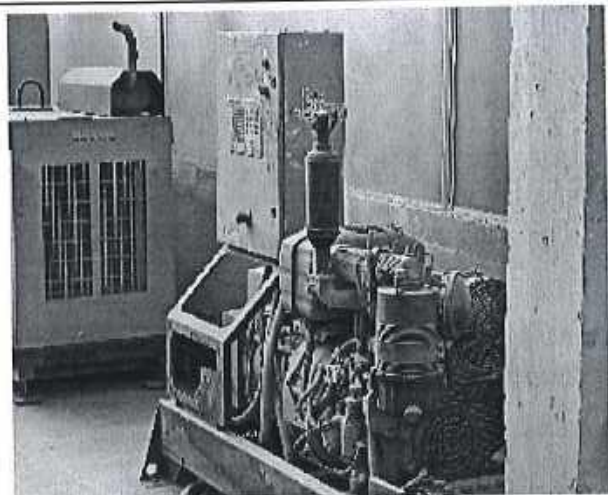


Thiết bị đỡ gạch lò nung

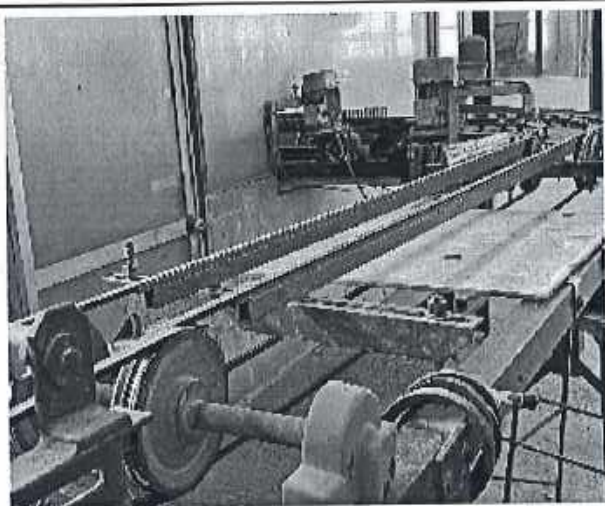




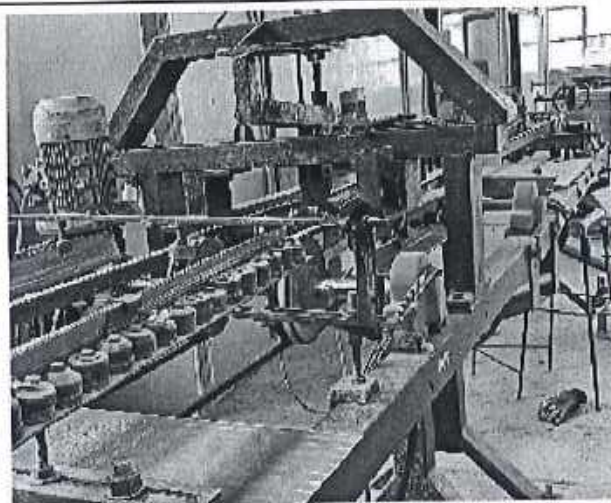
Máy phát điện dự phòng



Máy phát điện dự phòng



Băng chuyển tới bàn chọn



Băng chuyển tới bàn chọn



Bàn chọn



Bàn chọn

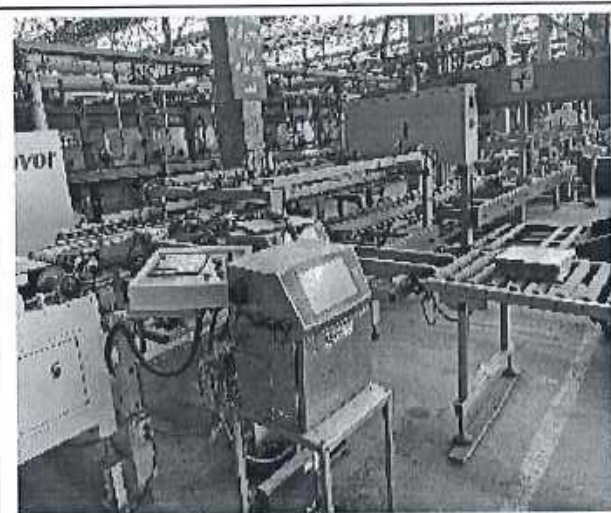




Bàn chọn



Dây chuyền đóng gói tự động



Dây chuyền đóng gói tự động



Máy in phun Linx 8900 (2024)

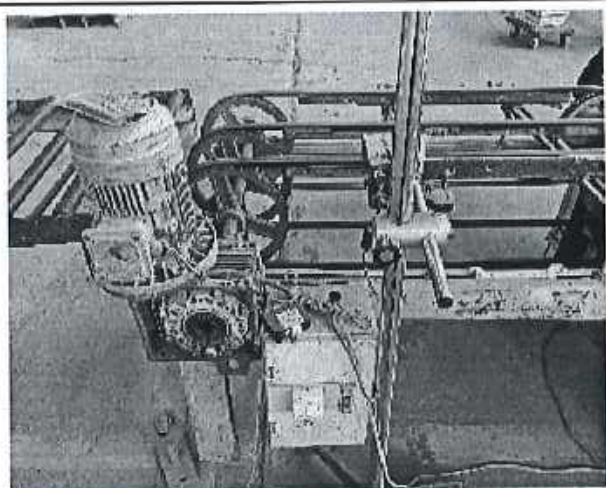


Máy in phun Linx 8900

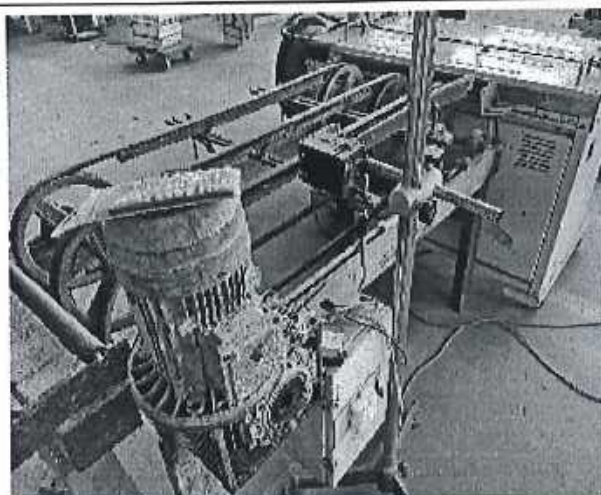


Máy in phun Linx 8900

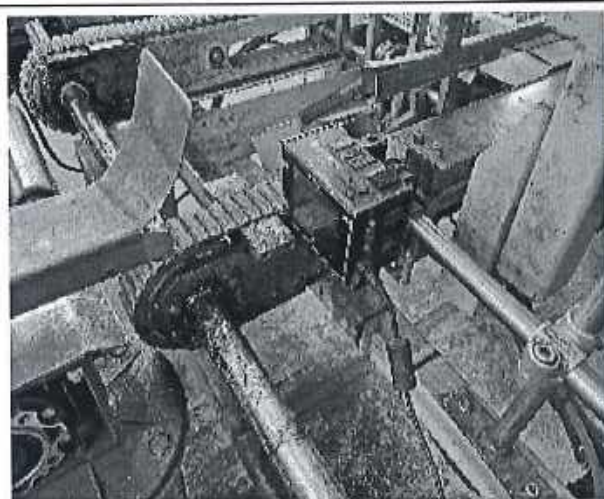




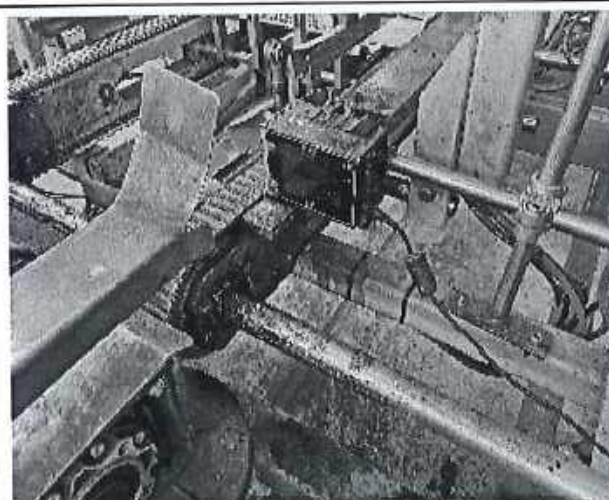
Máy in phun Anser U2 Smart



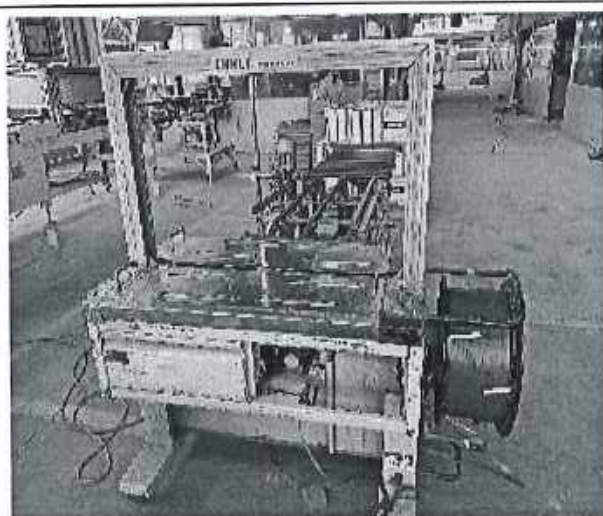
Máy in phun Anser U2 Smart



Máy in phun Anser U2 Smart HD 14990



Máy in phun Anser U2 Smart HD 14990



Máy đóng đai JN-85E

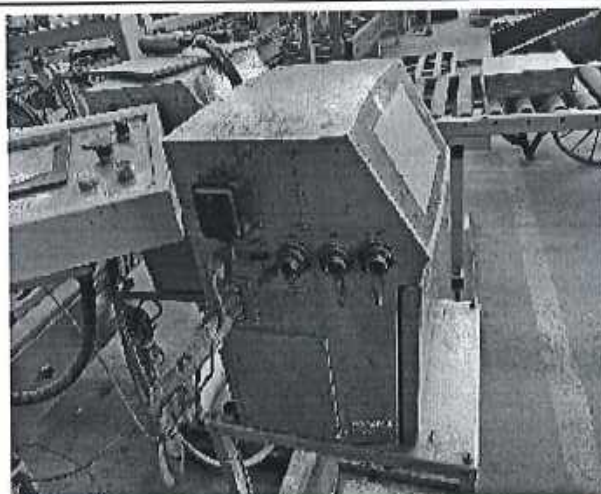


Máy đóng đai JN-85E

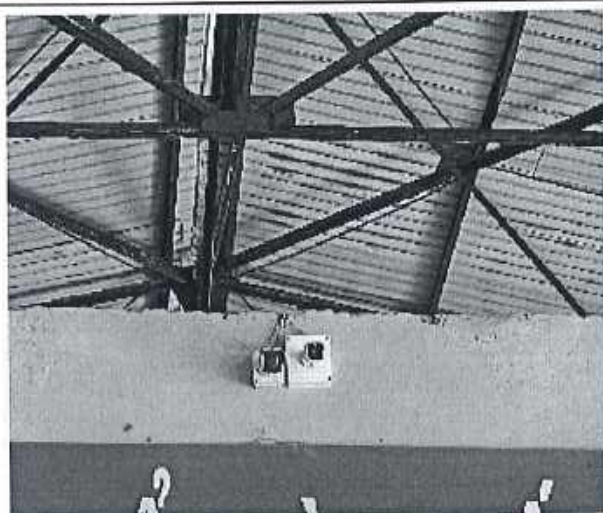




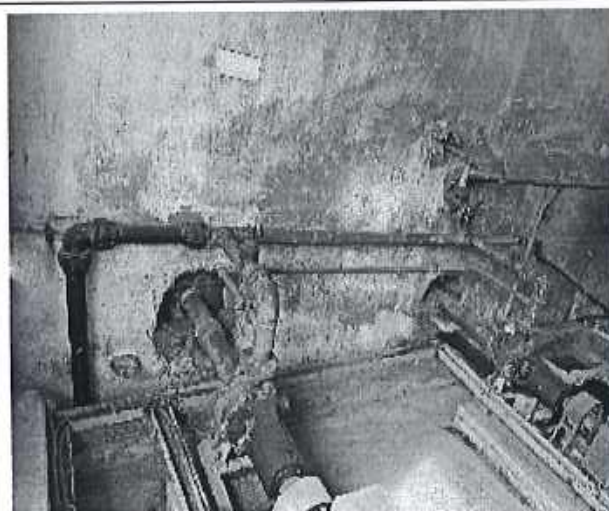
Máy in phun Linx 8900



Máy in phun Linx 8900



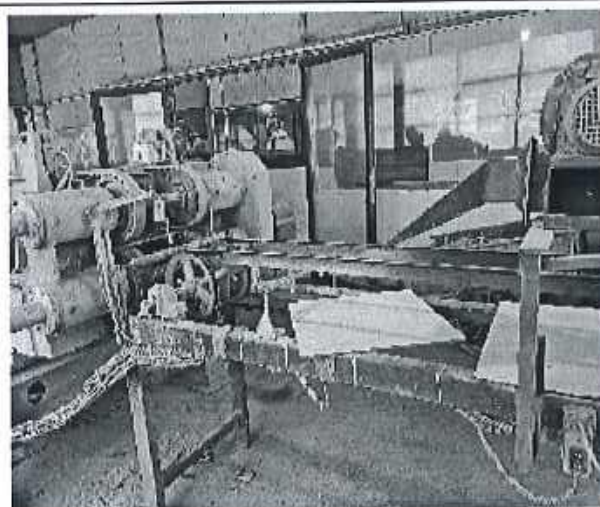
Hệ thống Camera



Hệ thống cấp nước trực chính

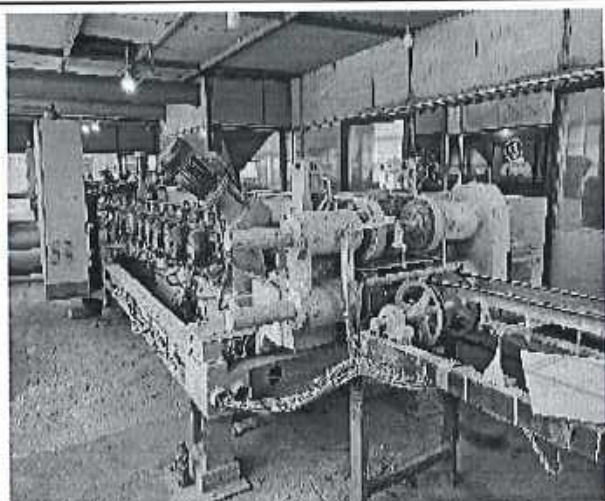


Hệ thống cấp nước trực chính

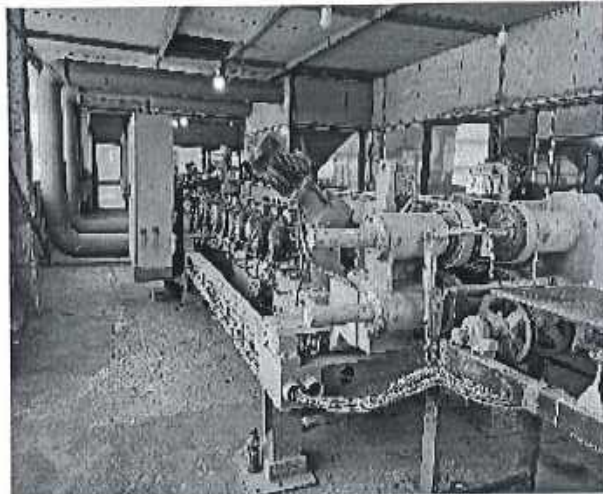


Hệ thống máy mài cạnh DC2 (T11/2014)





Hệ thống máy mài cạnh DC2 (T11/2014)



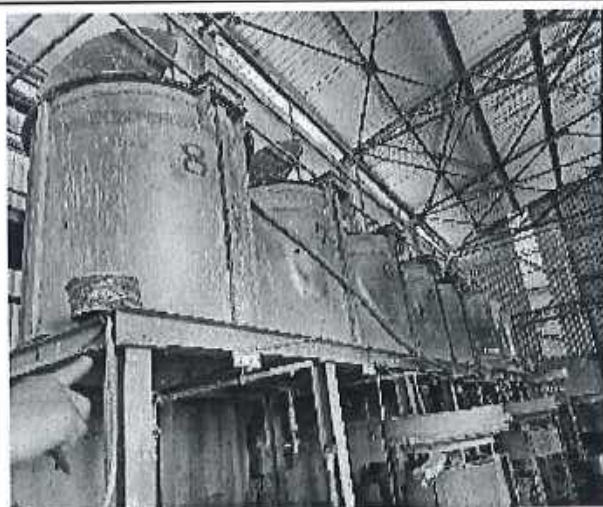
Hệ thống máy mài cạnh DC2 (T11/2014)



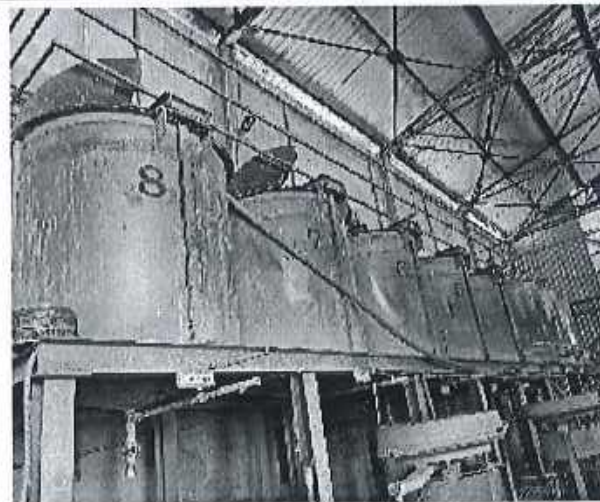
Thiết bị kiểm tra độ bóng mặt gạch SAMA



Thiết bị kiểm tra độ bóng mặt gạch SAMA

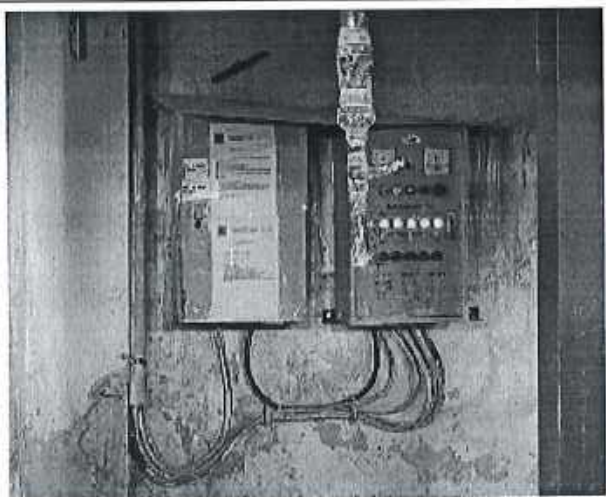


Máy khuấy cho thùng khuấy Inox

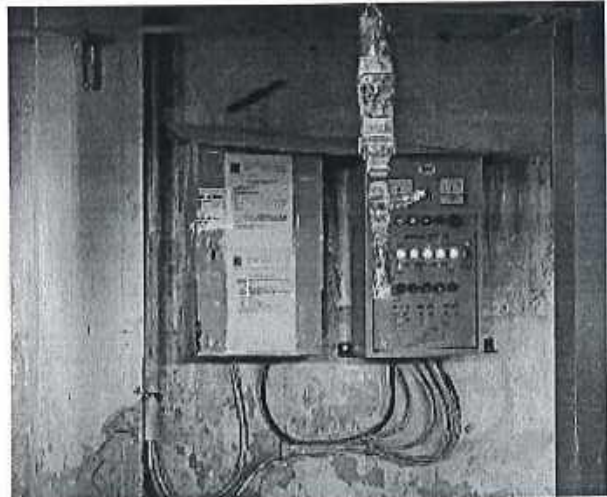


Máy khuấy cho thùng khuấy Inox





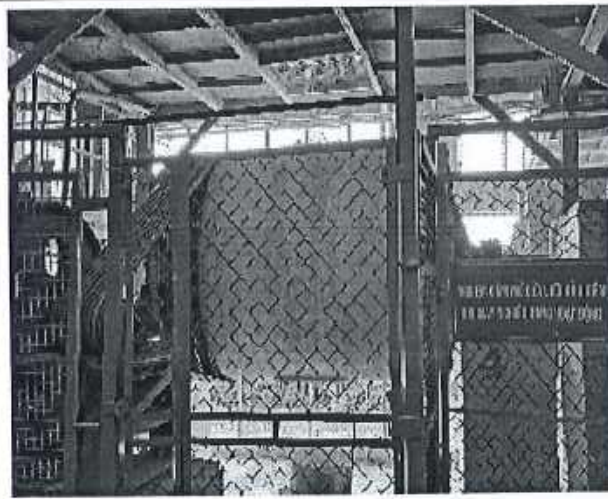
Tủ điện điều khiển, cáp và các phụ kiện



Tủ điện điều khiển, cáp và các phụ kiện



Máy nghiền bi 5000L



Máy nghiền bi 5000L



Lớp lót cao nhôm máy nghiền 5000L



Lớp lót cao nhôm máy nghiền 5000L





Máy nghiền bi 2000L



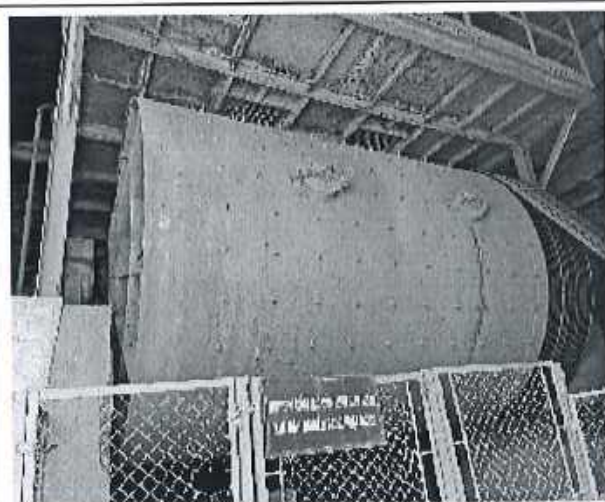
Lớp lót cao nhôm máy nghiền 2000L



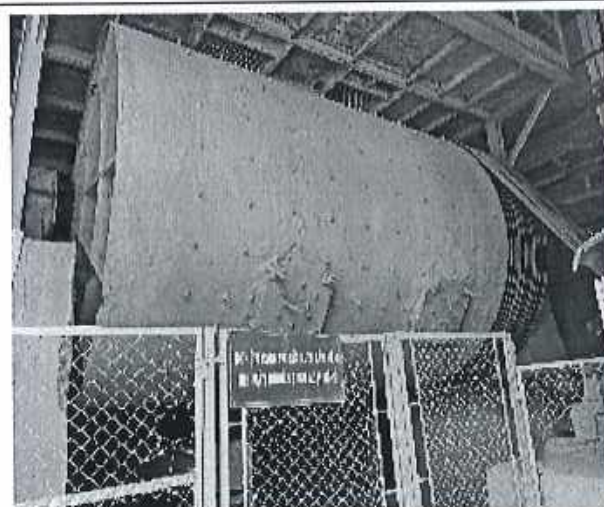
Máy tiện HOWA



Máy tiện HOWA

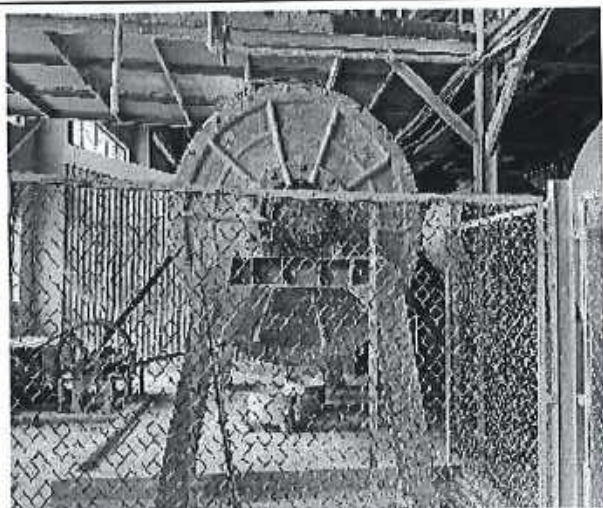


Máy nghiền bi 34000L

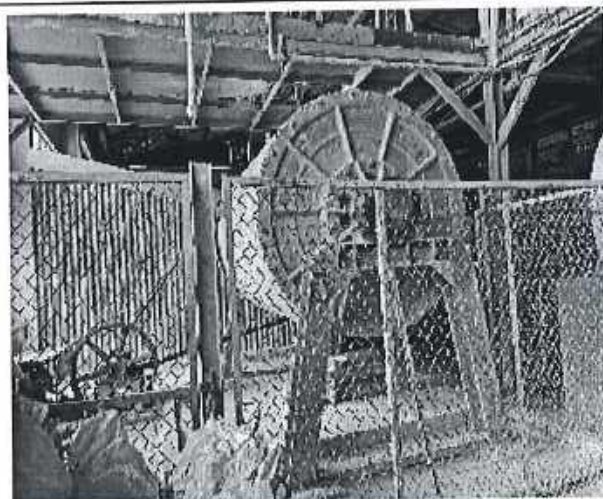


Máy nghiền bi 34000L





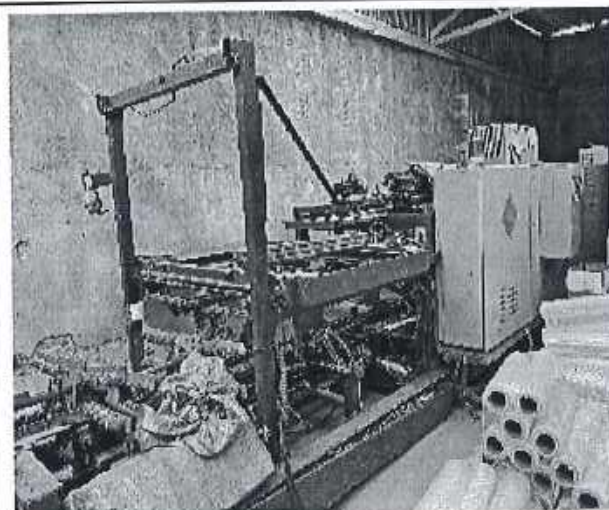
Máy nghiền men chuyển từ YP về



Máy nghiền men chuyển từ YP về



Móng máy nghiền 8000Lit T4/2016



Máy phân loại System (HN sang 30/06/2011



Máy phân loại System (HN sang 30/06/2011



Máy phân loại System (HN sang 30/06/2011

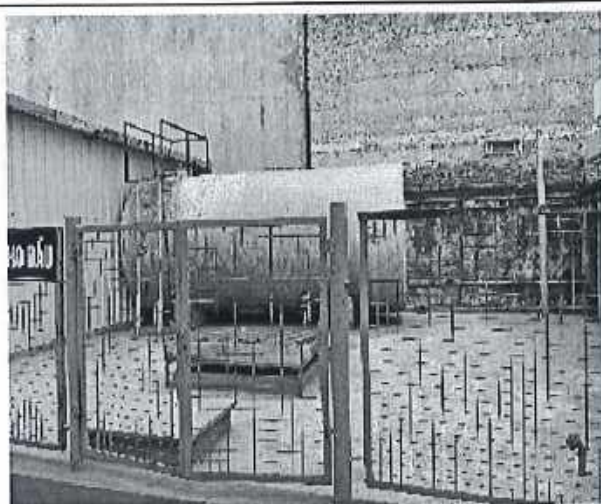




Máy nghiền màu 500L T3/2015



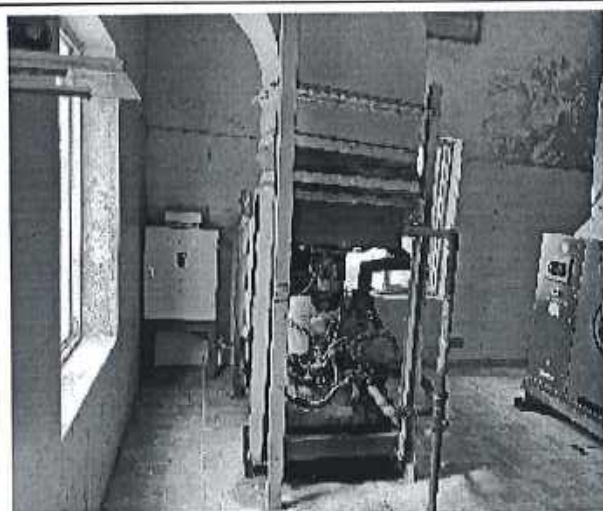
Máy nghiền màu 500L T3/2015



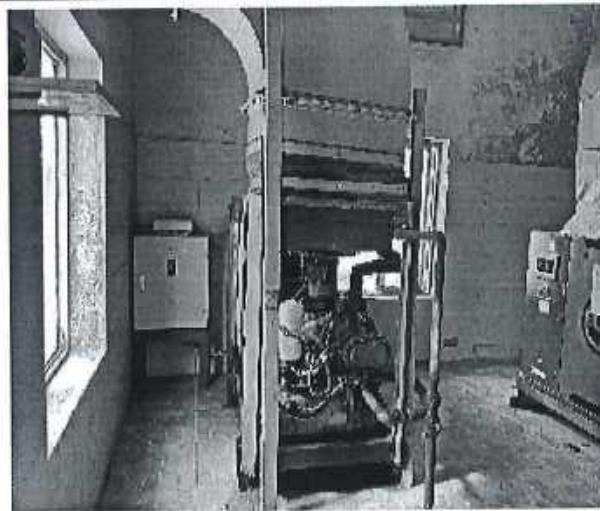
Téc chứa dầu 25 m3



Téc chứa dầu 25 m3

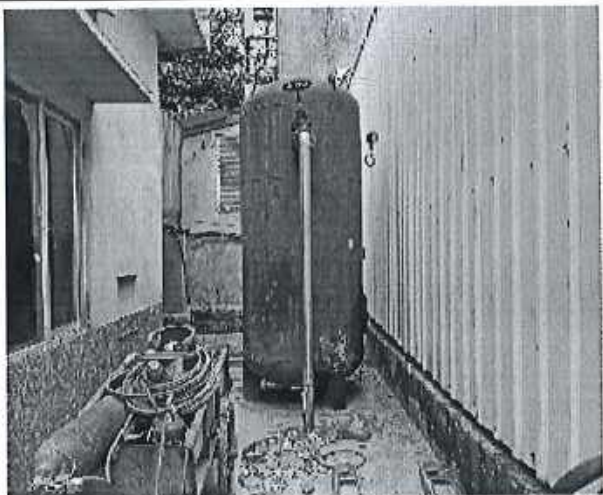


Máy nén khí (1 máy +1 bình)



Máy nén khí (1 máy +1 bình)





Máy nén khí (1 máy +1 bình)



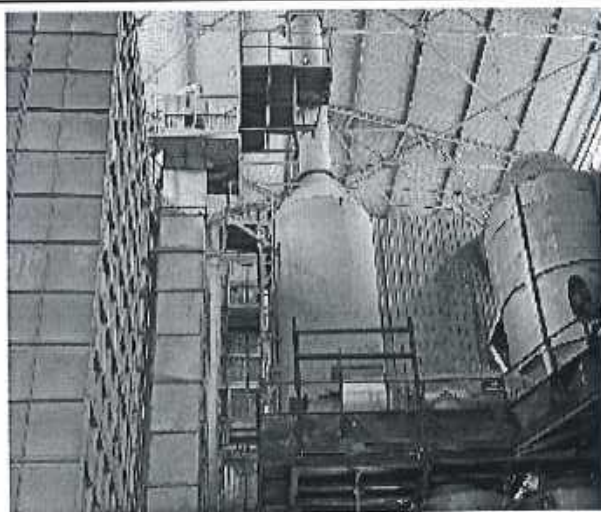
Máy nén khí Chicago Pneumatic CPMV50



Máy nén khí Chicago Pneumatic CPMV50



Máy nén khí Chicago Pneumatic CPMV50

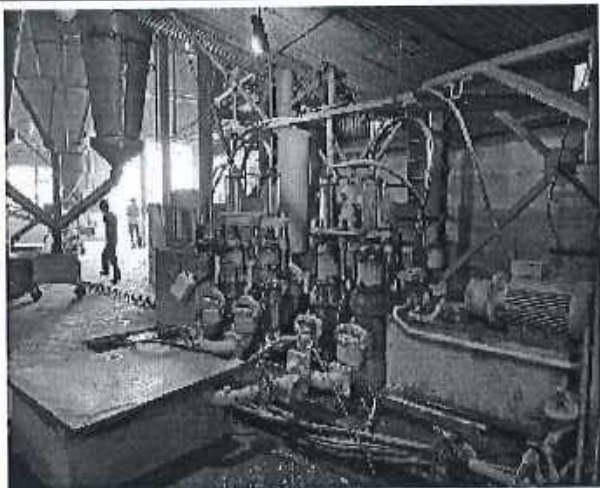


Máy khử bụi ướt

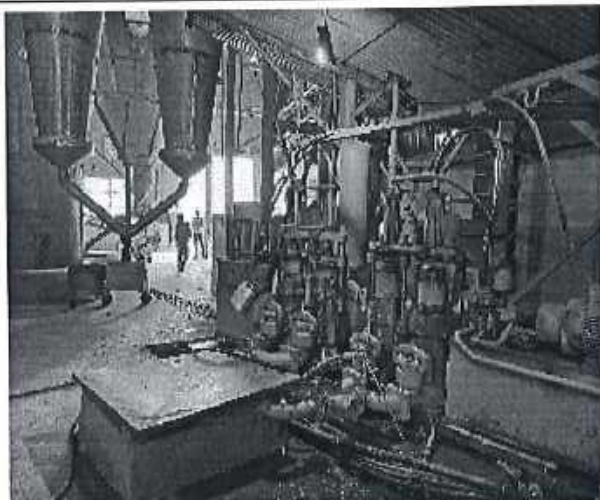


Máy khử bụi ướt

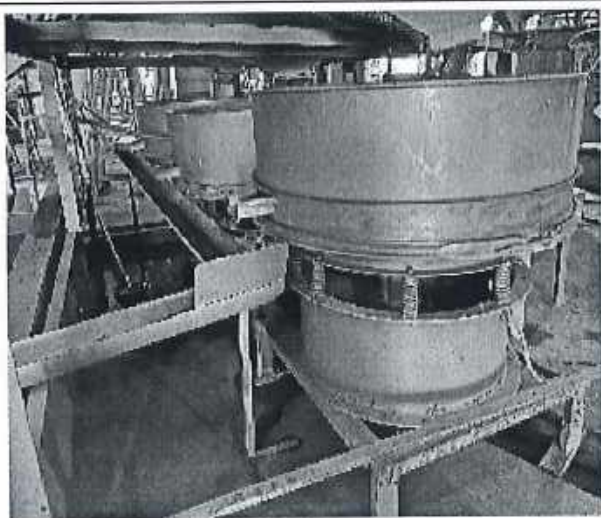




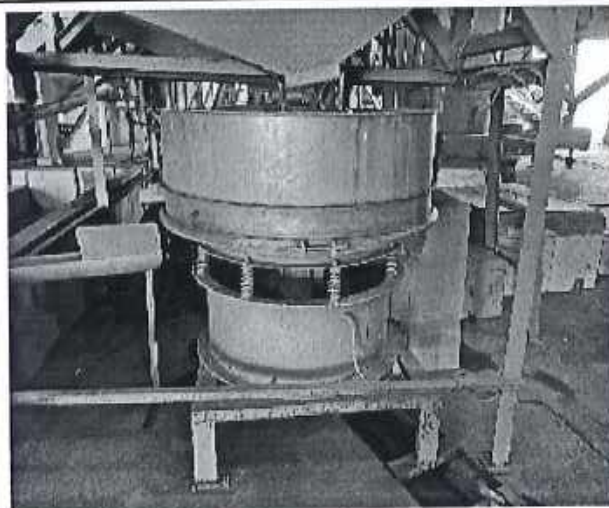
Bơm piston YB250(T6/2018)



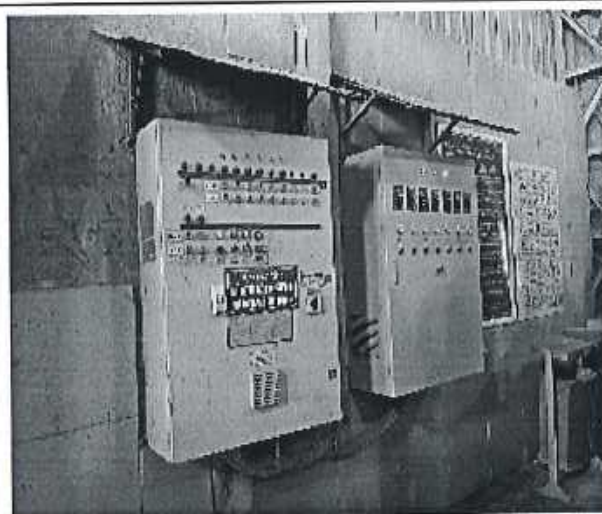
Bơm piston YB250 (T11/2016-2K1121)



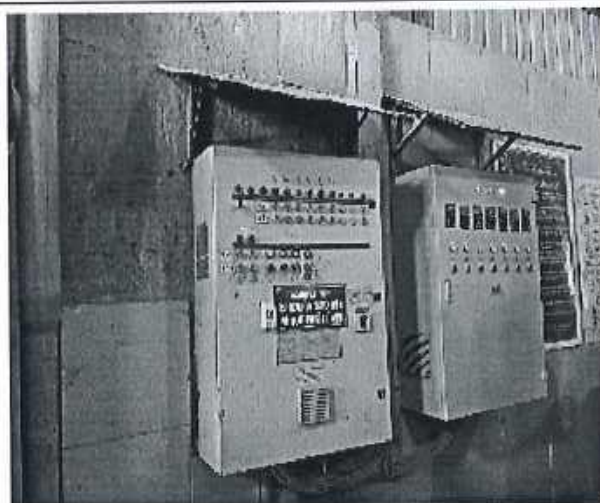
Sàng rung lưới kép



Sàng rung lưới kép



Tủ điện điều khiển, cáp và các phụ kiện



Tủ điện điều khiển, cáp và các phụ kiện

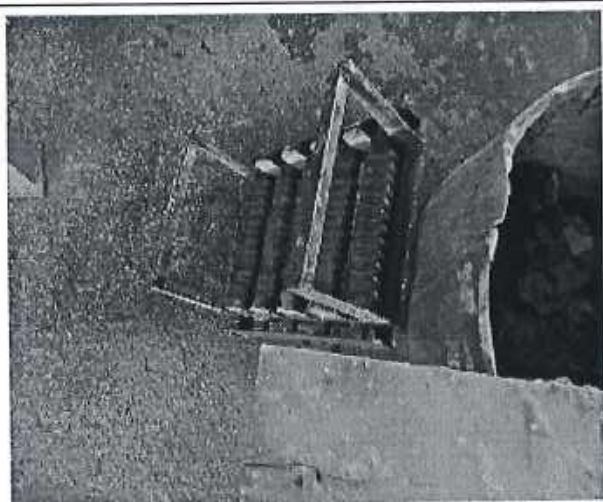




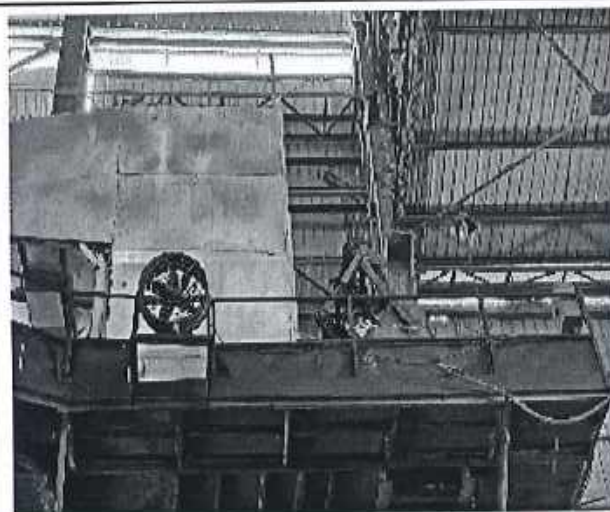
Máy lọc sắt



Máy lọc sắt



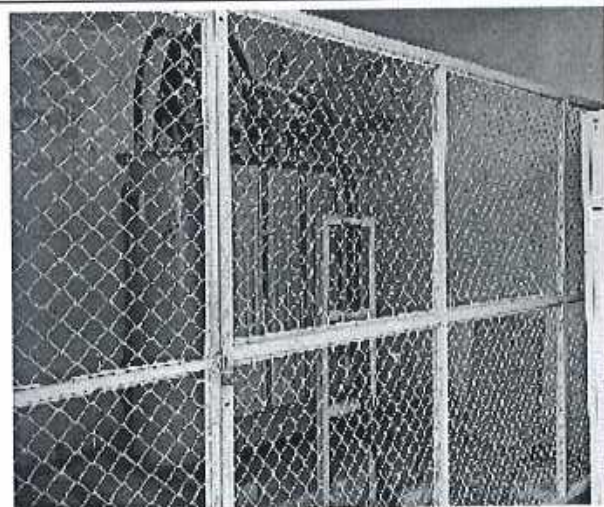
Máy lọc sắt



Trạm than xích nhà máy Hải dương

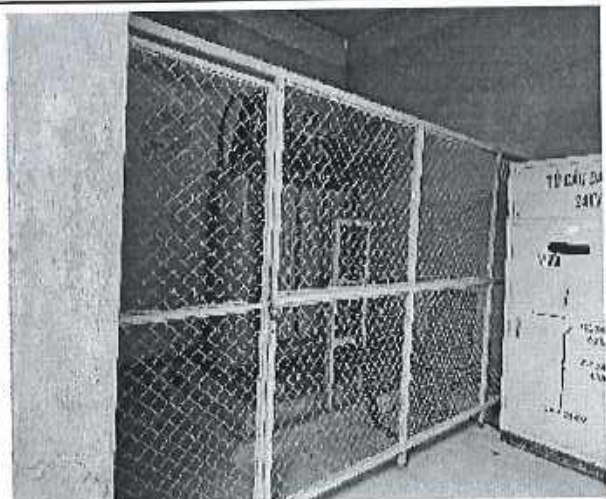


Trạm than xích nhà máy Hải dương

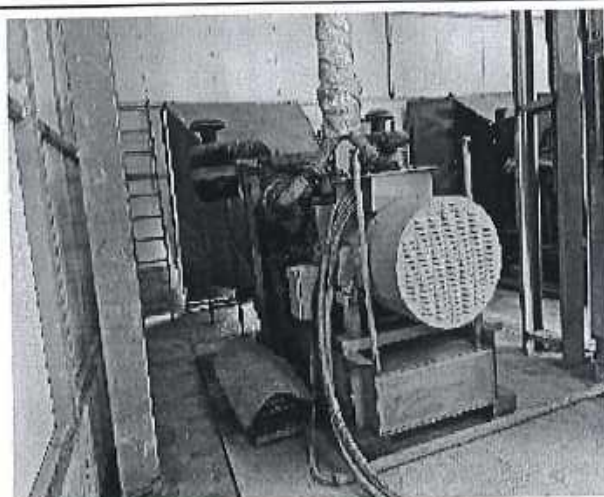


Máy biến áp

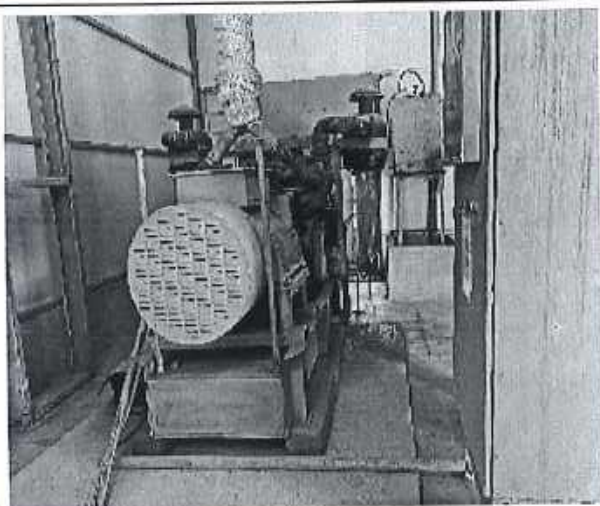




Máy biến áp



Máy phát điện 400KVA-YP Sang



Máy phát điện 400KVA-YP Sang



Cân cấp liệu thùng

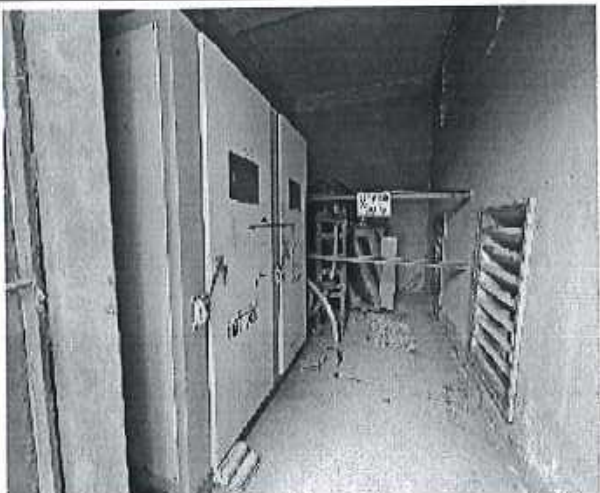


Cân cấp liệu thùng



Máy biến áp 1000 KVA

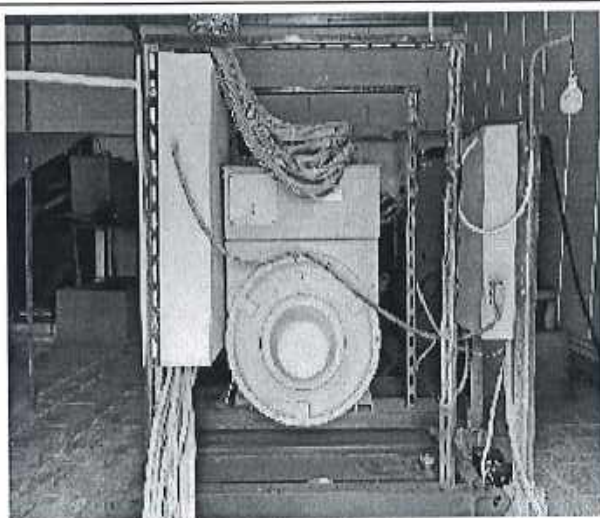




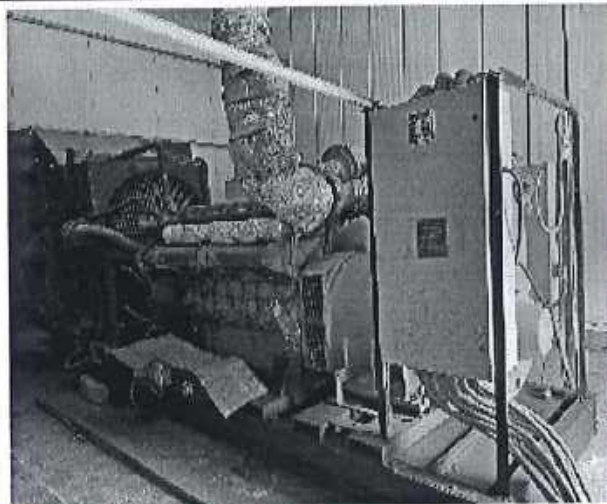
Máy biến áp 1000 KVA



Máy biến áp 1000 KVA



Máy phát điện dự phòng 1250KVA



Máy phát điện dự phòng 1250KVA



Máy nén khí vít có dầu CPMV50

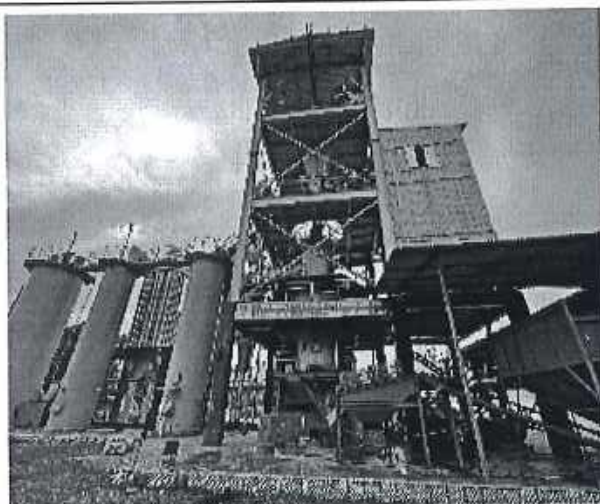


Trạm khí hoá than nguội HD (tạm tăng TS) (Phần thiết bị)





Trạm khí hoá than nguội HD (tạm tăng TS) (Phần thiết bị)



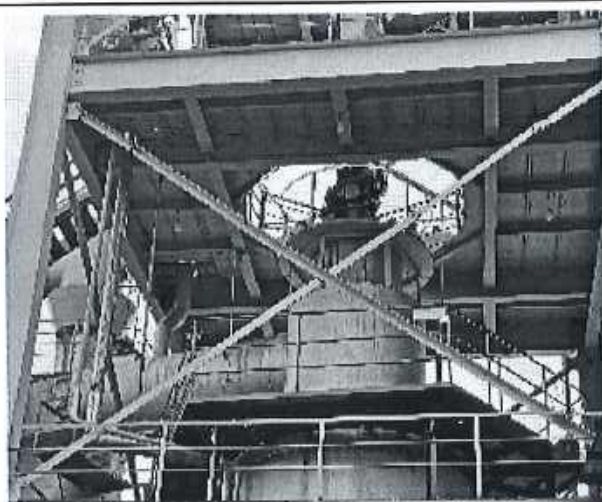
Trạm khí hoá than nguội HD (tạm tăng TS) (Phần thiết bị)



Trạm khí hoá than nguội HD (tạm tăng TS) (Phần thiết bị)



Lò than nguội (01/07/2012)



Lò than nguội (01/07/2012)



Thiết bị bàn cân điện tử 120 tấn





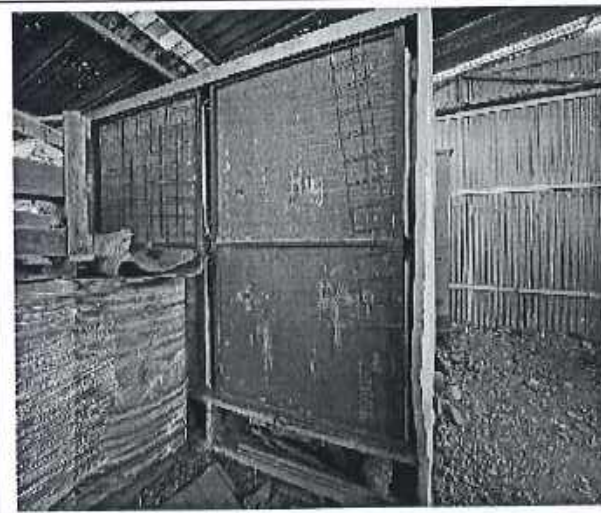
Cân ô tô 45 tấn



Thiết bị làm mát dầu ép



Thiết bị làm mát dầu ép



Thiết bị làm mát dầu ép



Thiết bị dồn hàng



Thiết bị dồn hàng





Máy đóng đai (Máy đóng hộp)



Máy đóng đai (Máy đóng hộp)



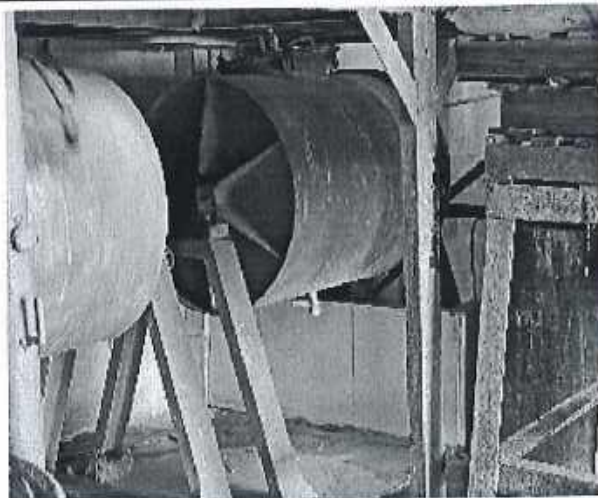
Dây chuyền mài cắt gạch ốp 400 (T6/2017)



Dây chuyền mài cắt gạch ốp 400 (T6/2017)

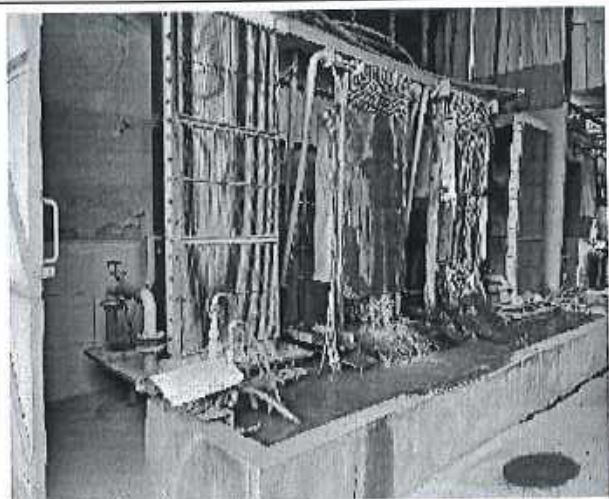


Dây chuyền mài cắt gạch ốp 400 (T6/2017)

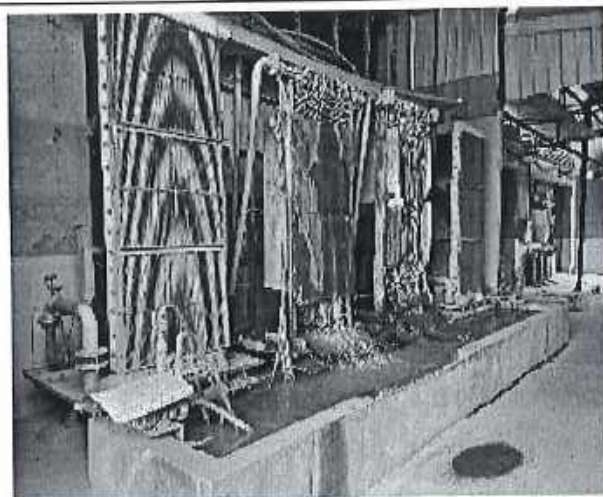


Máy nghiền màu (T2/2014)

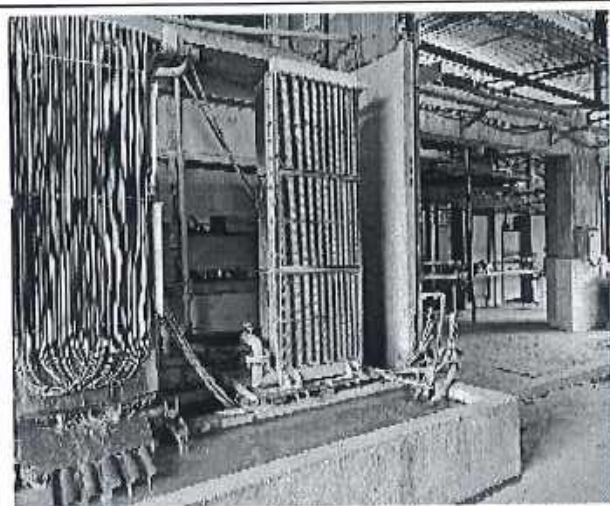




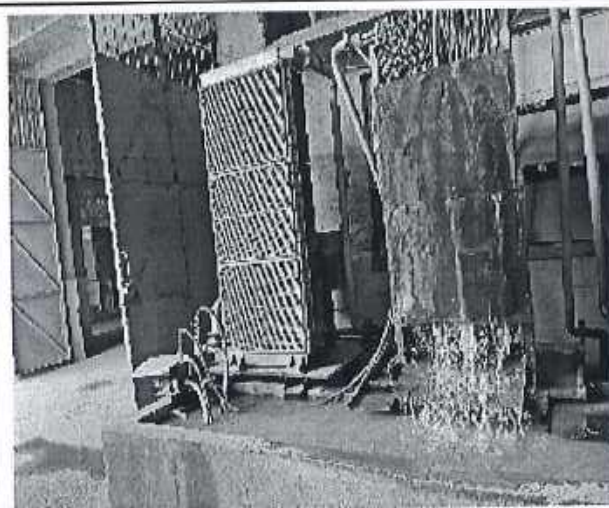
Hệ thống trao đổi nhiệt làm mát T3/2015



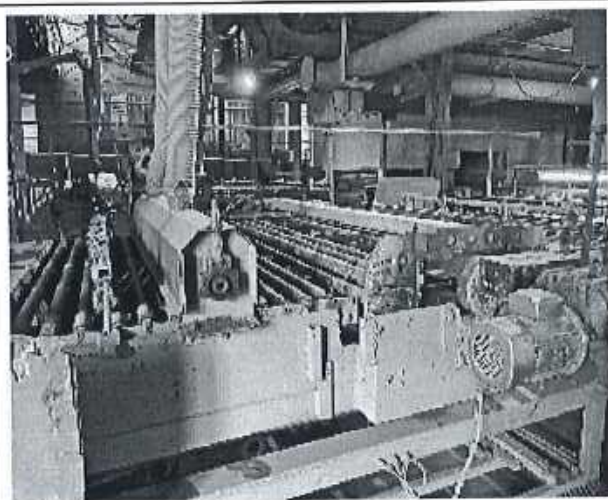
Hệ thống trao đổi nhiệt làm mát T3/2015



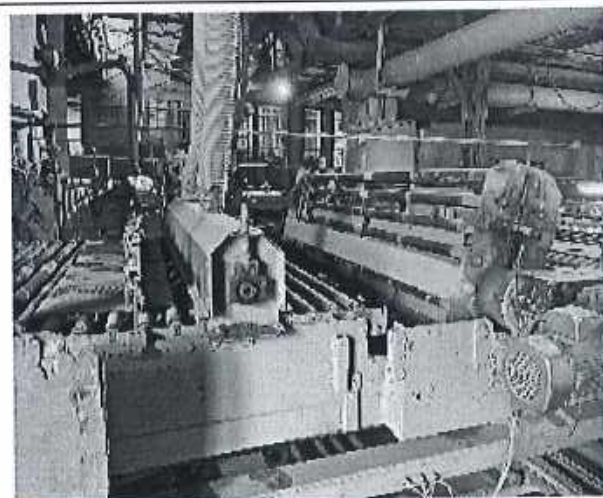
Thiết bị làm mát dầu máy ép-YP Sang



Thiết bị làm mát dầu máy ép-YP Sang



Bàn lật máy ép DCIII-YP Sang

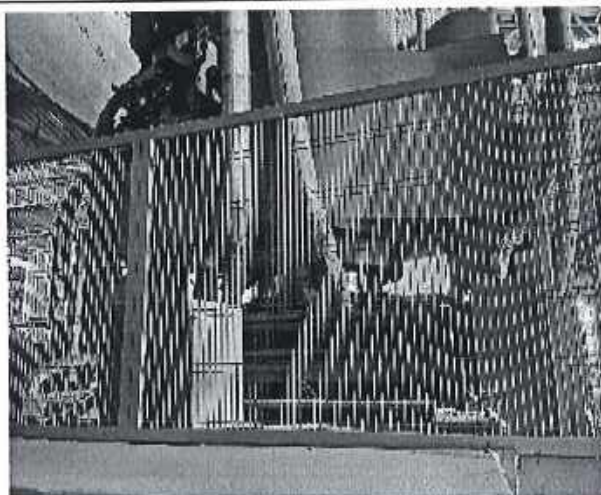


Bàn lật máy ép DCIII-YP Sang

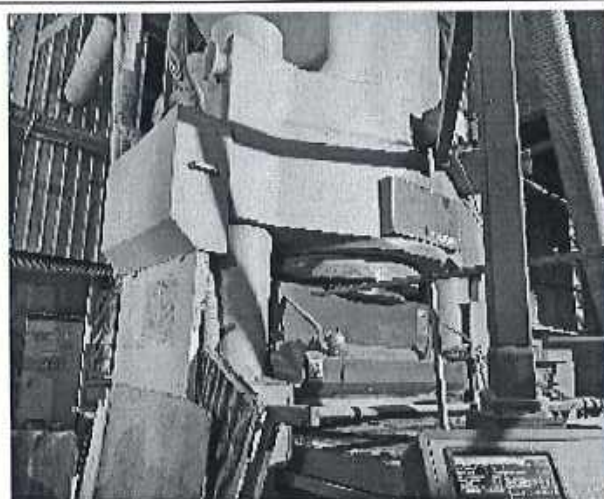




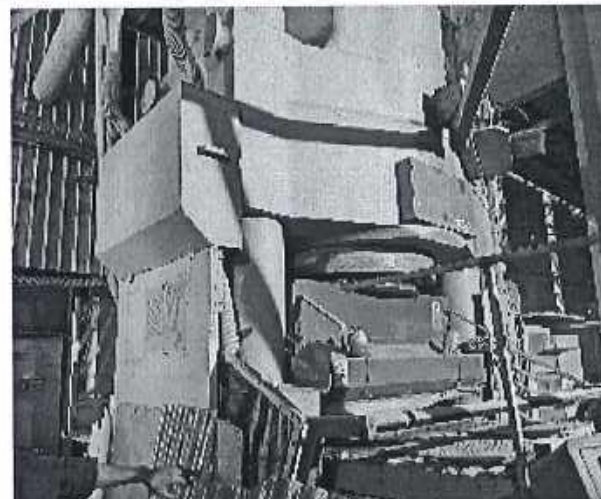
Xe cấp liệu ép ALM175



Máy ép thủy lực PH2590



Máy ép thủy lực PH2590



Máy ép thủy lực PH2590



Tấm từ tính khuôn trên



Tấm từ tính khuôn trên





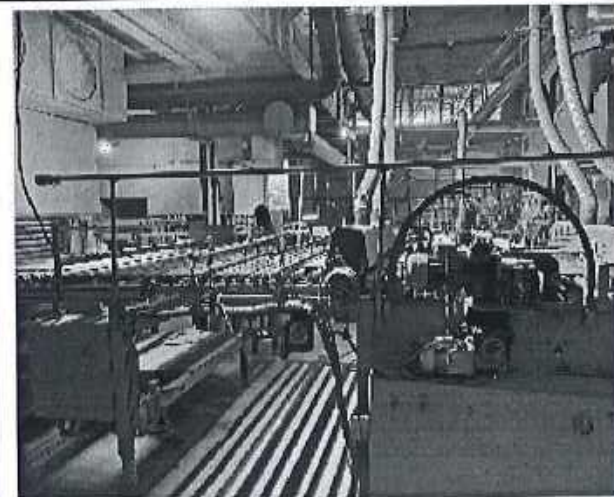
Tấm từ tính khuôn trên



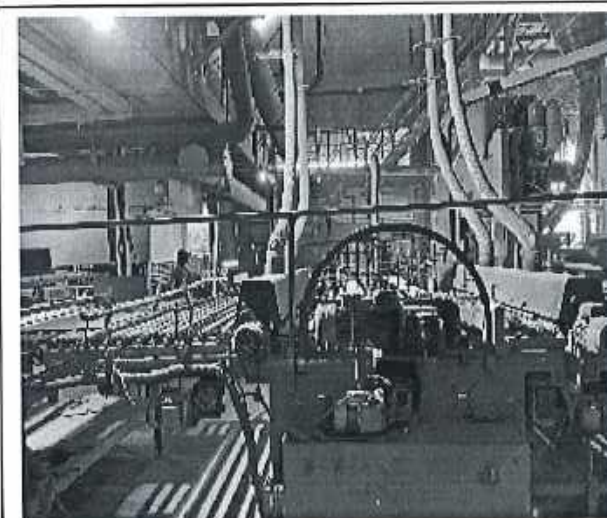
Bộ khuôn hoàn chỉnh 400x400/3



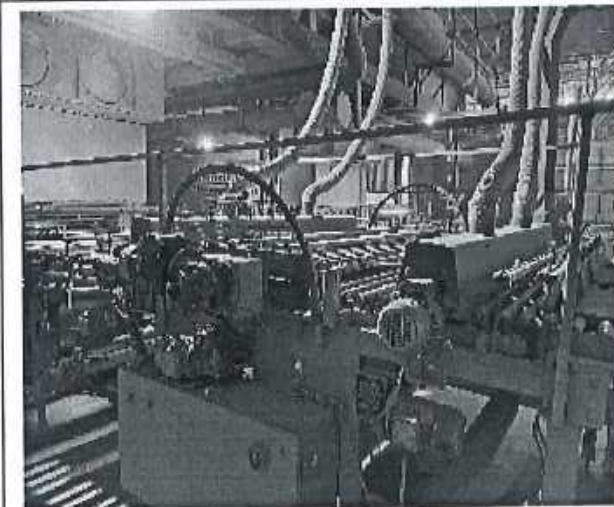
Bộ khuôn hoàn chỉnh 400x400/3



Bàn con lăn nạp gạch sấy đứng

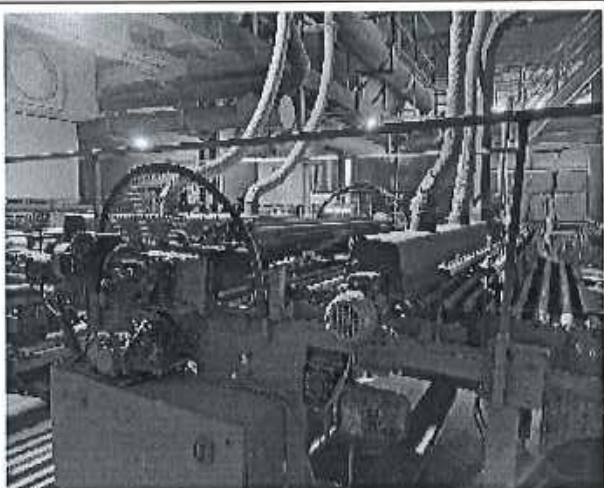


Bàn con lăn nạp gạch sấy đứng

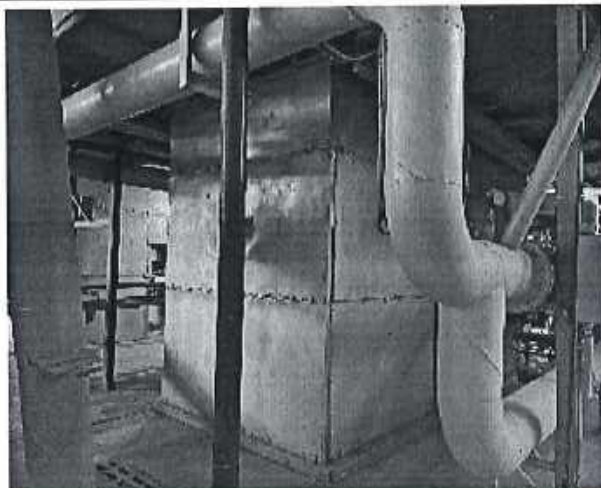


Bàn lật gạch kiểu NUE

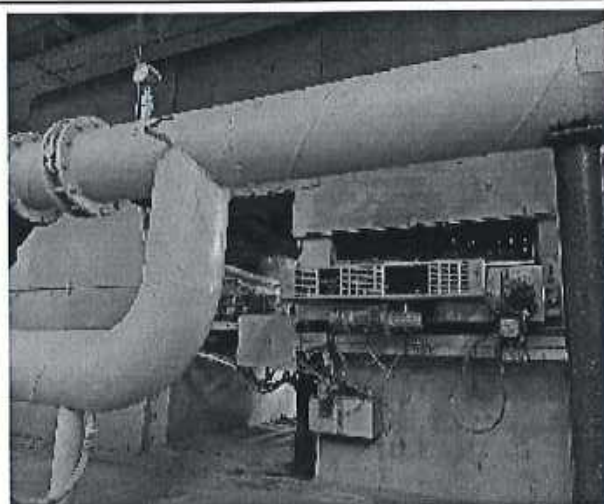




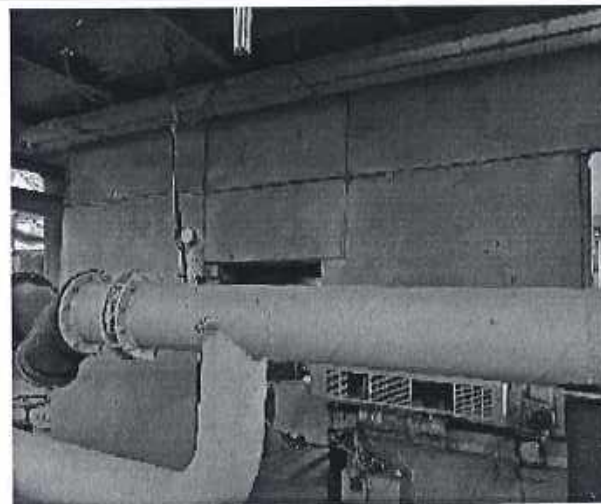
Bàn lặt gạch kiểu NUE



Máy sấy đứng EVA792



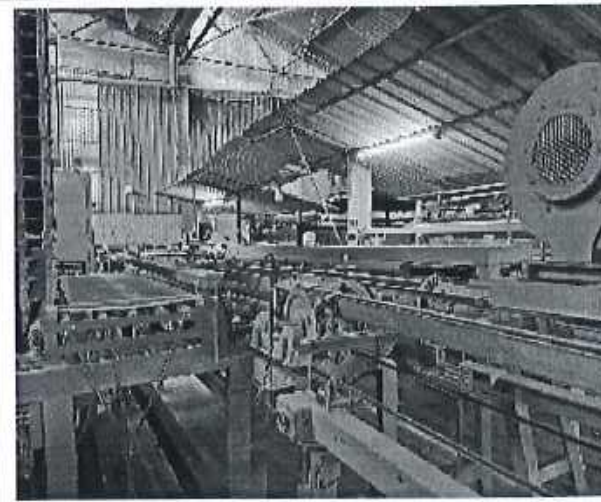
Máy sấy đứng EVA792



Máy sấy đứng EVA792



Đoạn dây chuyền nối vào lò

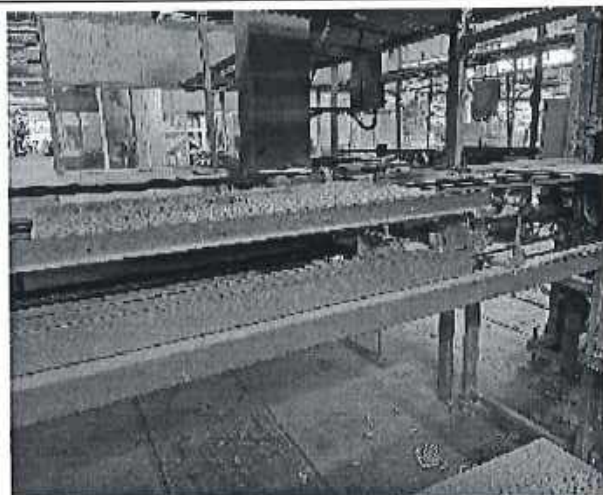


Đoạn dây chuyền nối vào lò

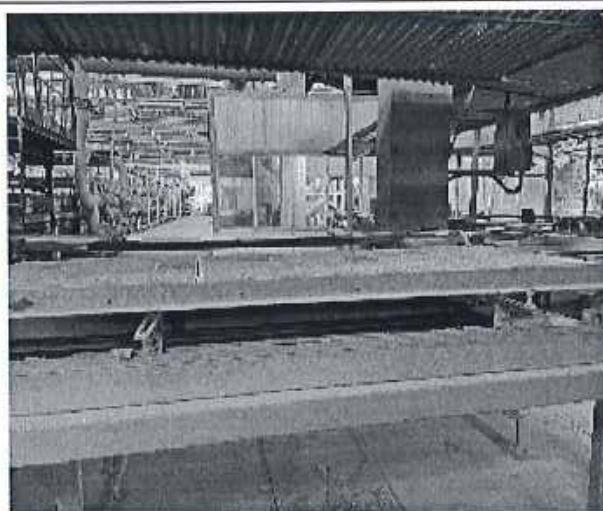




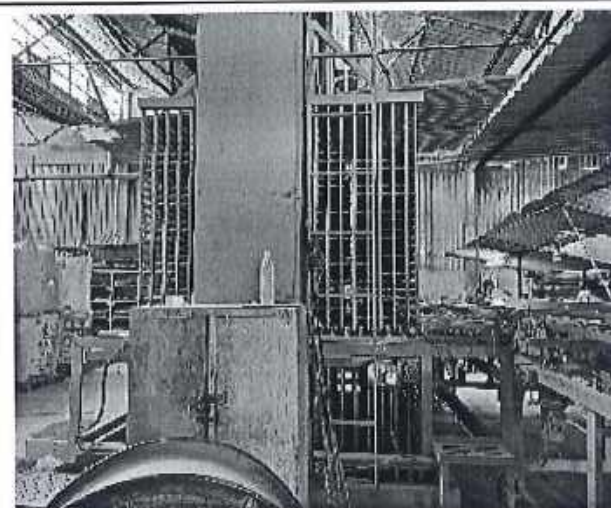
Thiết bị tạo hàng cho máy xếp tải



Thiết bị tạo hàng cho máy xếp tải



Thiết bị tạo hàng cho máy xếp tải



Máy xếp tải

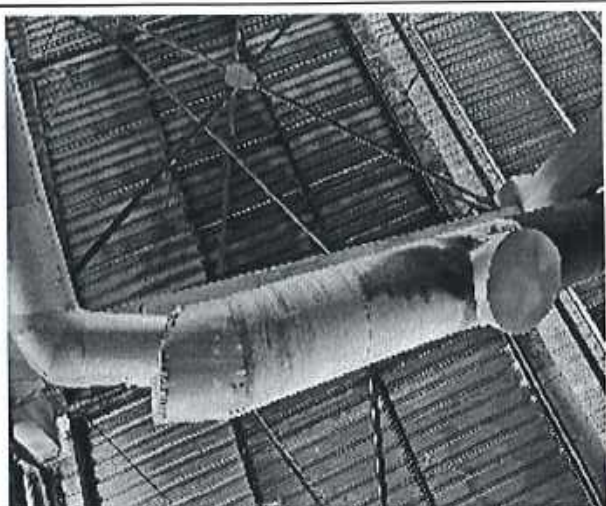


Máy xếp tải



Hệ thống thu hồi nhiệt lò nung





Hệ thống thu hồi nhiệt lò nung



Chuông men D1200



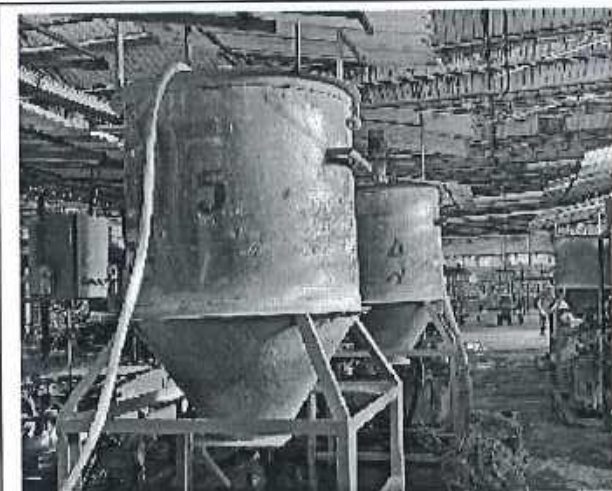
Chuông men D1200



Thùng men số 8 có khuấy

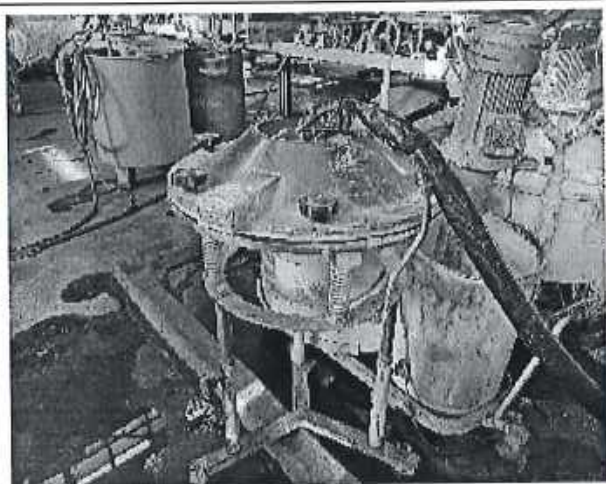


Thùng men số 8 có khuấy

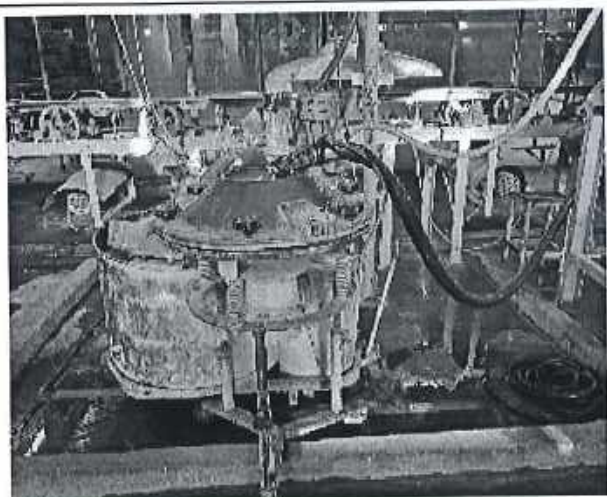


Thùng chứa có khuấy

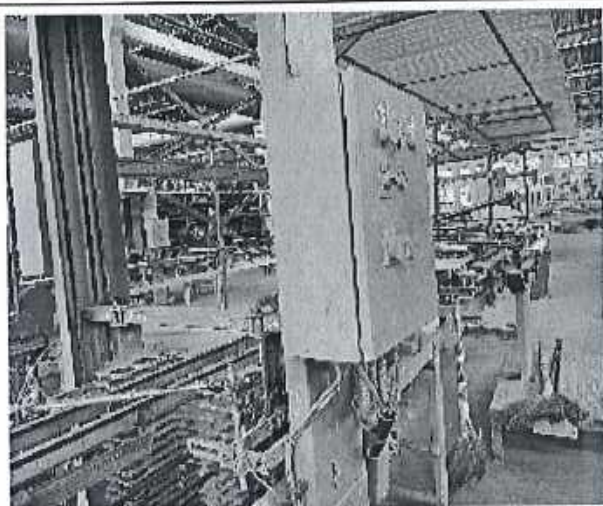




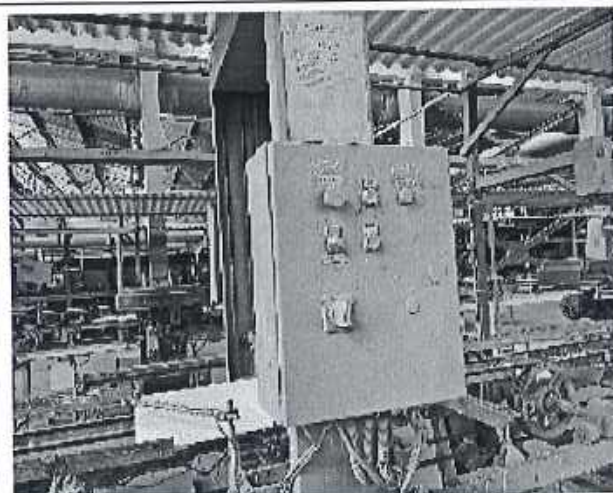
Sàng rung men T6/2016



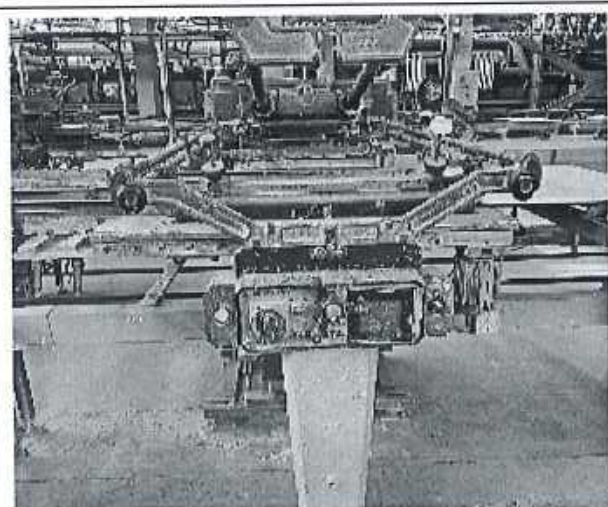
Sàng rung men T6/2016



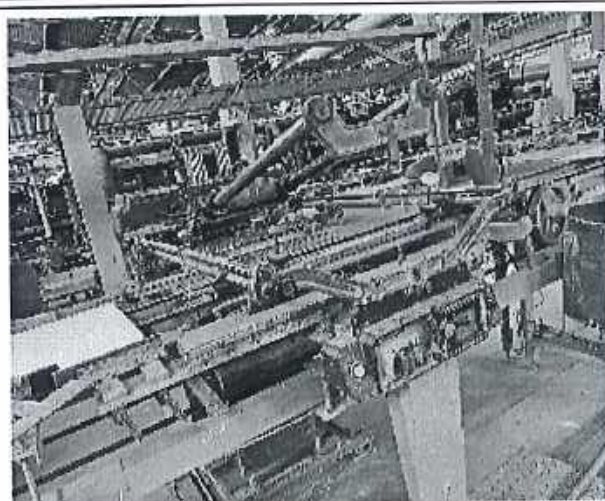
Bù đứng 30 viên



Bù đứng 30 viên

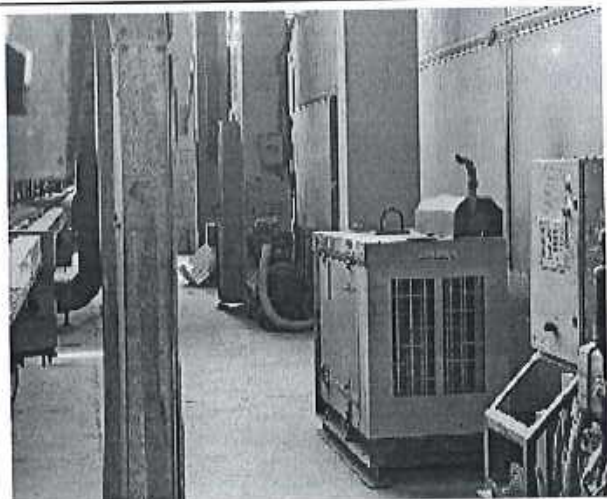


Máy in lưới phẳng SERTAM



Máy in lưới phẳng SERTAM





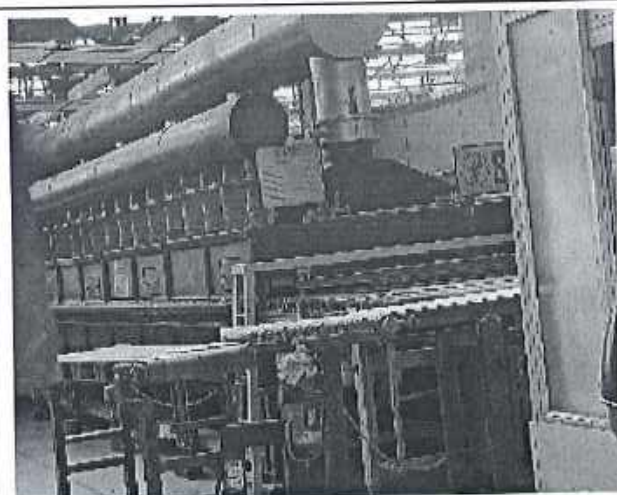
Máy phát điện HONDA



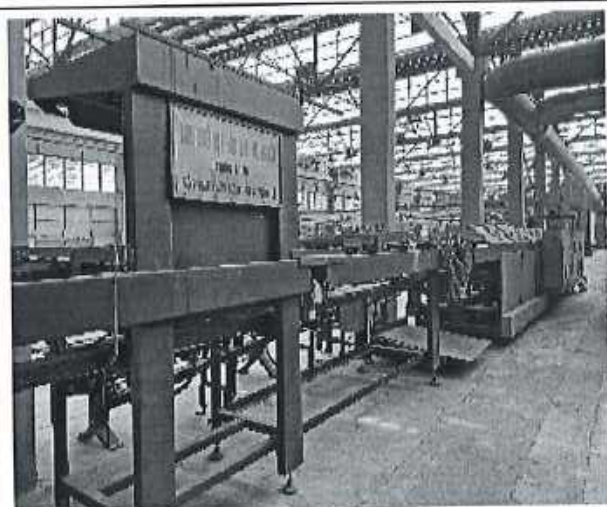
Máy phát điện HONDA



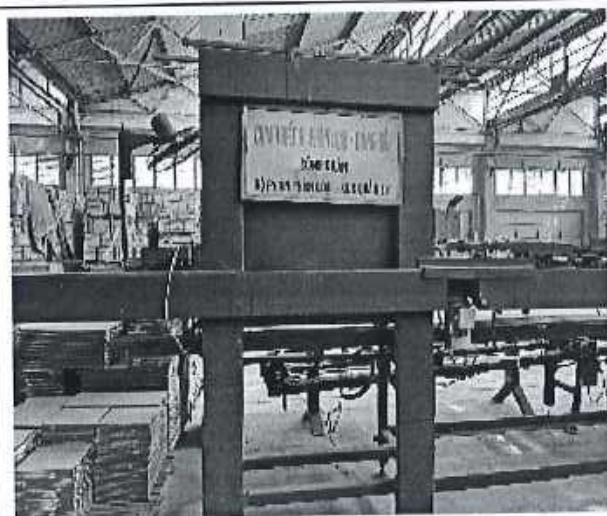
Dây chuyền thiết bị



Dây chuyền thiết bị



D/C phân loại (đ/c từ NM Hà Nội)

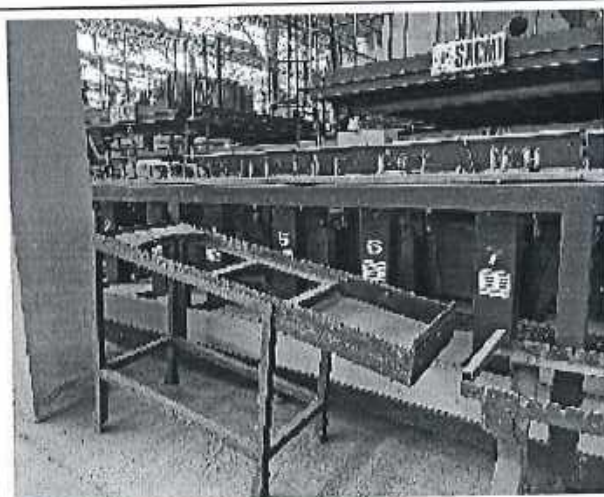


D/C phân loại (đ/c từ NM Hà Nội)

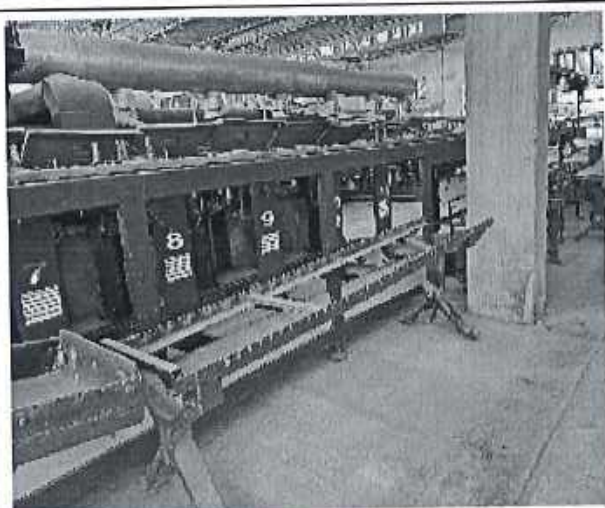




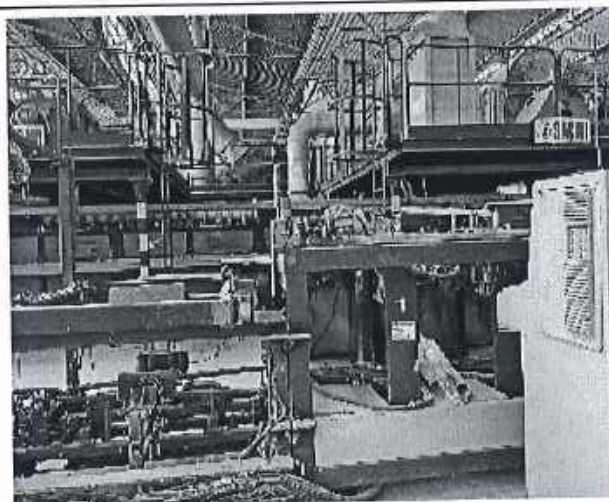
D/C phân loại (đ/c từ NM Hà Nội)



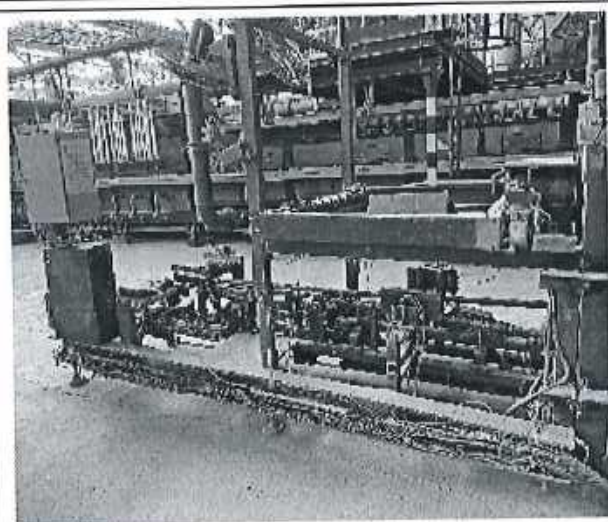
Thiết bị xếp chồng 9 cửa



Thiết bị xếp chồng 9 cửa



Thiết bị đóng gói tự động V60

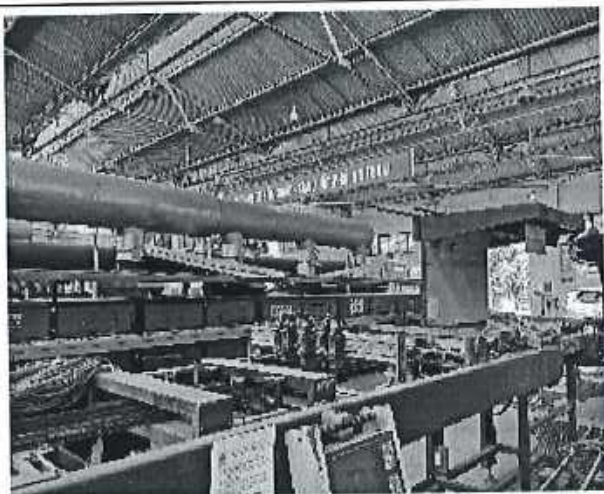


Thiết bị đóng gói tự động V60



Thiết bị kiểm tra độ phẳng, kích thước

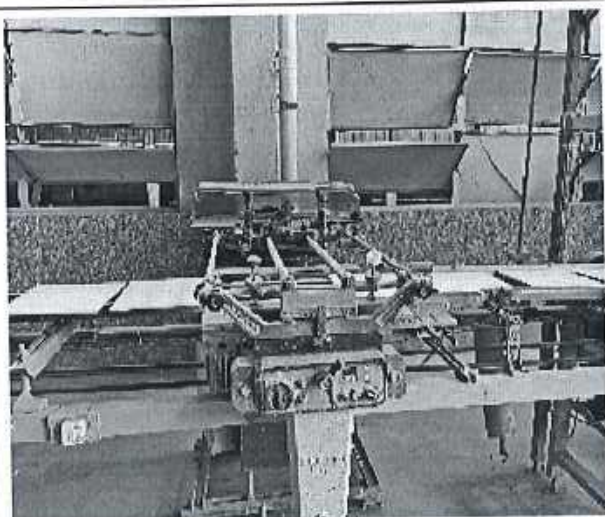




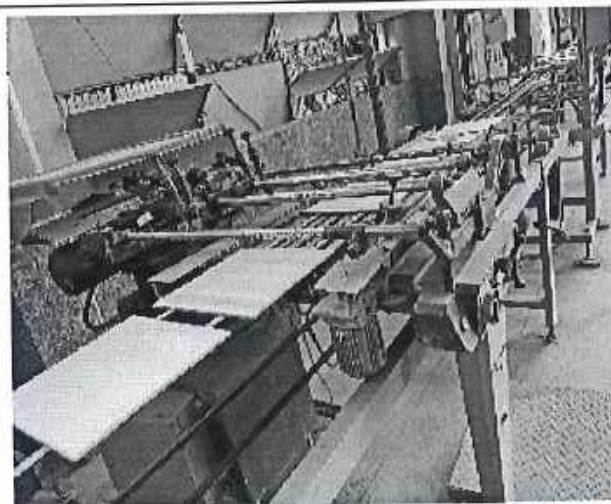
Thiết bị kiểm tra độ phẳng, kích thước



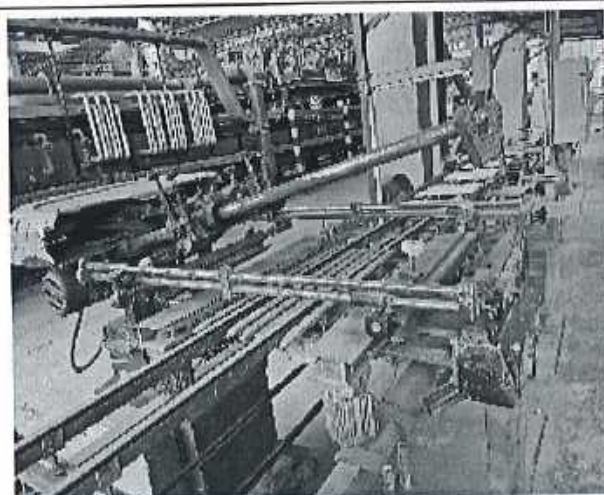
Thiết bị kiểm tra độ phẳng, kích thước



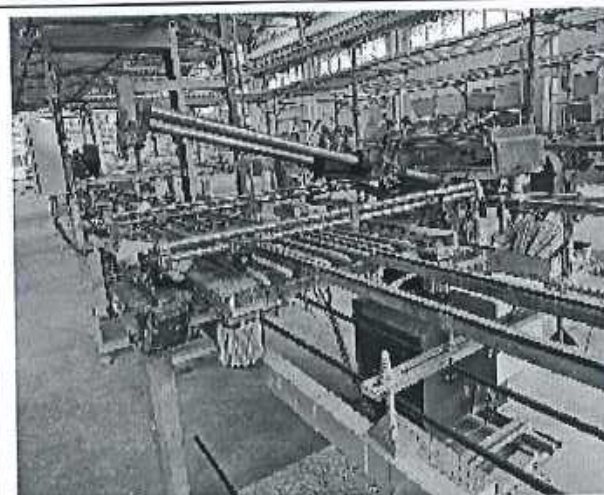
Máy in lưới CF/C1



Máy in lưới CF/C1



Máy in lưới CFA/C1

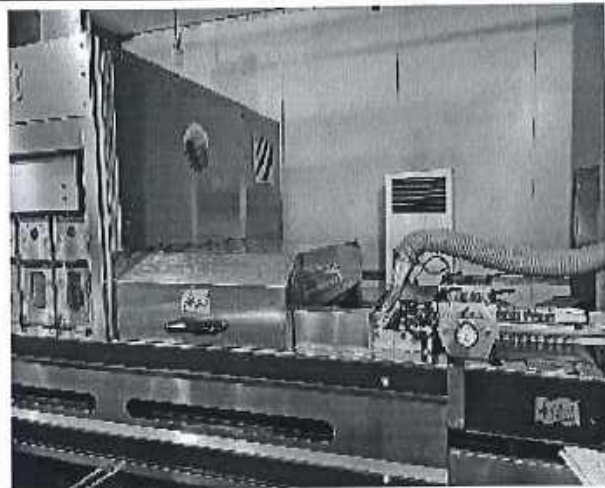


Dây chuyền men W700\*H920 HB 829\*L12000





Dây chuyền men W700\*H920 HB 829\*L12000



Máy in KTS DC1 (T6/2016)



Máy in KTS DC1 (T6/2016)



Kênh màu số 6 Máy in KTS DC1

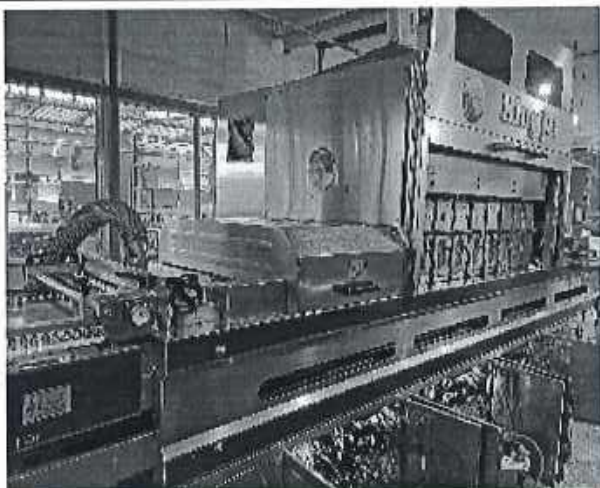


Kênh màu KTS 8 đầu (T6/2019) (Đầu in KTS)

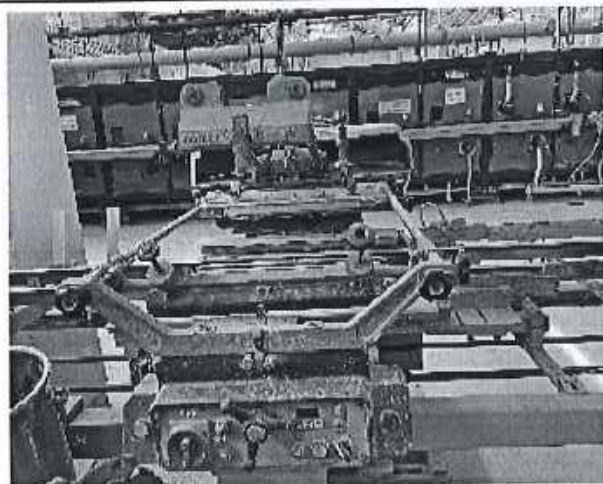


Máy in KTS DC2 (T4/2016)

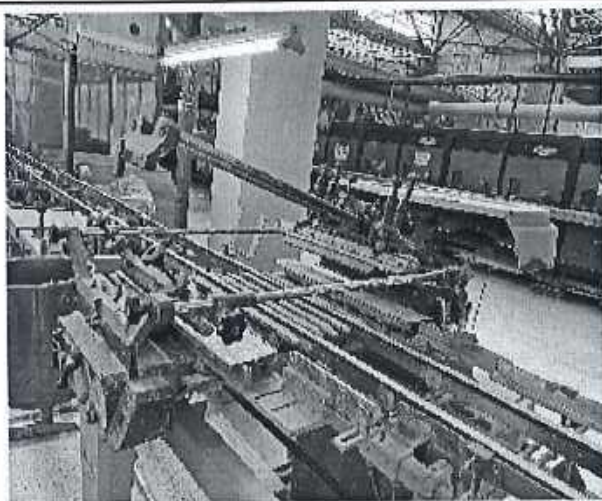




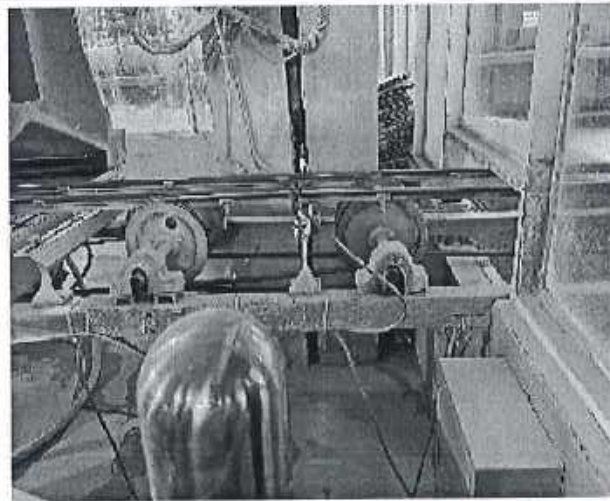
Máy in KTS DC2 (T4/2016)



Máy in lưới 03-YP Sang



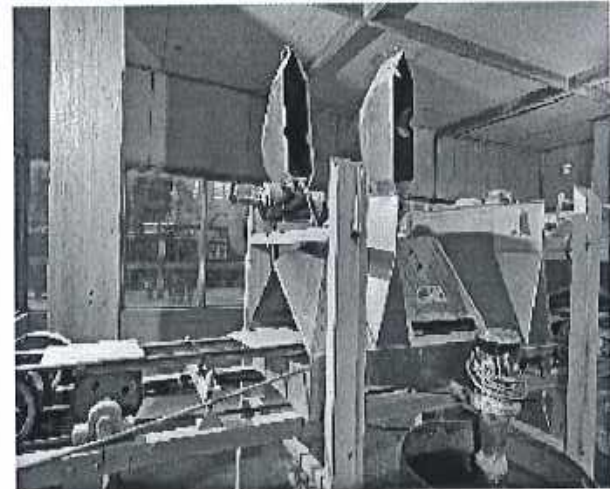
Máy in lưới 03-YP Sang



Dây chuyền men W700\*H920 HD 829\*L5200



Dây chuyền men W700\*H920 HD 829\*L5200

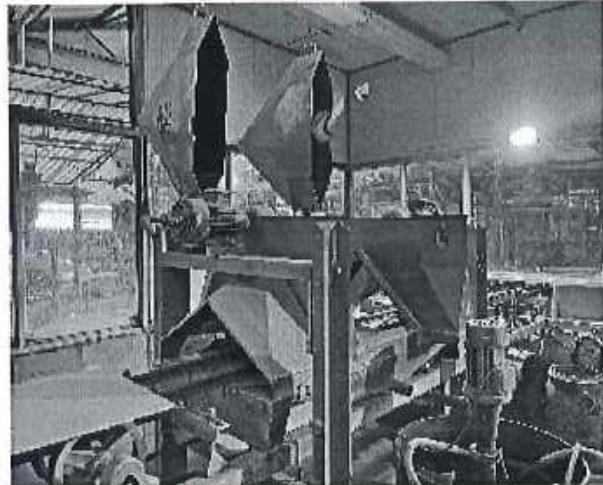


Bộ văng men 700

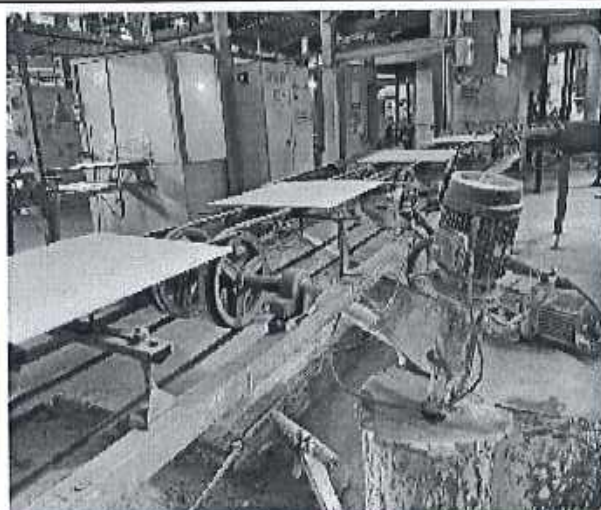




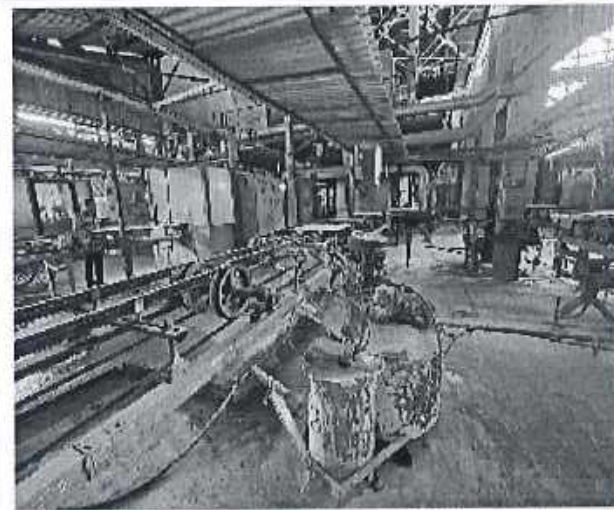
Bộ văng men 700



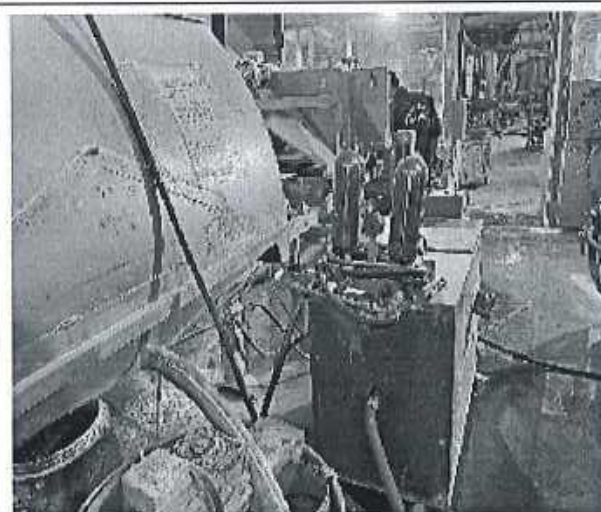
Bộ máy văng, thùng khuấy men



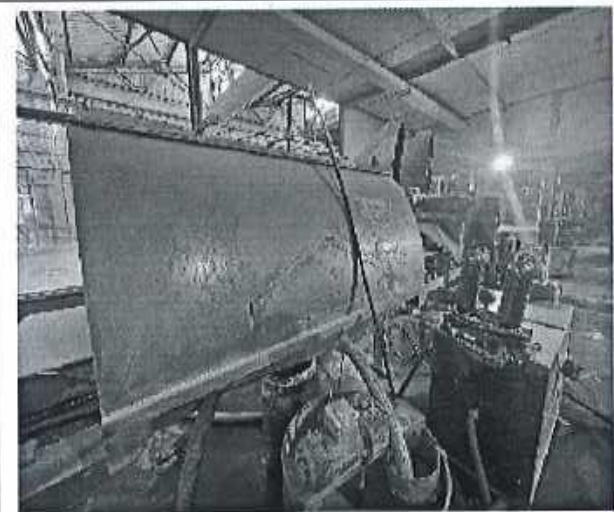
Kết nối DC vào lò nung (ĐT BS)



Kết nối DC vào lò nung (ĐT BS)



Máy phun men SD-4/H900L1.8

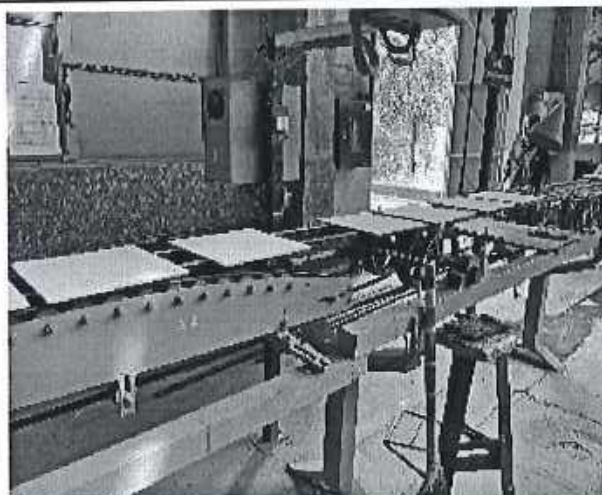


Máy phun men SD-4/H900L1.8

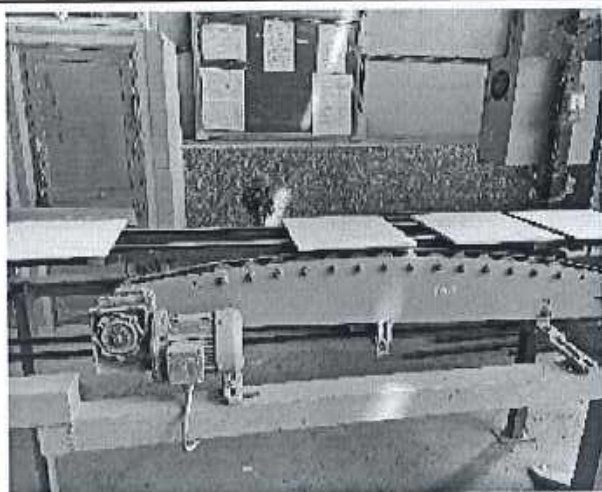




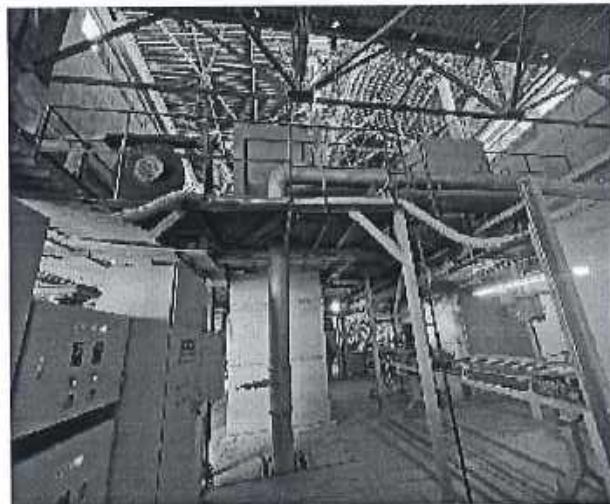
Máy phun men SD-4/H900L1.8



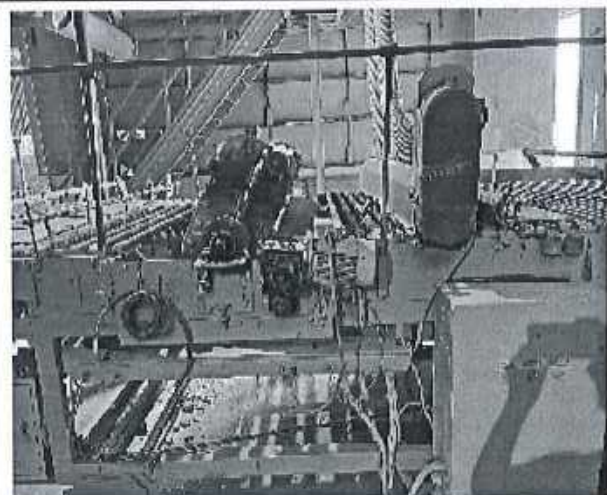
Máy đảo chiều SKGQ-800



Máy đảo chiều SKGQ-800



Dây chuyền thiết bị



Bàn lật đỡ tải ép

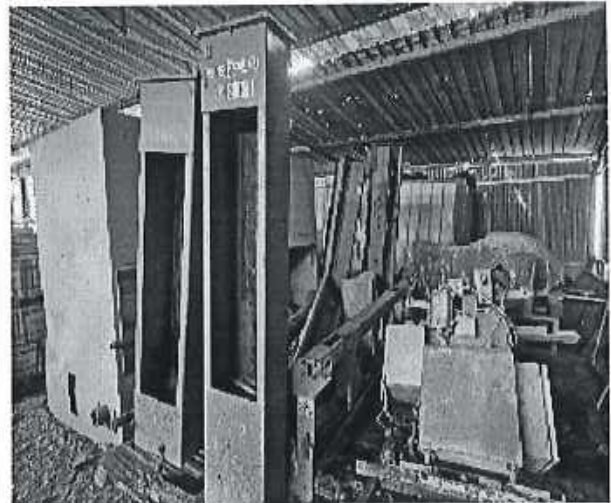


Tủ bù cosfi





Tủ bù cosfi



Máy dỡ tải goòng



Máy dỡ tải goòng



Thiết bị đóng đai dùng pin

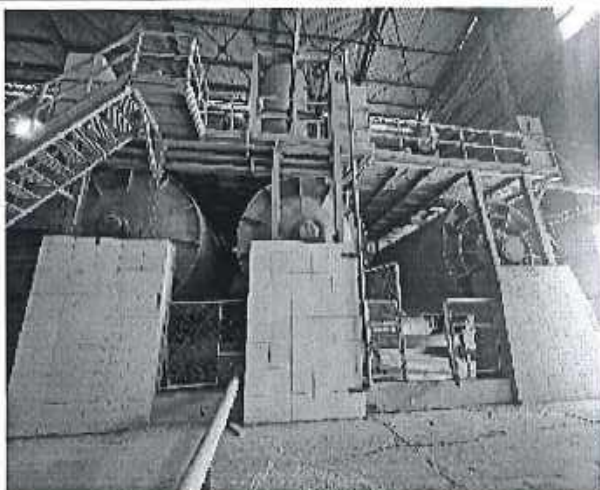


Thiết bị đóng đai dùng pin



Dây chuyền thiết bị

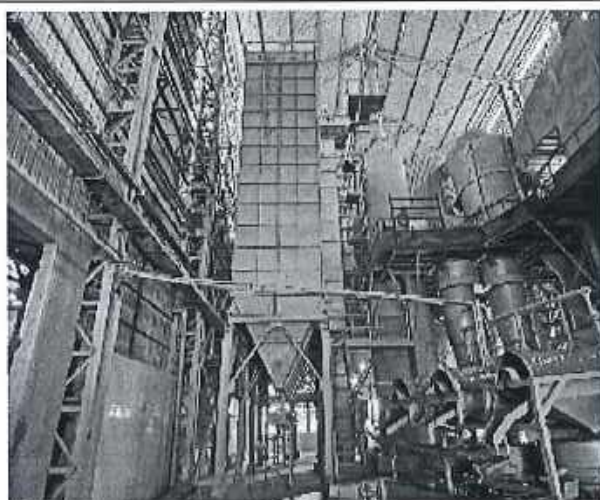




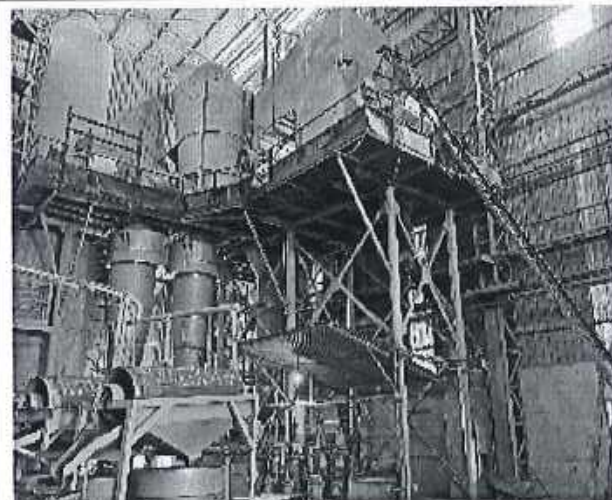
Dây chuyền thiết bị



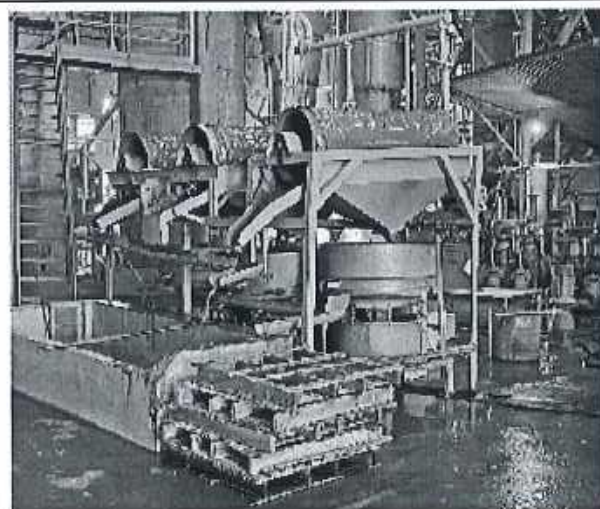
Dây chuyền thiết bị



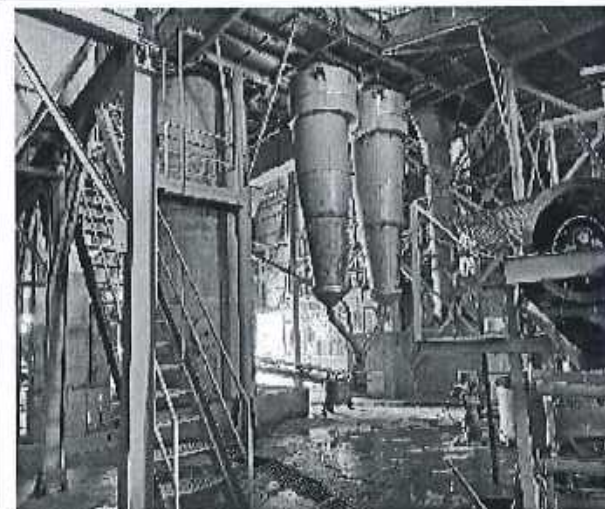
Dây chuyền thiết bị



Dây chuyền thiết bị



Dây chuyền thiết bị



Dây chuyền thiết bị

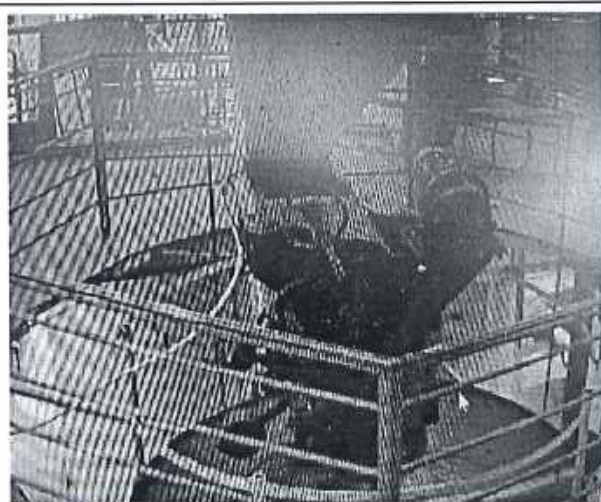




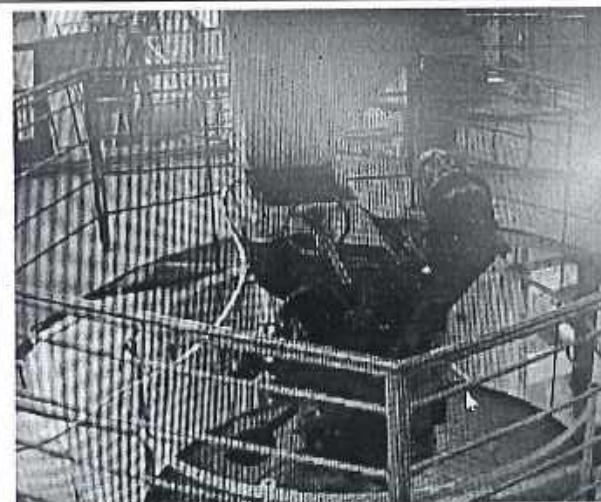
Máy FOTO 02 (T10/2016-2K1002)



Máy FOTO 02 (T10/2016-2K1002)



Máy nạp than tự động (T1/2016)



Máy nạp than tự động (T1/2016)

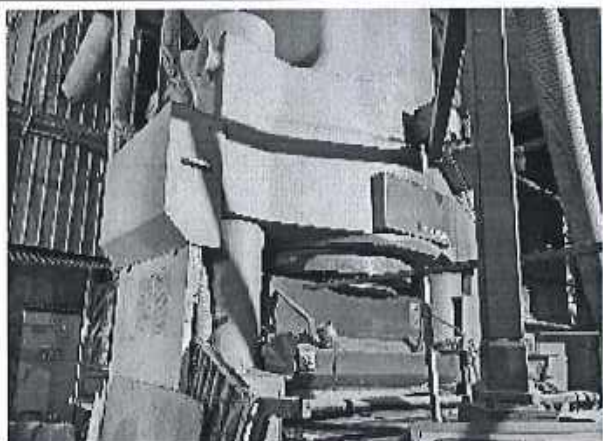


Hệ thống Camera

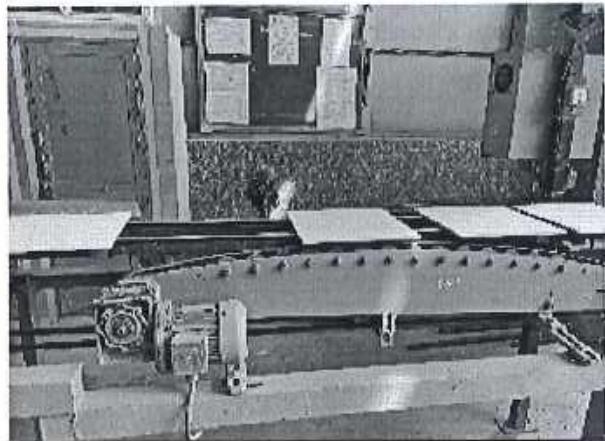


Hệ thống Camera

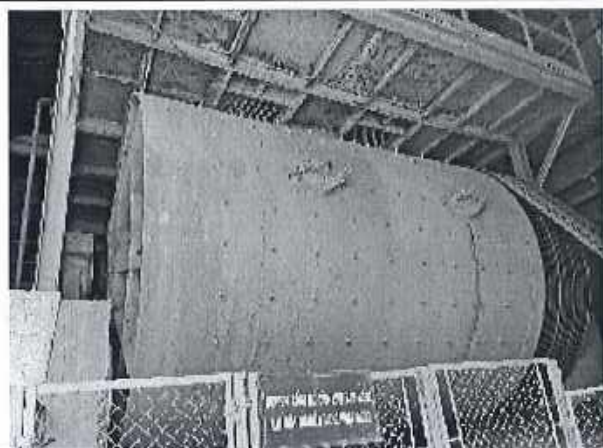




Thiết bị Ép khuôn tự động-1K0340



Máy đảo chiều DC30-600



Lớp lót cao su máy nghiền 34000L



# PHỤ LỤC HÌNH ẢNH TSCĐ (PTVT)- CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Xe nâng hàng komatsu FD300 -14



Xe nâng hàng komatsu FD300 -14



Xe nâng (T10/2019)



Xe nâng (T10/2019)



Xe nâng HELI CPCD35-Q22K2



Xe nâng HELI CPCD35-Q22K2





Xe ô tô ben (T6/2016)



Xe ô tô ben (T6/2016)



Xe ô tô ben (T6/2016)



Xe xúc đào (T2/2016)



Xe xúc đào (T2/2016)



Xe xúc lật bánh lốp SINOMACH





Xe xúc lật bánh lốp SINOMACH



Xe xúc lật Kawsaki KLDZ 60



Xe xúc lật Kawsaki KLDZ 60



Xe ô tô tải thùng (VPCTY sang)



Xe ô tô tải thùng (VPCTY sang)



Xe ô tô tải thùng (VPCTY sang)





Xe xúc lật Kawasaki chuyển YP sang T6.2016



Xe xúc lật Kawasaki chuyển YP sang T6.2016



Xe xúc lật Kawasaki chuyển YP sang T6.2016



Xe nâng HELI CPCD35-W4H



Xe nâng HELI CPCD35-W4H



Xe nâng T10/2017





Xe nâng T10/2017



Xe INOVA G 30Y-8377



Xe INOVA G 30Y-8377



Xe nâng chày T12/2018



Xe nâng chày T12/2018



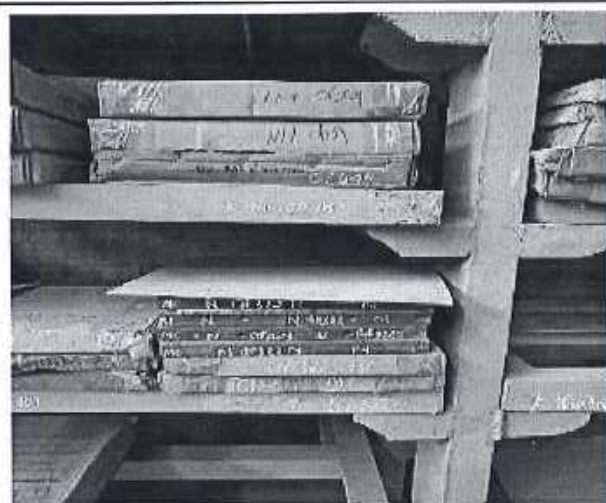
## PHỤ LỤC HÌNH ẢNH CCDC- CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Con lăn gốm S300



Dây đai Pet 1102



Khuôn lưới 300x300



Khuôn lưới 400x400



Dầu thủy lực Azolla

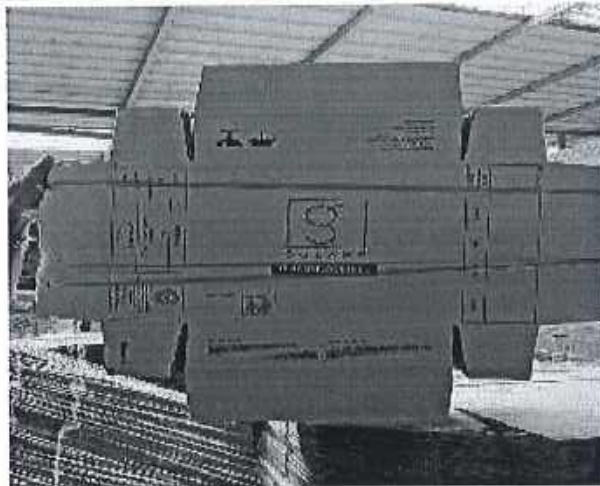


Hộp giấy 300x300





Khuôn trên 400x400



Hộp giấy 300 xk



Hộp giấy 500x500



Khuôn lưới 500x500



Hộp giấy 300 XK Niro

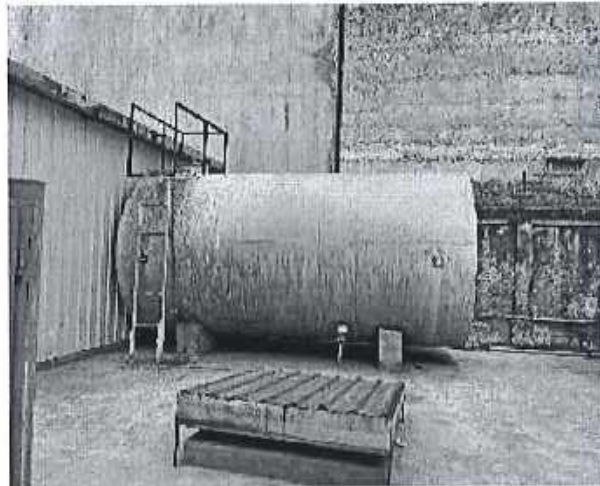


Khuôn trên 300x300

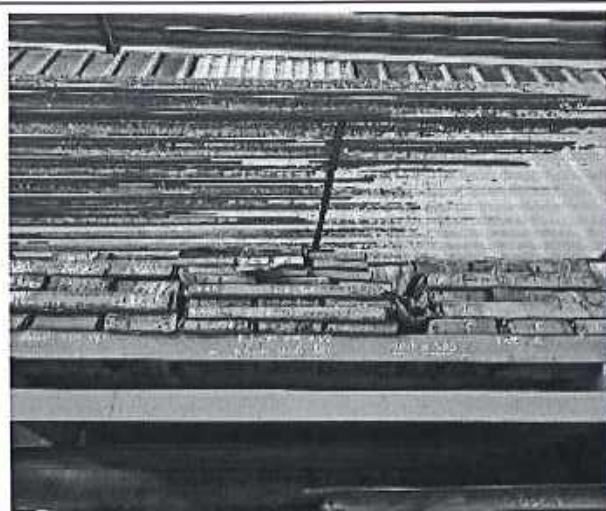




Hộp giấy 300x300 Pristine



Dầu Omala 320



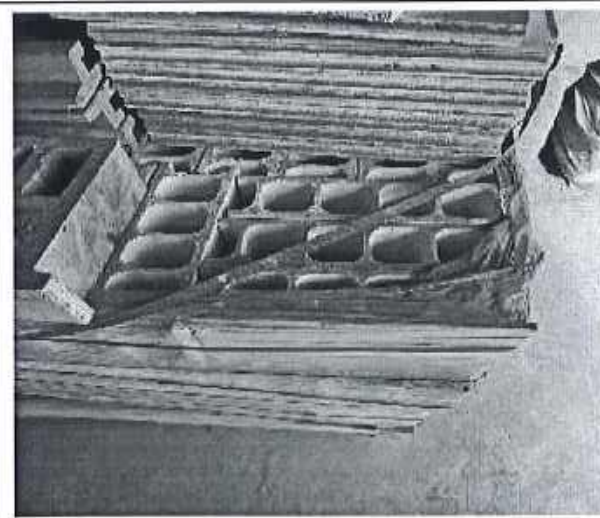
Khuôn trên 100x300



Khuôn trên 500x500



Tổng khuôn LM



Gạch chịu lửa xây lò 5 lỗ

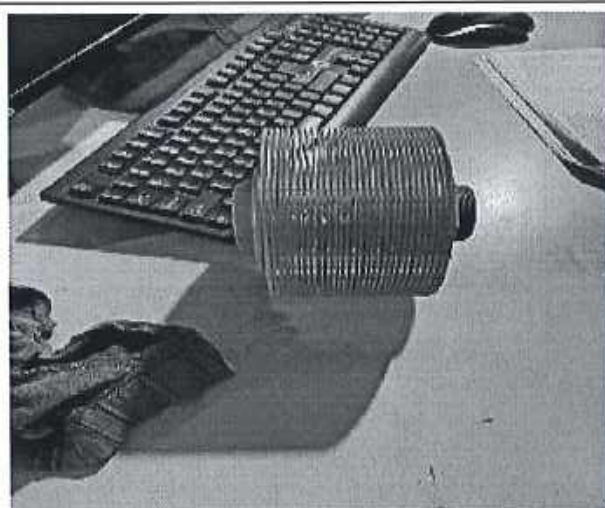




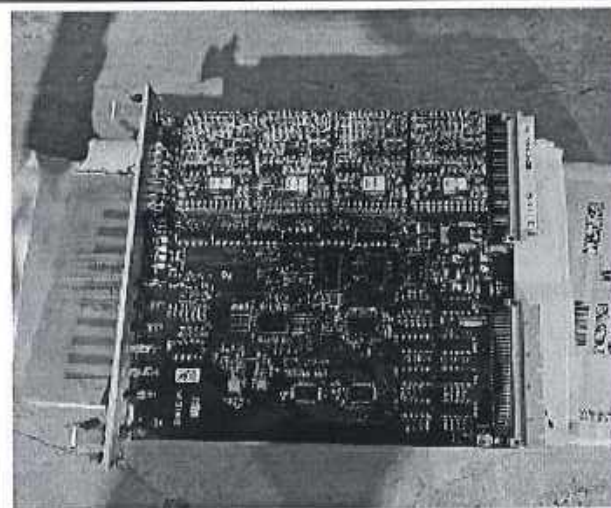
Ống cao su đường dầu



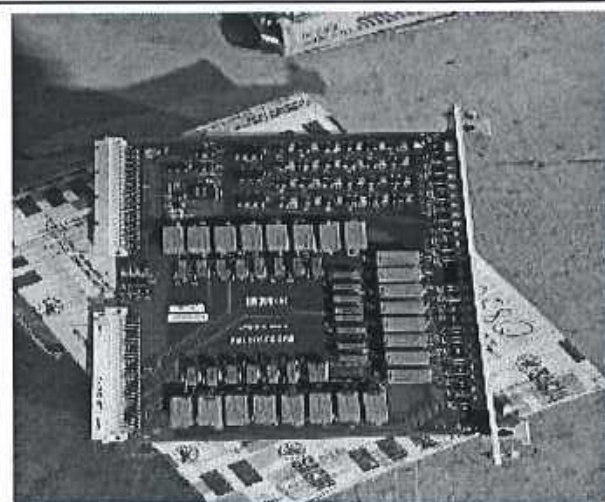
Bộ Gioăng khuếch đại áp



Bộ đĩa văng men



Card điều khiển IE



Card điều khiển OR

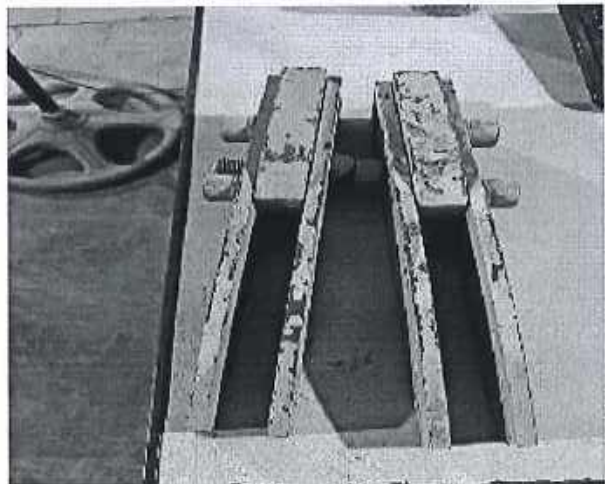


Chân đỡ lò than xích

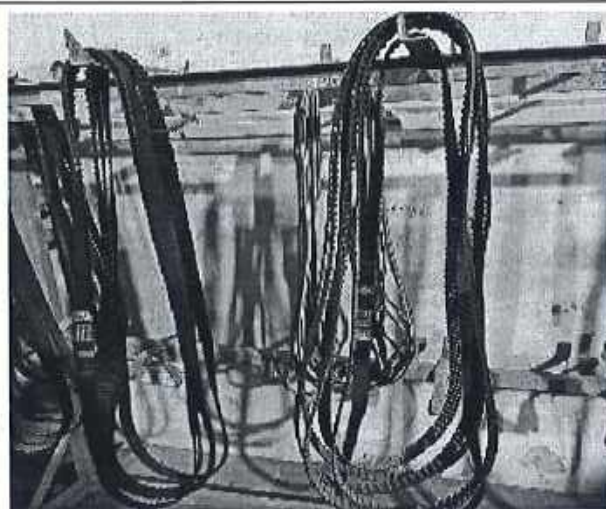




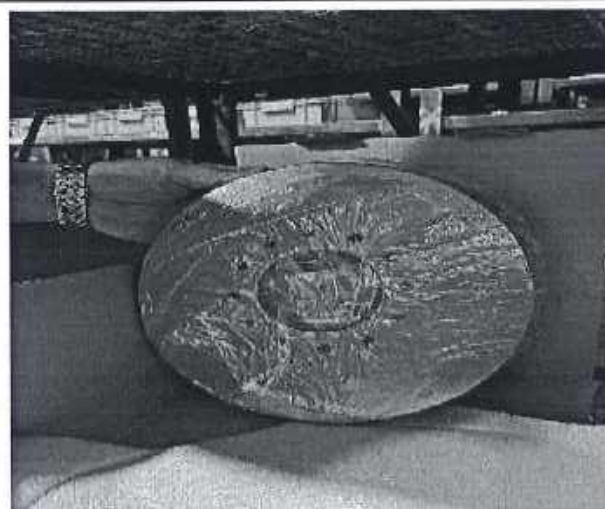
Chụp đầu con lăn



Dẫn hướng xích để nâng hạ



Dây đai 940H150



Đá mài kim cương



Động cơ 0,75



Động cơ 75KW





Gạch treo nóc lò



Giày bảo hộ lao động



Lò xo mũi tâm quay con lăn



Lưới in



Mực phản quang



Ống mô đốt ray bằng SIC

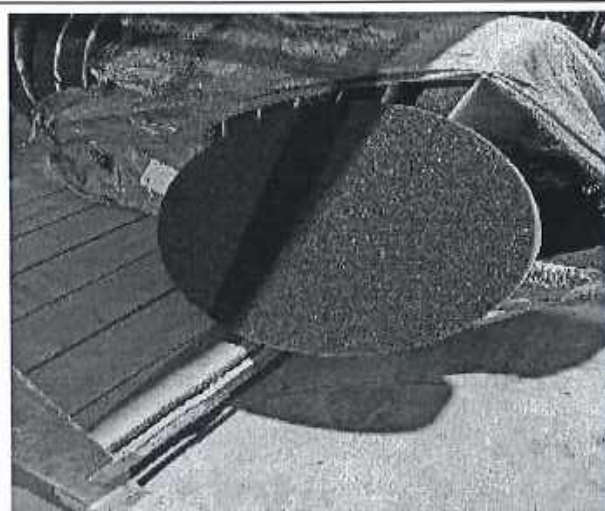




Palet gỗ 1050x1050



Quần áo BHLĐ



Tấm xoa mặt gạch



Thân bơm piston YB250

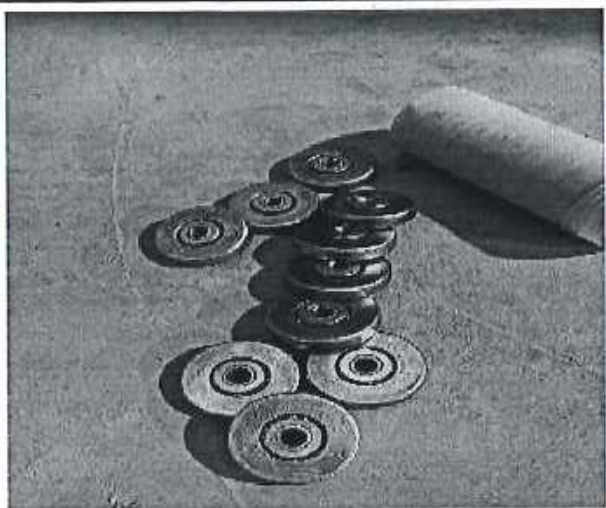


Vanh hợp kim LM 300X300



Vòng bi 6003 2RS





Vòng bi đỡ cơ lăn



## PHỤ LỤC HÌNH ẢNH NVL- CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Bì cao nhôm 92%



Bột đá nghiền



Bột nhẹ làm men



Bột thạch anh men



Các bon at mage

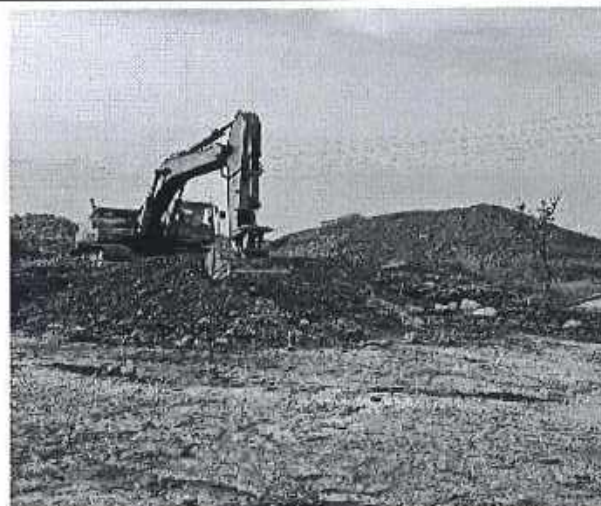


Cao lanh indo





CMC IH9



Đất các loại



Feldspar



Hh240



Màu các màu sắc



Men Candy Glaze





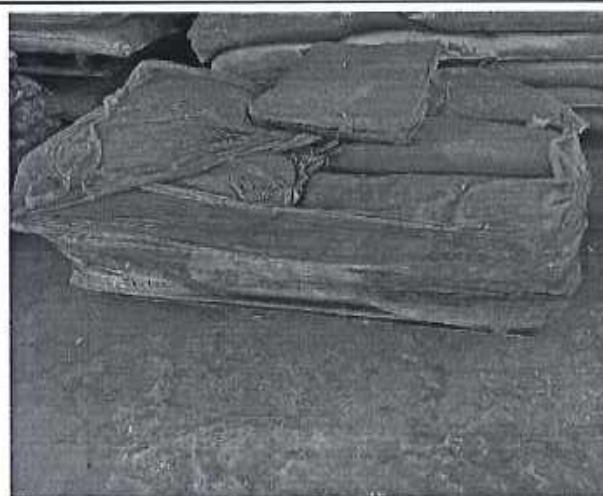
Men đất songs HD



Men in dục DT6206



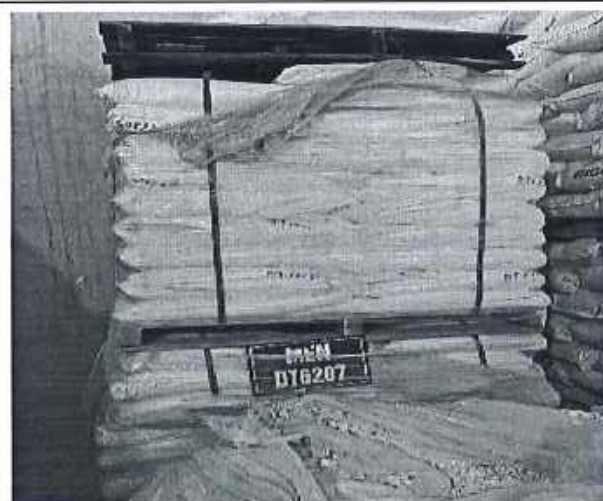
Men in lưới chìm



Men in lưới ZL 106



Men in mờ MP 153



Men in trong DT6207





Men MTM 168



Men suger MD22



Men TMT 168



Mực in các loại



Oxit nhôm

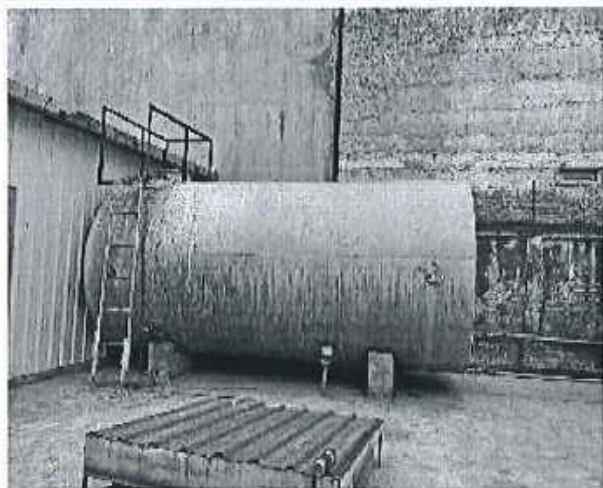


Phụ gia cho NL Xương





Than các loại



Thủy tinh lỏng (trong xilo)



Zirconium Silicate



# PHỤ LỤC HÌNH ẢNH THÀNH PHẨM- CÔNG TY CP VIGLACERA HÀ NỘI



Gạch 10 x30



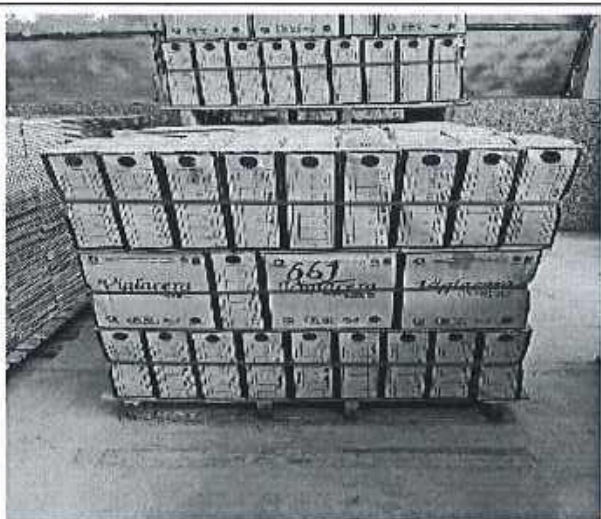
Gạch 10 x30 RT



Gạch 10 x30



Gạch 10 x30 SH



Gạch 10 x30 CL



G20x20





G20x20 H



GL 500x500



GL 15x60 GT



GL 15x60



GL 400x400



GL 400x400 MC





GL 400x400 MC



GL 500x500



GL 500x500



GL MKT S50x50



GL MKT S50x50



GL MKT S30x30





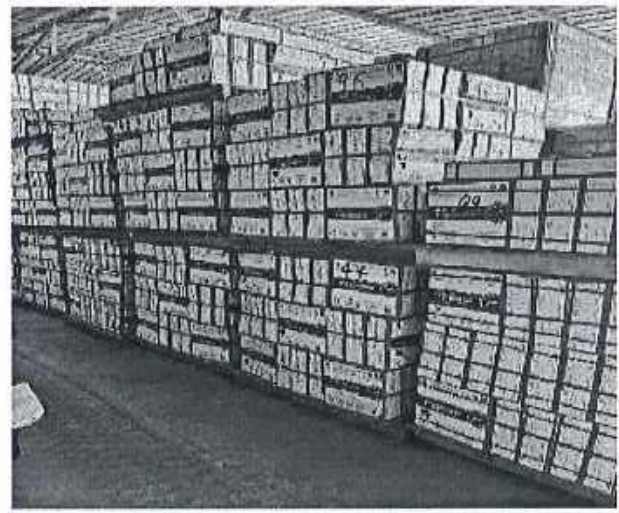
GL MKT S30x30



GL MKT S50x50



GL SG Matt x 3030



GL MKT S30x30



GL MKT S30x30



GL SSAMKT30X30K3





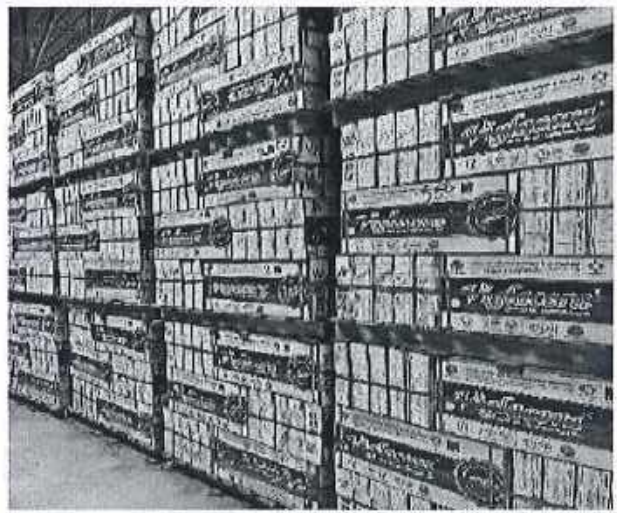
GL MKT S500X500



GO 30X60



GO 30X30



GO 30X60



GO 30X60 PBS



GO 30X60 PSM





GO 30X60



GO 30X60



GO 30X60 UHM



GO 30X60 UHM



GO 30X60



GO 30X60



## PHỤ LỤC: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ, LƯU Ý VÀ HẠN CHẾ CỦA KẾT QUẢ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH GIÁ

*(Kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/752/VVFC-BAN3 ngày 10/09/2025 của Công ty CP Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC)*

- Kết quả tư vấn thẩm định giá chỉ sử dụng cho mục đích duy nhất đã được đề cập tại **Mục 5** của Chứng thư này. VVFC không chịu trách nhiệm nếu Chứng thư được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác hoặc bên thứ ba không có tên trong Hợp đồng và chỉ có giá trị sử dụng khi các bên tham gia Hợp đồng hoàn tất các thủ tục về Hợp đồng theo luật định. Nếu khách hàng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, bao gồm và không giới hạn nghĩa vụ thanh toán cho VVFC theo Hợp đồng Dịch vụ tư vấn thẩm định giá thì Chứng thư thẩm định giá không có giá trị pháp lý.

- Kết quả tư vấn thẩm định giá cho khách hàng trong điều kiện giới hạn bởi hồ sơ tài liệu được cung cấp, các thông tin về tài sản thẩm định giá và thị trường mà VVFC thu thập được.

- Kết quả tư vấn thẩm định giá nêu trên được tính toán tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá, với các điều kiện, giả định, giới hạn của VVFC và chính sách quản lý hiện hành có liên quan của Nhà nước. Trường hợp thị trường biến động hay chính sách quản lý của Nhà nước và các điều kiện, giả định, giới hạn thay đổi có thể làm cho giá trị tài sản thay đổi.

- Tại thời điểm thẩm định giá doanh nghiệp, giá trị vốn chủ sở hữu/giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội thời điểm 30/06/2025, Tư vấn sử dụng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét tại thời điểm thẩm định giá ngày 30/06/2025 và Bảng kiểm kê theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét tại thời điểm 30/06/2025 theo đơn vị đồng và chưa được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán thuế năm tài chính 2024 và thời điểm thẩm định giá, chưa có đủ các biên bản đối chiếu công nợ,...nên tư vấn tạm thời ghi nhận theo số liệu sổ sách kế toán và hồ sơ kiểm kê do Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội cung cấp tại thời điểm ngày 30/06/2025.

- Phạm vi số liệu báo cáo thẩm định giá dựa trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét tại thời điểm thẩm định giá do đơn vị cung cấp và cơ sở ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

- Một số khoản nợ phải thu, phải trả của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội một số chưa có đủ biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm thẩm định giá ngày 30/06/2025. Vì vậy, tư vấn tạm thời ghi nhận theo số liệu sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và hồ sơ kiểm kê do Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội cung cấp. Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội tiếp tục theo dõi đôn đốc đối chiếu và thu hồi công nợ theo quy định. Tỷ lệ đối chiếu, chưa đối chiếu công nợ như sau:



STT	Nợ Phải thu, phải trả	Tỷ lệ đối chiếu (%)	Tỷ lệ chưa được đối chiếu (%)
1	Nợ phải thu	60,18%	39,82%
2	Nợ phải trả	91,63%	8,37%

+ Đánh giá lại công nợ phải thu, phải trả và các khoản trích lập dự phòng, VVFC tạm xác định hoàn nhập dự phòng vào vốn của doanh nghiệp, trong trường hợp Ban Giám đốc, Lãnh đạo Công ty có phương án xử lý tài chính cụ thể các khoản nợ này thì giá trị được điều chỉnh phù hợp.

- Đối với những khoản công nợ tiềm tàng có thể phát sinh, tư vấn chưa có hồ sơ, và dữ liệu để xem xét nội dung này và đơn vị chưa tiến hành xử lý tài chính thì Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội chịu trách nhiệm về việc cung cấp hồ sơ và thường xuyên theo dõi công nợ, nếu cần phải tiến hành xử lý tài chính cần báo cáo cơ quan chủ sở hữu hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- VVFC không có điều kiện kiểm tra thực tế đặc điểm cấu trúc và hiện trạng của các bộ phận khuất/ngầm của công trình xây dựng, vật kiến trúc gắn liền với đất trong khi hồ sơ, tài liệu được cung cấp thể hiện chi tiết vấn đề này còn hạn chế.

- Đối với những tài sản là máy móc thiết bị, thiết bị dụng cụ quản lý, công cụ, dụng cụ chưa được cung cấp đủ hồ sơ chi tiết để xác định chính xác thông số kỹ thuật của tài sản và qua khảo sát làm việc thì có những tài sản đã cũ, lạc hậu không rõ model, thông số kỹ thuật nên không có thông tin về các tài sản tương đương trên thị trường, nguyên giá xác định lại theo sổ sách kế toán do đơn vị cung cấp.

- Phương pháp tỷ số bình quân được thực hiện theo cách tiếp cận từ thị trường, toàn bộ lợi ích từ việc sử dụng tài sản hữu hình, vô hình (bao gồm cả quyền sử dụng đất, giá trị thương hiệu) của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội các doanh nghiệp so sánh đã được phản ánh vào giá.

- Việc lựa chọn tỷ trọng của từng phương pháp khi xác định giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội dựa trên sự hợp lý và tin cậy của số liệu đầu vào, thông qua kinh nghiệm của thẩm định viên trong việc phân tích và dự báo các số liệu có thể không hoàn toàn giống với quan điểm của những nhà đầu tư hay những chuyên gia khác.

- Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các hồ sơ tài liệu, báo cáo tài chính, sổ liệu sổ kế toán, và số liệu kiểm kê đất đai, kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2025-2029... tại thời điểm xác định giá trị phần vốn đã cung cấp cho VVFC. VVFC không có trách nhiệm kiểm tra tính xác thực của bản sao những văn bản pháp lý có liên quan đến tài sản thẩm định giá do khách hàng và các bên liên quan cung cấp so với bản gốc và được miễn trừ mọi trách nhiệm pháp lý liên quan nếu thông tin được cung cấp không chính xác.

- VVFC chịu trách nhiệm về tính hợp lý, trung thực, khách quan của kết quả tư vấn thẩm định giá phù hợp với các điều kiện tại thời điểm thẩm định giá, và chỉ chịu



- VVFC chịu trách nhiệm về tính hợp lý, trung thực, khách quan của kết quả tư vấn thẩm định giá phù hợp với các điều kiện tại thời điểm thẩm định giá, và chỉ chịu trách nhiệm về số lượng văn bản (bản chính và bản sao) do VVFC phát hành. Các bản sao không có xác nhận của VVFC đều không có giá trị. Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội căn cứ ý kiến tư vấn của VVFC xem xét, quyết định mức giá chào bán phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và tình hình thị trường.

- Chứng thư thẩm định giá này được giới hạn sử dụng bởi khách hàng được ghi trong Chứng thư thẩm định giá và chỉ có trách nhiệm với số lượng bản chính được VVFC cung cấp. Việc sử dụng bản chính/bản sao hoặc tham chiếu Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba mà không được sự đồng ý của VVFC đều không có giá trị. Khách hàng chịu trách nhiệm về việc sử dụng kết quả tư vấn thẩm định giá theo đúng mục đích ghi tại Mục 5 của Chứng thư thẩm định giá này. Trong mọi trường hợp VVFC không có trách nhiệm đối với bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba.

- Kết quả tư vấn thẩm định giá của VVFC là một trong những căn cứ để khách hàng có thông tin về mặt giá trị tài sản, không có ý nghĩa trong việc xác nhận quyền sở hữu/sử dụng tài sản. Chỉ khách hàng ghi cụ thể trong Chứng thư thẩm định giá này được sử dụng Chứng thư thẩm định giá. Các trường hợp sử dụng bản chính/bản sao hoặc tham chiếu Chứng thư thẩm định giá của bên thứ ba mà không được sự đồng ý của VVFC đều không có giá trị (trong mọi trường hợp VVFC không có trách nhiệm đối với bất cứ khiếu nại nào của bên thứ ba). Trường hợp khách hàng khiếu nại về kết quả tư vấn thẩm định giá, VVFC chỉ chịu trách nhiệm xử lý trong thời hạn có hiệu lực của Chứng thư thẩm định giá. Nghĩa vụ trách nhiệm nghề nghiệp của VVFC sẽ được xác định và giới hạn bởi giá trị Hợp đồng của Chứng thư thẩm định giá này.

- Kết quả tư vấn thẩm định giá của VVFC là một trong những căn cứ cơ sở cho việc xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu giữa Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội với Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn theo quy định hiện hành tại thời điểm 30/06/2025./

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VIỆT NAM VVFC**